No 116 Avril 1927

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

CHÍNH-TRỊ PHÁP-VIỆT

BÀN VỀ BÀI LUẬN CỦA ÔNG FONTAINE (1)

Ta đọc bài *Essai de politique indigène* của ông FONTAINE đăng báo *L'Avenir du Tonkin*, mà trong lòng bừng-bừng lên muốn phúc-đáp lại, cho được tỏ ý-hướng của quốc-dân, nhưng không biết chánh-phủ bảo-hộ có cho phép quốc-dân ta được nói không ?

Principes 89 mà quốc-dân Pháp đã tuyên-bố từ thế-kỷ thứ XVIII, khiến cả Âu-châu được hưởng quyền ngôn-luận tự-do, có lẽ nào quốc-dân ta chính là dân nước Pháp bảo-hộ, mà người Pháp lại không cho được quyền ấy. Vậy thì ta cứ nói, nếu chính-phủ bảo-hộ nghe lời ta nói mà thi-hành chính-sách cho thích-hợp với thời-cục, khiến tình thân-ái hai nước được lâu dài, chả hay lắm ru ? Nếu không nghe ta, thời là người Pháp tự che lấy tai của mình, để không được biết thấu tình thực quốc-dân ta, chứ không phải quốc-dân ta không có lòng trung-thành, mà không muốn nói thực.

Cõi Đông-Pháp nay chính là buổi khó-khăn, quả như lời ông FONTAINE nói, mà sở-dĩ thành ra khó-khăn như thế, không phải chỉ bởi những duyên-cớ ông đã nói đây, duyên-cớ ấy là duyên-cớ phụ mà thôi. Cuộc rối-loạn ở bên Tàu, thực có truyền-bá tư-tưởng độc-lập tự-do sang nước ta, mà quốc-dân ta sang tòng-chinh bên Pháp, ta cũng phải công-nhận có tiêm-nhiễm tư-tưởng của người Pháp, nhưng đều là việc mới mười năm nay. Những lời hứa của các quan Toàn-quyền, là nhắc lại lòng hi-vọng cuộc tương-lai của quốc-dân ta, chứ không phải quốc-dân ta bởi những lời hứa ấy mới sinh lòng kỳ-vọng. Còn bọn thanh-niên ta, nhờ giáo-dục mới mà có tư-tưởng khai-phóng, sự ấy thật thế, nhưng chỉ là một số ít trong quốc-dân ta. Vậy nên ta nói sự khó-khăn ở cõi Đông-Pháp ngày nay, không phải chỉ bởi những duyên-cớ ấy, duyên-cớ ấy là duyên-cớ phụ, chứ còn duyên-cớ chính nữa, mà nó đã nẩy mầm từ khi mới có cuộc bảo-hộ ít lâu, duyên-cớ chính là gì ? Là cái hồn mơ-màng của quốc-dân ta, đã nhờ ơn nước Pháp đánh thức dậy, mà tỉnh biết nước Việt-Nam là nước chung của hai mươi triệu dân Việt-Nam.

Từ thế-kỷ thứ X, quốc-dân ta thoát-li nước Tàu đô-hộ, mà tự-lập thành nước Đại-Cồ-việt, là lúc quốc-dân ta bắt đầu biết phiến đất mé bể Đông này là đất của mình, tư-tưởng ấy đến đời Trần càng phát-đạt, cho nên khi quân Minh bên Tàu sang ăn cướp, thời tất cả kỳ-lão trong nước, đồng-thanh xin đuổi đánh quân Minh ; nhưng tự đấy về sau, quân-quyền mỗi ngày một chuyên-

(1) Bài này bản-chí chủ-bút đã lược-thuật trong N.-P. số 114.

chế, dân-khí ngày càng tiêu-ma, đến bản-triều thời dân hầu không biết nước là nước của dân nữa.

Nếu nước Pháp bảo-hộ ta, mà lại là nước quân-chủ chuyên-chế như nước ta, thời có lẽ quốc-dân ta đến nay vẫn chửa thức dậy được, nhưng nước Pháp chính là nước đề-xướng dân quyền đầu cả thế-giới, mà đã lập lên một nước dân-chủ, hiến-pháp định chủ-quyền ở quốc-dân, cái lý-tưởng quang-minh chính-đại ấy soi sáng chói rọi vào óc quốc-dân ta, khiến quốc-dân ta tỉnh biết nước Việt-Nam chính là nước của mình. Chả những chính-thể nước Pháp làm cho quốc-dân ta phát-sinh lòng ái-quốc, mà những diễn-văn của các người Pháp, nói luôn đến chữ Tổ-quốc, đều là bài học rất cảm-động cho quốc-dân ta. Vì thế cuộc bảo-hộ chưa bao lâu, quốc-dân ta đã nhiều người trốn ra nước ngoài, vận-động cầu độc-lập, mà những sự phản-đối với chính-phủ bảo-hộ cũng thường xảy ra.

Duyên-cớ chính ấy tức là cái mầm rối-loạn, đã nẩy ra ở cõi Đông-Pháp từ lâu rồi, mà lại được những duyên-cớ phụ của ông Fontaine nói, để vun tưới thêm cho chóng phát-đạt, bởi đó mà gây nên sự khó-khăn ngày nay.

Ta chả cần nói sự khó-khăn thế nào, thời người Pháp cũng đã biết thừa đi rồi, ta chỉ bàn chánh-sách của nước Pháp đối với sự khó-khăn ấy, nên sửa-đổi cách nào cho được hoàn-thiện.

Cách đồng-hóa mà người Pháp đem thi-hành cho nước ta trước là bởi người Pháp không biết lịch-sử nước ta. nước ta nội-thuộc Tàu trải mấy nghìn năm, cùng một giống người, cùng một tôn-giáo, chả những tinh-thần đồng-hóa, đến vật-chất cũng đồng-hóa, mà chỉ quốc-giới không sao đồng-hóa được, kết-cục Tàu vẫn hoàn Tàu, ta vẫn hoàn ta, thời-kỳ nội-thuộc lâu biết chừng nào, mà nước Tàu không thu được hiệu-quả gì về sự đồng hóa. đủ chứng-minh giống người Việt-Nam, chỉ hóa văn-minh nước người ra văn-minh nước nhà, chứ không chịu hóa nước nhà ra nước người.

Ông Fontaine biết chính-sách đồng-hóa là lầm, vậy nên ông chủ-trương chính-sách hợp-tác, ông nghĩ đã chu-đáo lắm, cái công-ti Pháp-Việt dựng lên ở cõi Đông-Pháp, người Pháp làm quản-lý, người Nam làm cổ-đông, cùng mưu sự sinh-hoạt cho được thịnh-vượng; học thức ấu-trĩ như quốc-dân ta, mà được dự chân cổ-đông, đã vinh-hạnh lắm rồi, nhưng cách hợp-tác ông định thế nào? Chính-thể bảo-hộ bây giờ, các công-sở nào cũng có người Pháp làm chủ, mà người Nam làm phụ, coi ra hợp-tác lắm đấy chứ. Ý ông cho như thế, người Nam chỉ là người làm công cho công-ti Đại-Pháp đó thôi, chứ không phải là chân-chính hợp-tác, mà thực thế, chính quốc-dân ta cũng dự biết như thế. Vậy thì thế nào mới là hợp-tác, ta tưởng trừ ra chính-phủ bảo-hộ cho người Pháp người Nam trách-nhiệm cũng như nhau, quyền-lợi cũng như nhau, thời không gọi là hợp-tác được, chứ chỉ bàn-bạc với người Nam, thời Chính-phủ bảo-hộ nay đã làm rồi; nhưng người Nam có đủ tài học mà chịu trách-nhiệm ấy không? Ta sợ không đủ, thế thì hợp-tác sao được? Ví như một người mạnh, một người yếu, hai người cùng ước với nhau mang chung một vật gì nặng-nề kia, thế-tất người mạnh bao giờ cũng chịu khó nhọc hơn, mà có lẽ để người yếu ghé vai vào một phần, càng thêm làm bận cho mình nữa. Cách hợp-tác của ông, chắc không làm được, mà dù có làm thời kết-cục cũng lại đến hợp-tác hữu-danh vô-thực như bây giờ.

Thử xem lịch-sử hoàn-cầu, phàm nước lớn chiếm lấy một nước nhỏ,

chửa thấy nước nào hợp-tác được với nhau ; kìa như Anh lấy Ấn-độ, Mĩ lấy Phi-luật-tân, trải bao nhiêu năm, thế mà người Phi vẫn yêu - cầu độc-lập, người Ấn vẫn xướng chủ-nghĩa bất-cộng-tác, thời biết giống người khác, tính-tình khác, không sao hợp-tác được; cái công-lệ của các dân-tộc đều như vậy, chứ không phải một mình quốc-dân ta.

Hợp-tác tất không được, có lẽ «phân-tác» còn ổn hơn, nghĩa là người Pháp, người Nam đều làm riêng. Việc làm riêng thời trách-nhiệm mới chuyên, mà quyền-lợi không xung-đột, quyền-lợi không xung-đột thời tình thân-ái mới vững-bền ; như là binh-chính và ngoại-giao là việc quan-trọng, người Pháp tất phải tự làm, không làm chung với người Nam được, còn các việc nội-trị, nước Pháp để cho quốc-dân ta làm riêng, người Pháp chỉ giám-đốc các việc ta làm là đủ, không cần phải nhận làm lấy cả.

Cứ như chính-thể bây-giờ thời phàm các cơ-quan chính-trị trong nước ta, người Pháp chiếm hết cả, dẫu nước ta có vua, có quan, có Nghị-viện, nhưng chả qua chỉ có danh-biệu hão mà thôi, kỳ-thực không người nào có chút chính-quyền gì, làm như vậy có những sự tai-hại như sau :

1° Quốc-dân ta không được dự chính-quyền thì sinh lòng oán-vọng, lòng ấy cũng rất chính-đáng : một nước có lịch-sử, có văn-hóa tự gần nghìn năm, mà nay đến nỗi trụy-lạc như vậy, thời ai không phải đau-đớn, phương-chi ngọn cờ độc-lập phất-phơ luôn ở trước mắt, tiếng kêu đồng-chủng hò reo rầm cả ngoài tai, thời dù quốc-dân ta có tính điềm-tĩnh thế nào, cũng không khỏi cảm-động được, mà đã cảm-động thời có ngày phải phá-liệt, sự đó là lẽ tất-nhiên.

2° Những người có tài-học dù không bỏ nước nhà đi sang nước khác, mà có chịu một chức gì của chính-phủ bảo-hộ bổ-dùng nữa, nhưng nom thấy cuộc đời đảo-điên như vậy, thời lòng phải chán-nản mà không muốn làm hết bổn-phận của mình ; còn những kẻ tầm-thường lại lợi được trách-nhiệm không ở mình, mà cứ việc làm bậy, sự tham-nhũng ngày nay phát ra nhiều quá, chính bởi tại thế, quan tham bao nhiêu, thì dân càng oán chính-phủ bấy nhiêu.

Ta cũng phải thú thật rằng : quốc-dân ta gần nay oán chính-phủ bảo-hộ lắm, mà quan-trường nước ta cũng hủ-bại quá chừng. Nếu chính-phủ bảo-hộ nay giữ binh-quyền, và ngoại-giao quyền, còn các việc nội-trị trả quốc-dân ta, thời quốc-dân ta biết nước rất yêu, rất quí của ta, dẫu không được tự-chủ hoàn-toàn, nhưng cũng chưa đến nỗi mất hẳn, cần phải dựa vào chính-phủ bảo-hộ, để mưu sự tiến-bộ về sau, chả những lòng oán-vọng nước Pháp tự-nhiên tiêu dần, mà tình thân-ái nước Pháp lại càng mật-thiết lắm. Còn như quan-trường đều là có học-thức cả, thấy chính-phủ bảo-hộ cho quốc-dân ta được nội-trị, chắc ai cũng vui lòng làm việc, để báo-bổ cho Tổ-quốc nhà, người biếng cũng thành chăm, kẻ tham cũng hóa liêm, bao nhiêu những thói hủ-bại bây giờ phải tiêu-diệt hết.

Chính-phủ bảo-hộ đừng nghĩ quốc-dân ta học hãy còn hèn, chưa đủ sức đảm-đang các việc nội-trị, sức học-vấn của quốc-dân ta so với người Pháp thời kém thực, nhưng hơn bốn mươi năm nay nhờ nước Pháp dạy bảo, quốc-dân ta đã biết hơn trước nhiều, dẫu công việc nội-trị phiền-phức thế nào, quốc-dân ta cũng có thể làm được, mà nếu có sự gì khó-khăn lắm, thời đã có nhờ người Pháp dìu-dắt cho. Đứa trẻ mà đã biết đi, dẫu đi chưa vững

mặc lòng, người nuôi nó cũng nên cho nó tập đi dần, nếu sợ nó ngã mà cứ bắt nó ngồi yên, thời chân nó phải liệt đi, mà không bao giờ bước được nữa. Vả lại nó biết đi mà cứ cấm nó mãi, thế-tất nó phải kêu, phải khóc, có lúc nó ù té chạy, dù ngã đến chảy máu ra cũng cam-tâm, ấy tính bản-nhiên của người ta vẫn như thế.

Ta nói đến tiếng nội-trị, chắc người Pháp phải lấy làm lạ tai, nhưng không lạ đâu, chính hòa-ước năm 1884 là tờ giao-ước làm nguyên-bổn chính-thể bảo-hộ, đã minh-định như thế, nay quốc-dân ta chỉ yêu-cầu chính-phủ Pháp thực-hành hòa-ước ấy mà thôi.

Nhưng nội-trị phải làm thế nào bây giờ ? Ta phải định hiến-pháp mới vừa thích-hợp với đại-thế của thế-giới, mà cũng không trái với tính-tình phong-tục của nước ta.

Ta phải tổ-chức một chính-phủ mới, mà có trách-nhiệm để tổng-quản việc nội-trị cả toàn-quốc, những viên quan tổ-chức chính-phủ ấy đều chọn người có học-vấn, có lịch-duyệt, có đức-độ, mà quốc-dân vẫn tin-phục, chứ không kể hạng người nào.

Ta phải nhờ các quan Pháp làm cố-vấn, để chỉ bảo ta những điều mà ta chưa am-thục.

Phương-pháp ta nói đây, hình-thức thời là « phân-tác », mà tinh-thần chính là « hợp-tác », người Pháp giữ binh-quyền và ngoại-giao-quyền để chống-chọi với nước ngoài, còn người Nam thời giữ quyền nội-trị, để mưu tiến-hóa cho quốc-dân, ví như người chồng mạnh khỏe thì làm việc bên ngoài, người vợ yếu đuối, thời làm việc trong nhà, mà đều là hợp sức nhau làm cho nhà mình được thịnh-vượng, hợp-tác đến thế, mới là hợp-tác một cách chân-chính.

VIỆT-DÂN

MỘT QUYỂN SÁCH MỚI VỀ AI-CẬP VÀ ẤN-ĐỘ (1)

Les mouvements qui agitent aujourd'hui l'Asie sont obscurs, confus, dispersés et contradictoires ; mais ils existent. On ne les supprimera pas, mais on peut les canaliser et les diriger. L'Europe leur a donné des noms : ce n'est point faire assez. Elle devrait prendre la peine de les étudier de près, car ils mettent en jeu son influence et ses intérêts...

Vous êtes encore aujourd'hui les arbitres du monde, et il ne tient qu'à vous de le rester. Si vous entreprenez résolument en Asie une politique de sympathie, de collaboration et d'égalité, c'est le salut pour vous, c'est le progrès pour nous. Si vous insistez sur les différences de race et de couleur, si vous faites une politique de supériorité et d'exploitation, tous les peuples de l'Est, y compris la Chine et le Japon, finiront par se persuader que, ne pouvant *acquérir par vous* l'indépendance et le bien-être auxquels ils aspirent, ils devront les *conquérir sur vous et contre vous*. Alors, oubliant leurs rivalités et leurs désaccords, ils s'uniront. L'union des peuples orientaux sera-t-elle demain une réalité, et une réalité redoutable ? Cela dépend de l'Occident.

(*Un patriote indien*)

— Những cái phong-trào nó xô-đẩy cõi Á-châu ngày nay vẫn còn là ngấm-ngầm, còn là tạp-loạn cả, nhưng đích-thực là có, chứ không phải không. Muốn ngăn tiệt đi, không thể được, nhưng có thể khai-dẫn mà sử-linh được. Đối với những cái phong-trào ấy, Âu - châu chỉ biết mệnh-danh cho là thế nọ thế kia ; thế chưa đủ. Phải nên nghiên-cứu cho kỹ mới được, vì quyền-lợi thế-lực của Âu-châu còn hay mất là quan-hệ ở đó. . .

Người Âu-châu các ông ngày nay còn cầm cái quyền minh - chủ thế-giới ở trong tay ; quyền ấy từ nay còn hay mất chỉ ở các ông. Nếu các ông biết quả-quyết thi-hành ở A-châu một cái chính - sách thân-thiện, hòa-hiệp, bình-đẳng, thời các ông tự cứu được cho các ông, mà chúng tôi cũng nhờ đó được tiến-bộ. Nhược-bằng các ông cứ lấy cái thiên-kiến về chủng-tộc, về sắc da mà kỳ-thị chúng tôi, nhược-bằng các ông cứ theo cái chính-sách cậy tài cậy sức, chỉ vụ trục-lợi, thời tất cả các dân-tộc Đông-phương, kể cả nước Nhật nước Tàu, sẽ có ngày phải tự-cam rằng đã không nhờ cậy được các ông để mưu sự độc-lập, sự hạnh-phúc cho mình, tất phải phản-đối với các ông mà chiếm-đoạt lấy. Bấy giờ sẽ quên cả

(1) L'Inquiétude de l'Orient. Sur la route de l'Inde. Par MAURICE PERNOT — Librairie Hachette, 1927— 232 pages.

những nỗi hiềm-thù, những sự phản-trái nhau mà cùng nhau liên-hiệp lại. Cuộc liên-hiệp các dân-tộc Đông-phương để phản-đối lại Tây-phương, mai này có thể thành sự thực được không, mà sự thực đáng sợ không? Cái đó là tự ở Tây-phương vậy.

(Lời một nhà chí-sĩ Ấn-độ)

. . .

Những sách nói về các nước Đông-phương mà tình-thế cảnh-ngộ cũng gần giống như nước ta, như Ai-cập, Thổ-nhĩ-kỳ, Ba-tư, Ấn-độ, Tàu, Phi-luật-tân, chúng ta nên để ý đọc cho biết qua, không phải là không có ích. Các nước ấy đều là thuộc về lối văn-minh khác với văn-minh Tây-phương mà ngày nay phải miễn-cưỡng cải-cách theo Tây-phương, hoặc bị người Tây-phương chiếm-lĩnh quản-trị, tình-cảnh có điều khó-khăn nguy-hiểm, dẫu trạng-thái bày ra có khác với ta mà căn-nguyên sâu-xa thời cũng là một: cũng là chịu cái vạ Á-Âu xung-đột mà đến đảo-điên điên-đảo hết cả. Các nước ấy ở trong cảnh-ngộ ấy xử-trí ra thế nào, ta nên biết lắm, vì tức là một bài học rất hay cho ta vậy.

Ông MAURICE PERNOT là một nhà làm báo làm sách ở Pháp, năm 1924-1925 có đi du-lịch Ai-cập (*Egypte*) và Ấn-độ (*Inde*), khi về nước viết du-ký, mới rồi in thành sách, đề là: « Sự khủng-hoảng của Đông-phương.— Trên đường Ấn-độ » (*L'Inquiétude de l'Orient. Sur la route de l'Inde*). Sách xem ra quan-sát cũng tinh, phán-đoán cũng đúng, có vẻ bình-tĩnh, vậy nên tóm lược qua ra đây để giới-thiệu cho các độc-giả.

Sách có sáu thiên, chia ra hai phần, phần thứ nhất hai thiên nói về Ai-cập, phần thứ nhì bốn thiên nói về Ấn-độ.

Tác-giả đến Ai-cập vào khoảng tháng chạp năm 1924, mấy tuần lễ sau việc ám-sát quan Nguyên-soái Tổng-binh Anh ở Ai-cập, SIR LEE STACK. Tình-hình Ai-cập bấy giờ đương bối-rối, người Ai-cập thì cố đòi cho được độc-lập, người Anh thời cố trì-hoãn không muốn cho, hai bên đương gằng nhau lắm, bọn quá-khích đến phải dùng cách bạo-động.

Nguyên Ai-cập trước thuộc quyền bảo-hộ nước Thổ-nhĩ-kỳ, nhưng người Anh vẫn có quyền-lợi to ở đấy và vẫn có ý dòm-dỏ đã lâu. Ngày 18 tháng 11 năm 1914, nhân nước Thổ về bè với Đức, khai-chiến với Đồng-minh, nước Anh thừa-cơ tuyên-bố rằng Ai-cập không có quan-hệ gì với Thổ nữa và tự-nhận lấy quyền bảo-hộ về mình. Phó-vương (*khédive*) ABBAS HILMI nghi có tình-ý với Thổ bị phế và lập thân-vương HUSSEIN KAMEL làm vua (*sultan*) Ai-cập. Anh công-nhiên nói rằng chỉ giữ quyền bảo-hộ tạm-thời trong khi chiến-tranh, chiến-tranh xong thì thôi. Khi chiến-tranh xong, Ai-cập đòi độc-lập; Anh không dám chối lời hứa cũ, nhưng cứ dùng-dằng bắt chờ đợi mãi. Người Ai-cập lấy làm sốt ruột, phó nghị-trưởng Hội-nghị Lập-pháp là ông SAAD ZAGLOUL bèn xướng-lập ra một « phái-bộ » thường-trực tên là *Wafd* để đối với Hội Nghị-hòa của Đồng-minh yêu-cầu độc-lập cho Ai-cập, nhưng chính-phủ Anh không cho phép phái-bộ sang Âu-châu, người Ai-cập lại càng lấy làm bất-bình lắm, bèn nổi loạn lên. Chính-phủ Anh đem đầy ông SAAD ZAGLOUL và mấy người lãnh-tụ khác trong đảng ái-quốc ra đảo *Malte*. Cách áp-chế ấy lại càng làm cho dân Ai-cập tức giận, một lòng nổi lên phản-đối người Anh. Công-dân nông-dân cũng đồng lòng với đảng học-sinh; người *Coptes* theo đạo Thiên-chúa cũng tự-nguyện kết-liên với dân Hồi-giáo

Nói tóm lại là cả dân Ai-cập đều nhất-ban nổi loạn ; người Anh phải dụng hết võ-lực mà cũng không dẹp cho yên hẳn được. Đầu năm 1919, thủ-tướng Anh LLOYD GEORGE phái tướng ALLENBY sang làm toàn-quyền Ai-cập và giao cho cái trách-nhiệm phải giữ trật-tự cho yên-ổn. Bấy giờ không dùng cách đàn-áp nữa, giở ra cách thương-thuyết ; ZAGLOUL và các bạn đồng-chí phải đi đầy ở đảo *Malte* được về nước cả. Phái-bộ Ai-cập được phép sang Âu-châu, tới *Paris* là nơi đương họp hội Nghị-hòa. Người Ai-cập vẫn đinh-ninh rằng trong việc yêu-cầu độc-lập này thế nào cũng được Giám-quốc Mĩ WILSON tán-trợ cho ; ngờ đâu đến *Paris* lại bị Giám-quốc khước đi không chịu giúp. Người Ai-cập bấy giờ không hiểu đầu đuôi thế nào nữa. Trong khi ấy thì chính-phủ Anh phái sang Ai-cập một hội ủy-viên để điều-tra mọi việc, chánh ủy-viên là chính tổng-trưởng bộ Thuộc-địa LORD MILNER. Hội-đồng tra xét trong bốn tháng (từ tháng chạp năm 1919 đến tháng ba 1920), về Anh làm tờ báo-cáo cho chính-phủ, kết-luận rằng nước Anh không thể giữ quyền bảo-hộ ở Ai-cập lâu được nữa, nên phải kíp cho Ai-cập độc-lập, duy chửa được hoàn-toàn độc-lập ngay, và phải định mấy điều-kiện cho phân-minh vậy. Chính-phủ Anh thuận lấy lời bá-cáo ấy làm căn-cứ mà thương-thuyết với đại-biểu Ai-cập ở Luân-đôn, thương-thuyết hai kỳ, kỳ thứ nhất từ tháng 6 đến tháng 8 năm 1920 với SAAD ZAGLOUL, kỳ thứ nhì từ tháng 7 cho đến tháng 11 năm 1921 với ADLY PACHA. Nhưng hai lần cũng không thành chuyện gì cả. Trong khi ấy người Ai-cập vẫn náo-động. — Tự ngày 15 tháng chạp năm 1921 đến ngày mồng 1 tháng 3 năm 1922, trong nước không có chính-phủ, vì không có nhà chính-trị Ai-cập nào chịu đứng ra tổ-chức nội-các, LORD ALLENBY lại xoay ra dùng cách đàn-áp ; ngày 23 tháng chạp ông hạ lệnh bắt ông ZAGLOUL đầy ra quần-đảo *Seychelles* ; các tay lãnh-tụ trong đảng ái-quốc đều bị tống-giam cả. Cả nước Ai-cập bấy giờ nổi lên phản-đối, loạn tứ-tung, lại phải dùng đến võ-lực để dẹp. Sau chính-phủ Anh biết rằng không thể cưỡng được lâu nữa mới phải đành chịu vậy. Thủ-tướng CURZON cho đòi tướng ALLENBY về Anh để bàn việc, tướng ALLENBY quả-quyết xin hai điều : một là dùng cách đàn-áp thì phải cho đông ở Ai-cập 6 sư-đoàn 15 vạn người ; hai là nếu không có đủ số quân ấy thời nên thuận theo lời yêu-cầu của người Ai-cập mà cho họ độc-lập. Anh không có được 15 vạn quân cho tướng ALLENBY, bất-đắc-dĩ ngày 28 tháng 2 năm 1922 phải thuận nhận cho Ai-cập được độc-lập. Tuy-nhiên sự độc-lập chưa được hoàn-toàn : nước Anh còn giữ lấy 4 điều quan-trọng để điều-đình với Ai-cập sau này : một là sự phòng-bị cho đường giao-thông ở trên Vận-hà *Suez* ; hai là sự bảo-hộ cho quyền-lợi của người ngoại-quốc kiều-cư ở Ai-cập ; ba là sự bảo-hộ cho các « thiểu-số dân-tộc » (*minorités ethniques*) ; bốn là cái chế-độ riêng về đất *Soudan*. Hễ bốn điều ấy chưa điều-đình được thỏa-thuận hai bên thì quân-đội của Anh vẫn cứ đóng ở Ai-cập. Phái ôn-hòa, lãnh-tụ là SAROIT PACHA, thuận nhận lời tuyên-bố độc-lập như thế, vua FOUAD lên thay vua HUSSEIN cũng bằng lòng. SAROIT PACHA lại thuận ra tổ-chức một nội-các nữa. Nhưng đảng quốc-gia thì nhất-định không chịu, bác cách điều-đình đó là trái với quyền tự-chủ của nước Ai-cập, không nhận vua FOUAD và lại càng hết sức vận-động phản-đối. — Tuy-nhiên người Anh vẫn đề-huề với đảng ôn-hòa, cùng thảo một bản hiến-pháp, đặt ra một nội-các có trách-nhiệm để cầm quyền chính-phủ, và hai nghị-viện, một nghị-viện thì bầu

theo cách phổ-thông-đầu-phiếu, một nghị-viện thì một phần là bầu-cử, một phần là do nhà vua ủy-nhiệm. Cuộc tuyển-cử thứ nhất vào hội Lập-pháp kết-quả được 190 người về đảng ông ZAGLOUL và có 21 người về đảng ôn-hòa mà thôi. Ông ZAGLOUL bấy giờ đã được về nước, theo hiến-pháp ngày 23 tháng giêng năm 1924, vua ủy cho ông lập nội-các mới. Nội-các mới đã thành, bấy giờ cũng muốn châm-chước mà điều-đình cho xong bốn cái điều còn để riêng lại như trên kia. Ông ZAGLOUL bèn đi Luân-đôn để thương-thuyết với thủ-tướng Anh MAC DONALD. Hai người còn là bàn chuyện riêng với nhau, chứ chưa phải công-nhiên thương-thuyết, từ ngày 26 tháng 9 đến mồng 4 tháng 10 năm 1924. Nhưng xét ra không thể đồng-ý nhau được. ZAGLOUL bèn về Ai-cập, giữa lúc nội-các MAC DONALD bị đổ và nghị-viện Anh phải giải-tán (ngày mồng 9 tháng 10). Nghị-viện mới bầu-cử lại thì đảng bảo-thủ được chiếm phần hơn và một nội-các thuộc đảng ấy lên cầm quyền nước Anh. Thế là cái hi-vọng hoàn-toàn độc-lập của người Ai-cập chưa biết đến bao giờ thực-hành cho được. Đảng quá-khích Ai-cập lấy làm căm-tức quá; ngày 18 tháng 11 thì nguyên-soái tổng-binh Anh bị ám-sát như trên kia đã nói. Toàn-quyền Anh ALLENBY gửi tối-hậu-thư cho chính-phủ Ai-cập; ZAGLOUL không chịu phải từ chức. Vua đồng-ý với Toàn-quyền cử ông ZIWER PACHA lập nội-các mới (ngày 24 tháng 11 năm 1924).

Tác giả đến Ai-cập giữa hồi bấy giờ là lúc tình-hình đương bối-rối lắm. Ông tìm giao-tiếp với các bậc yếu-nhân, như thủ-tướng ZIWER PACHA, nội-vụ tổng-trưởng SEDKY PACHA, lĩnh-tụ đảng ái-quốc ZAGLOUL PACHA, v. v., cho chí cả Toàn-quyền Anh là tướng ALLENBY, để hỏi-han ý-kiến và dò xét tình-hình. Nay không thể thuật hết được những lời ông nói chuyện với các bậc ấy, chỉ tóm-tắt lại đây ý-kiến của một ông nghị-viên Ai-cập buôn-bán to ở thành *Alexandrie* và một ông chủ nhà băng Ai-cập ở kinh-đô *Le Caire*, hai người tuy cũng có can-thiệp vào việc chính-trị, nhưng đều là tay thực-nghiệp to, phán-đoán về việc chính-trị biết giữ cái phương-diện khách-quan, có ý công-bằng và xác-đáng hơn.

Ông nghị-viên thì nói rằng: « Nước Anh đột-nhiên cho Ai-cập được độc-lập ngay, nhất-đán tặng cho một cái hiến-pháp bình-đẳng tự-do như các nước Âu-tây, thế là cái mưu của Anh đã rõ lắm, mưu ấy rất nguy-hiểm. Người Ai-cập chúng tôi đối với nước Anh khác nào như đứa con trẻ yếu-ớt cha mẹ vẫn giữ-gìn nâng-giấc từng tí thường khuyên răn: Con đừng ăn cái này nhớ, con đừng làm cái kia nhớ; con ra chơi ngoài vườn thì đừng đi khỏi cái cây kia nhớ, cho bao giờ cũng trông thấy luôn... Đương giữ-gìn từng tí như thế, vụt chốc bỏ mặc cho được tự-do. Chắc là thế nào cũng không khỏi lạm-dụng cái tự-do đó, vì đã ai từng dạy cho biết dùng tự-do bao giờ. Bấy giờ có làm bậy mới mắng dữ chửi già, lấy dây da, lấy thắt lưng mà chằng mà buộc lấy, không cho bước ra ngoài một bước nữa, nói rằng: Mày trông đấy, mày đã biết đi đâu mà dám đòi đi! — Ấy cái mưu của người Anh như thế. Mưu ấy người Ai-cập không nên mắc mới phải. Thế mà ông ZAGLOUL chúng tôi lại để đến mắc mưu của họ. Ông là một bậc lỗi-lạc thật: có trí thông-minh, có sức kiên-nghị, có tài hành-động. Nhưng ông ham danh-vọng lắm, ông ham danh-vọng mà ông lại có cái tính thiên về đảng-phái, cho nên có khi những cả việc khác không nghĩ tới. Giá như người khác đã thông tỏ việc nước như ông, khi đến Luân-đôn tất gia sức thương-thuyết, gia sức thảo-luận, cò-kè bớt một thêm hai, dùng

hết mánh-khoé, cho được ít nhiều mới nghe. Ông thì không thế, ông muốn đòi cả một lúc, thành ra không được tí gì, rút cục xôi hỏng bỏng không cả. Trong khi thương-thuyết với người Anh tựa-hồ như ông chỉ nghĩ đến cái danh-giá của ông khi về nước, nếu được toàn-thắng thì quốc-dân hoan-nghênh thế nào và khi ra nghị-viện diễn-thuyết tuyên-bố sẽ được vẻ-vang thế nào. — Hoặc-giả nói nhân những việc xảy ra độ mới rồi, ông ZAGLOUL có mất thế-lực đi ít nhiều. Nói thế không phải. Ngày nay cả dân Ai-cập cũng vẫn phục ông lắm. Nhưng ông định giắt dân đi đâu? Dân Ai-cập có mười-bốn triệu người mà không được một triệu biết đọc biết viết. Nhưng bọn đó tưởng rằng dã tài giỏi lắm, việc gì cũng có thể làm nổi được. Ông ZAGLOUL bảo họ rằng: «Ai-cập phải độc-lập mới được, Ai-cập được độc-lập hẳn-hoi đó.» Bọn đó tin như thế và hành-động ra cách độc-lập lắm. Thủ-bất-tri ở thế-giới này có nước nào là hoàn-toàn độc-lập, có nước nào là không phải cần đến nước khác. Thứ nhất là Ai-cập lại phải cần đến Âu-châu, cần đến nước Anh lắm. Cái tình-thế trong nước khiến nên như thế, phải nói cho dân biết là một sự bất-đắc bất-nhiên, chứ không phải là sự cam-tâm nô-lệ chi. Cái chính-sách của người Anh ở đâu cũng vậy, ở Ai-cập cũng vậy, chỉ biết làm đường lộ, đặt hỏa-xa, đào sông cống; nhưng không mở trường học, không đặt quân-bị cho dân. Thành ra dân chúng tôi trí-dục thể-dục đều là thiếu-thốn cả. Hiện nay Ai-cập võ-bị được bao nhiêu? Chừng bốn vạn người, mà đạn-dược thì dùng độ 24 giờ là hết, giá người Hi-lạp đem độ một chiếc chiến-hạm vào trước cửa sông Vận-hà thì thật không biết lấy gì mà ngăn-cản được. — Ngày nay bọn học-sinh Ai-cập chỉ chăm việc cách-mệnh, nhãng bỏ cả sự học-hành. Các bậc lãnh-tụ cũng không khuyên-bảo cho bọn thanh-niên biết rằng muốn cho nước được độc-lập, muốn cho được độc-lập mà giữ được mãi, thì cốt nhất là phải học cho biết; phải bồi-bổ cho thân-thể và cho tinh-thần, phải biết giữ phép-tắc, theo kỷ-luật mới được.»

Ông chủ nhà băng tên là TALAAT BEY, có chân Thượng-nghị-viện. Ông là người sáng-lập và quản-lý nhà băng *Misr*, nghĩa là Ai-cập-ngân-hàng. Ngân-hàng này là nhà băng thứ nhất của người Ai-cập chủ-trương, tiền vốn người làm toàn là Ai-cập cả. Khi tiếp chuyện với tác-giả ông liền nói rằng: «Tôi không muốn nói chuyện chính-trị với ông. Trong sở tôi, tôi cấm cả người làm không được nói chính-trị, tôi phải làm gương cho họ bắt-chước.» — Rồi ông liền nói đến việc nhà băng của ông, sở-dĩ làm sao mà năm năm nay ông quyết-định mở ra một ngân-hàng ở kinh-đô Ai-cập, ngày nay phát-đạt được như thế, suốt trong nước đâu cũng có chi-điểm. Vốn của nhà băng khi lập ra chỉ có tám vạn *livres* Ai-cập, mà đến đầu năm 1925 thì tăng lên được 50 vạn. Nhờ có tiền lãi, không những lập được một khoản trừ-bị thường theo điều-lệ là hai vạn *livres* và một khoản trừ-bị phi-thường là ba vạn năm ngàn, mà lại còn đặt được một cái quĩ riêng năm vạn *livres* để chấn-hưng cho các công-nghệ trong nước. Nhà băng lại đảm-bảo cho một sở in sách và một công-ti sợi. TALAAT BEY nói rằng: «Việc chúng tôi làm mà thành được như ngày nay, là nhờ dân có lòng tin, người nhà quê thường đem tiền đến gửi chúng tôi, mùa bông đến, có cần chúng tôi lại cho vay. Cách cho vay rất nhẹ, hồi đầu đã có người cho rằng rẻ quá không ăn thua gì, nhưng nghiệm ra mới biết làm thế là phải.» — Ông chủ nhà Băng này tuy không chuyên-chủ về việc

chính-trị mà thực là một nhà ái-quốc chân-chính, duy giữ cái thái-độ ôn-hòa, không ưa những cách cấp-tốc như các phái khác, thế mà có lẽ lại được việc cho nước hơn nhiều. Hiện ông có lập một sở diễn-kịch ở kinh-đô để khôi-phục lại các cổ-kịch trong nước ; ông lại định mở một câu-lạc-bộ cho người Ai-cập ở *Paris*. Trong việc doanh-nghiệp thì ông là một tay tiến-thủ rất bạo, thế mà trong cách cư-xử trong gia-đình thì ông lại là một người bảo-thủ, muốn giữ lấy những nền-nếp cũ, không ưa những lối-lăng mới của Âu-tây. Ông thường nói rằng : « Con gái tôi, tôi muốn giáo-dục theo lối cũ như các bà các cụ tôi ngày xưa vậy. » Cái chủ-nghĩa của ông về việc nước tóm lại trong một câu như sau này : « Ai-cập muốn độc-lập, trước nhất phải độc-lập về đường kinh-tế. » Sự-nghiệp của ông chính là khuynh-hướng về mục-đích đó vậy.

Về phần riêng tác-giả kết-luận về việc Ai-cập có phán-đoán mấy câu như sau này : « Tôi xét ở Ai-cập ngày nay, lòng ái-quốc trong dân-gian thì nồng-nàn hăng-hái lắm, ai ai cũng nhiệt-thành mong-mỏi cho nước được hoàn-toàn độc-lập, nhưng trên chính-cục, trong chính-giới thì lại hỗn-độn lắm, và không khỏi có cái vẻ tầm-thường nhỏ-nhen thường xuất-hiện ra những cách vận-động loạn-tạp và vô-ích. Chính-đảng thì có, lãnh-tụ cũng có, nhưng chẳng có đảng nào, chẳng có người nào là có chương-trình nhất-định cả. Bậc lãnh-tụ nào được lên cầm quyền, thì chỉ mong làm ơn cho đồ-đảng mình, cho thân-thuộc mình, cho việc làm, cho tước-vị, cho bổng-lộc, chỉ dùng cách đó để giữ lấy địa-vị mà thôi. Xem như ông Zagloul là một người rất thanh-liêm chính-trực, rất nhiệt-thành yêu nước, thế mà ra cầm quyền cũng không khỏi cái tật ấy được. Thành ra cái chính-sách của kẻ đương-đạo thì gồm lại có hai câu: một là siểm-mị công-chúng, hai là huyễn-diệu quốc-dân. Làm thế để mong giữ được địa-vị, chứ còn xuất thực-lực để mưu việc ích-quốc lợi-dân thì không mấy người nghĩ đến. »

Nay việc Ai-cập chẳng qua là một phương-diện riêng trong một cái vấn-đề lớn-lao, là vấn-đề Đông-phương và Tây-phương tiếp-xúc với nhau. Tây-phương từ mấy thế-kỷ nay ỷ ở sức mạnh máy-móc, lại cũng tự-phụ rằng có cái văn-hóa hay hơn, ngày ngày cứ lấn-láp sang Đông-phương, khiến cho các dân-tộc Đông-phương ngày nay không còn dân nào là giữ được hoàn-toàn tự-do độc-lập. Trước kia vẫn chịu ép một bề, nay mới dần dần tỉnh-ngộ ra, lấy cái tình-cảnh eo-hẹp ấy làm đau-đớn. Đối với cái phong-trào mới ấy, Tây-phương phải xử-trí ra thế nào? Theo ý tác-giả thì Tây-phương phải nhận-chân lấy cái chức-trách của mình, là phải giúp cho các dân-tộc khác được mau tấn-tới trong cõi văn-minh. Ông nói rằng: « Trong cách Âu-châu đối-đãi với các dân-tộc Đông-phương ngày nay, phải theo một cái tôn-chỉ như sau này là các dân-tộc ấy thường là những dân hiếu-học mà Âu-châu đã tự-nguyện rằng muốn giúp cho các dân ấy được mau tiến-hoá, thì phải chỉ-dạy cho họ một cái phương-pháp đoàn-luyện tinh-thần thế nào cho phát-siển được hết cái quốc-túy của họ, chứ chớ hề nên cưỡng-bách hay là đàn-áp người ta. Âu-châu không nên đồng-hóa các nước Đông-phương, cũng không nên kiêm-tính sáp-nhập với mình, nhưng phải mở-mang mà đưa giắt cho đến cõi sáng-sủa. Nhiều các dân-tộc Đông-phương xưa kia về đường học-thuật, mĩ-thuật, tôn-giáo, chính-trị, đã tới một cái trình-độ cao hơn bây giờ nhiều, như vậy thì

cái công giáo-hóa của Tây-phương lại càng khó-khăn lắm. Thường không phải làm mới mà chỉ khôi-phục lại cái cũ cũng đã hay rồi. . .»

Câu sau cùng đó tưởng cũng có ý-vị lắm vậy. Về đường văn-hóa, cái trách-nhiệm của Tây-phương đối với Đông-phương nhiều khi không phải là đem cái mới của mình mà giáo-hóa người ta, thường là giúp cho người ta biết nhận-chân lấy cái văn-minh cố-hữu của Đông-phương, rồi thì dùng những phương-pháp mới mà phát-siển nó ra. Thật thế, người Tây muốn giáo-dục chúng ta cho phải đường thì nhiều khi không cần phải dạy cái mới cho ta bằng giúp ta khôi-phục lấy cái cũ của ta, cái cũ ấy vì bấy lâu nay ươn-hèn để đến mai-một đi mất. Song ta cầu-vọng ở Tây-phương như thế, chẳng là trách-bị quá lắm dư? Tây-phương chỉ có thể truyền-bá cho ta cái văn-minh của Tây-phương mà thôi, lẽ đâu lại dạy lại được ta cả cái văn-minh của ta nữa? Tuy-nhiên, Tây-phương có tài tổ-chức, có phép khoa-học, tức là cái lợi-khí dùng để suy tìm sự-thực, có thể giúp ta vãn-hồi khôi-phục lấy cái văn-hóa cũ của ta được. Xem như các nhà bác-học Âu-tây gia-công khảo-cứu các cổ-tích Ai-cập, phát-minh được ra cái văn-hóa rực-rỡ đời xưa thì đủ biết vậy,

∴

Tác-giả ở Ai-cập rồi sang Ấn-độ. Ông đi suốt từ nam đến bắc, tự đông chí tây, tự đảo *Ceylan* đến thành *Delhi* là kinh-đô mới, tự *Calcutta* là kinh-đô cũ đến *Bénarès* là thành Xá-vệ đời xưa mà bây giờ vẫn là nơi chốn tổ đạo Ấn-độ ở trên sông Hằng-hà, tự *Madras* là cửa bể lớn ở cõi đông-nam đến *Bombay* là cửa bể lớn cõi tây-bắc; lại các nơi cổ-thành cổ-tích ở trung-bộ Ấn-độ như *Hayderabad*, *Golconde*, ông cũng đã từng đi qua cả, nhiều đoạn tả về phong-cảnh rừng núi, cung-điện đền-đài, thuật về phong-tục thổ-dân, cảm-tưởng du-khách, văn-chương cũng có lý-thú và có đặc-sắc lắm. Song đây ta không xét về phương-diện du-lịch mà muốn xét riêng về chính-trị của Ấn-độ thế nào. Ấn-độ ngày nay cũng ở trong cái tình-trạng khủng-hoảng như các dân-tộc Đông-phương khác; đối với tình-trạng ấy, người Ấn-độ xử-trí ra thế nào?

Cái tình-trạng khủng-hoảng ở Ấn-độ kể phát-hiện ra đã ba bốn mươi năm nay, từ khi người Ấn-độ bắt đầu yêu-cầu quyền chính-trị với chính-phủ Anh và lập ra Quốc-gia đại-hội-nghị tự năm 1885. Nhưng mới trở nên kịch-liệt là từ sau cuộc Âu-chiến năm 1914-1918 vừa rồi. Từ trước cho đến cuộc Âu-chiến, người Ấn-độ còn có lòng tin cậy ở nước Anh, từ sau cuộc Âu-chiến đến ngày nay thì không còn tin nữa, mà dần dần thành ra thất-vọng. Cái tình-trạng bối-rối ở Ấn-độ ngày nay là chính ở cái lòng thất-vọng của người Ấn-độ đối với nước Anh đó vậy.

Khi nước Anh hữu-sự bên Âu-châu, cổ-động cho các thuộc-địa đem tiền đem người sang giúp, Ấn-độ cũng một lòng trung-thành quyên tiền mộ người để sang giúp mẫu-quốc, trước sau gửi sang Anh có tới 985 000 người, vừa chiến-binh vừa công-binh, cũng tưởng rằng hết lòng giúp lúc hữu-sự rồi sau tất được đền-bồi, chẳng thiệt đi đâu. Người Ấn-độ mong rằng việc chiến-tranh xong rồi, nước Anh tất mở rộng cho mình được tự-do vậy. Người Anh cũng khéo lợi-dụng cái lòng hi-vọng đó mà hứa cho những sự xa-xôi. Lại giữa lúc bấy giờ ông Giám-quốc WILSON nước Mĩ xướng lên 14 điều, mà điều thứ nhất là tuyên-bố cho các dân-tộc được tự-quyết, khiến cho

lòng hi-vọng của người Ấn-độ lại càng nồng-nàn lắm vậy. — Nhưng hi-vọng càng to bao nhiêu, thất-vọng lại càng đau bấy nhiêu. Tháng 11 năm 1917 và tháng 8 năm 1918 hai lần quốc-gia hội-nghị Ấn-độ yêu-cầu cho đặt chính-thể đại-nghị ở Ấn-độ, nghĩa là xin cho bầu Nghị-viện để thay mặt dân tham-dự việc nước, chính-phủ Anh không cho, dân nổi loạn lên. Tự khi có việc chiến-tranh chính-phủ có đặt luật đặc-biệt để phòng giữ việc trị-an trong bản-xứ, luật này định chỉ thi-hành trong khi chiến-tranh mà thôi, bao giờ chiến-tranh xong sẽ bãi đi; bấy giờ nhân trong dân-gian có ý muốn bạo-động, chính-phủ bèn nghị-định tăng kỳ-hạn các luật ấy. Nghị-định ấy tức gọi là *Bills Rowlatt* đem ra hội-nghị lập-pháp xét hồi tháng 2 năm 1919, hội-nghị bác đi, nhưng chính-phủ không chịu. — Bấy giờ dân công-nhiên nổi loạn; ở kinh-đô, ở *Bombay*, ở *Lahore*, ở *Amritsar*, đồng-thời đều xảy ra sự bạo-động: như ở *Amritsar* nhân-dân định mở một cuộc «mết-tinh», quan binh cấm không cho phép, dân cứ họp, quan binh lấy cớ đó truyền cho quân-lính bắn chết nhiều lắm. Công-chúng không có khí-giới, đương họp nhau ở trong một khu đất nhỏ, tướng DYER đề binh đến, truyền cho cứ chĩa súng tay bắn vào trong giữa đám đông đó, chết mất 379 người và bị thương mất 1200 người. Được tin ấy cả dân Ấn-độ nổi lòng công-phẫn. Bấy giờ mới xuất-hiện ra một người tiêu-biểu cho cái hồn ái-quốc của dân Ấn-độ, người ấy là ông GANDHI. Ông ra đứng đầu đảng phản-đối, nhưng ông là một người giàu lòng tôn-giáo, hết sức khuyên đồ-đảng không nên bạo-động, ông đề-xướng lên cách « tiêu-cực phản-kháng » (*satyâgraha*), nghĩa là phản-đối mà không dùng cách bạo-động. Theo chủ-nghĩa của ông thì người ta không thể cam-tâm mà chịu cái ác, đối với cái ác thà bạo-động mà phản lại còn hơn là khiếp-nhược mà đành chịu. Nhưng còn có cách hay hơn cách bạo-động, là cái thái-độ ôn-kiện kiên-nghị, bởi lòng từ-bi quảng-đại mà ra. Ông nói rằng: « Ta lấy lòng từ-bi quảng-đại, có thể giúp cho công-lý đắc-thắng». Chính-phủ Anh dùng những thủ-đoạn ma-quái, làm nên tội ác tầy đình, người Ấn-độ không nên lấy sự phiến-loạn, sự sát-lục mà đối lại, phải nên dùng cách « bất-hiệp-tác », đề-chế các trường học, các tòa án cùng các hội-nghị, lại lâm-thời có thể dùng cách « bất-phục-tòng», như không chịu đóng thuế, không chịu tuân luật-lệ, vân-vân. — Ở Ấn-độ, trong dân-gian xưa nay vẫn chia ra hai phần, phần theo Ấn-độ-giáo là phần nhiều nhất, và phần theo Hồi-giáo, hai bên vẫn xung-đột nhau, không có hòa-thuận bao giờ. Nay dân Ấn-độ phản-đối như thế, chính-phủ Anh có thể tựa vào phần dân Hồi giáo để chống lại không? Trong khi chiến-tranh thì dân Hồi-giáo vẫn trung-thành với chính-phủ; người Anh dùng để đánh Thổ-nhĩ-kỳ là nước đồng-văn đồng-giáo, cũng không từ. Kịp đến khi đế-quốc Thổ-nhĩ-kỳ bị tan, cũng không hề thấy cảm-động gì cho lắm. Nhưng khi chiến-tranh xong, thấy quân Đồng-minh đến chiếm kinh-đô Thổ là thành *Constantinople*, đem người Hi-lạp đến để đàn-áp dân Thổ, rồi bao nhiêu những nơi thánh-địa của đạo Hồi thuộc quyền quản-hạt Thổ-nhĩ-kỳ trước không trao lại cho dân Hồi mà lại phân-phát cho các nước Âu-tây chiếm lĩnh, thời bấy giờ dân Hồi ở Ấn-độ mới hiểu rằng thiên hạ đánh lừa mình, cũng nổi công-phẫn lên, quên cả những nỗi hiềm-thù cũ, đồng lòng hiệp-lực với dân Ấn-độ để phản-đối chính phủ Anh. Khi Thủ-tướng Anh LLOYD GEORGE ức người Thổ bắt ký hòa-ước *Sèvres*, lại xui quân Hi-lạp sang chiếm đất *Anatolie* của Thổ, thì lòng công-phẫn ấy lên đến cực-điểm,

Bọn thực-dân Anh ở Ấn-độ biết sự nguy-hiểm đến nơi, mấy phen gửi lời cảnh-cáo về Luân-đôn, nhưng chính-phủ không nghe. — Ngày 24 tháng chạp năm 1919 Quốc-dân hội-nghị Ấn-độ họp ở *Amritsar*, tuyên-bố Ấn-độ có liên-lạc với Ba-tư, Ai-cập và Thổ-nhĩ-kỳ, và dân Ấn-độ-giáo đồng-tình với dân Hồi-giáo để yêu-cầu cho quyền chúa-tể trong đạo Hồi được hoàn-toàn độc-lập. Lãnh-tụ đảng Hồi-giáo là hai anh em họ ALI (MOHAMMED ALI và CHAUKAT ALI) liên kết-liên hiệp-lực với lãnh-tụ đảng Ấn-độ-giáo là ông GANDHI để công-kích chính-phủ Anh và đòi cho Ấn-độ được tự-do độc-lập. — Bấy giờ bọn cầm quyền ở Luân-đôn mới hiểu rằng tình-thế nguy vậy, và cần phải tìm cách bổ-cứu ngay. Hai năm trước Tổng-trưởng bộ Ấn-độ là ông MONTAGU đã thân-hành sang tra xét tận nơi kỹ-càng cẩn-thận lắm và có làm một bản báo-cáo nói rõ nên cải-cách thế nào. Quan Tổng-đốc Ấn-độ hồi bấy giờ là LORD CHELMSFORD cũng đồng-ý với ông MONTAGU và cùng ký tên vào tờ báo-cáo ấy, khi ấy giữa tháng 7 năm 1918. Từ đấy chính-phủ Anh cứ xét đi xét lại mãi, không quyết-định cải-cách ra thế nào. Trong khi trì-hoãn như thế thì tình-thế ở Ấn-độ càng ngày càng nguy-kịch. Đến bấy giờ thì gấp quá rồi, không thể dùng-dằng được nữa. Nội-các LOYD GEORGE bèn kịp định ban cho Ấn-độ một bản hiến-pháp tuyên-bố ngày 23 tháng chạp năm 1918, hạn đến ngày mồng 3 tháng giêng năm 1921 thì bắt đầu thi-hành. Theo hiến-pháp ấy, thì quyền chính-trị ở Ấn-độ trên có quan Tổng-đốc thay mặt nhà vua, dưới có hai hội-nghị : một « Hội-nghị Lập-pháp » (*Conseil législatif*) có 144 người, trong số đó thì 103 người là dân bầu và 41 người là chính-phủ cử, và một « Hội-nghị Tham-chính » (*Conseil d'Etat*) 60 người thì 33 người bầu và 27 người do quan Tổng-đốc bổ-nhiệm. Quyền bầu-cử định theo số đóng thuế đồng-niên, đại-khái được ước hơn hai triệu người có quyền bỏ vé đối với tổng-số dân 250 triệu. Còn các bang độc-lập, nghĩa là các xứ còn thuộc quyền quốc-vương cai-trị, thì đặt ở thủ-phủ *Delhi* một « Hội-nghị các quốc-vương » (*Chambre des Princes*), để làm cái cơ-quan cố-vấn cho quan Tổng-đốc. — Các hàng tỉnh thì mỗi tỉnh có một hội đại-biểu, chỉ có quyền bàn-bạc về các việc đã kê định sẵn, còn những việc khác thì do chính-phủ tài-quyết. Nhưng luật tài-chính thì tất phải do hội đại-biểu quyết-nghị mới được, như muốn đặt ra một thứ thuế mới nào phải có hội Đại-biểu bằng lòng mới được. — Lối chính-trị đó gọi là *dyarchie*, nghĩa là « bán-tự-trị », nửa thuộc về lối thuộc-địa bất-tự-trị (*colonies*), nửa thuộc lối thuộc-địa tự-trị (*dominions*). Trong ý ông MONTAGU và CHELMSFORD là hai người dự-thảo ra hiến-pháp ấy, thì cách cai-trị như thế là một cách tạm-thời mà thôi, để khiến cho người Ấn-độ học-tập cái chính đại-nghị, rồi dần dần sẽ mở rộng đường tự-do hơn. Trong lời sắc-lệnh của vua và lời diễn-thuyết của công-tước CONNAUGHT thay mặt vua khai hội-nghị mới ngày tháng 2 năm 1921 cũng nói rõ cái ý như thế. Sự cải-cách đó so với tình-trạng trước thì cũng đã là tiến-bộ lắm. Tuy chưa được là cái chính-sách tự-trị (tiếng Ấn-độ là *Swaradj*, dịch tiếng Anh *Self-Governement*) như bọn trí-thức Ấn-độ sở-nguyện, nhưng cũng là một cái phương-tiện cho tới được cõi tự-trị. Hiến-pháp này giá ban ra hai năm trước thì thiên-hạ tất hoan-nghênh lắm ; đến bấy giờ mới tuyên-bố ra thì dư-luận đã kích-thích quá đi rồi, không ai lấy làm bằng lòng nữa. Phái ôn-hòa cũng muốn thử thi-hành xem kết-quả thế nào, chắc cũng có lợi cho nước ít nhiều ; nhưng

đảng quốc-dân, vừa về phần dân Ấn-độ, vừa về phần dân Hồi-giáo, đều nổi lên công-kích, gọi hiến-pháp mới là cái hiến-pháp giả để đánh lừa dân, rồi cổ-động để-chế cuộc tuyển-cử, từ chối không chịu vào các Hội-nghị mới, gây nên trong nước một cái phong-trào « bãi-công » về chính-trị. Ngoài cái phong-trào « bãi-công » về chính-trị đó, lại thêm cái phong-trào « bãi-khóa » ở học-đường và « bãi-công » ở các xưởng : con trẻ không đi học nữa, thợ-thuyền không đi làm nữa. Các nhà vận-động không những cổ-động phản-đối chính-phủ Anh, lại cổ-động phản-đối cả Tây-phương nữa, cho Tây-phương là áp-chế Đông-phương, đem những tư-tưởng mê-hoặc, những máy-móc oái-oăm, những hóa-vật vô-dụng mà phá-hoại mất cái nền văn-hóa thuần-túy của Đông-phương. — Giữa lúc cái phong-trào phản-đối kịch-liệt như thế thì chính-phủ Anh cử LORD READING sang làm tổng-đốc Ấn-độ, bấy giờ vào tháng 4 năm 1921. Ông hết sức điều-hòa cho dân-tâm yên đi. Ông yêu-cầu với ông GANDHI và hai anh em họ ALI nên khuyên các đồ-đảng đừng bạo-động. Chính-phủ với các đảng quốc-dân có ước với nhau để giữ cho trật-tự được yên-ổn. Nhưng người Anh quỉ-quắc, thừa được lúc yên-ổn ấy lập mưu chia-rẽ các đảng phản-đối để đối-phó cho dễ. Đảng Hồi-giáo, đảng Ấn-độ-giáo, người Anh khéo xui-siểm cho hai bên lại ngờ lẫn nhau, thành ra cái khối đồng-tâm đã khó lòng mới gây dựng ra được, nay lại bắt đầu tan dần. Nhưng chính-phủ đã khéo mà lại vụng: thấy hai anh em họ ALI công-kích chính-phủ dữ quá, Tổng-đốc READING hạ lệnh tống-giam hai người, ông GANDHI liền nổi lên kháng-nghị, trách Tổng-đốc là không giữ ước, nên tự mình cũng phá ước hòa-bình mà củ-tập cả các phái Ấn-độ cùng Hồi-giáo để quyết-chiến một lần nữa. Ban trị-sự của Hội-nghị quốc-dân, rồi đến cả hội-nghị đều ủy toàn-quyền cho ông GANDHI để chủ-trương sự phản-đối chính-phủ Anh và thi-hành cái chương-trình « bất-hiệp-tác » của ông. Bấy giờ là vào khoảng tháng 9 đến tháng chạp năm 1921. Lòng ác-cảm của người Ấn-độ tỏ ra một cách rõ-rệt giữa lúc hoàng-thái-tử Anh đi kinh-lược Ấn-độ : đi đến *Bombay*, dân xôn-xao lên muốn nổi loạn ; đến các tỉnh khác thì cũng gọi là đi qua cho mau, vì đến đâu cũng thấy đường phố vắng tanh và người dân ra vẻ buồn rầu. Cuối năm 1921 thì họp Quốc-dân hội-nghị, họp Liên-đảng các Hồi-dân ở Ấn-độ và họp hội Ủy-viên vận-động về việc ngôi Giáo-hoàng đạo Hồi, bấy nhiêu hội-đảng đều quyết-nghị một lời như nhau cả : cuộc đồng-tâm vừa phải cái nguy giải-tán, nay lại được bền chặt hơn xưa. — Bấy giờ xem ra bọn cầm quyền Anh ở Ấn-độ hiểu rõ tình-thế hơn là Chính-phủ Luân-đôn. Thủ-tướng LLOYD GEORGE càng thi-hành cái chính-sách bài Thổ thì phái Hồi-dân ở Ấn-độ lại càng tức-giận nước Anh lắm và càng hiệp-lực với phái Ấn-độ để phản-đối lại. Tổng-đốc READING viết một bức thư cần-cấp để can ngăn Thủ-tướng, mà Thủ-tướng không những không nghe, lại bãi-chức tổng-trưởng bộ Ấn-độ là ông MONTAGU, vì ông đã đem thư ấy công-bố ra. Lại có lệnh ở Luân-đôn truyền cho quan Tổng-đốc phải bắt ông GANDHI, Tổng-đốc thi-hành cái lệnh ấy chắc cũng lấy làm miễn-cưỡng. Cáo-trạng định tội ông GANDHI thì buộc cho ông tội xui-giục dân ác-cảm với Chính-phủ, và làm án ông cũng như ông TILAK là thầy ông khi xưa phải sáu năm tù, án tuyên-bố ngày mồng 10 tháng 3 năm 1920. Ông GANDHI vốn đã dự biết thế nào cũng phải bắt, nên trước khi bị bắt ông đã dặn kỹ các đồ-đệ đừng nên kháng

nghị ồn-ào, cũng đừng nên bạo-động gì cả. Khi ông bị bắt, các đồ-đệ cũng theo như lời ông. Nhưng đảng quốc-dân mất mấy tay chủ-trương có thế-lực, là ông GANDHI và hai anh em họ ALI, thì cũng yếu sức đi, mà chủ-quyền cũng không được thống-nhất như trước nữa. Ông DAS đứng lên kế chân làm lãnh-tụ, liền đổi phương-châm, không dùng cách « bất-hiệp-tác » nữa mà dùng cách hiệp-tác, nhưng hiệp-tác để ngăn-trở chính-phủ. Có phải thì vẫn trung-thành với chủ-nghĩa ông GANDHI, có phải thì công-nhiên ra tham-dự cuộc tuyển-cử năm 1923, và cử đại-biểu ra Hội-nghị Lập-pháp cùng các Hội-nghị hàng tỉnh. Chương-trình của hai bên thì vẫn là giống nhau, nghĩa là muốn đòi sửa đổi lại hiến-pháp, bãi bỏ cái chính-sách « ban-tự-trị » đi và yêu-cầu cho Ấn-độ được hoàn-toàn tự-trị ; nhưng mỗi bên muốn thi-hành cái chương-trình ấy theo một phương-pháp riêng. — Sau ở bên Âu-châu ký điều-ước *Lausanne* để giải-quyết việc Thổ-nhĩ-kỳ, ở Ấn-độ thì Tổng-đốc READING quả quyết tuyên-bố rằng chính-phủ Anh không có ý gì phản-đối đạo Hồi, nhân đó dân Hồi-giáo ở Ấn-độ cũng nguôi dần cái lòng tức giận người Anh đi. Ở bên Anh thì nội-các LLOYD GEORGE bị đổ, nội-các MAC DONALD lên thay, thủ-tướng mới là lãnh-tụ đảng xã-hội ở nước Anh, có chính-kiến rộng-rãi, cho nên người Ấn-độ có ý mong-mỏi nhiều lắm. Đầu năm 1924 ông GANDHI được tha, chính-phủ lại nghị-định thay đổi về quan-chế, mở rộng các ngạch quan-lại và ngạch quân-đội cho người Ấn-độ được tham-dự vào, việc đó cũng có ảnh-hưởng tốt trong dân-gian. Tổng-đốc READING lại can-thiệp để bênh-vực cho các dân Ấn-độ kiều-cư ở Đông-Phi-châu, việc đó cũng được lòng dân. Thành ra năm 1925 tình-hình Ấn-độ được tạm yên-ổn hơn trước.

Giữa hồi ấy tác-giả đến Ấn-độ, cũng tìm đến tiếp chuyện với các nhân-vật trọng-yếu trong chính-giới.

Ông không được tiếp ông GANDHI, trong bốn tháng trời định gặp nhau mà cứ nhật mãi, khi người nọ đến tỉnh nọ thì người kia đi ra tỉnh khác, ông cũng lấy làm tiếc lắm. Nhưng ông GANDHI hồi bấy giờ mới ở tù ra, cũng không can-thiệp đến việc chính-trị lắm. Song tác-giả được tiếp ông DAS là người kế chân ông GANDHI chủ-trương đảng quốc-dân ; ông DAS vốn là thầy kiện, người nghiêm-khắc ra tay luật-gia, mà tự-hồ không có cái phong-thể một nhà chính-trị ; cả cuộc nói chuyện với ông DAS có thể tóm lại một câu rằng : « Người Ấn-độ chúng tôi không có mong ở người ngoài để mà giúp cho tiến-hóa ; cái mầm tiến-hóa là ở tự chúng tôi, ở phong-tục chế-độ chúng tôi, ở cái tinh-thần Á-châu và cái quốc-túy Ấn-độ của chúng tôi. Âu-châu phải hiểu rằng Ấn-độ ngày nay sở-dĩ không tiến-hóa được, không phát-đạt được về đường chính-trị, xã-hội, tri-thức, luân-lý, cái trở-lực chỉ là ở người Anh chiếm mất cả chủ-quyền trong nước. »

Tác-giả lại gặp hai anh em ông ALI là lĩnh-tụ đảng Hồi-giáo ở Ấn-độ. Chủ-nghĩa hai ông này cũng giống như chủ-nghĩa ông GANDHI, không những cho cái chính-sách của nước Anh là hại cho Ấn-độ, mà lại cho cả cái văn-hóa của Âu-tây là hại cho Á-châu nữa. Ông MOHAMMED ALI thì làm chủ hai cái báo ở *Delhi*, một cái tuần-báo bằng tiếng Anh và một cái tuần-báo bằng tiếng *urdu*. Ông phê-bình về văn-hóa Âu-tây có nói rằng : « Ngày nay có chữ tiến-bộ, tiến-hóa, thiên-hạ nói đến luôn mà không ai hiểu rõ nghĩa là gì. Tây-phương tự-cao là đã phát-minh chế-tạo được trăm nghìn thứ lạ : xe lửa, giây thép, tàu bay, súng đạn. Ông tôi ngày xưa ở nhà chỉ có

cái quạt kéo, người nhà ngồi kéo ; tôi nay dùng máy quạt điện. Đã chắc hẳn nay hơn xưa chưa ? Tây-phương chế ra cái quạt máy, chớ có phát-minh ra được một cái đức-tính gì mới không ? Về phần hồn, thật người Tây không phát-minh được cái gì lạ. — Ông có biết sự tiến-bộ của người Tây là gì không ? Xin hãy thử so-sánh một điều như sau này. Về đời trận Thập-tự, dân Hồi-giáo và dân Gia-giáo hai bên quyết-chiến với nhau là vì một cái lý-tưởng, vì cái lòng tin-ngưỡng, bên nào cũng tin-tưởng rằng thắng được bên kia là cứu được linh-hồn cho công-chúng. Ngày nay sát-sé nhau chỉ để tranh cướp lấy than mỏ, dầu hỏa, bông sợi. Thế mà cho là tiến-bộ hơn xưa sao ?...». — Đối với người Anh thì ông nói rằng ; « Đã lâu tôi đối với người Anh vẫn mơ-tưởng mà xét lầm. Ông cũng biết rằng họ bỏ tù em tôi và tôi là vì chúng tôi đã khuyên dân Hồi-giáo không nên đánh nước Thổ-nhĩ-kỳ, vì vua Thổ là giáo-hoàng trong bổn-đạo chúng tôi. Đó là cái nghĩa-vụ của chúng tôi phải thế : chúng tôi cũng muốn giúp đồng-minh đánh Đức, nhưng không thể giúp nước Anh hại đạo Hồi được. Khi ở nhà tù ra thì tôi đau cũng nặng. Có người bày kế cho tôi trốn sang *Afghanistan*, tôi không thuận. Là nghĩ rằng mình từ trước đến nay đã học được người Anh nhiều điều lắm rồi ; tưởng nay đến lượt người Anh cũng có điều nên học ở mình. Bây giờ tôi mới tỉnh-ngộ mà biết rằng người Anh không chịu học gì cả, và họ đối với chúng tôi không đời thủa nào chịu đổi tình-ý, đổi phương-pháp của họ. Ấy cái khổ to nhất của Ấn-độ là ở đó. Sáu mươi năm nay, về thời ông tôi còn sống, thì dân Ấn-độ còn có sức mạnh, có thể trục-xuất người Anh đi được. Nhưng hồi bấy giờ chúng tôi hãy còn có lòng tin người Anh, là vì chưa được biết họ lắm. Ngày nay đã biết họ rồi thì thành ra hèn yếu không làm gì được.»

Tác-giả đã hỏi ý-kiến các nhà chính-trị, nhưng còn ngờ rằng nhà chính-trị hay có bụng thiên, phán-đoán không được đích-đáng chăng. Ông bèn đến thăm mấy nhà thực-nghiệp, mấy nhà học-vấn, là những người đứng ở ngoài vòng chính-trị, không có những cái dục-tình, những cái thiên-kiến thường của nhà chính-trị. Các hạng này thì cách nghị-luận có vẻ bình-tĩnh hơn, nhưng xét kỹ lời phán-đoán cũng không khác gì các nhà chính-trị, nghĩa là cũng cho là hai cái tinh-thần cố-hữu của Đông-phương và Tây-phương là có trái-ngược và có xung-đột nhau, và cái tình-cảnh khốn-nạn ở Ấn-độ ngày nay chính là bởi sự trái-ngược ấy, sự xung-đột ấy mà ra. Các nhà ấy nói rằng : « Cớ sao lại cứ nói rằng văn-minh họ là hơn, văn-minh kia là kém ? Các ông cho văn-minh các ông là hơn, xin cứ giữ lấy, nhưng đừng cưỡng bắt chúng tôi phải theo làm gì ; chúng tôi cũng cho văn-minh chúng tôi là hơn, xin để cho tự-do ». — Hoặc-giả bác rằng người Anh sang Ấn-độ, về đường vật-chất không phải là không có ích-lợi cho dân Ấn-độ, như đặt các đường-sá, cầu-cống cho tiện việc giao-thông, đặt các sở vệ-sinh, nhà bệnh-viện, để trị các bệnh-tật, sửa-sang việc canh-nông, việc kỹ-nghệ, việc hình-chính, việc trị-an, tưởng người dân cũng được ơn nhờ lắm chứ. Các nhà ấy trả lời rằng : « Chúng tôi vẫn thừa-nhận rằng trong sự kinh-lịch của Âu-tây có nhiều điều sở-trường hơn chúng tôi, thứ nhất là về cách tổ-chức chính-trị, chúng tôi sẵn lòng theo đòi học-tập các ông lắm. Nhưng mà tự các ông sang làm điên-đảo cả cái nền xã-hội kinh-tế của chúng tôi đi, thì cái đó chúng tôi không thể cho là một điều hay cho chúng tôi được. Phàm cưỡng-bách để mà giúp người ta thì sự giúp ấy không thể hay được. Tây-phương đã làm cho Ấn-độ được những gì ? Làm cho xứ Ấn-độ thành một xứ giàu, mà dân Ấn-độ thành một

dân nghèo. Họ bắt chúng tôi làm cho ruộng đất sinh-sản được nhiều hơn, nhưng phần hoa-lợi họ thật không để cho chúng tôi được một tí gì. Lấy cớ là giúp cho tiến-hóa, mà thực là làm cho lay-chuyển cả cái cơ-sở thiên-nhiên của xã-hội cùng kinh-tế của chúng tôi. Dân làm ruộng, làm thợ, nay biến thành một lũ lao-động ở các công-xưởng. Các nơi thành-thị càng phát-đạt lên, thì chốn dân-thôn là cái nguồn sinh-hoạt của Ấn-độ cũng càng ngày hư-hao đi. Họ cưỡng bắt chúng tôi phải theo về cái chế-độ công-nghệ, nhưng phần lợi trong chế-độ ấy thì họ hưởng cả, mà phần tai-hại khổ-nhục thì chúng tôi phải chịu. Sự hoạt-động của người Âu-tây ở đất Ấn-độ này, cái lý-tưởng nó, cái mục-đích nó, thật không có quan-hệ gì với nhân-đạo cả; thuần là thuộc về cái lòng trục-lợi cả. Người Anh không phải là cai-trị đất Ấn-độ, chỉ là rút lợi của Ấn-độ mà thôi.»

Ông NATARJAN là một nhà xã-hội-học có tiếng ở Ấn-độ; ông không những là một tay học-vấn yêm-bác, lại là một nhà từ-thiện thường đem thân cống-hiến cho các việc công-ích trong xã-hội. Ông nói rằng: « Ông hỏi ý-kiến tôi, tôi xin cứ thành-thực mà nói: tôi xem ra Âu-châu ngày nay chỉ thấy đi ăn báo của Á-châu, của Phi-châu mà thôi. Không biết sau này người Âu-tây có biết khôn-ngoan và rộng-rãi hơn mà sang để giúp đỡ cho chúng tôi, chứ không phải chỉ để rút lợi của chúng tôi mà thôi? Tôi thật hết lòng mong-mỏi có ngày được như thế. — Muốn được như thế thì trước hết người Âu-châu phải đừng sâu-sé lẫn nhau nữa, phải ký ước bảo-hiểm cho nhau và đồng-tâm kiệt-lực với nhau. Nói thế không phải là bãi bỏ hẳn sự cạnh-tranh về kinh-tế trong các nước đâu, nhưng chỉ là phải qui-định sự cạnh-tranh ấy cho có điều-độ, cho không ra ngoài trường mậu-dịch công-thương mà biến thành ra sự xâm-lược về chính-trị. Người Ấn-độ chúng tôi, tôi có thể nói là cả người Đông-phương chúng tôi, đều biết rằng chúng tôi được ơn nhờ Âu-châu nhiều. Nói riêng về Ấn-độ, chắc ngài cũng biết rằng thủa trước các rợ phương Bắc xuống xâm-lấn chúng tôi biết bao nhiêu lần, thật đã từng khổ-sở lắm lắm. Rồi đến các dân ở phía Tây tràn sang, thời thấy có lợi cho chúng tôi, chứ không có hại. Người Bồ-đào, người Pháp, người Anh, lần lượt nhau đến làm việc ở Ấn-độ; công việc của họ cũng có lợi cho chúng tôi ít nhiều. Nhất là sự giáo-dục của người Anh đã bổ-ích cho người Ấn-độ được nhiều: nhờ sự giáo-dục ấy mà người Ấn-độ đã được biết rõ về cội-rễ, về lịch-sử của nước mình, và nhận-chân được cái tinh-thần cố-hữu của mình. Cái đó là chúng tôi ơn nhờ được người Anh, không bao giờ quên. — Nhưng mà thế cũng chưa đủ; Tây-phương đã đi vào con đường ấy là đường hay, phải đi dấn lên nữa mới được. Xưa kia đã có thời Âu-Á đối-đãi nhau rất mực bằng-đẳng; ngày nay phải khôi-phục lại cái tình-trạng bình-đẳng đó. Cứ xét lại cái công-nghiệp của đạo Cơ-đốc ở Âu-châu thì đủ biết. Âu-châu đời bấy giờ chia ra làm hai cái văn-minh, một là văn-minh Hi-lạp, hai là văn-minh La mã. Đạo Cơ-đốc đã điều-hòa dung-hóa được hai cái văn-minh ấy mà làm thành ra văn-minh Thái-Tây ngày nay. Ở Á-châu này cũng vậy, cũng có hai cái văn-minh đối nhau: phía tây là văn-minh Hồi-giáo, phía đông là văn-minh Ấn-độ, đã lan sang cả miền Viễn-đông. Âu-châu ngày nay mà lại điều-hòa được cả hai cái văn-minh đó nữa, thời sự-nghiệp này vĩ-đại biết dường nào. Kể ở Ấn-độ thì việc ấy cũng không lấy gì làm khó lắm, vì phần nhiều Hồi-dân khi xưa là dân Ấn-độ cải theo đạo Hồi, và hai cái văn-minh Hồi-

giáo và Ấn-độ đã từng hỗn-hợp với nhau một cách mật-thiết. Nói thế không phải là bảo Âu-châu nên cải-hóa cho dân Ấn-độ và dân Hồi-giáo cũng theo cả về đạo Thiên-chúa đâu, nhưng phải làm thế nào khiến cho hai bên biết khoan-dung với nhau và hợp-tác cùng nhau vậy. — Vì rằng chúng tôi đây đều hiểu biết rằng Âu-châu vốn có cái tài tổ-chức, thật đáng làm thầy dạy chính-trị cho thế-giới. Vả lại Âu-châu xưa đã học tôn-giáo, triết-lý và các nguyên-lý cách-trí của chúng tôi, nay dạy lại cho chúng tôi những cái kết-quả hay đã suy-diễn được ở đó ra, tưởng cũng là phải vậy.»

Tác-giả đã hỏi ý-kiến các hạng người tai mắt ở Ấn-độ, bên kết-luận mà tự phán-đoán mấy lời như sau này.

« Tôi thí-nghiệm trong mấy tháng ở Ấn-độ, nay có thể cai-quát lại mấy câu sơ-lược như sau này, — Các nhân-vật ở xứ này có ba hạng : một bên là phái các nhà thần-học, triết-học, tư-tưởng, thường quay nhìn về đời trước, không thèm đoái xét đến những hiện-tượng đời nay ; một bên là phái các nhà công-thương, nhà thực-hành, cũng biết kính-trọng đời trước, nhưng lại am-hiểu thời-thế bây giờ, biết rằng người Ấn-độ cũng cần phải cải-cách cho thích-hợp với cách sinh-hoạt đời nay ; giữa hai phái đó thời có phái chính-khách, chủ-nghĩa mập-mờ mà nghị-luận thời lại kịch-liệt lắm, hành-động thời chỉ biết khéo lựa thời, theo gió bẻ măng, không có định-chỉ, bài-bác công-kích các chế-độ hiện-hành thì tài giỏi lắm, nhưng chưa hề nghĩ định ra được phân-minh một cái chương-trình cải-tạo thế nào. Hạng trên thì cho văn-minh Tây-phương là một cái văn-minh ma - quái, và cái gì của Tây là nên bãi bỏ đi hết : trong cách nghị-luận của họ, đã khởi ra cái tiền - đề như thế, thì kết-luận cũng tất phải thế không sai được. Hạng giữa thì đối với văn-minh Tây-phương cũng tỏ cách khinh-bỉ như thế, nhưng không hiểu căn-cứ ở lẽ gì, chẳng qua là lấy làm tài-liệu cho cuộc thảo-luận hàng ngày mà thôi. Như thế thì cũng không lấy gì làm chánh-đáng, và không phải là lời bàn có giá-trị vậy. Còn hạng dưới là những người muốn thực-hành cho có kết-quả. Biết rằng cách sinh-hoạt theo lối Đông - phương ngày nay không thích-hợp nữa rồi, không phải rằng có cho văn-minh Tây-phương là hay-họ tốt-đẹp gì lắm đâu, mà vị-tất họ đã phục gì văn-minh Tây-phương, nhưng mà họ xem Tây-phương có cái gì sở-trường thì họ bắt - chước lấy, và trong cái văn-hóa cổ Đông-phương có cái gì hay họ cũng cố bảo-tồn lấy, muốn giữ lấy cái tinh-thần cốt-cách của loài giống mình, giữ lấy phần hồn của mình cho hoàn-toàn, không để cho đến vì phong-trào mà suy-vi đi mất ; cái thái-độ của bọn đó có lẽ là chánh-đáng hơn cả, và cái cách hành-động của họ có thể hòa-hợp được hai thế-giới Đông-Tây, tuy vẫn là khác nhau, không thể nào lẫn lộn được, nhưng không đến nỗi tất - nhiên phải khinh - bỉ nhau mà sinh ra xung - đột chiến-đấu với nhau vậy.»

Nay các bậc chí-sĩ ở Ấn-độ không phải chỉ không-ngôn mà thôi, cũng có nhà chủ sự thực-hành, và cách thực-hành cũng có khi có ý-vị thâm-trầm lắm. Thí-dụ như hội *The Servants of India*, có thể dịch là « Ấn-độ Công-bộc hội ». Hội này cũng lạ, có cái tính-cách tôn-giáo như một hội tu-hành vậy. Lập từ năm 1905, người sáng-lập là nhà chí-sĩ Gokhale, chính ông đặt ra qui-tắc trong hội. Hội có một hội-trưởng, mười lăm chánh-hội-viên, tám hội-viên dự-bị và một số ít những người phụ-trợ ở ngoài. Trước khi được lên chức chánh hội-viên thì phải qua một thời-kỳ dự-bị là năm năm. Khi thụ-chức, phải đọc bảy điều nguyện như sau này,

không khác gì nhà sư mới thụ-giới vậy: 1° trong tư-tưởng lúc nào cũng phải nghĩ đến tổ-quốc trước nhất, và phải tự hứa đem thân cống-hiến cho tổ-quốc; — 2° trong khi phụng-sự tổ-quốc, không được mưu sự lợi-lộc cho mình; — 3° phải coi hết-thảy người Ấn-độ như anh em một nhà, và phải hết sức giúp cho sự khai-hóa trong quốc-dân, không phân-biệt giai-cấp cùng tôn-giáo; — 4° hội cấp lương cho bao nhiêu thì tiêu-dùng bấy nhiêu, người nào có gia-thất cũng vậy, không được đem tài-lực mà dùng để kiếm tiền riêng cho mình; — 5° trong cách sinh-hoạt, phải lấy sự thanh-khiết làm đầu; — 6° đối với người ngoài, phàm việc riêng không được tranh-ngôn tranh-luận với ai cả; — 7° trong trí bao giờ cũng phải nhớ đến mục-đích của hội, và mỗi người phải hết sức riêng mà chăm-chút công việc hội, khiến cho hội được mở-mang phát-đạt thêm ra; phải cam-đoan không được làm điều gì trái với mục-đích hội.

Hội tuy có cái tính-cách tôn-giáo như thế, nhưng không phải thuộc về một đạo riêng nào, người trong hội ai muốn theo đạo nào cũng được, ai muốn ở luôn trong hội cũng được, nhưng không có lệ bắt-buộc. Người nào ăn ở trong hội thì phải theo qui-tắc chung: như khi ăn cơm phải ăn cùng với nhau và ăn chay, v. v... Tuy-nhiên sự hoạt-động của hội là đối với ngoài phần nhiều. Chính hội không có hành-động gì mấy, nhưng mỗi hội-viên về phần riêng phải hành-động ra ngoài. Cái đặc-sắc của hội là như sau này: Mỗi hội-viên, tức là mỗi chân «công-bộc» của Ấn-độ, tự chọn lấy một cái phạm-vi, một cái địa-vị riêng, tùy theo tài-học, theo chức-nghiệp đã làm trước, theo sự kinh-lịch của mình từ trước khi vào hội mà thi-thố ra. Như người này thì chuyên về các vấn-đề giáo-dục, người kia chuyên về các vấn-đề luật-pháp; lại người nọ thời chủ xét về phận-sự đàn-bà con gái trong xã-hội, — như ông hội-trưởng ngày nay là ông SRINIVASA SASTRI thời chuyên-chủ về vấn-đề xã-hội, và thân-phận bọn thợ-thuyền lao-động. Năm 1921 ông đã từng làm đại-biểu cho Ấn-độ ở Hội Vạn-quốc; ngày nay ông vẫn còn thay mặt cho Ấn-độ ở «Quốc-tế lao-động tổng-cục» ở *Genève*. — Người trong hội có thể sung các công-chức được. Hiện có nhiều người có chân hội-nghị Lập-pháp và các hội-nghị hàng tỉnh; có người nhận cả chức ủy-viên của chính-phủ để làm các việc chính-trị, việc xã-hội thuộc trong chương-trình của hội. Các hội-viên thường diễn-thuyết viết báo ở Ấn-độ và ở ngoại-quốc. Nói tóm lại là phàm cách gì đạt được mục-đích của hội cũng dùng hết. Hội có một cái tuần-báo để làm cơ-quan, gọi là «Ấn-độ Công-bộc báo». Hội lại có một cái thư-viện to, có đủ các sách về triết-học, lịch-sử, kinh-tế, xã-hội, lại hết thảy các sách thuộc về Ấn-độ, về dân-tộc, phong-tục, tôn-giáo của Ấn-độ, đều sưu-tập được hết cả. — Ngoài các việc đó, hội lại còn chăm về đường từ-thiện nữa: phàm những việc vệ-sinh, cứu-tế, phát-chẩn, cứu-bần, hội có tham-dự vào hết cả. Cái phong-trào hiệp-lực cộng-trợ (*mouvement coopératif*) ở Ấn-độ gần đây tấn-tới mau, cũng là nhờ ở hội chủ-trương vận-động nhiều.

Nay cái thái-độ của hội đối với chính-trị thế nào?

Một ông hội-viên nói rằng: «Ông SASTRI là hội-trưởng chúng tôi ngày nay, cũng như ông GOKHALE là nhà sáng-lập, là thuộc về phái ôn-hòa. Phàm những sự bạo động của phái cực-đoan chúng tôi không biểu-đồng-tình. Chính-phủ đối với hội chúng tôi vẫn có ý vì nể. Bọn cầm quyền thì cũng tùy lúc, khi thời có cảm-tình, khi lại có bụng nghi chúng tôi. Nhưng không có một đại-viên nào đi qua thành *Poona* này mà không vào thăm hội chúng tôi.»

THƯỢNG-CHI

Un lettré moderne

Distingué, c'est le premier mot qui vient à la pensée quand on songe à M. ABEL BONNARD ; et pendant longtemps, du moins à un examen superficiel, il n'a guère paru mériter d'autre éloge. Mais d'abord ce n'est pas rien que d'être distingué, lorsqu'on l'est, comme on dit, dans toute la force du terme, et tel est précisement le cas de M. ABEL BONNARD. La distinction, en effet, chez lui n'est pas seulement la marque caractéristique de l'esprit, elle s'étend à l'âme entière, à la conduite de sa carrière, au style de sa vie, d'où elle émane et se répand comme un charme subtil à travers son œuvre...

Il publia peu, il travailla beaucoup, et, sans s'astreindre à un ascétisme inhumain, sans mutiler aucunement les dons et les grâces de sa nature, sans prétendre anticiper sur les maturations du temps et, en suivant une image célèbre, aller droit au but comme une flèche sur la cible, il se donna pour tâche essentielle le perfectionnement de sa vie intérieure, l'approfondissement de son cœur, et par delà ces enrichissements subjectifs la conquête de la sagesse. Il est à peine besoin de souligner ce que l'aventure a de singulier, en un temps qui a tellement perdu le sens de la sagesse, et non pas seulement de sa beauté, mais de son utilité, ou pour mieux dire de son importance vitale, que son nom même en a pris quelque chose de dérisoire. Portée à ce point, la distinction n'est plus une qualité, elle est la quintessence exquise des vertus qui font l'honnête homme. Un honnête homme, passionnément attaché à restaurer en lui, et non pas seulement pour lui, les valeurs de l'antique, de l'éternelle sagesse, tel nous apparaît M. ABEL BONNARD.

RENÉ GILLOUIN
(*Esquisses littéraires et morales*)

Văn-sĩ đời nay

Ông ABEL BONNARD *là người bác-nhã ; nói đến tên ông, tất nghĩ đến chữ bác-nhã, mà hướng-lai thiên-hạ, có lẽ xét chưa kỹ, muốn khen ông cũng chỉ khen bằng hai chữ đó mà thôi. Nhưng người bác-nhã không phải là người tầm-thường, người bác-nhã hoàn-toàn như ông lại không phải là người tầm-thường lắm nữa. Vì cái tính bác-nhã của ông không những là một cái đặc-sắc về tri-tuệ, lại bao-quát cả tâm-hồn, cả sự-nghiệp, cả cái cách làm người của ông, và bàn-bạc trong sách-vở ông như một cái thanh-hương mát-mẻ vậy...*

Ông xuất-bản không mấy, ông làm việc thật nhiều ; ông không phải là theo cái chủ-nghĩa khổ-hạnh chi, ông không phải là để cho tổn-hại-mất cái tài-bộ thiên-nhiên của mình, ông cũng không có vội-vàng hấp-tấp, theo thói thường người ta cứ cắm đầu đi cho tới đích ; ông chỉ chăm-chút có một điều, là sửa mình, dồi trí, luyện tâm, cho phần hồn được phong-phú thêm lên, mà cầu lấy cái đạo « khôn-ngoan » ở đời. Ở đời này mà lập chí như thế cũng là lạ, vì đời nay không biết cái nghĩa «khôn-ngoan» là gì nữa, không những không biết sự khôn-ngoan là hay, mà cũng không biết là lợi nữa, không biết là hệ-trọng cho nhân-sinh là dường nào, thậm-chí cái tiếng « khôn-ngoan » cũng sai-lạc ý-nghĩa đi mà thành như một sự tầm-thường vậy. Tính bác-nhã mà đến được bậc đó thời không phải là một cái tính-cách thường nữa, chính là phần tinh-túy những đức-tính làm ra người quân-tử vậy. Ta xét ông ABEL BONNARD *quả là một người quân-tử ham muốn khôi-phục lấy đạo khôn-ngoan ở mình (ở mình, chứ không những cho mình mà thôi), tức là đạo của cổ-nhân, mà cũng là đạo thiên-cổ vậy.*

VIỆT-NAM LỊCH-SỬ NGŨ-NGÔN THI (1)

越南歷史五言詩

Còi trống tiếng Nam Biền cờ văn Việt

III

THIÊN THỨ HAI MƯƠI

Lê bình Minh phục-quốc

Thiên-tâm muốn trị-bình,
Giáng-sinh người dẹp loạn ;
Vua Lê Thái-tổ ta,
Thừa-thời ra khải-vận.

Lam-sơn nơi phát-tích,
Sinh ra đã khác thường ;
Dáng giống dáng long hổ,
Tiếng tựa tiếng chuông vàng.

Gặp khi Minh quận-huyện,
Triệu-dụng làm thổ-quan ;
Từ chối mùi chung-đỉnh,
Thương nỗi nước lầm-than.

Định mưu trừ cướp nước,
Quyết chí yên giặc dân ;
Không chịu tiếng nô-lệ,
Những mong làm chủ-nhân.

Để danh thơm thiên-cổ,
Khỏi tiếng thối vạn-niên ;
Ảnh-hưởng trên lịch-sử,
Đến nay vẫn lưu-truyền.

Nam-tử tu-mi nọ,
Đem thân tôi tớ người ;
Lắng nghe mà ngẫm-nghĩ,
Xin chớ gác ngoài tai.

Này xem khi khởi-nghĩa,
Khởi tự đỉnh non Lam ;
Nhân-binh vang nước Bắc,
Nghĩa-cử động trời Nam.

Kể lắm lúc phong-trần,
Nằm gai và nếm mật ;
Thù chẳng đội chung trời,
Thề thu-hồi cõi đất.

Chiêu-dụ các hào-kiệt,
Cùng quyết đánh quân Ngô ;
Anh-hào đua náo-nức,
Giúp giập mọi mưu-mô.

Lưu Chú ra bày kế,
Chứa nhọn và nuôi uy ;
Lê Lai ra thế mệnh,
Lý hiểm và lâm nguy.

Văn có Nguyễn-công Trãi,
Từ-mệnh bậc tài cao ;
Hịch truyền một mảnh giấy,
Hạ được các thành-hào.

Vũ có Lê-công Khôi,
Hùng-tài và nhanh-nhẹ ;
Trong bụng muôn giáp-binh,
Thu-phục các quận-huyện.

Trước kinh-lược Tây-đô,
Sau bình-định Đông-đô ;
Cồi giận cho dân Việt,
Ăn mừng nuốt giặc Ngô.

Mã Kỳ đà mất mạng,
Liễu Thăng phải thiệt mình ;
Phụ, Bân cùng vía bạt,
Thạnh, Phúc cũng hồn kinh.

Vương Thông thế túng quá,
Đưa thư xin cầu-hòa ;

(1) Xem N. P. số 114, 115.

Từ đây Nam với Bắc,
Cùng gác ngọn can-qua.

Hai bên không đối lũy,
Trăm họ được yên tường;
Sông lặn tăm kình-ngạc,
Rừng vắng dấu sài-lang.

Sau khi Minh đã định,
Sợ Minh lại báo thù;
Bèn quyết lòng gần nghĩ,
Để khỏi cách xa lo.

Bao nhiêu đồ giáp-binh,
Trước được nay hết trả;
Đường thủy tiễn thuyền-bè,
Đường bộ tiễn tượng-mã.

Minh-quan cùng phục bụng,
Minh-quân cũng phục tình;
Danh tuy nghĩ vũ-dũng,
Thực cũng giống văn-minh.

Sau khi Trần đã mất,
Vẫn có ý phù Trần;
Bèn tìm dòng Trần-duệ,
Để thỏa lòng quốc-dân.

Quyền lập phong Trần Cảo,
Gọi là đấng quốc-vương;
Cảo tự-tri vô-trạng,
Tự thoái để xin nhường.

Tây-hướng nhượng ba thứ,
Nam-hướng nhượng hai lần;
Trên thuận theo thiên-mệnh,
Dưới hòa hợp nhân-dân.

Thuận-thiên niên-hiệu mới,
Từ đây mới cải-đề;
Nước non non nước cũ,
Từ rày mới thuộc Lê.

Phong Lam-sơn công-thần,
Để bá-cáo quốc-trung;
Bỗ người vin cánh phượng,
Thỏa kẻ bám vây rồng.

Ban Bình-ngô-đại-cáo,
Để công-bá thiên-hạ;
Bốn bể tiếng vang lừng,
Muôn dân đều hỉ-hạ.

Quan-danh vừa ngay-ngắn,
Quân-hiệu cũng rõ rành;
Đổi thay tên phủ huyện,
Đồ-bản rất phân-minh.

Dựng gây nhà học-hiệu,
Rộng mở các kho thư;
Tu mở kho quốc-luật,
Chế định phép triều-nghi.

Mười năm nền khai-sáng,
Sáu năm nếp trị-bình;
Vang cả trên bia miệng,
Sáng truyền trong sử xanh.

Thái-tôn lên nối nghiệp,
Mở rộng phép khoa-trường;
Dựng bia để Tiến-sĩ,
Tư-văn có chủ-trương.

Chín năm gìn-giữ phép,
Cũng lắm sự thi-vi;
Viễn-di cùng mến đức,
Cường-thần cũng sợ uy.

Tuổi xanh hoang-túng quá,
Vườn xuân mải-mết tình;
Nghìn vàng thân rất trọng,
Một sớm tự coi khinh.

Đông tuần đến Bắc-ninh,
Riêng cùng nàng Thị-Lộ;
Vui thú khoảng thâu đêm,
Để danh ô thiên-cổ.

Nhân-tôn còn ít tuổi,
Chưa gánh nổi gian-nan;
Quyền trong về mẫu-hậu,
Chính ngoài phó bách-quan.

Mười năm hội đại-đồng,
Chính-sự tựa gương trong;
Cổ-lũy theo văn-đức,
Xiêm-thành phục võ-công.

Đến khi vừa cả lớn,
Lên ngự chốn ngôi trời;
Nghi-Dân lòng tàn-nhẫn,
Gươm giáo sắp những ngày.

Tiềm-mưu đêm bắc thang,
Lén vào trong cung-khuyết;

Mẹ con đang giấc nồng,
Dám đang tay mà giết.

Tự mình chuyên tiếm-vị,
Vẫn tưởng thế là hay;
Dứt cả lòng lương-thiện,
Làm toàn sự ác cay.

Đình-thần xướng nghĩa-cử,
Chém bỏ chợ bên đông;
Đón rước Gia-vương dựng,
Tức là vua Thánh-tông.

Thánh-tông dáng thần - tiên,
Gia công học thánh-hiền;
Quốc-âm Đường-luật thạo,
Thiên-văn toán - pháp chuyên.

Đã giàu đường đạo-đức,
Lại nảy cách tài-hoa;
Văn-kiến nhiều điều rộng,
Thi-chương lắm lẽ già.

Ba năm mở một khoa,
Hiền-tài hết chuyên thu;
Tân-hưng vô đại-tị,
Hết theo nhà Thành-Chu.

Nhạc-âm rèn tập đủ,
Lễ-chế giảng cầu tinh:
Quan-danh và phục-sắc,
Bắt-chước triều Đại-Minh.

Đánh Ai, Bồn, Chiêm-thành,
Đặt Quảng-nam, Trấn-ninh;
Đề-phong muôn dặm đất,
Hách-trạc tiếng uy-thanh.

Chế *Quỳnh-uyển cửu-ca*,
Soạn *Thiên-nam dư-hạ*;
Nguyên-súy chủ tao-đàn,
Thái-bình vui xướng họa.

So cùng Thánh-tôn Lý,
Sánh với Thánh-tôn Trần;
Có hơn không chẳng kịp,
Thực là đấng thánh-quân.

Hiến-tôn lên nối phép,
Trong nước mừng được yên;
Túc-tôn sinh xấu-số,
Tại-vị chưa đầy niên.

Uy-mục-đế nối vị,
Tửu sắc kể vô-ngần;
Tin dụng bề ngoại-thích,
Làm hại đấng tử-thân.

Sứ Minh lại yết-kiến,
Gọi là bậc quí-vương;
Giản-Tu đem binh đến,
Hồn ma tới suối vàng.

Tương-Dực-đế thay nối,
Càng bạo-ngược dâm-hoang;
Bác-tước người Tôn-thất,
Xa-hoa chốn cung-tường.

Quốc-nhân đều chỉ-trích,
Đều gọi bậc chư-vương;
Duy-Sản đem binh đến,
Ngồi biếc đồ hồng-quang.

Chiêu-tôn lên nối nghiệp,
Vận Lê gặp buổi suy;
Duy-Sản chuyên quyền-vị,
Đăng-Dong lộng phúc-uy.

Cung-hoàng lên nối ngôi,
Thế Mạc ngày càng thịnh;
Thí-hậu và thí-quân,
Làm nhiều điều bạo-nghịch.

Ôi trời đã sinh Lê,
Cớ sao lại sinh Mạc;
Để cho Mạc Đăng-Dong,
Tiếm vua và cướp nước.

Gian-hùng làm rỡ mặt,
Chẳng kiêng sợ chi mà;
Thăng-long truyền vị nước,
Nghi-dương dựng thế nhà.

Rõ người cho phú-quí,
Để cầu lấy dài lâu;
Nịnh-thần cùng tới đến,
Trung-nghĩa ai thèm theo.

Tuấn Mẫu tay giấu dao,
Văng ném vào thân-thể;
Vũ Duệ ôm hòm ấn,
Gieo mình xuống của bể.

Thái-Bạt nhổ vào mặt,
Mắng vào quân nghịch-thần;

Tuấn-Kiệt chối vàng lụa,
Tuốt gươm chém sứ-thần.

Xứ-xứ nghĩa-binh khởi,
Động ran cả bốn bề ;
Lòng gian trông thế-sự,
Ngẫm lại nghĩ mà ghê.

Dâng vàng và nộp đất,
Cầu phong nói dối Minh ;
Minh tham tiền của hậu,
Chẳng nghĩ chi ân-tình.

Đăng-Dong càng đắc-chí,
Lại truyền cho Đăng-Doanh.
Nào ai tận tâm-lực,
Phù Lê buổi đảo-khuynh.

May có Nguyễn Triệu-tổ,
Nguyên vẫn chức Lê-thần ;
Lòng căm hàng ngụy-chúa,
Chí phù đấng chân-quân.

Tránh loạn sang Ai-lao,
Tập-luyện đồ binh-mã ;
Tôn Lê sắp những ngày,
Để mong đền ơn cả.

Mới hay vận Lê bĩ,
Cành Lê đã héo rồi ;
Ân trời mưa móc tới,
Cành lê lại mọc chồi.

Trang-tôn cùng gặp-gỡ,
Quân-thần cùng hợp mưu ;
Chia binh miền Thúy-đạn,
Mở cờ nước Ai - lao.

Lôi-dương vừa giáp trận,
Nghịch-thần đã phá tan ;
Nước non mừng chủ cũ,
Cây cỏ đón xe loan.

Thổ-hào ra ứng nghĩa,
Trâu rượu để khao quân ;
Nhân-dân cùng nao-nức,
Cắt cỏ ngựa ông ăn.

Tây-đô quét sạch bụi,
Ngọn giáo thẳng trường-khu ;
Đông-đô hẹn ngày tới,
Một hai phục cơ-đồ.

Công-nghiệp làm gần trọn,
Phút thấy tướng-tinh mờ ;
Kẻ hiền là Trịnh Kiểm,
Nối chức dự quân-cơ.

Sáu năm vầng nhật tỏ,
Phút thấy bóng mây che ;
Trung-hưng công-nghiệp đó,
Thanh-sử vẫn còn ghi.

Trung-tôn nhờ dư-uy,
Hào-kiệt hết qui-y ;
Mạc-chúa vừa trốn chạy,
Mạc-tướng hết theo về.

Anh-tôn lên tức-vị,
Đương lúc buổi gian-nan ;
Mạc vào xâm Thanh-hóa,
Nguyễn ra trấn Hoành-sơn.

Trịnh Kiểm vì quân-quốc,
Đã mỏi sự cần-lao ;
Cối Tòng thay nối chức,
Anh em khởi binh-đao.

Tòng khi nhân thắng-thế,
Cầm giữ mối triều-cương ;
Búa rìu Lê Cập-Đệ,
Sấm sét đất Lôi-dương.

Thế-tôn khi nối mối,
Trịnh Tòng phù lập Lê ;
Uy Trịnh vừa ra giẹp,
Giặc Mạc từ đấy yên.

Tóm kể đời nhà Mạc,
Trước sau tranh tiếm ngôi :
Năm vừa đầy sáu chục,
Đời tính được năm đời.

Cửa trước hổ vừa lui,
Cổng sau lang mới tới ;
Mạc kia vừa giẹp xong,
Trịnh này lại kế khởi.

Thế vua tự đây nhược,
Quyền chúa tự đây cường ;
Lễ riêng long-trọng quá,
Trọng tiến tước Bình-vương.

Kính-tôn còn thơ trẻ,
Trịnh-thị càng gian già ;

Ngôi vương quen sẵn ngỗ,
Quyền chúa lại truyền nhà.

Thần-tôn vừa cải-nguyên,
Trịnh Tráng lại lộng-quyền ;
Nước nhà dương yên lặng,
Xin vua xuống chiếu truyền.

Chẳng qua dạ gian-khi,
Làm tỏ mặt phúc-uy ;
Để quyền chúa ngày thịnh,
Làm ngôi vua ngày suy.

Chân-tôn tuổi mười-ba,
Quyền chúa và ngôi cha ;
Bảy năm hưởng lịch-số,
Xem ra thực hững-hờ.

Thần-tôn là cựu-chúa,
Thay mặt ngôi tân-hoàng ;
Thờ-ơ cờ với kiệu,
Chính-quyền nặc phó-vương.

Trịnh nhờ Minh mượn binh,
Phó-vương Sắc ngày vinh ;
Chuyên tiếm còn chưa thỏa,
Phong tước cả con mình.

Kiền-cương ngày đổ nghiêng,
Nào ai ra phù-chính ;
Duy thần-thánh triều ta,
Tôn Lê mà giận Trịnh.

Sắc sai hầu Chiêu-thuận,
Sáu năm cùng giao-binh ;
Lũy dài trong Thuận-huế,
Còn để dấu uy-linh.

Huyền-tôn buổi truân-chiên,
Trịnh Tộ lộng uy-quyền ;
Vào chầu không cúi cổ,
Tấu bái chẳng xưng tên.

Đặt giường bên ngự-tọa,
Ngồi sánh với thiên-nhan ;
Chẳng qua là dạ nghịch,
Làm để tỏ lòng gian.

Đem binh hỏi tội Mạc,
Sao chẳng hỏi ngay mình ;
Phận tôi đâu được thế,
Phép vua lẽ phải hình.

Gia-tôn vừa nối ngôi,
Trịnh Côn đã xưng tước ;
Thay đổi các văn-thần,
Hội bàn trong bí-các.

Giáng-gia quyền Trịnh-chúa,
Để giảm thế Lê-hoàng ;
Quyền-thần đã lộng-lẫy,
Ưu-binh cũng sinh-cường.

Hi-tôn lên thay anh,
Họ Trịnh giữ quyền-hành ;
Quan Thanh sang xâm-nhiễu,
Dòng Mạc lại tung-hoành.

Nào ai có thiện-chính,
Bách-tính cùng âu-ca ;
Hỏi ra ai cũng nói,
Quan Tham ở Vân-hà.

Nào ai có ác-chính,
Bách-tính cùng sầu-bi ;
Hỏi ra ai cũng nói,
Quan Tham là Lê Hi.

Dụ-tôn nối ngôi vua,
Trịnh Cương theo dòng chúa ;
Thi-trương nhiều phép mới,
Canh-cải hết phép cũ.

Lục-phiên đặt tư-nha,
Chuyên giữ đường tài-phú ;
Quan-viên trong các trấn,
Đều đặt đủ văn vũ.

Trấn-ti hơn hay kém,
Xét xem có sáu điều ;
Thẩm-hình tra kiện cáo,
Đặt ở trước sân triều.

Mở ra khoa thi võ,
Hỏi về nghề kiếm cung ;
Tam trường cùng chung cả,
Cũng để tên bảng rồng.

Đạc công-tư điền-thổ,
Xan-xẻ cho dân cùng ;
Lục-quân kén tứ-trấn,
Luyện-tập việc binh-nhung.

Tuần-hành đặt nông-quan,
Giữ-gìn các đê-lô ;

Đưa thư sang qua Tàu,
Đòi lại các quặng mỏ.

Dựng bia Đồ-chu-hà,
Phân-minh chôn cương-giới ;
Qui-mô sửa thái-bình,
Xem ra cũng có giỏi.

Nhưng xét lòng chuyên-tiếm,
Cũng như Mạc với Hồ ;
Cồ-bi mưu lập-phủ,
Thanh-hóa định di-đô.

Đã ủng-lập Duy-Tường,
Lại cải-lập Duy-Phường ;
Thực dạ gian-hùng quá,
Làm cho loạn mối-dường.

Vĩnh-khánh vừa tức-vị,
Trịnh Giang đã vu-oan ;
Thần-tôn dặt lại bỏ,
Trịnh Giang thực làm càn.

Ý-tôn còn trẻ tuổi,
Trịnh Doanh càng già gian ;
Sửa chùa và xây động,
Bán tước với mua quan.

Ngựa xe giong-ruổi khắp,
Phủ khố tiêu hóa nhiều ;
Vua chơi kể vô-độ,
Hoang-túng biết dường bao.

Phó-vương chưa thỏa chí,
Thượng-vương mới thích-tình ;
Thực là gian-quyệt quá,
Giả tiếng sắc rồng Thanh.

Rồi ra trời đánh trượt,
Vẫn nên người bạn-ly ;
Già, Cử, Bồng, Tuyền, Tề,
Động cả trong bốn bề.

Trống còi vang đất gớm,
Cờ tán rợp trời ghê ;
Chẳng qua mưu diệt Trịnh,
Để tỏ ý phù Lê.

Hiển-tôn lên tức-vị,
Phù-lập bởi Trịnh Doanh ;
Nguyên dáng người long-phượng,
Vốn thực giống thần-minh.

Tuy có đức khoan-hậu,
Gặp phải buổi truân-chiên ;
Loạn ẩm trong ba phủ,
Giặc động ngoài bốn bên.

Trịnh Xâm nối sẵn lề,
Vũ-công càng sinh ghê ;
Cậy thế hơn dòng Trịnh,
Vu-oan thiệt giống Lê.

Mũ dầy rất đảo-điên,
Nào ai ra phù-chính ;
Vạc cả vốn duy-trì,
Hoàng-triều tiên-liệt-thánh.

Giống thần vốn linh thiêng,
Nào ai cũng ngấp-nghé ;
Khởi động ở Quảng-nam,
Tây-sơn Nguyễn Quang-Huệ.

Lê-hoàng ngồi tựa bụt,
Trịnh-chúa đối như ma ;
Ngoài đốc-chiến Nguyễn Huệ,
Trong cầu phong Minh-gia.

Đến khi tuổi đã già,
Khải, Tòng, Cán tuổi trẻ ;
Ngôi chúa cùng tranh nhau,
Phủ-binh ngày đắc-chí.

Xét lại thủa cầu-phong,
Nào ai có lòng trung ;
Duy có Vũ Trần-Thiệu,
Vốn người xứ Hải-dông.

Ngoài mặt tuy vâng Trịnh,
Trong lòng vẫn vị Lê ;
Động-đình rào-rạt sóng,
Lênh đênh một chiếc bè.

Dưới có lòng nước biếc,
Trên có mặt trời trông ;
Biểu tiên giong đuốc sáng,
Chén thuốc tới dòng trong.

Những phường gian-đảng đó,
Nghe ra nghĩ thẹn-thùng.
Ấy ai chìm nổi đó,
Nghe ra chắc sượng-sùng ;

Nhủ khuyên người tổ-quốc,
Thuyền con qua Động-đình ;

Hương-hoa mà kỷ-niệm,
Kỷ-niệm bậc trung-trinh.

Xét đương buổi gian-nan,
Nào ai lắm mưu gian ;
Duy có Nguyễn Hữu-Chỉnh,
Là Hương-cống Nghệ-an.

Nhân gặp đương thời loạn,
Đem mình để hàng Tây ;
Cơ-quan các mưu-lược,
Hết đem để dãi bày.

Dẫn-dục Tây-sơn lại,
Kéo thẳng tới kinh-huế ;
Giả danh trừ chúa Trịnh,
Nổi tiếng giúp vua Lê.

Xóm nam triều lại bắc,
Kinh-luân dối mọi bề ;
Tiếng giúp nhà vua lại,
Thực đem nước nhà về.

Sau bị phải tan xác,
Kể thực kể không oan ;
Than ôi truyện dưỡng-hổ,
Người xưa nói cũng tin.

Chiêu-thống khi tức-vị,
Vận Lê sắp hết rồi ;
Giường vua đã quét đất,
Thế chúa hẳn nghiêng trời.

Kẻ phù-lập Trịnh Lệ,
Người suy-tôn Trịnh Bồng ;
Tây-sơn theo lối đuổi,
Trịnh-thị chạy đường cùng.

Tóm kể đời nhà Trịnh,
Phi-đế và phi-bá ;
Quyền nghiêng cả quốc-quân,
Thế lăng cả thiên-hạ.

So cùng Mạc với Hồ,
Gian-ác có phần quá ;
Truyền ngôi được tám đời,
Tiêu-tường sinh khởi-họa.

Tây-sơn thừa thắng-thế,
Lê-hoàng phải chạy xiêu ;
Thái-hậu và nguyên-tử,
Dâng thư viện nước Tàu.

Người Tây đương thế được,
Quân Tàu cũng phải thua ;
Lê-hoàng phải bắc-hạnh,
Mưu-mô để tái-đồ.

Nghĩ thêm tim đỏ máu,
Lo rụng tóc xanh đầu ;
Cành Lê sương nắng chịu,
Trăm năm luống âu-sầu.

Nhớ lại khi truân-kiền,
Trung-thần mới tỏ ra ;
Lòng trung treo nhật-nguyệt,
Nghĩa-khí động sơn-hà.

Hoàng Phùng khi mắng giặc,
Chiêu Tuấn-Tú cần-vương ;
Cân Quýnh theo xe giá,
Văn-Quyên cầm dây cương.

Nam-nhân đà hiệu-lực,
Bắc-quốc cũng ân-cần ;
Kiền-long nhân mệnh tướng,
Sĩ-Nghị phụng hành quân.

Cứ xét như nhân-sự,
Xét ra thực hết rồi ;
Tiếc thay trời chẳng giúp,
Thành ra cũng luống công.

Nhớ lại khi bối-rối,
Đảng gian mới tỏ tường ;
Bia miệng lưu-truyền mãi,
Sử xanh chép rõ-ràng.

Tích Dương thực bạc tình,
Vào quyết-đoán đưa giáo ;
Cảnh Thiếc thực bất-nhân,
Cướp đường mà giật áo.

Vận suy suy bĩ quá,
Ngẫm nghĩ nghĩ buồn chưa ;
Sứ-thần Phúc-Khang-An,
Lập-tâm để dánh lừa.

Cứ xem như nhân-tâm,
Đã trở lìa như thế ;
Suy ra xem thiên-mệnh,
Chắc không ở nữa nhỉ.

Tóm kể đời nhà Lê,
Ba trăm sáu mươi năm ;

Công-đức bình Minh-khấu,
Danh-tướng dã vang-lừng.

Kể về khi sơ-chính,
Dáng tựa mặt trời lên;
Văn-đức vang nghìn thủa,
Vũ-công dậy bốn bên.

Kể về khi trung-hưng,
Dáng giống nhà Đông Chu;
Chân vạc chia ba chúa,
Ngai rồng đội một vua.

Kể về khi mạt-vận,
Giống Hán buổi suy-đồi;
Sợi tơ co chín vạc,
Trung nghĩa xiết bao người.

Tốt thay vận Hòa-đao,
Chung đúc nhiều vượng-khí;
Trường-trị vượt Đinh Lê,
Cửu-an hơn Trần Lý.

Ghi lại học lý-số,
Lý-học có ông Trình;
Chu-dịch đã đọc thuộc,
Thái-ất rất chuyên tinh.

Biết suốt việc kim-cổ,
Quán cả lẽ thiên-nhân;
Sấm-văn ghi ký đề,
Nghiệm ra cũng rất thần.

Ghi lại học y-khoa,
Y-học có ông Lãn;
Noi nối gót Kỳ Hoàng,
Chen theo chân Lư Biền.

Suy xét các bệnh-nguyên,
Tinh-thông các khí-mạnh;
Lãn-ông y-học bộ,
Xem ra kể cũng thánh.

Lại còn nhiều sự lạ,
Xem ra thú lạ dường;
Khắc Khoan tài sứ-mệnh,
Sang Minh cãi nợ vàng.

Tài thơ Giáp Công-Hải,
Đôi nước tiếng khôi-nguyên;
Nhân-chính Từ-công Thức,
Muôn thủa kiếp tu-tiên.

Văn-tài Đoàn Thị-Điểm,
Trăm đời tiếng tài-hoa;
Tiết-nghĩa Nguyễn Thị-Kim,
Nghìn thu tiếng Tì-bà.

Đó là ghi đại-lược,
Kể còn lắm truyện hay;
Truyền-kỳ ghi chẳng hết,
Trích-quái chép còn đầy.

Khuyên người xem tiểu-truyện,
Nên xem cho tinh-tường;
Sử Lê dầy cả trước,
Soi đây để làm gương.

THIÊN THỨ HAI MƯƠI MỐT

Tây-sơn tam phân quốc-thổ

Cây Lê bóng nhật tà,
Cung Đoài ánh sao mọc;
Nguyên Nhạc ứng điềm ra,
Nguyên là người bất-học.

Trời giáng điềm hoàng-long,
Đất ghi kiểu đại-tượng;
Nguyên trước làm biện-binh,
Nối sau làm tặc-tướng.

Rồi sau sợ thanh-thế,
Mã kiếm hiến vua Lê;
Chúa Trịnh ra phong tước,
Ban ân để vỗ-về.

Tự đấy càng đắc-chí,
Thanh-thế lại tung-hoành;
Em là Huệ là Lữ,
Có trí và tài nhanh.

Từ đấy càng thừa-thế,
Dưỡng-uy và súc-nhuệ;
Lại được Nguyễn Hữu-Chỉnh,
Cơ-mưu khéo bày vẽ.

Mượn tiếng phù vua Lê,
Ra uy trừ chúa Trịnh;
Khi ra bắc tiễu-bình,
Lúc vào nam phủ-định.

Tự xưng mình hoàng-đế,
Đóng ở giữa trung-ương;
Tuyển quan và thi-sĩ,
Sửa sang các mối giường.

Phong Huệ Bắc-bình-vương,
Mặt Bắc giao kinh-lý ;
Phong Lữ Đông-định-vương,
Mặt Nam giao quản-trị.

Một nhà kiêm một nước,
Ba xứ đặt ba vua ;
Non tây mùi sực-nức,
Hoa nụ rất thơm tho.

Phỏng trong luật gia-pháp,
Mà ngoài định quốc-vương ;
Để phòng khi thế-biến,
Nào ai dám khinh thường.

Tiếc thay trong một sớm,
Anh em cùng huỷch-tường ;
Đông tây chia môn-hộ,
Nam bắc cắt phong-cương.

Nguyễn Huệ cũng xưng-đế,
Kỷ-hiệu là Quang-trung ;
Tiếng là người phường vũ,
Tâm-sự thực anh-hùng.

Cùng anh là Nguyễn Nhạc,
Đổi dữ lại làm lành ;
Cùng em là Nguyễn Lữ,
Hòa-thuận chẳng cùng tranh.

Văn dùng Nguyễn Hữu-Chỉnh,
Vũ dùng Vũ Văn-Nhậm ;
Vó kỵ mưu ra Bắc,
Cánh bằng định vượt Nam.

Non Tây cờ diệt Trịnh,
Sông Bắc trống phù Lê ;
Trịnh-chúa nghe kính khiếp,
Lê-hoàng cũng trọng ghê.

Mặt bắc phá quân Thanh,
Mạn nam kinh chúa Nguyễn ;
Thanh-binh cũng phải lùi,
Nguyễn-quân không dám tiến.

Lại khéo việc bang-giao,
Sang Thanh để tiến cống ;
Sứ Nam thịnh nghi-dong,
Vua Tàu cũng long-trọng.

Lại tài nghề thủy-chiến,
Danh tiếng cũng vang ầm ;
Thuyền nam đem đánh nổi,
Tàu tây cũng phải chìm.

Đến khi tuổi đã già,
Chẳng kém gì đương trẻ ;
Súc-tích lắm binh-lương,
Tập-luyện nhiều tượng-mã.

Muốn đánh sang Chi-na,
Khôi-phục lại Lưỡng-Quảng ;
Tướng-lược động châu Long,
Quân-thanh vang quận Tượng.

Tiếc thay chí chưa thỏa,
Ngán nỗi việc chưa xong ;
Sông cùng và nước cạn,
Trời hãm kẻ anh-hùng.

Với Triều tuy có tội,
Đối nước há không công ;
Giá phải trời thêm tuổi,
Anh-hùng nhất Á-Đông.

Quang-Toản dòng ấu-chúa,
Đắc-Tuyên bậc lão-thần ;
Liêu thuộc cùng công-kích,
Nào ai kẻ cấm ngăn.

Thiệu, Thụy phường đồng-ấu,
Lân, Thấp bọn si-nhi ;
Kể xưa oai rất thịnh,
Tự đó thế dần suy.

Đức Thánh-tổ Cao-hoàng,
Mới ra tay kinh-lược ;
Non Tây bóng sao mờ,
Trời lại tỏ ánh sáng.

Tóm kể chúa Tây-sơn,
Ta đời mười-bảy năm,
Tiếng lừng ngoài nước Đế,
Danh vang trong nước Nam.

Đó chính thực là vua,
Không nên bảo là giặc ;
Nhạc Huệ phỏng tái-sinh,
Thét lên ai địch được ?

THIÊN THỨ HAI MƯƠI HAI

Hoàng Nguyễn nhất-thống tam-kỳ

Chấn-cung vầng nhật tỏ,
Đoài-khuyết bóng sao mờ ;

Đức Cao-hoàng triều Nguyễn,
Ưng điềm sáng-nghiệp ra.

Oai hồ giống dòng cha,
Huyệt rồng nhờ đất tổ;
Tổ-tích giúp Lê-hoàng,
Tông-chi kình Trịnh-chúa.

Kể từ cụ Triệu-tổ,
Cho đến ông Duệ-tôn;
Mười-hai đời truyền nối,
Hai trăm năm có hơn.

Danh tuy là Nguyễn-chúa,
Thực vốn vẫn Lê-thần;
Hoành-sơn một dải thẳng,
Vạn-đại để dung-thân.

Cao-hoàng lên nối mối,
Gặp đương buổi gian-nan;
Giận chưa nguôi Trịnh-chúa,
Tức lại gặp Tây-sơn.

Khởi binh từ Thuận-hóa,
Kéo ra Nam Bắc-kỳ;
Gội mưa và chải gió,
Lắm lúc thực gian-nguy.

Đào Duy-Từ Ngọc-sơn,
Tán-trợ việc binh-nhung;
Liệu giặc thiết kỳ-kế,
Tài chẳng kém Nhân-long.

Nguyễn Hữu-Tiến Tống-sơn,
Trù-hoạch việc quân-vụ;
Lâm trận lắm kỳ-mưu,
Người hô làm hắc-hổ.

Tiền-quân Nguyễn Văn-Thành,
Tả-quân Lê Văn-Duyệt;
Kẻ bày cách văn-mô,
Người giúp đường võ-liệt.

Này tiếng dùng nghiên bút,
Nọ sức tập cung-đao;
Dụng lực tuy rằng khác,
Tâm-sự cũng cùng nhau.

Cố-đạo Bá da-lộc,
Mĩ-hiệu là Đa-răng;
Nguyên từ bên Pháp lại,
Giúp hộ lắm tài-năng.

Vi-e là Văn-Thắng,
Đa-dốt là Văn-Chấn;
Cũng từ bên Pháp lại,
Tòng-chinh đều phấn-tấn.

Quang-vê ba-đa-chê,
Xe-nhô vi-ni-ê;
Mua giúp đồ súng đạn,
Vận chở máy tàu bè.

Người trắng khác mầu da,
Niềm son cùng một dạ;
Tự ấy người Tây-Âu,
Men dần sang Nam-Á.

Thanh-thế đức Cao-hoàng,
Tự đó càng nổi vang;
Ba quân lòng khẳng-khái,
Sáu ngựa chí phi-dương.

Ngọn cờ chỉ Nam-hà,
Bắt được Nguyễn Văn-Lâm;
Và mọi Tây-sơn tướng,
Trừ tan phép dữ Tần.

Tiếng trống ra Bắc-hà,
Bắt được Nguyễn Quang-Toản;
Và các Tây-sơn thần,
Ban ra điều-ước Hán.

Tây-bắc cùng núi rừng,
Đông-nam cực dương biển;
Non nước nước non nhà,
Từ đây mới thuộc Nguyễn.

Nói về việc nội-trị,
Qui-mô cũng hoằng-viễn;
Kỷ-nguyên là Gia-long,
Hiệu nước là Nam-Việt.

Kinh-đô đóng Thuận-huế,
Tức là chốn trung-ương;
Hoàng-đế là tôn-chủ,
Sửa-sang các mối giường.

Kinh-lý Nam Bắc-kỳ,
Gọi là thành Nam Bắc;
Đặt bổ văn-vũ quan,
Chia giữ việc quan-chức.

Mở khoa cầu người hiền,
Dựng miếu thờ tiên-thánh;

Sùng-tự phái vua Lê,
Truy-phong dòng chúa Trịnh,

Chiếu cầu sách đi-thư,
Châm-chước điều luật-lệ ;
Tu sửa sổ đinh-điền,
Sau định ngạch tô-thuế.

Mở thông đường giang-hà,
Đắp xây cửa hải-tân ;
Khai-thái mỏ sơn-lâm,
Ghi chép nơi phong-vật.

Tuyển binh giữ quan-ải,
Sức dân đắp đê đường ;
Chẩn-cấp dân cơ-khổ,
Ân-thích nước hung-hoang.

Chú-tạo cuộc ngân-tiền,
Bao-tưởng người tiết-nghĩa ;
Quyên xá kẻ bô-đào,
Khai-khẩn nơi hoang-phế.

Phàm muôn việc tệ-chính,
Nhất-thiết đều cải-cách ;
Phàm trăm sự công-ích,
Nhất-luật đem thi hành.

Nói về việc ngoại-giao,
Xét xem sự giao-hiếu ;
Giao với nước lớn nhỏ,
Thực cũng là hữu-đạo.

Một là phương-diện bắc,
Giao-tiếp với Đại-Thanh ;
Kim-ngân vừa đem cống,
Ngọc ấn đã bao vinh.

Hai là phương-diện nam,
Giao-thiệp với Cao-miên ;
Mệnh quan sang bảo hộ,
Phong vua để chiêu-yên.

Ba giao với Vạn-tượng,
Cống-vật có thành qui ;
Bốn giao với Nam-chưởng,
Xử-trí cũng đắc-nghi.

Năm là phương-diện nam,
Giao-thiệp với Xiêm-la ;
Trao đưa đồ ngọc-bạch,
Gác sếp ngọn can-qua.

Sáu là phương-diện tây,
Giao-thiệp với người Pháp ;
Bao nhiêu người có công,
Trọng-dụng và hậu-đáp.

Danh tiếng vang năm cõi,
Hùng-oai dậy tứ-lân ;
Kẻ khen người trí-giả,
Người trọng bậc nhân-nhân.

Hai-nhăm năm kinh-doanh,
Mười tám năm tu-lý ;
Công chẳng kém Đinh Lê,
Đức cũng ngang Trần Lý.

Thánh-tổ lên nối ngôi,
Kỷ-nguyên là Minh-mệnh ;
Đương vận-hội thái-bình,
Ưu-cần mọi việc chính.

Không đặt quan Tể-tướng,
Không thi khoa trạng nguyên ;
Không lập ngôi hoàng-hậu,
Không dùng chức hoạn-quan.

Hoàng-thân và đế-thích,
Không được dự quyền-chính ;
Văn-thần và vũ-tướng,
Đều phục theo mệnh định.

Văn-giáo lừng Mán Thổ ;
Vũ-oai dậy Xiêm Lào ;
Thần-công cùng thánh-đức,
Rực-rỡ kể dường bao.

Tiếc thay chỉ hưng-trung,
Mà lại hay bài ngoại ;
Người Pháp có công xưa,
Hết ra lòng bạc-đãi.

Đòi công hoàn bạc trả,
Mua hàng trả tiền đen ;
Thống-đả bọn giáo-sĩ,
Ức-chế đám thông-thuyền.

Thông-thư dùng hán-tự,
Không phiên-dịch Pháp-văn ;
Nghiêm cấm Gia-tô-đạo,
Phân sáp tùng-giáo-nhân.

Người Pháp từng tu-oán,
Muốn gây việc can-qua ;

Sửa-sang đồ chiến-cụ,
Nhưng vì chưa phát ra.

Hay đâu trong một sớm,
Rồng bay tới đỉnh-hồ;
Rồi sau sinh lắm việc,
Nạn nước nghĩ mà lo.

Hiến-tổ lên nối ngôi,
Tức là vua Thiệu-trị;
Nhân cảnh-tượng thái-hòa,
Nối giữ phép cương-kỷ.

Nhờ Thanh sách-phong-vương,
Cồn-ba thêm vinh-dự;
Tôn lễ quan đại-thần,
Bàn-bạc mọi chính-sự.

Kính thiên và pháp-tổ,
Cần-chính cùng ái-dân;
Bốn bài châm trước-tác,
Thực đáng đức nhân-quân.

Văn-đức khéo sửa-sang,
Vũ-công cũng chỉnh-sức;
Xiêm Lạp đều sợ uy,
Thị-sá cùng mến đức.

Tiếc thay theo dấu trước,
Lại ngược-đãi người ngoài;
Bọn giáo đều căm giận,
Khách buôn cũng ngậm-ngùi.

Đời vua Minh-mệnh xưa,
Người Pháp đã sinh tức;
Đời vua Thiệu-trị nay,
Người Pháp nghĩ càng bực.

Nào là đưa văn-thư,
Sai người sang để trách;
Nào là chở chiến-thuyền,
Đem binh sang để đánh.

Hai nước mới giao-binh,
Trên bể rất tung-hoành;
Mới hay đồ nhụt-chậm,
Địch sao được tinh-nhanh.

Tàu Tây vừa mới nổi,
Thuyền Nam đã phải chìm;
Súng Tây bắn vang dậy,
Súng Nam bắn im-im.

Tây-tướng vui mừng được,
Nam-hoàng tức giận thua;
Lại ngược-đãi Tây-thương,
Cùng cấm-cố giáo-đồ.

Hay đâu trong giây phút,
Xe hạc tới vân-cung;
Sau này sinh lắm việc,
Thế cũng rối bòng-bong.

Dực-tôn lên nối ngôi,
Kỷ-nguyên là Tự-đức;
Bẩm-chất rất thông-minh,
Lại thêm tài học-lực.

Đạo-quang mệnh khiển-lạo,
Sùng-quang lại tích-phong;
Trương Đăng-Quế phục-chính,
Sơ-chính tựa gương trong.

Cổ-động vẻ sĩ-khí,
Chấn-chỉnh thói dân-phong;
Bao-thưởng người tiết-nghĩa,
Tinh-thưởng kẻ tinh-trung

Sùng-tín nghề nho-học,
Trọng-dụng bậc nho-thần;
Tru-thuật nhiều thi-tịch,
Soạn kể lắm thư-văn.

Ngự-chế Việt-sử giám,
Xuất-ngôn tựa đá vàng;
Ngự-chế Việt-sử vịnh,
Hiệp vận đáng cung-thương.

Hồi loạn nhâm-tuất lên,
Khéo kén dùng vũ-tướng;
Một tiếng trống nổi vang,
Ba quân cờ thét vàng.

Dẹp giặc Cai Vàng Bắc,
Phá quân Ngô Côn Thanh;
Bình giặc trên Thái Lạng,
Yên cướp bể Hải-ninh.

Vũ-công đương vang-lừng,
Văn-đức càng tỏ-rõ;
Xét trong sử quốc-triều,
Thực là vua hiếm có.

Kể khi vừa tức-vị,
Có ý yêu người xa;

Rồi ra theo dấu trước,
Lại ngược-đãi giáo-gia,

Y-pha-nho cũng túc,
Với Pháp kéo binh sang;
Thả lùa ăn Đông-thổ,
Dắt ngựa uống Nam-dương.:

Trước đến xứ Nam-kỳ,
Tàu chiến phá Hải-quan;
Đông tây nguyên sáu tỉnh,
Sau trước mất hai phen.

Miếng đất như hòn ngọc,
Mất rồi ai tiếc thương;
Duy có một danh tướng,
Là cụ Nguyễn Tri-Phương.

Vì nước cố lòng thay,
Ra tay tranh chọi mãi;
Rồi ra kiệt tinh-thần,
Một mình khòn kéo lại.

Danh-nhân từ đó vắng,
Cõi đất thuộc về Tây;
Ấy ai hưởng ngon ngọt,
Mình lấy nghĩ đắng cay.

Thứ đến xứ Bắc-kỳ,
Tàu buôn mượn đường đi;
Sinh sự trong một tháng,
Liền phá các thành-trì.

Miếng đất như hạt châu,
Bỏ rồi ai yêu-giấu;
Duy có một văn-quan,
Mĩ-hiệu là Hoàng Diệu.

Vì vua hết sức thay,
Ra tay để cố-thủ;
Rồi ra kiệt tâm-thần,
Treo mình trên cổ-thụ.

Danh-nhân đã vắng rồi,
Người Tây nhận bảo-hộ;
Ấy ai hưởng thú-vui,
Mình lấy nghĩ sầu-khổ.

Sau đến xứ Trung-kỳ,
Bắn phá cửa Thuận-yên;
Tứ-Quảng trống nổi động,
Tam-tài cờ kéo lên.

Miếng đất như âu vàng,
Sớt rồi ai khóc thầm;
Duy có hai chú cháu,
Nguyễn Duy và Nguyễn Lâm.

Vì vua lại vì nước,
Ra tay để giữ-gìn;
Rồi ra kiệt tinh-lực,
Liều thân trước trận-tiền.

Vua cũng ưu-cần quá,
Sớm mặc và trưa-ăn;
Mặt trong tu chiến-cục,
Mặt ngoài ước cầu-thân.

Lại việc quân Cờ-đen,
Ra chống người mũ trắng;
Mũ trắng mới giao-binh,
Cờ đen bị đuổi thẳng.

Mã-nhung dương động địa,
Long-giá đã triều thiên;
Râu rồng vin chẳng kịp,
Quần-thần luống thở-than:

Hiệp-hòa được ba ngày,
Kiến-phúc vừa tám tháng;
Triều-chính rối như tơ,
Bách-quan đều chểnh-mảng.

Người Tây lại đánh tràn,
Quân Tàu phải thua đồ;
Việt Thanh ký giấy hòa,
Nhận Pháp làm bảo-hộ.

Rồi lại lập Hàm-nghi,
Nối lại dựng Đồng-khánh;
Chủ-chiến và chủ-hòa,
Bời-bời không nhất-định.

Hỏi ai chủ cuộc chiến,
Tức là Tôn-Thất Thuyết;
Chiến cùng mới chạy ra,
Loan-dư phải siêu giạt.

Tiếng động cả Nam Bắc,
Nghĩa-đoàn cùng nổi theo;
Cỏ cây cây cỏ cũ,
Thành ra phải nát nhèo.

Hỏi ai chủ cuộc hòa,
Tức là Nguyễn Văn-Tường;

Cuộc hòa vừa dính ước,
Long-giá đã trương-hoàng.

Phủ-dụ khắp trong ngoài,
Nhân-dân đều yên nghiệp

Non nước [illegible] xưa,
Lại nảy [illegible] xinh đẹp.

NGUYỄN THẾ-XƯƠNG

KHẢO VỀ LỐI VĂN NGỤ-NGÔN Ở CÁC NƯỚC

Văn ngụ-ngôn với những văn tiểu-thuyết, truyền-kỳ, hài-văn, kịch-bản, đều thuộc về lối văn bịa đặt cả, cho nên tiếng Pháp *fable* là ngụ-ngôn, mà tiểu-thuyết, truyền-kỳ cùng những tin ngoa-truyền cũng là *fable* cả.

Các thứ văn tiểu-thuyết, truyền-kỳ, hài-văn tuy là bịa đặt, song bịa đặt một cách còn giấu-giếm không chịu là bịa đặt, có khi như là việc có thực cũng được, đến như văn ngụ ngôn thì lại cố ý-nhiên nhận là bịa đặt, bịa đặt một cách sờ-sờ ra, có khi con vật hay cái đồ vật mà cũng biết nói bao giờ.

Cứ lấy cái thiên-kiến của những kẻ hay câu-nệ thì tất cho ngụ-ngôn là một lối văn không chính-đáng, không phải là cái bút-pháp tín-thực của nhà văn, cho nên ở Đông-phương ngày xưa thì có bài «*chiến-cổ* 戰 古 » giễu ông Mạnh-tử, trích ngay hai truyện ngụ-ngôn của ông mà đặt làm hai câu thơ rằng: « 乞丐焉能有二妻。鄰人安得許多鷄。Thằng ăn mày sao có hai vợ, hàng xóm lấy đâu được lắm gà ? » Ở Tây-phương thì ông ROUSSEAU trích ngày bài thơ ngụ-ngôn « *Le Corbeau et Le Renard*, con quạ với con cáo » mà phê bác từng chữ rằng : « Cáo mà biết nói ư? . . . Quạ mà gọi bằng *ông* ư ? ... »

Cứ kể những chỗ mà người ta đã bác đi đó không phải là không có lẽ, nhưng mà xem các văn-học-sử của cổ-kim đông-tây thì lại thấy lối văn ngụ-ngôn này có đã rất cổ, mà đời nào cũng thịnh-hành, từ nhà lập thuyết, nhà du-thuyết, nhà giáo-dục, nhà chính-trị, đến nhà tôn-giáo, đều lấy lối văn ngụ-ngôn làm một lối văn khuyên-răn cho người ta được thông hiểu : ngay từ khi hai dân-tộc Ấn-Á chưa mật-tiếp nhau, chưa đọc lẫn sách-vở của nhau thì lối văn ấy ở đâu cũng đã có đủ tinh-thần thể-tài mà cũng giống nhau như hệt rồi, thì biết cổ-nhân đều tự có sở-kiến chứ không phải là sự ngẫu-nhiên đâu.

Ông Mạnh-tử là một nhà đại-giáo-dục có nói rằng : « Dạy cũng có nhiều mẹo ». Làm sao mà dạy lại phải có nhiều mẹo, là vì trí-thức người ta có cao hạ khác nhau, nên cách dạy cũng phải có thiển thâm tùy từng bậc. Trường học, kinh sử, đạo-lý là chính-phép, là con đường ngay, là cách trực-tiếp của sự giáo-dục, mà nhà hát, bức họa, bài tiểu-thuyết có nghĩa chính-đáng thì là mẹo, là con đường tắt, là cách gián-tiếp về sự giáo-dục cả đó, biết như thế thì biết cái dụng-ý về lối văn ngụ-ngôn của cổ-nhân vậy.

Học trò ông Mạnh-tử là Công-đô-tử hỏi ông rằng : « Người ngoài ai cũng bảo thầy là hay biện-thuyết » Ông nói : « Ta có thích hay biện-thuyết làm gì đâu, ta bất-đắc-dĩ đó ». Cứ ba chữ « bất-đắc-dĩ » của ông Mạnh-tử là đủ giải tỏ cái thâm-ý, cái khổ-tâm của các nhà ngụ-ngôn đông tây xưa nay, bất-quá cũng là dùng cái mẹo hay đường tắt về sự giáo-dục đó mà thôi, coi đó thì biết những lời bài-bác trên kia thực là biết một mà chưa biết hai vậy.

Văn ngụ-ngôn đã chuyên về phương-diện khuyên răn và muốn cho chóng hiểu, thì nhà làm văn ngụ-ngôn phải có cái bụng công-chính, bao giờ cũng lấy nhân-tâm thế-đạo làm mục-đích, lại phải trải qua các lối diễn-kịch, họa-hội và mĩ-nghệ để mà bày vẽ cái trạng-thái của từng tấn-kịch cỏn còn bằng đăm ba lời thông-tục mà linh-hoạt khiến cho người dễ cảm, chỗ nào không có ý kích-thích mà phải mỉm cười, hư đó mà thực đó, tầm-thường đó mà cao-xa đó, vật đó mà người đó, nói tóm lại ngụ-ngôn là cái lời nói có ngụ ý, thế mà thôi.

Nay đem các lối văn ngụ-ngôn ở Trung-quốc, ở Ấn-độ ở Hi-lạp, ở Pháp-quốc cùng ở Việt-Nam ta giải bàn ra sau mà xem cái tinh-thần uyên-nguyên cùng cách hiệu-dụng khác nhau thế nào.

Văn ngụ-ngôn ở Trung-quốc. — Cứ xem các văn-học-sử thế-giới thì lối văn ngụ-ngôn có lẽ có sớm nhất từ Trung-quốc. Tức là bài thơ « *Quạ kia* 鴟鴞 » của ông Châu công trước Tây-lịch trước hơn một nghìn năm. Nguyên vua Vũ-vương là anh ông Châu-công đánh vua Trụ lấy thiên-hạ của nhà Thương rồi phong cho con vua Trụ là Vũ-Canh ở một xứ nhỏ mà cho hai em là Quản-thúc với Sái-thúc đến giám-đốc, ít lâu Vũ-vương chết, con là Thành-vương còn bé nối ngôi, Châu-công làm Thủ-tướng ; ông là một nhân-vật vĩ-đại ở Đông-phương xưa nay, lễ-văn chế-độ nhà Châu một tay ông sáng-lập lên cả, chính ông là người thay mặt Trung-quốc bắt đầu tiếp-đãi Sứ-thần của nước ta đó. Vũ-vương mất rồi, Quản-Thúc với Sái-Thúc mượn tiếng Vũ-Canh mà làm phản, phao ngôn đi rằng : « Châu-công muốn lợi-dụng thằng bé con », Châu-công phải đi đánh giết được Quản-Thúc Vũ-Canh mà xem ý Thành-vương cũng còn chưa tin bụng mình, mới làm ra bốn bài thơ « *Quạ kia* » đưa về cho Thành-vương để tỏ cái lòng ưu-quân ái-quốc là thế nào, mượn lời con chim mẹ bảo con quạ : « Mày đã bắt mất con tao, mày đừng phá nhà tao nữa ». Chim mẹ ví vào ông, con quạ ví Vũ-Canh, chim con ví Quản-thúc, tổ chim ví quốc-gia nhà Châu, lời văn rất bi-tráng, nay đọc còn chan-chứa tấm ưu-ái của một vĩ-nhân đã hết lòng hết sức lo tính cho nước nhà ; toàn-văn như sau :

一 鴟鴞鴟鴞。既取我子。
無毀我室。恩斯勤斯。
鬻子之閔斯。

二 迨天之未陰雨。徹彼
桑土。綢繆牖戶。今此
下民。莫敢侮予。

三 予手拮据。予所捋荼。
予所蓄租。予口卒瘏。
曰予未有室家。

四 予羽譙譙。予尾翛翛。
予室翹翹。風雨所漂
搖。予維音嘵嘵。

1° — *Quạ kia đã bắt con ta,*
Thôi đừng phá-hủy cửa nhà ta chi ;
Biết bao bú mớm bù trì,
Thương con ai cũng lòng kia khác nào.

2° — *Hôm nay trời chửa mưa dầm,*
Bẻ cành dâu để ta khuân về nhà ;
Khuân về chằng buộc nhà ta,
Dưới kia ai dám lân-la nhòm-hành.

3 — *Ta đi tha rác mọi nơi,*
Ta đi tìm kiếm lấy mồi chắt-chiu ;
Chân nam đá với chân chiêu,
Miệng khô vì nỗi dùm kiu cửa nhà.

4° — *Ta kêu réo-rắt gần xa,*
Đuôi ta cụp lại cánh ta xập-xèo ;
Vì chưng gió lật mưa đè,
Cửa nhà lay chuyển chỉn e rã rời.

Chương thứ hai nói cái ý dự-phòng tai-biến. Khổng phu-tử khen rằng : « Người làm bài thơ này thật là biết cái đạo trị-quốc. Mình chẳng buộc được nước nhà mình trước thì ai còn dám nhòm-hành nữa ». Ôi ! Đông-phương từ đấy đến nay, hơn ba nghìn năm, ngày nào chỗ nào cũng đọc đến bài thơ ấy bô-bô, mà ngày nào chỗ nào cũng thấy vong-quốc bại-gia ầm-ầm, thì biết có học mà không có cảm cũng chả ích gì.

Bài này là thủy-tổ lối ngụ-ngôn ở Đông-phương mà về sau cũng chỉ có một bài này là vận-văn, còn thì là tản-văn cả.

Xuống đến đời Đông-Châu, nghĩa là từ Xuân-thu đến Chiến-quốc hơn bốn trăm năm, thời-cục xoay dần ra cái thế liệt-quốc cạnh-tranh, học-thuật tự-do, tư-tưởng tự-do, ngôn-luận tự-do, nhân đó triết-học văn-học đại-tiến, các phái học-giả đua nhau nào lập-thuyết, nào du-thuyết để răn khuyên người đời, mà lối văn ngụ-ngôn về thời ấy cũng phát-đạt lắm, có hai nhà trứ-danh là ông Trang-tử với ông Mạnh-tử.

Ông Trang-tử ở đời Xuân-thu, ông muốn phát-huy một môn triết-học cao-siêu ra, nên văn của ông phải dùng nhiều những lời ngụ-ngôn để diễn-tả, như nói : « Con bọ ngựa chống với cái bánh xe — thiên *Nhân-gian-thế* », « con chó bằng cỏ đã tế thần rồi — thiên *Thiên-vận* », vân-vân. Song đều còn là nói đệm vào câu văn chứ chưa kết-cấu thành chuyện, thành chuyện thì như : « chuyện ông Hà-bá nghĩ mình là to, đến lúc ra bể, thấy bể mông-mênh bát-ngát mới vái thần Nhược (thần bể) thần Dương (thần đại-dương) mà thán phục vậy — thiên *Thu-thủy* . »

Ông Mạnh-tử ở đời Chiến-quốc, ông muốn cứu cái đời hôn-loạn ấy nên lời nói kích-thiết lắm, như trào-phúng kẻ đi bôn-cạnh phú-quí thì nói : « Anh chàng người nước Tề kia có hai vợ, vợ cả bảo vợ bé rằng : « Hôm nào thầy nó đi đâu về cũng thấy no say, hỏi thì nói đi chơi bời ăn uống với rặt những người phú-quí mà chả thấy người quan sang nào tới nhà, ta thử đi dình xem. » Mai vợ cả theo hút đi, khắp vùng chả thấy quen ai, sau hết thấy đến chỗ « cúng tạ mả » xin đồ thừa mà ăn không đủ lại đi xin chỗ khác. Vợ cả về bảo vợ bé rằng : « Chúng ta chỉ trông cậy về người chồng, mà nay thấy nó là đồ phú-quí ăn xin như thế, thì còn mong nỗi gì ! » Rồi hai vợ vừa khóc vừa mỉa-mai chồng ở nhà ra sân, chồng không biết, hí-hởn là ngoài về, vẫn ra bộ lên mặt với hai vợ ».

Răn kẻ muốn chóng thì nói : « Nước Tống có người muốn cho lúa chóng lớn, cầm cổ lúa kéo lên, hăm-hăm về kể công mệt nhọc, con ra xem thì lúa đã chết khô ra rồi. »

Công-kích lời bàn giảm thuế dân rằng : « Có một thằng mỗi ngày bắt trộm của hàng xóm một con gà, người ta bảo thế là xấu lắm, nó nói : Xin giảm mỗi tháng một con, sang năm thì thôi. — Như biết là bất-nghĩa thì sao không thôi ngay đi có được không. »

Đó là lược-trích mấy bài ở hai bộ sách Trang-tử với Mạnh-tử, còn các người thuyết-sĩ ở hai thời-đại ấy cũng có nhiều chuyện ngụ-ngôn hay lắm.

Chuyện « con bọ ngựa đánh con ve 螳螂捕蟬 » của thái-tử nước Ngô không những nói bằng lời lại diễn thành kịch nữa. Phù-Sai hay đi xâm-lược, Thái-tử muốn can, một buổi sáng

Thái-tử tay cầm cung tên, quần áo ướt-át ở vườn sau về. Vương-phụ thấy sự lạ bèn hỏi. Thái-tử thưa : « Con ra vườn sau nghe có con ve đang hóng gió kêu vang trên cành lấy làm đắc-sở lắm, ngờ đâu con bọ ngựa thót bụng giơ dao, men cành đến chực chém con ve mà ăn thịt. Con bọ ngựa đang chú-ý vào con ve, ngờ đâu con chim chích luồn bụi đến dình mồ con bọ ngựa. Con chim chích đang chú-ý vào con bọ ngựa, ngờ đâu hạ-thần giương cung lắp tên định bắn con chim chích, hạ-thần mải nhắm con chim chích ngờ đâu ở bên có cái hố sẩy chân ngã xuống lấm-láp cả để vương-phụ ngài cười. » Nói thế là chỉ nghĩa rằng nước Ngô đi đánh lấy được nước Tề nước Lỗ thì nước Việt sắp đem binh sang diệt nước Ngô đó.

Còn như chuyện người đất Quyên mua xương ngựa 涓人買死馬骨 của Quách Ngôi nói với vua Yên Chiêu-vương để tỏ ra rằng bọ xương ngựa « thiên-lý mã » còn mua nữa là chính con ngựa « thiên-lý mã », người chưa được hiền-tài còn qui nữa là đại-hiền-tài. Chuyện « Ông Tăng Sâm giết người 曾參殺人 » của Cam Mậu nói với vua Tần để vua đừng nghe người gièm pha mà tin mình, ý nói : « Hiếu đức đến ông Tăng Sâm mà ba bận có người đến mách bà mẹ rằng : « Tăng Sâm giết người », trước bà cụ còn không tin, sau cũng phải bỏ khung cửi đang dệt mà chạy, nhưng kỳ-thực là đứa trùng tính-danh với ông giết người, chứ ông có giết người đâu. Vậy tôi nay bì đâu với ông Tăng Sâm, vua tin tôi đâu bằng bà cụ Tăng-mẫu, những kẻ gièm tôi giết người chẳng những ba bận, e vua cũng đến bỏ khung cửi mất thôi »

Truyện « Biện Trang đâm hổ 卞莊刺虎 » của Trần Trần nói với vua Huệ-vương nước Tần, lược rằng : « Biện Trang đợi hai con hổ cắn nhau, tất một con chết một con đau, rồi đâm con đau là được cả đôi hổ, » để chứng rằng nên đợi cho hai nước Hàn với Ngụy đánh nhau rồi chỉ phải đánh một nước là được cả hai nước. Đó là những chuyện ngụ-ngôn đã có tiếng. Đến như chuyện « Con chai với con cò (蚌鷸相持) của Tô-đại ví nước Triệu nước Yên mà đánh nhau thì lợi cho nước Tần, kết-cấu y như ngụ-ngôn tây, nói rằng : « Con chai há mồm ra tìm ăn, con cò đến mổ vào ruột con chai, con chai cặp vỏ lại giữ lấy mỏ con cò. Con cò nói : « Nay không mưa mai không mưa. Chai mày tất chết ? » Con chai cũng nói : « Nay không về mai không về, cò mày phải tử ! » Hai bên đều không chịu buông tha nhau. Ông Lão đi câu ở đâu đến vớ cả đôi. » Truyện này người Đông-phương thích lắm, đã vẽ ra tranh ra đồ sứ để chơi ; câu : « bạng duật tương trì, ngư-ông đắc-lợi » thì người thường dân Việt-Nam ai cũng nhớ.

Từ Tần trở xuống văn-học suy dần, lối văn ngụ-ngôn không thịnh-hành, đời vua Tuyên-đế nhà Hán có một truyện « chữa cửa sổ bếp chệch lại và dọn đống củi đi (曲突徙薪) », nguyên trước Từ-Phúc thấy họ Hoắc lộng quyền, bèn tâu vua nên trị đi, vua không nghe. Sau họ Hoắc quả mưu bỏ vua, vua biết, giết cả nhà họ Hoắc, thưởng cho bọn cáo-giác mà không nói gì đến Từ-Phúc, có người vô danh dâng thư thuyết-khách cho Từ-Phúc, cả một bài thư ngắn ngắn là một bài ngụ-ngôn, đại lược nói : « Trước có người khách bảo nên chữa cái cửa sổ bếp chệch lại và dọn đống củi đi, thì chủ-nhân không nghe, một lát cháy nhà, xóm làng đến chữa, may lửa tắt, làm cỗ đãi xóm làng, người nào sém đầu bỏng trán thì ngồi cỗ trên, mà người khách bảo dọn bếp trước thì không nhớ đến. » Truyện này chép vào Sử-ký, còn các sách ngoài cũng còn mấy bài như : « Chuyện con ngựa của ông

Lão trên cửa ải (塞翁馬)» nói nghĩa họa-phúc không nhất-định, chuyện « Con lợn ở Liêu-đông (遼東豕) » bỉ kẻ vọng-tư tôn-đại, vân vân, song đại-đề đều không lý-thú bằng ngụ-ngôn cổ cả.

Lối văn ngụ-ngôn ở Ấn-độ. —Ở Ấn-độ về hồi Phật-giáo toàn-thịnh tức là hồi văn-học triết-học Ấn-độ toàn-thịnh, thì lối văn ngụ-ngôn cũng phát-đạt ở trong nhà chùa trong kinh sách Phật-giáo có chia ra một thể văn để cảm-hóa cho bọn « độn-căn chúng-sinh » nghĩa là những người ngu dốt, gọi là văn « si-dụ ». Si-dụ tức là ngụ-ngôn đó. Song lối văn ấy về tư-tưởng xuất thế khác hẳn với cái tư-tưởng nhân-sinh của xã-hội ta, đây chỉ lược thuật một chuyện sau này cho biết cái ngạnh-khái mà thôi. Chuyện tả về đời người nói : «Có một người bị bốn con cuồng-tượng nó đuổi chạy đến cái hố sâu vô-đề, miệng hố có cái dây leo thòng xuống, người ấy bám dây lần xuống, đến nửa chừng, trông xuống thì thấy những giống độc-ác, trông lên thì thấy có hai con chuột đến gặm cái dây. » Người ấy chỉ về người đời, bốn con cuồng-tượng vi bốn cái nghiệp nó khu-bách người ta Cái giây vi đời người, hai con chuột gặm vi ngày tháng mòn mỏi, dưới hố vi nơi sa-đọa, nghĩ đến đời người như thế còn có thú gì mà không tu-hành giải thoát.

Lối văn ngụ-ngôn ở Âu-châu. — Ở Âu-châu có hai nhà đại-gia chuyên-trị về lối văn ngụ-ngôn, xét về tinh-thần thì cũng giống như văn ngụ-ngôn Trung-quốc nhưng đến cái phương-pháp đem hiệu-dụng thì khác hẳn. Hai nhà đại-gia ấy là ông Esope với ông La Fontaine.

Ông Esope là người Hi-lạp vào hồi thế-kỷ thứ sáu trước Tây-lịch. Hi-lạp vốn là một cái tổ văn-học triết-học của Âu-châu về thượng-cổ cũng như Châu Lỗ ở Đông-phương. Lối văn ngụ-ngôn ở Hi-lạp có đã xưa lắm, trước đời Socrate (Tô-cách-lạp-đề) phu-tử đã có nhiều bài hay lắm. (Xem bài tựa sách thơ ngụ-ngôn La Fontaine), đến Esope mới tổ-thuật và soạn bẩn ngay ra một bộ ngụ-ngôn chuyên thử để dạy trẻ. Kể các văn ngụ-ngôn ở Trung-quốc, Ấn-độ và cổ Hi-lạp tuy đều là văn khuyên răn, song hoặc lâm-thời mà làm ra, hoặc làm ra để dạy hạng người đã lớn tuổi mà thôi. Cho nên tản-mát cả ở các sách khác, đến như soạn riêng ngay ra làm sách *Hoán-mông thú-vị thư* thì thật mới sáng-kiến ra từ ông vậy.

Ông là một bậc danh nho mà người xấu-xí đến không ai buồn nhìn, thân-thế vất-vả bị « mãi nô » đi mấy lần, ai không tưởng rằng lịch-sử của ông là một lịch sử để cho thiên-hạ vạn-thế về sau phải thương hại, phải tức cười cho cái hầm-hiu ngông, thế mà sách của ông thì lại làm ra ông phải thương-hại phải tức cười cho cái cuồng của thiên-hạ vạn-thế về sau. Ông khéo dùng những mặt trò lặt-vặt, những con vật vô-tri mà tả-mạc được hết cái tinh nết của loài người xưa nay. Từ những tư-tưởng về luân-lý, đạo-đức, chính-trị, cho đến nhân-tình thế-thái, tham bạo, lâu lỉnh, khờ dại cũng bày diễn ra một cách hoạt-động mà dễ hiểu, lại lý-thú để gợi cái giác-quan của con trẻ được cả, đan-cử như « Chuyện con giới với hai con cầy, *La Chauve Souris et les deux Belettes*» thì rõ là «đi với Bụt thì mặc áo cà-sa, đi với Ma thì mặc áo giấy » ; chuyện «cái nồi đất với cái nồi sắt, *Le pot de terre et le pot de fer* » thì thật không nên « tạu voi chung với đức ông » ; chuyện « con chó sói với con chiên con, *Le loup et l'Agneau* » thì «dứa ngắn cổ chẳng còn kêu vào đâu được nữa » ; chuyện « mặt trời với loài cóc nhái, *Le Soleil et les grenouilles*» thì rủa kẻ cường bạo đến cụt cuối cụt ngọn.

Người Âu-châu xưa nay lấy sách ông làm kim-khoa ngọc-luật cho trường Ấu-học, bây giờ thì dịch ra hết các thứ chữ trong thế-giới rồi. Ông thật là một vị tổ-sư về nghề gõ đầu trẻ trong thế-giới.

Ông LA FONTAINE là một nhà thi-nhân nước Pháp về thế-kỷ thứ mười bảy, mới đem sách ngụ-ngôn tản-văn của ESOPE dịch ra thành thơ tiếng Pháp, được sáu quyển đề là « *Ý sách ngụ-ngôn diễn-ca* của LA FONTAINE, *Fables d'Esope mises en vers par M.* DE LA FONTAINE ». Sau lại nối thêm thành 12 quyển cũng là thơ cả mà hợp làm một bộ tổng-danh là : FABLES DE LA FONTAINE.

Lối văn ngụ-ngôn ở Việt-Nam. — Văn ngụ-ngôn Việt-Nam ta có đủ hai thể văn vần văn xuôi, hai thứ chữ Hán-ngữ và Việt-ngữ ra thì chẳng có tự đó? Trần-mạt là thịnh-hành ở đời Hậu-Lê là thời văn-học thịnh thì phải, song các cụ cẩn-thận không dám công-nhiên nhận là mình đặt ra, về Hán-ngữ Việt-ngữ, truyện nào cũng có một câu phủ đầu rằng tác-giả cách-vật trí-tri nghe được tiếng con vật mà biết.

Về Hán-ngữ. — Những chuyện bằng Hán-ngữ đều là tản-văn cả, như chuyện « Con long với con hổ 龍虎鬬奇記 » tả về con long với con hổ thi sức khoe tài rồi đối-đáp với nhau, thúc-kết thì bênh con long là nhân mà bỉ con hổ là bạo, chuyện khá dài, không có tên tác-giả, nhưng lời văn đều là khuyên-sáo chắp nhặt chứ không có tư-tưởng gì mới cả.

Chuyện « Cóc đi thi 蟾蜍登龍門 » của ông Lê Quí-Đôn, truyền rằng ông định bỉ một ông quan triều người thô-bỉ nào đó mà làm ra, song cũng là câu chuyện hài-hước mà thôi, đại-ý nói : Cóc theo loài thủy-tộc lên cửa Long-môn thi, Long-vương thấy lạ hỏi : « Cái quái-vật gì mà bụng to da kệch thế này », rồi đạp cổ cóc xuống.

Có ba chuyện sau này đều khuyết danh tác-giả mà đều có nghĩa hay nhiều : chuyện « Con gà với con mèo con chó 三物傳 », ý là cho văn cũng không kém gì vũ, nên nói : Mèo kể công bắt chuột, chó kể công giữ trộm, gà kể công dậy sớm gọi con nhà chủ dậy học cho được thành tài-đức đỗ-đạt. Chuyện « Sức-vật hội-nghị 牛代言 » để trừng-giới kẻ lười, lược rằng : Trâu hội cả gà, chó, mèo và lợn lại mà bảo : « Anh gà kia thức-thời thì cho chiêm-nghiệm thời-tiết. Chú chó kia mạnh bạo thì cho giữ nhà, chú mèo nọ tài bắt chuột thì cho giữ thóc, còn tên lợn này ăn no ngủ kỹ thì chờ béo lên rồi ăn thịt ». Lợn kháng-nghị không chịu. Trâu rằng : « Biết sớm muộn mi không bằng gà, giữ kho không bằng mèo, coi trộm không bằng chó, mà lại ăn hại như thế không mổ để làm gì » Lợn hỏi : « Thế nào ông ? » Trâu nói : « Ta hết sức cầy ruộng để nuôi cả chúng bay ». Còn chuyện « Con ve với con ruồi tranh luận 羽虫角勝 » thì cực-tả con ve là bậc thanh-cao mà con ruồi là kẻ tham-ô.

Về Việt-ngữ. — Những chuyện ngụ-ngôn bằng Việt-ngữ thì về vận-văn cả, nay đọc còn thấy tinh-thần lý-thú không kém gì thơ LA FONTAINE.

Có bốn bài đoản-thiên vẫn dùng làm bài hát ru em, nên đàn bà trẻ con đều thuộc lòng cả. Nhưng nghĩa thơ cũng khí sâu mà ta không biết lợi-dụng để khai-trí cho trẻ, không ai cắt nghĩa ra bao giờ, trẻ con chỉ biết hát chứ không hiểu gì cả.

Bốn bài là :

1 — *Con gà cục tác* : « *Lá tranh* », *Con lợn ủn-ỉn* : « *Mua hành cho tôi* » ;
Con chó khóc đứng khóc ngồi :
« *Bà ơi đi chợ mua tôi đồng diềng* ».

Nghĩa là chanh để ăn thịt gà luộc, hành để nấu thịt lợn và diềng để nấu thịt chó, thì ra ở đời chỉ đòi lấy cái chết.

2° — *Con mèo mà trèo cây cau*
(hay là nhà sau),
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà?
Chú chuột đi chợ đường xa,
Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo.

Thì ra kẻ hèn vẫn phụng-sự kẻ mạnh mà kẻ mạnh cứ đình bắt chứ có tha cho đâu.

3° — *Con cò mà đi ăn đêm,*
Đỗ phải cành mềm lộn cổ xuống ao;
Ông ơi ông vớt tôi nao,
Tôi có lòng nào ông sẽ sáo măng;
Có sáo thì sáo nước trong,
Chớ sáo nước đục đau lòng cò con.

Tả cái lòng không dám quên ai tế-độ, dù có bị ngờ mà phải chết cũng xin cho chết một cách trong-sạch cho khỏi đau lòng.

4° Bài này dài hơn, tả về tình-trạng gia-đình kẻ bình-dân, lược rằng: Vợ chồng chim chích nở được bốn con, chồng dặn vợ ở nhà nuôi con, chồng đi kiếm mồi về nuôi. Sau vợ thương chồng vất-vả đòi đi kiếm thay, không ngờ lạ thổ, suốt ngày không được gì, trời nhá tối, thấy trong cái hoa sen có con nhện vào bắt thì hoa sen cụp lại bị giam cả đêm, mai mới về được, chồng ngờ là say đắm hoa nguyệt, vợ chim chích phải giãi bày: « *Tôi mà phụ dẫy chồng con, thì xin lên đỉnh núi non tôi thề* ».

Lại có hai chuyện trăng-thiên xuất-bản đã lâu là chuyện « *Trinh-thử* 貞鼠傳 » với chuyện « *Trê cóc* 鯽蛤傳 », nay tuy sai-suyễn nhiều chữ mà cũng vẫn còn hay, kết-cấu thật-thà, tả-mạc kỹ-càng, lời văn tuy cổ mà nhẹ-nhàng, bao-biếm mát-mẻ, thật có cái nghĩa « *ngôn chi giả vô tội, văn chi giả tức dĩ giới* » của nhà phong-nhân Đông-phương, nghĩa là lời nói vô-tội mà người nghe phải chừa vậy.

1° — Chuyện *Trinh-thử* nói tác-giả là một người học-trò tên là Hồ-sinh, đời Long-khánh vua Duệ-tôn nhà Trần, nhân ra kinh-thành chơi, trọ ở bên dinh Thủ-tướng Hồ Quí-Ly, có sở-cảm mà làm ra; có phải thật tác-giả ở thời ấy thì Quí-Ly lúc đó đã có chí khác đang củ-dụ vây cánh, nên tác-giả lấy làm thâm-bí Truyện tả một con chuột bạch cái góa chồng nuôi lũ con thơ mà ở chỗ nhà chủ ngay bên dinh Thủ-tướng Hồ Quí-Ly, nhân đêm sang dinh kiếm mồi, bị con chó nó đuổi chạy vào một cái hang ẩn thân, hang ấy của một con chuột đực vợ đi vắng, đang đêm có gái đẹp đến nhà chuột đực dỗ-dành trước lấy tình gợi, sau lấy lời dụ. Chuột bạch nhất-định thủ-tiết không chịu, hai bên nhiều đáp với nhau nhiều điều. Sau hết là chuột bạch vừa cáo-từ ra thì vợ chuột đực cũng vừa về bắt gặp, ngờ là có sự trăng hoa. Chuột cái lại mắc tiếng oan, Nghĩa chuyện đến đấy là đủ, nhưng tác-giả còn thêm-sao ra một đoạn nữa là vợ chồng chuột đực và chuột bạch ghen-tuông cãi-cọ om-xòm, ý để khôi hài cho vui đó thôi.

Trong chuyện những lời kiên-trinh của chuột bạch đã cố-nhiên đi rồi, đây chỉ lược trích mấy lời chuột đực dỗ-dành thật là rõ ra khẩu-khí một kẻ tham-phu mà khéo nói.

Chuột đực trước còn:

— *Đã hay trong đạo vợ chồng,*
Nghĩa sâu tình nặng há lòng chẳng thương.
Kinh quyền đôi lẽ là thường,
Được nơi tựa ngọc nương vàng thì thôi,
Một mình giữ lũ con thơ,
Dễ ai lo-lắng sớm trưa với mình....

Chuột bạch cũng không nghe lại nói:

— *Đã là tai mặt ở đời,*
Cứ mình chớ bắt chước người vụ danh.

Suy trong thế-thái nhân-tình,
Hễ là miễn được ích mình thì thôi...
— Thương nàng nay chửa an thân,
Ở nơi đình-trú Đông-lân bây giờ,
Khó-khăn nhà xác như vờ,
Nước sông gạo chợ củi mua từng đồng.
Gà về bới nát cỏ sân,
Mèo buồn lại chạy kiếm ăn ngõ ngoài.
Chó nằm hè gặm vỏ khoai,
Lợn ngồi dũi đất ngậm hơi gầy gò.
Vật nuôi còn chửa được no,
Của đâu thừa-thãi mà cho đến nàng.
— Vậy nên gặp cửa người đây,
Ngôi cao nhất- phẩm lộc dày thiên-
Vả nhà mấy kẻ hiền-lành, [chung.
Tụng kinh chẳng nỡ sát-sinh loài gì.
Đem con sang ở bên này,
Phòng khi ấm lạnh đỡ thay cho mình.

Không được bên đàm ra giong vòi :

Chúa quân dẫu có [illegible]h-hanh,
Đến vườn cũng bẻ một [illegible] thể ho cam!...

Nhưng cũng không [illegible] thua gì cả.

2° Chuyện *Trê-cóc* là về quan tham lại những, sự kiện-cáo vô-ích, không có tên tác-giả, chuyện nói : Con cóc đi kiện cá trê nhận sít mất con, quan Phủ Hải-giang bắt trê đem vợ trê phải đút lót cả quan-nha, Thông Tâm về khám làm biên-bản nói những con nông-nọc giống trê như hệt, cóc phản-tọa lại bị giam, vợ cóc đi tìm được thầy kiện Nhái-Bén, Bén rằng :

« Ở đời là kiếp phù-sinh,
Giống nào giống ấy tranh-hành làm chi.
Trê kia là đứa ngu-si,
Chẳng qua tham dại nghĩ gì đến sau.
Thôi đừng kiện cáo chi nhau,
Con đương trứng nước dễ hầu làm [sao,
Để cho trê nó bù-trì,
Rụng đuôi nó tự tìm về là hơn.
Muốn cho êm-ái đôi bên,
Thì đem trình Phủ mà xin chồng về.
Nhược-bằng có giạ tranh-thi,
Làm đơn kiện lại cho trê khó gì. »

∴

Văn là cái khí tự trong người phát-lộ ra, không thể giấu được, cũng không thể giả-rá được, mà nhất là những văn thuyết-bộ ca-kịch lại càng dễ phát-biểu cái tính-tình hiếu-thượng của các dân-tộc ra hơn là sách khác. Nay ta khảo qua các lối văn ngụ-ngôn thế-giới trên ấy, Đông-phương thì có vẻ trang-nghiêm phác-thực, Thiên-trúc thì có vẻ trầm-uất mơ-màng, Âu-châu thì có vẻ hoạt-bát hóm-hỉnh, như thế mà ở đâu dạy-dỗ hun-đúc cho đấy, mấy trăm nghìn đời truyền làm « chủng trí », diễn ra phong-tục, dựng nên sự-nghiệp, nhất-đán gặp nhau xô-xát nhau, ai quyệt mà ai ngay, ai khôn mà ai dại, ai mạnh mà ai yếu, cho đến ai thành mà ai bại, có thể suy biết được ít nhiều cái sở-dĩ nhiên.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

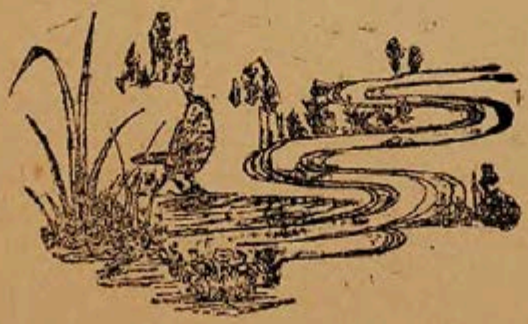

DỊCH THƠ ĐỜI LÝ VÀ TRẦN (1)

李陳詩選譯義

III

LXXXVI

禁 隱 支 樓 軍 澗 藩 千
闕 風 稜 瀨 後 南 城 里
岩 跋 關 谷 軍 澗 疊 邊
繞 馬 險 深 前 北 砦 邊
雲 高 與 於 青 紅 一 般
氣 回 天 井 兜 旗 醴 鼓
西。首。齊。底。啼，鞨。鷄。鼓。

支稜洞

Động Chi-lăng

Nổi trống tuần biên bước dặm ngàn,
Xem tầy trùng nhỏ khóm phiên-man ;
Quạt cờ đông đội che đầu núi,
Gầm thét ba quân kéo một đoàn ;
Lầu Lại hang sâu dò khó tới,
Chi-lăng cửa hiểm vượt khôn toan ;
Ngựa giong trước gió nghiêng đầu ngắm,
Cung khuyết mây đoài lúc hợp tan.

LXXXVII

歷 白 秦 孔 大 貢 舊 萬
歷 頭 城 廟 別 河 遊 里 馳
江 因 漢 堯 驛 波 三 驅
山 觀 邑 都 提 浪 十 北
在 公 入 供 彭 太 又 使
眼 行 吟 訪 孟 行 三 使
前。色。編。覽。船。雪。年。燕。

和大明使余貴

Họa thơ quan Sứ nhà Minh

Giong-ruổi dặm nghìn đường sứ Yên,
Lối xưa ba chục lại ba niên ;
Hoàng-hà Thái-hành sóng vời tuyết,
Đại-biệt Bành mâu trạm rồi thuyền ;
Đền Khổng dò Nghiêu thăm cảnh cũ,
Thành Tần ấp Hán vẽ tờ tiên ;
Sứ-trình non nước già còn nhớ,
Trước mắt dường treo bức cảnh tiên.

LXXXVIII

清 醉 翁 文 傘 玉 江 新
時 墨 仲 郎 圓 珥 上 朝
人 淋 祠 城 霽 寒 春 使
物 漓 深 古 色 光 風 者
盛 題 雲 山 [illegible] 侵 試 日
三 驛 [illegible] nhà 昇 廣 倚 從
雍。壁。濃。là。龍。野。筆。容。

珥河驛

和大明使題

Họa thơ sứ Tàu đề trạm Nhị-hà

Quan sứ thiên-triều thanh-thả thay,
Trên sông chiếc gậy gió lung-lay ;
Trăm vùng ruộng tốt sông Hoàng tắm,
Một vẻ thành Long núi Tản bày ;
Quanh lũy Văn-lang đôi khóm núi,
Trước đền Ông-Trọng mấy tầng mây ;
Bốn bề vách trạm câu thần-diệu,
Nhân-vật Tam-ung há dễ tầy.

LXXXIX

依 小 滿 兩 呆 榮 民 卽
舊 臣 城 岸 口 河 熙 墨
藍 歲 細 新 嵐 水 俗 行
袍 歲 雨 霜 搖 送 古 都
司 陪 土 金 百 九 太 古
隸 鑒 蝦 福 丈 重 平 澗
前。輅。天。國。船。殿。年。瀍。

扈駕天長卽事

(1) Xem N. P. số 114, 115

Ảnh đắp đê ở Bắc-kỳ

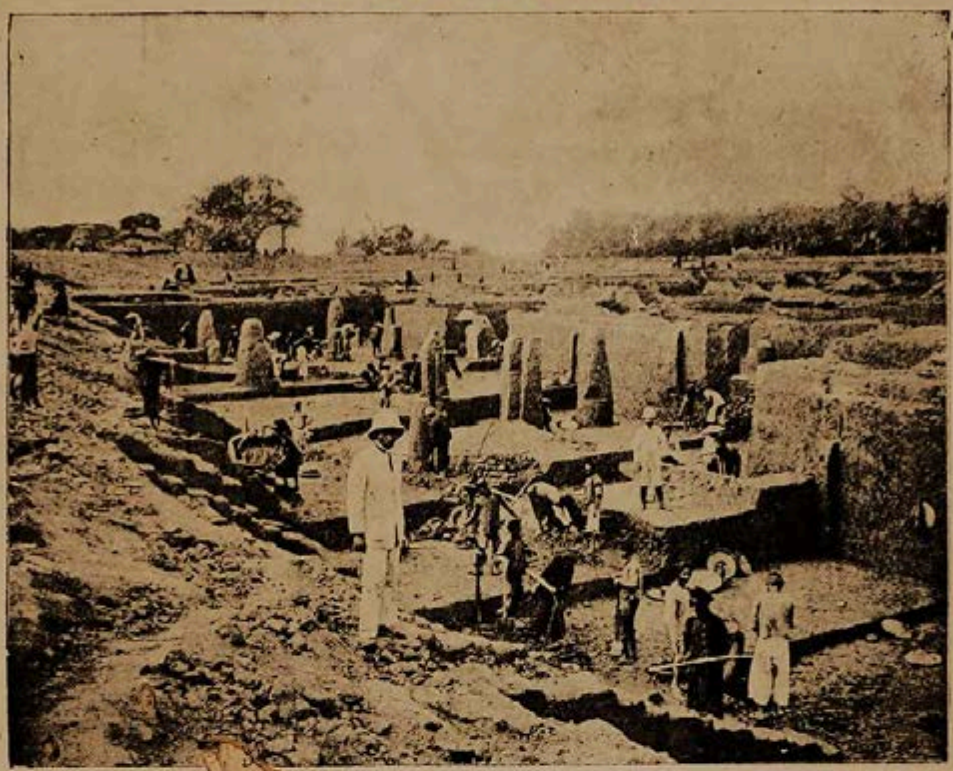

Phu đang lấy đất

Việc đắp đê trị-thủy ở bến Gia-lâm

Ảnh T. C. Khuyến

Ảnh đắp đê ở Bắc-kỳ

Xe máy nghiền đất

Lúc phu ra về

Kinh ảnh T. C. Khuyến

Tức-sự khi hỗ-giá ở Thiên-tràng

Tức-mặc dành riêng đất ngự chơi,
Thái-bình dân cũ tục khôn dời;
Nước quanh đền ngự sông Vinh rộng,
Gió đón thuyền rồng cửa Cảo khơi;
Khắp bến mới mang mầu móc quít,
Đầy thành rải-rắc hạt mưa rươi;
Thường năm hỗ-giá thường chầu-chực,
Một bộ bào xanh sắc vẫn tươi.

XC

春日應制

新和大社定新儀。側聽侍臣傳內旨。文體先奏帝奇。宸心二兩三王古。細乳廣厦渴鳴鸞。宣召鳴臣秦兩漢。雲雲九色擁宮殿。

Ngày xuân [illegible]ng chế

Chín sắc mây hồng [illegible] vàng,
Nho-thần [illegible] đội chỉ [illegible] quân-vương;
Tiếng chim trưa rộn thấy chuông khắc,
Giường ngự thơm xông ái đỉnh hương;
Sánh với đế-vương lòng quảng-đại,
Lạ hơn Tần Hán cách văn-chương;
Nội-thần truyền chỉ đều nghe cả,
Định lễ Kỳ-hòa rất mới mang.

XCI

登天奇山留題

春歸竹徑深。風是先花。水龍。鶴明。多有好江山。雲花。檻。田時。敢。乞。閒。

Đề núi Thiên-kỳ

Non sông cảnh đẹp nhớ Đông-triều,
Lối hẹn vi chưng mến thánh-triều;
Ruộng hạc biếc phai chân bước lại,
Xe rồng mây khuất mắt nhìn theo;
Ngoài hiên gió nước rêu đầy khóm,
Giữa suối hoa cây đá mốc meo;
Đất ấy tiên-hoàng thường ngự tới,
Xuân về bao thuở cảnh buồn teo.

XCII

題玄天觀

陳元旦 王昭明 曾孫胡季犛專權歸崐山有冰壺集

回首愧黃冠。白日升天易。塵埃六十載。致君堯舜難。

Đề quán Huyền-thiên (Trần Nguyên-Đán)

Hóa tiên còn việc dễ,
Trị chúa rất gian-nan;
Sáu chục năm đua đuổi,
Nhìn ai hổ mũ vàng.

XCIII

壬寅六月作

白頭空負愛民心。三萬卷書無用處。禾稿苗傷書深。年來夏旱又秋霖。

Tháng sáu năm nhâm-dần

Hạn rồi qua lụt đã ghê phen,
Đau nỗi đồng điền lúa chẳng lên;
Đống sách hóa ra tờ giấy nát,
Bạc đầu chưa chút chữa dân đen.

XCIV

戊申正月作

年纔四十便休官。自笑不如錢若水。世上紛紛萬事難。三分頭白寸心丹。

Tháng giêng năm mậu thân

Ba phần đầu bạc tấc niềm đan,
Khăng-khít trăm chiều việc thế-gian;

Mình hồ mình thua tiền-nhược-thủy,
Bốn mươi tuổi đã sớm từ quan.

XCV

夜歸舟中作

分歸朔萬
取舟燕國
漁未東民
燈穩汴生
照江已沸
古湖邱鼎
書。夢。墟。魚。

Đi thuyền về đêm

Dân bị lầm-than mấy triệu thừa,
Yên tan Biện nát đã bao giờ;
Giang-hồ chiếc gối chưa yên giấc,
Mượn lửa thuyền chài đọc sách xưa.

XCVI

不寐

病目故官
愈前園舍
不盡松秋
如是菊霜
猶闌在漏
病心天轉
時。事。涯。遲。

Chẳng ngủ

Mái nhà sương nặng khắc chuông lâu,
Tùng cúc vườn xưa biết ở đâu;
Trước mắt trăm điều trong dạ rối,
Đau lành sao tựa lúc còn đau.

XCVII

賀樵隱朱先生拜國子司業

爭華蒼布敬窮上學
得勳頭襪老經庠海
巢只白芒崇博山回
由是髮鞋儒史斗瀾
作垂浴歸政工得俗
內常沂去化夫斯再
置。治。春。日。新。大。人。醇。

Mừng ông Chu Văn-An

Học truyền Khổng Mạnh thói Đường Ngu,
Nhân-phẩm dành nên bậc phạm-mô:
Công cả sôi kinh và nấu sử,
Chính hay mến lão lại ưa nho;
Thú vui vườn cũ dày mo đạo,
Xuân tắm sông Nghi tóc tuyết phô;
Giúp trị nhà vua xiêm áo rủ,
Tôi trong âu cũng có Sào Do.

XCVIII

奉賡太上皇御製天長府重光宮

料清芳長優寄鶴漢
知暇草空遊與髮家
夢每春秋山乾道豐
寨存回皎色高遙沛
到尊綠黃水坤太竹
昇赴浦江聲厚金爲
龍。念。風。月。中。外。翁。宮。

Họa bài thơ chế cung Trùng-quang nhà Thiên-tràng

Dường như cung trúc Hán ngày xưa,
Thái-thượng người nhàn tóc hạc thưa;
Đất rộng trời cao cơn hứng giục,
Non xanh nước biếc thú vui thừa;
Trên không thu quạnh trăng sông dãi,
Ngọn cỏ xuân dầy gió bãi đưa;
Tôn-xã khi nhàn thường sực nhớ,
Thành Long vào mộng tỉnh hay chưa.

XCIX

九月三十日有感

青晚一千雲香銀林
燈菊去金凝渡漢檻
黃早不難古小無半
卷梅回買鼎鑑光掩
舊新閒好熟新日逗
生富歲秋闌稻影霜
涯。貴。花。色。茶。粥。斜。花。

Cảm-tình về cuối thu

Cánh song khép mở giọt sương sa,
Lấp-loáng trên không bóng ác tà;

Cháo nếp đầy sanh hương vẫn mới,
Chè sen một vạc chín thì pha ;
Mầu thu khôn lấy nghìn vàng đổi,
Ngày tết lần đi một bước xa ;
Mai cúc mới thêm bông phú-quí,
Sách đèn xưa vẫn chước sinh-nhai.

C

山中遣興

十年政省負秋燈。
松下行客藤。
隨馬門閒望吟。
叩門給閒緣野字塵。
散退給閒青功成苗。
坐散待老骨已名。
一邱逢屠。

Chơi núi

Mười năm hồ với ngọn thu-đăng,
Dưới [illegible]-ngả chống gậy dẳng ;
Theo n[illegible]ra trông ch[illegible] không kẻ tục,
Gõ song hỏi chữ có n[illegible] thầy ;
Vườn toan biếng cũ e[illegible]y muộn,
Lúa hãy còn xanh kho[illegible]ói-năng ;
Muốn đợi công-danh tròn vẹn đã,
Cái già từng đã tới sau lưng.

CI

奉北使恭遇熙陵大祥日有感

范仁卿號古山。遙。土。官監修國史。

隆慶年間被選。
詔陪臣。
桂宮從駙使綴
梅砌從嚴遂瞻依
西狩茫茫迷大駕。
北行冉冉遇哀時。
札文有靈情無盡。
蒼梧淚滿巾。

Phụng Bắc-sứ (Phạm Nhân-Khanh)

Long-khánh năm kia có chiếu đòi,
Sứ-thiều theo lối phận làm tôi ;
Trông chừng cung quế lầy gang tấc,
Hầu chuyện thềm mai đã mấy hồi ;
Giá trở miền tây đường khấp-khểnh,
Người qua cõi bắc bước lôi-thôi ;
Lễ-văn dầu hết tình chưa hết,
Trông nẻo thương-ngô lệ xụt-xùi.

CII

七夕

斗杓轉火輪收。
天上佳期會牛。
銀高佳期橫鉤。
星橋渚斜月夜。
鎖分橋渚斜月樓。
香滿佳人匹掛橫雲。
笑我生來亦從針線如。
世間機巧亦從針悲。
斗杓轉火輪收。
天上佳期會牛。
銀高佳期橫鉤。
星橋渚斜月夜。
鎖分橋渚斜月樓。
香滿佳人匹掛橫雲。
笑我生來亦從針線如。
世間機巧亦從針悲。

Mồng bảy tháng bảy

Chuôi đầu về tây bánh hỏa thâu,
Duyên trời gặp gỡ Nữ và Ngưu ;
Mây giăng sông bạc dường cây tán,
Trăng đứng cầu sao tựa lưỡi câu ;
Mùi đủ vui buồn đêm kết ước,
Hương xông kim cải khách nương lầu ;
Cười mình bản-tính xưa nay mộng,
Khéo-léo nghề ai chẳng chút cầu.

CIII

雁字

高秋澤國早寒生。
天外遙看點橫。
雨雲作點字橫。
一衙雨雲作點字橫。
半一衙雨雲作點字橫。
笑半一衙雨雲作點字橫。
滿笑半一衙雨雲作點字橫。

Chữ nhạn

Thu già mặt nước lạnh lùng thay,
Một nét ngoài trời chữ nhạn bày ;
Nghìn điểm tung ra mưa rải-rắc,
Và hàng cỏ xuống gió lung-lay ;
Đón tin sương tới cơn mây dựng,
Đưa bức thư về bóng nguyệt ngay ;
Mình hồ tài thua Thương-Hiệt trước
Dấu chim chan-chứa chữ khôn hay.

CIV

題秋江送別圖

陳廷琛號樗圖。南昌人。嘗使明。官御史。

江樹晴更濃。
江波綠未已。
離思浩難收。
滔滔寄江水。

Đề tranh thu-giang tống-biệt

(Trần Đình-Tham)

Trên sông sắc cây nồng,
Dưới sông làn sóng biếc;
Li-biệt sầu chứa-chan,
Nước sông biết không biết.

CV

北使題桂林驛

無名氏

楊柳長亭又短亭。
秋風吹旆著江城，
無人相識客逢客。
有事可陳情度情。
千里鄉心蝴蝶夢。
一般客緒鷓鴣聲。
不知擁節明朝去，
又是烟波幾日程。

Sứ Tàu đề trạm Quế-lâm (Vô-danh)

Dài ngắn bờ dương trải mấy đình,
Gió đưa cờ tiết tới giang-thành;
Mặt nhìn tỏ mặt đôi bên khách,
Ai ngỏ cùng ai một mối tình;
Hồn bướm mơ-màng nhà sực nhớ,
Tiếng chim rầu rĩ dạ khôn đành;
Biết đâu sứ-tiết ngày mai đã,
Đường mấy ngày đi vượt sóng kềnh.

又體

十月炎蒸臥桂林。
蕭風何可得披襟。
樹蟬聲響客懷古。
庭菊花開秋夢深。
醉裏乾坤新使節。
吟邊山水舊知音。
無端夜半空階雨。
滴碎鄉關萬里心。

Thành Quế như hun nắng tháng mười,
Gió nam trông đợi chẳng tăm hơi;
Tấm lòng thổn-thức đoàn ve rộn,
Giấc mộng say-sưa nhị cúc phơi;
Một chén sứ-trình trời đất khách,
Mấy câu tri-kỷ nước non người;
Mưa đêm bỗng đã thềm rơi giọt,
Như giục lòng quê mấy dặm khơi.

CVI

示寂

僧法螺 姓同。九羅人。仁宗時嘗稱有道眼。居安子山。號竹林。

萬端截斷一身閑，
四十年餘夢幻間。
珍重諸人休借問。
那邊風月更遐寬。

Bảo sự chết (Tăng Pháp-Loa)

Nghìn sầu rửa sạch một thân nhàn,
Hơn bốn mươi năm giấc mộng tàn;
Nhắn gửi người đời xin chớ hỏi,
Gió trăng nhiều thú khác nhân-gian.

CVII

菊花

僧玄光 姓陳。武[illegible]萬載人。英嘗賜號竹林。

忘身[illegible]世已都忘。
臥久[illegible]涼。
歲晚山中無曆日。
菊花開處即重陽。

Hoa cúc (Tăng Huyền-Quang)

Thân-thế nào hay có với không,
Một giường lạnh ngắt kẻ ngồi trông
Giữa non năm cuối quên ngày tháng,
Mách tiết trùng-dương cúc, nở bông.

CVIII

舟中

一棗扁舟湖海客。
撑出萃行風城黨，
微茫四顧海潮生。
江水連天一鷗白。

Trong thuyền

Dấu khách giang-hồ thuyền một lá,
Hàng lau lách gió trẻo thong-thả;

Bốn bề trông quạnh ngọn triều lên,
Nước biếc in trời âu trắng xóa.

CIX

石室

爐 窗 一 半
殘 在 領 間
榜 禪 毳 石
出 床 衣 壁
日 經 經 和
三 在 歲 雲
竿。案。寒。住。

Thạch thất

Mây êm đòi khóm vả gian đá,
Trời lạnh thường năm một áo lông ;
Người tựa giường thiền kinh trước án,
Lò hương tro trắng bóng dương hồng.

CX

山宇

蛩 已 山 水
聲 矣 宇 thế
唧 成 簫 c
唧 禪 然 ...
爲 心 枕 拂
誰 一 綠 簷
多。片。羅。牙。

Nhà ở núi

Thu tới ngoài hiên giục gió đêm,
Nhà non chiếc gối cỏ cây êm ;
Tấm lòng đành đã say mùi đạo,
Tiếng dế vì ai rộn góc thềm,

CXI

泛舟

月 數 山 水
落 聲 青 艇
波 漁 水 乘
心 笛 綠 風
霜 蘆 又 泛
滿 花 秋 渺
江。外。光。茫。

Chơi thuyền

Lá thuyền cưỡi gió sóng mênh mông,
Non nước trời thu một sắc trong ;
Tiếng địch thuyền câu ngoài bến sậy,
Trăng rơi đáy nước móc đầy sông.

CXII

贈仕途子弟

一 如 光 富
楊 何 陰 貴
松 小 流 浮
風 隱 水 雲
茶 林 急 遲
一 泉 相 未
杯。下。催。到。

Tặng tử-đệ làm quan

Giàu sang mây nổi dùng-dằng đến,
Ngày tháng thoi đưa đắp-đổi liền ;
Thả tới lâm-tuyền mua thú ẩn,
Giường tùng gió thoảng chén chè chuyên.

CXIII

安子山庵居

過 竹 扶 抱 猶 已 門 庵
半 林 衰 拙 尺 竿 開 迫
伴 多 有 無 虎 龍 雲 青
閒 宿 瘦 餘 溪 洞 上 霄
僧。鳥。藤。策。冰。日。層。冷。

Am núi An-tử

Khí lạnh xâm am núi,
Tăng cao mở cửa mây ;
Động rồng trời đã sáng,
Khe Hổ giá đương đầy ;
Quê kệch nghề trăm vụng,
Già nua gậy một cây ;
Rừng tre chim đậu khóm,
Quá nửa bạn nhà thầy.

CXIV

⊙閏胡詩 遊東亭和蕊溪韻

胡尊鶩 演州士城人 官翰林。

休 幸 羨 變 不 已 文 才
怪 能 魚 豹 復 將 章 識
東 日 何 只 功 得 嗟 如
亭 月 必 堪 名 爽 我 君
似 頻 苦 閒 到 遺 老 倘
磐 來 隱 隱 枕 形 無 少
懸。往。川。霧。邊。外。緣。年。

THƠ ĐỜI NHUẬN-HỒ

Chơi Đông đình (Hồ Tôn-Thốc)

Khen ai tài-bộ tuổi còn xanh,
Giả với văn-chương hồ phận mình ;
Lòng Phật hẳn quên điều được mất,
Giấc tiên nào thấy cuộc đua tranh ;
Che mù đành vậy beo trên núi,
Không lưới khen chi cá dưới ghềnh ;
Thăm viếng miễn cho ngày mỗi có,
Khánh treo chớ ngại kẻ Đông-đình.

CXV

化城晨鐘

阮飛卿 溪人榜眼仕龍名應 胡侍郎。

月潮疎遠
白生疎遠
又天落從
江地客僧
空。曉。蓬。寺。

Chuông sớm ở thành Huế

(Nguyễn Phi-Khanh)

Xa xa từ cửa Phật,
Nhẻ nhẹ tới mái bồng ;
Trời đất con triều sớm,
Trong veo nguyệt giữa sông.

CXVI

黃江夜雨

胡孤鈞蓬
海燈蓬浦
十明半三
年又夜秋
情。滅。聲。雨。

Sông Hoàng-giang đêm mưa

Gió bãi ba thu trọn,
Thuyền đêm một tiếng đưa ;
Chiếc đèn khi đỏ tắt,
Hồ-hải nhớ tình xưa.

CXVII

中秋玩月有懷

騷遙月匆
魂想白匆
幾故風客
度人清裏
遙襟獨又
雨運自中
樓。在。愁。秋。

Xem trăng trung-thu có cảm

Quê người khách lại gặp trung-thâu,
Gió mát trăng thanh giục mối sầu ;
Trênh nhớ người quen thơ nặng túi,
Hồn ngâm mấy độ dạo quanh lầu.

CXVIII

家園樂

安逐學心涼啼六故
仁物到從風鳥歲園
志勞充閒殘落兒亂
已人時處夢花童後
遂休四千半深頗有
幽誤體憂窗巷愛先
居。我。舒。失。虛。永。書。庶。

Vui vườn nhà

Vườn xưa kinh loạn tin nhà xưa,
Ham sách vui xem lũ trẻ thơ ;
Hoa rụng chim kêu đầu ngọ vắng,
Giấc tàn gió lọt cánh song thưa ;
Lòng vào chốn tĩnh thiên cầu rứt,
Học đến chừng hay sức khỏe thua ;
Trần lụy buộc mình lù' ấy khỏi,
Chàng Phan chiếc ốc đủ khoan thư.

CXIX

過鹹子關

陳婁 東岸人。胡太學生。明授訓導。

水唆胡王旗鼓如說
綠都軍道旆鉦今著
山授抱回參淘鹹沙
清首恨春差湧子場
人知漱濃竹潮漫歐
望何寒古影聲經慨
除。處。波。樹。斜。急。過。多。

Qua ải Hàm-tử (Trần Lâu)

Sa-tràng dau đớn truyền tương truyền,
Hàm-tử hôm nay ngắp-nghé thuyền ;
Trống giục ngọn triều nghe tiếng nhặt,
Cờ giăng bóng trúc đứng hàng chen ;
Cây già còn nhiễm xuân trời Việt,
Sóng lạnh khôn nguôi trận giặc Nguyên ;
Dò hỏi Toa-Đô nơi tử trận,
Nước non thăm thẳm lối xưa quên.

CXX

李下齋見訪賦此以答

范汝翼 號北溪。仕胡教授。明補訓導。

人生蹤跡雪泥鴻。
邂逅誰知一笑同。
久別冷人思叔度。
甚衰笑我夢周公。
論文每向交情上。
許與相期氣概中。
賸把此詩當佐契。
何妨渭北與江東。

Đáp lời Lý Hạ-Trai thăm

(Phạm Nhữ-Dực)

Tuyết in mấy độ vuốt chim hồng,
Gặp-gỡ sao không ước cũng đồng;
Mặt vắng khiến người trông Thúc-độ,
Thân hèn thẹn kẻ mộng Châu-công;
Mượn câu văn vẻ lời vàng đá,
Cầm chén thề chia gánh núi sông;
Xin chép thơ này làm khoán-ước,
Ngại gì bắt bắc với [illegible] đông.

CXXI

元日

黎景詢 字子謀。慈澤人。胡太學生。胡亡。嘗作萬言書。勸裴伯耆。清明立冬後。捕送金陵。

旅館去歸老
年期華盡
客春何故
日復仍鄉
來。在。梅。是。

Ngày tết

(Lê Cảnh-Tuân)

Đất khách ngày bao trải,
Trời xuân năm thứ hai;
Kỳ về còn chửa định,
Quê cũ đã chồi mai.

CXXII

無意

無意於知便見知。
此生行止豈人爲。
身雖老矣心仍壯。
義有當然死不辭。
躡磴捫蘿更萬險。
上灘下瀨涉千危。
四方自是男兒事。
踏徧江山也一奇。

Vô-ý

Tri-ngộ thờ-ơ chẳng ý gì,
Dễ ai ngăn đứng lại ngừa đi;
Tới già lòng đỏ còn nguyên vậy,
Đương nghĩa thân vàng dám tiếc chi;
Gai góc xông pha ghê nỗi hiểm,
Thác ghềnh lên xuống trải cơn nguy;
Cung tên trắng nợ làm trai phải,
Tuyệt khắp non sông mới gọi kỳ.

CXXIII

後陳詩感懷

鄧容 乂安左天祿人。鄧悉子。迎立重光帝。興明人。白戰。人稱其忠。

世事悠悠奈何
無窮天地入歌
時來屠釣功成易。
事去英雄飲恨多。
致主有懷扶地軸。
洗兵無路挽天河。
千年
一時
泉帶月
頭先
磨。白。

THƠ ĐỜI HẬU - TRẦN

Cảm-hoài (Đặng Dong)

Việc đời ngày ngắn tính sao đây,
Trời đất thu vào giọng hát say;
Vận đỏ người hèn lo dễ nổi,
Hồi đen tài thánh giận thêm cay;
Phò vua nghĩa cả sâu ghi dạ,
Rửa giáo miền cao luống với tay;
Nợ nước chậm đền đầu chóng bạc,
Mài gươm dưới nguyệt mấy thu chầy.

ĐINH VĂN-CHẤP dịch

ĐÀN BÀ BÔNG-PHƯƠNG

VIII

Hiền-mẫu Chu-thị

Hiền-mẫu họ Chu 周氏, người đất Phụng-hiền xứ Tô-châu, vốn sành về đường mẫu-giáo, tính siêng-năng cần-thận. Tuổi mười chín về làm dâu họ Thái. Họ Thái vốn là một họ có thanh-vọng cao trong một ấp, người làng đều gọi tên đất đó là Thái-trang. Đến khi ấy nhà họ Thái đã hơi kém, bậc phong-phú sút xuống bậc trung-thường. Hiền-mẫu phải tự mình giữ việc gơ chồi, làm việc chầy cối thường gần ; ăn tất ăn gạo thô, mặc tất mặc áo vá, trước người mà làm-lụng, sau người mà nghỉ-ngơi, lúc nào cũng vẫn vui-vẻ, không lấy làm khổ ; bố chồng mẹ chồng đều yêu quí, khen là dâu hiền. Gặp hồi có cái loạn Việt-phỉ, nhiều dân quá lắm, quân phỉ đi qua chỗ nào thì dân-cư chỗ ấy biến thành gò hoang. Ông bố chồng nhân xướng-suất ra một cánh quân đoàn-luyện để giữ-gìn hương-lý, mộ được hơn ba trăm người, dùng binh-pháp biên-chế thành quân-đội. Chỉ nỗi lương ăn không đủ, ông bố chồng đem hết của nhà, bán cả điền-sản, cũng không đủ, hiền-mẫu dốc cả tư-trang ra giúp việc. Khi ấy bà mẹ chồng vì già-nua đeo tật-bệnh, thường nằm bẹp trên giường nệm ; hiền-mẫu trở vào thì hầu-hạ thuốc-thang, trở ra thì chủ-trì việc nấu-nướng, không một khắc nào rồi nhàn. Lại gặp khi phòng-bị đương cần kíp, nào người tân-khách, nào kẻ bộc-tụng, rộn-rịp ra vào trong nhà hàng ngày phải đủ thức ăn cho vài mươi người ăn, mà hiền-mẫu chỉ một mình chu-toàn về việc đó, không phải nhờ đến kẻ tỳ-bộc. Khiến cho bố chồng với chồng được chuyên chí về quân-sự, ngày đêm phòng-bị. Rồi được quanh miền Thái-trang khoảng vài mươi dặm, không tung-tích quân phỉ, chốn hương-lý được yên, đều nói rằng nếu không hiền-mẫu tán-trợ không được thế.

Hiền-mẫu tính lại càng từ-thiện, thấy họ-hàng kẻ bần-phạp, liền chu-cấp cho, chỗ tân-lý chợt có người cần kíp lại hỏi vay, không người nào là không lập-tức cho vay. Tục nước Trung-hoa, con gái đi lấy chồng, đồ hồi-môn tốn-phí lắm. Đất Phụng-hiền lại có cái tục nhà nghèo không đủ đồ hồi-môn, không thể gả chồng được, cho con gái thường đem con gái nhỏ về nhà chồng tự thủa nhỏ để đãi-là, ngày sau giảm được lễ hồi-môn, gọi là đồng-dưỡng-tức, nghĩa là nàng dâu nuôi tự thủa nhỏ. Thói thường, người mẹ chồng hay xử tệ với con dâu, cũng có người không lấy nhân-đạo đãi con dâu, Có một đứa đồng-dưỡng-tức họ mỗ, bị mẹ chồng đánh đau, thân-thể không còn chỗ nào lành-lẽo, đau quá trốn đi, kêu khóc ở giữa đường, không biết về đâu. Hiền-mẫu nghe biết có sự ấy, đem lòng lân-tuất mà dắt con bé ấy về nhà. Sáng mai, mời người mẹ chồng đến, đương-diện trách là tệ-ác, và bảo người mẹ chồng rằng nay cứ để con dâu bà làm việc thuê mướn ở nhà tôi, tôi trả tiền công cho ít nhiều, đợi con trai bà khi đến tuổi, thì tôi gọi là sắm-sửa đồ hồi-môn cho nó, khiến nó lại về làm dâu bà. Người mẹ chồng cảm-động khóc lóc mà đi. Hiền-mẫu coi con bé ấy như con mình đẻ ra, dạy nó nghề may vá thêu thùa, và việc canh cửi nấu

(1) Xem Nam-Phong số 101, 102, 104, 105, 107, 110 112.

nướng, ân-cần không chán không mỏi. Về sau xử-đãi đúng như lời nói Phàm người trong làng ấy, ai cũng nức-nở vui bản đến sự ấy.

Hiền-mẫu đối với khi tống-táng cho bố chồng mẹ chồng đều đủ đường nghi-lễ, hết lòng bi-thương. Ngày giỗ ngày tết trong tứ-thời, tất thân-hành sắp đặt, đồ tế tất phong hậu, tất tinh-khiết ; dầu đến một cái chén một đôi đũa, cũng tất tự mình lau rửa. Người nhà xin làm thay, thì không nghe mà nói rằng việc tế-tự là một việc đại-điển trong gia-đình, nếu không tự mình thân-hành mọi việc, thì thế nào gọi là cái đạo làm dâu. Kịp khi người chồng mất, hiền-mẫu tuổi đã ngoại sáu mươi ; việc tống-táng xong, đoái bảo hai con rằng bố mày thì chết rồi, nhưng lũ mày tất nghĩ làm thế nào được cho bố mày không chết, thì bố mày sẽ có thể nhắm mắt yên, cái điều làm được cho bố mày không chết, là điều gì, tức là điều ma-luyện học-vấn, tu-tỉnh phẩm-hạnh đó ; lũ mày phải khéo mà ghi lấy. Từ đấy thay mặt chồng giám-đốc giáo-dục hai con, đức từ lại kiêm cả đức nghiêm, không chút nào cẩu thả phóng-túng, cho nên hai con đều biết cần-cù về nghiệp nho, đảm-nhiệm địa-phương công-ích, kế được gia-thanh, vì phụng-thừa cái giáo-huấn của hiền-mẫu vậy. Hiền-mẫu tuổi tám mươi sáu mới mất, khi mất con cháu quanh ở dưới gối, đông chật một nhà. Thức-giả đều bảo rằng hiền-mẫu tự mình khắc-khổ, tu-đạo hiếu-kính, mà dốc lòng từ thiện, nên được hưởng phúc như vậy, hiền-mẫu cũng đủ làm phép cho đời.

Phê-bình

Phàm xem truyện, ai cũng thích xem những truyện ly-kỳ ; đến như truyện đàn bà thì lại thích xem những truyện ly-kỳ lắm. Nhưng biết đâu những truyện ly-kỳ, một là do cái cảnh-ngộ nó biến-thiên, hai là do cái kỳ-tài kỳ-tiết của một người nó xui khiến ; đã gọi là kỳ là biến, thì không thuộc về lệ thông-thường nữa. Xã-hội tự xưa đến nay, phần ly-kỳ là phần đặc-biệt trong thiên-cổ, phần thông-thường là phần dùng về sự hàng ngày. Cho nên những truyện ly-kỳ chỉ đủ làm gương cho xã-hội, những truyện thông-thường mới đủ làm qui-tắc cho nhân-loại vậy.

Truyện ly-kỳ như mây ngũ-sắc, truyện thường như gió bốn mùa. Truyện ly-kỳ như trái kỳ-phong, truyện thông-thường như đường đại-lộ. Truyện ly-kỳ như sen tịnh-đế, truyện thông-thường như lan tứ-thời. Truyện ly-kỳ như món thời-trân, truyện thông-thường như cơm gạo trắng. Truyện ly-kỳ như nét hoa gấm, truyện thông-thường như tấm lụa trơn. Truyện ly-kỳ như bức chữ thảo, truyện thông-thường như bức chữ chân. Truyện ly-kỳ như thơ Lý Thái-Bạch, truyện thông-thường như thơ Đào Uyên-Minh. Truyện ly-kỳ như nhà ngoại-giao, truyện thông-thường như nhà nông-học. Truyện ly-kỳ như viện bảo-tàng, truyện thông-thường như chợ giao-dịch. Truyện ly-kỳ như nhật-quang phản-chiết, truyện thông-thường như không-khí hô-hấp. Truyện ly-kỳ như tiếng ngoại-quốc chuyên-môn, truyện thông-thường như tiếng phổ-thông quốc-ngữ. Truyện ly-kỳ như vai đào hát múa trên sân khấu, khiến người cười, khiến người khóc, khiến người vỗ tay, truyện thông-thường như chị con gái nhà quê, hát câu ca-dao tục-ngữ ở giữa cánh đồng, khiến người lắng tai, khiến người gật đầu, khiến người ngẫm nghĩ.

Lịch sử bà Chu-thị, có ly-kỳ gì đâu, chẳng qua là cái lịch-sử siêng năng việc nhà, hết đạo làm dâu, thờ cha kính mẹ, tế-tự tổ-tiên, dỗ người thương người, giúp chồng dạy con, thuần là cái lịch-sử thông-thường cả. Mà cái tinh-thần

của đàn bà Đông-phương ta, xem truyện bà cũng đủ rõ rệt ; cái đường công-danh sự-nghiệp của kẻ trượng-phu Đông-phương ta, xem truyện bà cũng thấy vẻ-vang ; cái nền hòa-lạc hạnh-phúc của xã-hội Đông-phương ta xem truyện bà cũng biết là chắc-chắn. Đàn bà Đông-phương ta xưa nay, trừ những bậc nữ-long bay ở trên trời, thư-phượng đậu ở cành biếc ra không kể ; còn thì ai là người xứng đáng làm vị nữ giáo-sư cho nữ-học muôn đời? Người Đông-phương ta cũng nên thực nhận rằng vạn-thế nữ-giáo-sư Phụng-hiền Chu-thị.

Gia-định hiệp-nữ

Mười ngày chém giết thành Dương-châu, ba ngày sát-hại đất Gia-định, là cái lịch-sử đau đớn của dân-tộc Trung-hoa về hồi Mãn Thanh nhập đế Trung-quốc. Khi ấy quân Mãn-Thanh đã phá được thành Gia-định rồi, lại hạ lệnh sát-hại nhân-dân trong thành ba ngày, xác chất như tầng núi, máu chảy như nước sông, cái người may mà sống sót thì trăm người không được một người. Cái lệnh sát-hại đã đình-chỉ, nhân-dân vẫn còn nấp náu chửa dám lộ ra. Một hôm về buổi chiều, có một người con gái từ trong đống xác người chết, xông-pha làn máu mà đi ra, tuổi độ mười sáu mười bảy, mặc quần áo trắng, khắp thân-thể nhuộm ngấn máu, trong bề yểu-điệu lộ ra vẻ anh-sảng. Khi ra, chợt bị một tên Mãn-tốt nhằm thấy, liền bắt ngay đi vào yết-kiến Mãn-tướng; viên Mãn-tướng yêu người con gái nhan-sắc cũng có chiều xinh đẹp, răn bảo chớ được giết, rồi đem nuôi ở chỗ hậu-doanh. Viên Mãn-tướng tuổi đã ngoại bốn mươi, con cái còn hiếm, tức khắc nhận người con gái ấy làm nghĩa nữ, dạy tập nghề võ, người con gái quả-nhiên thông-tuệ, tập chửa đầy vài tháng, quyền-thuật đã tinh-thông, lại dạy cho kiếm-thuật. Viên Mãn-tướng bảo người vợ rằng con bé ấy, thật là hạng cân-quắc anh-hùng, để nó lắt có lo về sau. Lập-tức sai đem chém đi. Người con gái khóc to lên, cầu-cứu với vợ Mãn tướng. Vợ Mãn-tướng vẫn yêu người con gái ấy, lập-tức bênh cho mà cả trách Mãn-tướng, sự ấy mới nửa chừng lại thôi. Người con gái từ đấy cùng với vợ Mãn-tướng lại tỏ ra bộ thân-thiết nhau lắm, gọi vợ Mãn-tướng là mẹ.

Một hôm người con gái với vợ Mãn-tướng hai người cùng đi tản-bộ ở ngoài chỗ quân-doanh. Khi ấy gặp buổi xuân-sơ, hồn đào mới tỉnh, mắt liễu gần thư, làn phương-thảo ở chỗ mạch-đầu hiện ra sắc tiên-hồng, vì cái ngấn máu của bách-vạn sinh-linh còn chửa sạch vậy. Người con gái trông thấy cảnh-sắc tiêu-điều ấy, phần thì tân-sầu, phần thì cựu-hận, chan-chứa trong lòng, bất-giác thổn-thức lệ tuôn. Liền nghĩ riêng rằng : chết ! ta làm rồi, cái sầu-phận của ta, chỉ nên để ở trong lòng, không nên hình ra ngoài mặt ; nếu như thế, thì thành thế nào được đại-sự. Khi ấy vợ Mãn-tướng chợt ngắm nghía ở chỗ cách xa không biết, người con gái mới làm ra sắc mặt vui vẻ, cùng với vợ Mãn-tướng đi về trong doanh. Đến đêm dần dọc không ngủ ; một mảnh trăng trong vắt lạnh-lùng, từ chỗ hé cửa sổ soi vào, làm ra sắc đạm-bạch. Người con gái mới đẩy cửa sổ, ra trông trăng, đối với trăng khóc mà nói rằng : « Ôi trăng kia ơi ! sao trăng tròn thế vậy. Nhớ từ khi cha ta mẹ ta, và anh em ta, chết ở tay kẻ Mãn-nô, cũng thích-dương về tối trăng tròn, đến nay đã sáu tháng rồi đây. Cha ta thực vẻ-vang là một ông hiếu liêm nhà Đại-Minh, mẹ ta cũng là con gái nhà đại-gia, anh ta em ta cũng đầu mỏ bằng người, nay bất-hạnh chết cả ở trong tay kẻ Mãn-nô. Mãn-nô, Mãn-nô, ta tát ăn lấy thịt mày, nằm vào da mày, cho hả lòng ta ! » Mới nghĩ đi nghĩ lại,

không có kế-sách gì ; rồi tản-bộ đi quanh nhà, nghĩ ra được một kế. Trong quân Mãn có hai anh tướng, anh chủ-tướng tức là nghĩa-phụ người con gái, anh phó-tướng thì là Phúc Đồng. Phúc Đồng tuổi độ ba mươi, cũng hơi có tính khinh bạc ; ở trong doanh, hễ trông thấy người con gái ấy, liền tỏ ra ý ái-mộ. Người con gái ấy cũng không cự không khước, bằng dường hữu-tình, bằng dường vô-tình ; hoặc khi mỉm cười rồi lại trông ra chỗ khác, hoặc khi giả cách ra dáng bộ bỡ-ngỡ, Phúc Đồng hồn-xiêu phách-đãng, không thể tự chủ được. Một hôm Phúc Đồng ở chỗ hậu-trang, chính gặp người con gái đương ngồi một mình, Phúc Đồng ôm chặt lấy hai cánh tay người con gái, thuật ra cái ý tương-tư. Người con gái ngậm nước mắt mà nói rằng thiếp là chất bồ-liễu, nhờ có tướng quân anh-nhãn đến, thiếp há không biết ; chỉ vì nỗi nghĩa-phụ đãi thiếp nghiêm lắm, không có sự yếu-cần, không được đi đâu ra khỏi một bước, vậy tướng-quân tùng nhiên có lòng yêu thiếp, ân ấy đức ấy, chỉ có thể báo được ở kiếp sau mà thôi. Nói xong, thần-thức gieo mình vào trong lòng Phúc Đồng kêu khóc. Phúc Đồng vùng đứng dậy mà nói rằng qui-khanh hãng cứ về, ta tất có kế để cứu vớt qui-khanh. Người con gái xét ý Phúc Đồng đã chuyển-động, lại bảo Phúc Đồng rằng sự ấy há phải là dễ đâu, nghĩa-phụ tuổi tuy nhiều hơn tướng-quân, mà cái dục-tâm vẫn chưa suy-giảm chút nào, đãi với thiếp thường lộ ra ý khinh-bạc ; nên thiếp ở trong doanh, cũng có phần nguy-hiểm, chỉ muốn cất cánh bay đi nơi khác mà không được, sau này nghĩa-phụ nếu quả sinh ra sự bất-lợi cho thiếp, thì thiếp chỉ có một cái chết để báo tướng-quân mà thôi. Nói chưa xong, vợ Mãn-tướng chợt từ ngoài đi vào, trông thấy Phúc Đồng, hỏi làm sự gì thế. Phúc Đồng chỉ nhù-nhì ở trong miệng không đáp lại được. Phúc Đồng đã đi ra. Vợ Mãn-tướng lại hỏi người con gái, người con gái cũng không đáp gì cả, chỉ bưng mặt mà khóc. Rồi vợ Mãn-tướng với người con gái hai người cùng về hậu-doanh. Về đến hậu-doanh, vợ Mãn-tướng lại hai ba lần chất-vấn, người con gái mới ngậm nước mắt mà nói rằng con khi ấy chợt đi ra chỗ hậu-trang tản-bộ, trông thấy một người, tự xưng tên là Phúc Đồng, là chức phó-tướng trong quân bộ, cử chỉ thì khinh-bạc, xuất-ngôn thì vô-lễ, con không thèm trả lời, muốn tức-khắc chạy về bẩm cáo phu-nhân, bị người ấy ôm chặt lấy cánh tay mà giữ lại, lại có những lời gớm ghê không thể vào tai được, đem khuyên bảo con, con sợ phu-nhân nghe lời ấy, thì phát nộ đùng-đùng, cho nên không dám nói. Vợ Mãn-tướng nói rằng mày cứ nên nói cho ta nghe. Người con gái nói rằng người ấy bảo con rằng nghĩa-phụ mày đãi mày bạc-ác, vả toan có sự bất-lợi cho mày, mày sớm chiều tất có đại-họa, làm kế cho mày, không kế nào bằng kế thừa lúc đêm hôm, ám sát nghĩa-phụ đi. Vợ Mãn-tướng nghe nói nổi giận, lập-tức đem lời người con gái bảo với Mãn-tướng. Mãn tướng lập tức hạ-lệnh gọi Phúc Đồng vào, bảo Phúc Đồng rằng ta đãi mày tử-tế, mày lại dám đem cái tâm cầm thú đãi ta, nay ta chẳng giết mày, ta sợ ta tất chết ở tay mày. Phúc Đồng ngơ-ngác không biết là cớ gì, toan muốn biện-bạch thì đã bị kẻ bộ-hạ giết đi mất rồi. Sau Mãn-tướng liền hối lại nói rằng ta lầm rồi ! sự đó tất là trúng cái gian-kế của đứa con gái, ta với Phúc Đồng vốn không điều gì, cùng nhau vào sinh ra tử nơi chiến-trường, đã mười năm nay, nay vì một lời nói gièm của đứa con gái, mà thương-hại đến kẻ lương đống của quốc-gia, sau này ta mặt mũi nào trông thấy Phúc Đồng ở dưới đất. Mới đem hậu lễ táng cho Phúc Đồng, và truyền đem giết người con gái ấy đi. Vợ Mãn-tướng lại

hết sức biện bạch cho người con gái ấy là oan, ngăn-ngừa chớ vên giết. Chợt Mãn-tướng nhân có việc khác đi ra ngoài, sự ấy nửa chừng lại thôi. Người con gái đã đi về nơi tầm thất, khôn xiết cảm ơn vợ Mãn-tướng. Nhưng lại nghĩ rằng cha mẹ ta và cư dân trong toàn-thành ta, đều bất-hạnh bị giết; ta còn sống ở đời ngày nào, thì ta còn để cái bụng báo thù ngày ấy, chỉ ta không thể di-dịch được. Một hôm, vào khoảng nửa đêm, người con gái cầm đồ lợi-khí bước vào chỗ phòng riêng của Mãn-tướng. Mãn-tướng khi ấy còn chửa ngủ, đương cúi đầu xuống mặt án làm việc, người con gái dùng sức mạnh chặt lấy đầu, đem vất vào trong đống lửa cháy, trong quân đại-loạn, người con gái vượt qua tường mà trốn đi.

Kỳ-nữ Thẩm Vận-Lan

Đời vua Đạo-quang nhà Thanh, đất Hoài-bắc bị phen đói lớn, một xứ Giang-âm, dân bị đói đến đó kể có mấy nghìn người. Kẻ thân-hào vùng ấy sợ rằng số người dân đói nhiều quá, thường quấy nhiễu đến các chỗ hương-lý, mới tụ tập một khoản tiền và gạo đem phát-chẩn, để mong họ chóng dời đất ấy mà đi. Khi ấy kẻ dân bị đói dần-dà người nào người ấy đều đi về chỗ hương-ấp cũ duy có một người con gái một mình ở lại không về. Người con gái tuổi độ mười bảy mười tám, yểu-điệu gầy-gò mà có nhan-sắc, vả dáng điệu đi đứng nhàn-nhã ung-dung, ra cách con nhà đại-gia không giống kẻ bình-dân nhi-nữ. Có kẻ hiếu-sự lại hỏi quê quán tên họ là gì? Thì nói rằng: «Nhà tôi ở Hoài-bắc, tôi họ Thẩm 沈, tên là Vận-Lan 韻蘭, điều khác thì không chịu nói nữa.» Vận-Lan ở vùng Giang-âm ít lâu, vẫn có quần áo cũ kỹ, đi hành-khất ở các làng, đêm thì ngủ nhờ ở trong cái miếu, gọi là Nhạc-miếu ở mé đông huyện-thành. Kẻ con trai khinh-bạc ở vùng ấy hoặc có kẻ đến trêu cợt nói pha trò thì Vận-Lan ngảnh mặt làm thinh, không hề đối-đáp lại. Một hôm vào độ xế chiều, có mộ tụi vô-lại độ vài mươi người, tay cầm đồ nhọn, từ-từ đi vào trong Nhạc miếu, vì khinh Vận-Lan là kẻ yếu đuối cô cùng, toan bắt hiếp đem đi; kẻ bàng quan ai cũng lấy làm là sự nguy-hiểm cho Vận Lan. Khi ấy Vận-Lan hành-khất chợt về, trông thấy nhiều người dậm-dịch tụ-tập ở trong miếu đã biết ngay rằng không phải là loài lương-thiện. Tụi vô-lại thấy Vận-Lan đến, toan hiếp-chế bắt liền. Vận-Lan thừa cơ cướp ngay được một cái côn của kẻ vô-lại, tay cầm lên múa vù-vù như gió, liền đánh trúng ba bốn người ngã xuống đất, người khác hết thảy kinh-hãi trốn chạy, có người cuống chân vấp ngã, có người mất vía chết ngất. Từ đấy những kẻ vô-lại ở trong thành, không dám dòm nom nữa. Nhưng Vận-Lan vẫn đi hành-khất như thường, không có ý đi về Hoài-bắc, người ngoài cũng không trắc-lượng được là người thế nào. Một hôm có một ông hiếu-liêm họ Vương ra làm lễ tiến-hương, dạo đi quanh miếu, vào nhầm một cái nhà nhỏ, trông thấy cái bàn sách bằng trúc, trên bàn có để vài bộ sách cũ, bên vách lại có treo mấy cái đồ đánh võ; nhân hỏi một ông từ ở trong miếu rằng chỗ này là chỗ người nào ở? thì ông từ đáp rằng hệ thị cái chỗ người con gái vẫn đi ăn mày ở đó. Ông hiếu-liêm lấy làm kỳ, muốn dò xét thân-thế người ấy thế nào một chút, thì Vận-Lan khi ấy còn chửa về, ông hiếu-liêm chỉ than thở mà thôi. Chửa bao lâu, gặp hôm mưa tuyết, trời rét như cắt, Vận-Lan đi khất-thực ở mé thành tây thôn Đào-ổ, vào một nhà chủ nhà là Hồng Hữu-Tài, Hữu-Tài có người con trai là Nhuận-sinh, trông thấy Vận-Lan đem lòng thương-xót, mới xin với mẹ cho Vận-Lan một mâm cơm và một cái áo gấm cũ. Vận-Lan nhận mâm

cơm ăn, mà trả lại cái áo gấm. Khi ấy Nhuận-sinh vốn là đem lòng từ thiện thương người, Vận-Lan đi khỏi, Nhuận-sinh cũng không để ý gì đến cả. Cách vài ngày, Vận-Lan lại đi đến nhà Hồng Hữu-Tài, quì xuống một hồi lâu, xin yết-kiến chủ nhà. Hữu-Tài nói rằng mày lại đây, lại muốn xin cơm chăng? Vận-Lan nói rằng con lại đây, không muốn xin cơm, cũng không muốn xin tiền, chỉ định lại tạ ơn công-tử mà thôi. Hữu-Tài nói rằng cái ơn nhỏ ấy, sao dám nói ơn; vả con ta cũng không muốn nhận cái sự tạ ơn của mày mày cứ đi. Vận-Lan thưa rằng con còn có một điều, xin quí-nhân trông xuống xét cho. Hữu-Tài nói rằng mày cứ nói ta nghe. Vận-Lan nói rằng công-tử là người nhân-hậu, con xin khuya sớm ở đây phụng-sự việc khăn mặt lược dầu cho công-tử. Người nhà Hữu-Tài nghe đến lời ấy, ai nấy đều lè lưỡi chẳng nói gì, vì khinh-bỉ là kẻ khất-cái vậy. Hữu-Tài nói nhà ta tuy không phải là môn hộ cao quí gì cho lắm, nhưng không khi nào có lẽ lấy đứa con gái đi ăn mày làm vợ, mày nên đi ngay. Song Vận-Lan cứ quì mãi không chịu đi. Hữu-Tài không biết làm thế nào, mới đem sự ấy chất-vấn ông Vương-hiếu-liêm ở làng diềng. Vì ông hiếu liêm là bậc trưởng-giả ở làng ấy, trong làng có sự gì khó giải-quyết, đều đến thủ-quyết ở hiếu-liêm, vả hiếu-liêm tức là người trước đã từng vào miếu, toan dò xét thân thế Vận-Lan, cho nên Hữu-Tài đi chất vấn với hiếu-liêm. Hiếu-liêm nghe Hữu-Tài nói, càng lấy làm kỳ; liền thân-hành đến nhà Hữu-Tài, thấy Vận-Lan còn quì đó chưa đứng dậy. Hiếu-liêm bảo Vận-Lan rằng mày bây giờ cứ đứng dậy, có muốn nói sự gì cứ bảo với ta. Vận-Lan nhân khóc-lóc bảo với hiếu-liêm rằng: « Tôi vốn họ Thầm, ở đất Hoài-bắc, đọc sách sáu bảy năm, có từng biết chữ, tập nghề võ cũng có bốn năm năm. Người cha tôi là Quốc Nhương, rất tinh về thuật côn-quyền trong nghề võ, từng nhiệm chức tổng-binh đất Xuyên-nam, chẳng may đi chinh-chiến chết trận mất, chửa được bao lâu người mẹ tôi cũng lại chết, tôi mới thành ra là kẻ trơ-vơ. Năm nọ đất Hoài-bắc đói to, thóc gạo trong nhà tôi, bị dân đói lấy đi hết cả, tôi bất-đắc-dĩ, mới theo chúng cùng đi trốn-tránh sự cơ hoang. Tôi lại đây đã một năm, xem xét người đã nhiều lắm, chửa thấy ai nhân-hậu như công tử: việc phụng-sự khăn lược, thực tôi sở-nguyện. Nếu không thế thì tôi hoa tàn mệnh bạc, trôi giạt lênh-đênh ai thương ai tiếc. Qui-nhân nếu quả không cho, thì tôi xin lấy sự chết để báo đền cái ơn bát cơm tấm áo cho công-tử. » Hiếu-liêm trông thấy Vận-Lan cách-bộ cử-chỉ có phong thái con nhà đại-gia, nghe nói cũng lấy làm thương tiếc, mới kíp tán-thành sự đó cho Vận-Lan, dẫn giải mọi đường gia-thế và cảnh-ngộ cho vợ chồng Hữu-Tài nghe, vợ chồng Hữu-Tài vẫn ngần-ngừ, dường như có ý bất mãn, duy người con là Nhuận-sinh thì vui lòng quả-quyết. Sau khi đã làm lễ thành-hôn, một hôm Vận-Lan đem cái áo của mình ra bảo cho Nhuận-sinh biết, Nhuận-sinh thấy vạt trước chỗ ngực, khâu đột mấy lần vải kỹ càng, ở trong dường như có vật, kinh ngạc mà hỏi rằng cái vật gì thế? Vận Lan nói rằng tôi mang giữ cái vật ấy đã hơn một năm nay. Nói xong liền tháo mấy từng vải khâu đột ra, thì đều là đồ kim-ngân gia-bảo. Rồi lại đem một tập phong giấy đưa cho Nhuận-sinh mà nói rằng đây là tập giấy biên-chác những số vàng bạc nhà tôi hãy còn, kể số vàng bạc có hai vạn sáu nghìn lạng, hiện còn để chỗ ấy chỗ nọ, phu-quân nay giữ-gìn lấy; tôi lại đây một năm, sở-dĩ không tiếc gì về sự giáng chi hiến thân, vì không những chọn người gửi thân, lại chọn người gửi của nữa. Nhuận-sinh mới đem đồ

kim bảo và tập giấy trình với bố, rồi vợ chồng Hữu-Tài khôn xiết cảm-trọng Vận-Lan. Sau Nhuận-sinh cũng là người có chí, khắc-khổ lực-học, thi đỗ làm ông hiếu-liêm có danh-giá ; làm quan đến Chân-nam huyện tri-huyện, lại có tiếng là thanh-liêm. Mà Vận-Lan thì coi sóc gia-chính, có trật-tự khác thường, lúc nhàn hạ thì đem nghề võ giáo-thụ cho các con. Tự đó về sau, con cháu họ Hồng không người nào là không biết võ ; mà nghề võ họ Hồng, nức tiếng là bậc cự-phách ở đất Giang-nam.

TÙNG-VÂN

TUỒNG HÁT

NGUYỄN-CHÚA PHÙ LÊ-HOÀNG

TỰA

Thúc-Khiêm từ khi sinh-bình đi học, vẫn lấy việc thánh-học làm thú, bởi nhã nhạc cũng tự đó mà sinh ra, như tấn tuồng thì tức là một khúc võ-nhạc để nuôi lòng khẳng-khái, diễn cách thể-thao, thực có ích cho người ta lắm. Khiêm xem như nước nhà tự trước, kể diễn tuồng thì cách điệu vốn đã là rất hay, nhưng chỉ thấy dùng chữ nho diễn tuồng Tàu thì nhiều, chứ diễn tích nước nhà thì ít, diễn tích nước nhà đã ít, mà diễn tích bản-triều thì ngoài vở Đắc-bằng *vở* Tượng-kỳ *ra không thấy vở nào nữa, như thế thì e rằng chỉ biết khen người mà quên nhà, lấy gì làm gương làm bia cho người nước. Vả vua Thuấn có nhạc Thiều, vua Vũ có nhạc Võ, tích nước nhà, triều vua mình, có hiềm gì mà không tâu ? Vậy nay Khiêm nhân xem sách sử quốc triều, đem khúc điệu Tây-sương diễn ra lời nôm, làm nên một bản tuồng này, để sánh với tuồng* Sơn-hậu *của Tàu ; dẫu Khiêm là một người học trò xứ quê, kể cách điệu vũ nhạc cũng chưa được tinh hiểu lắm, nhưng mỗi xem đến tích quốc-triều, vẫn như gương như bia chói-lọi in ở trong tầng óc, khiến cho mình lòng ghi miệng đọc, tay múa chân dậm, hâm-mộ không bao quên, vậy nay diễn bản này là cốt để tỏ ra lòng mình hâm-mộ mà thôi, nhưng nếu có ai cũng như lòng mình, thì nhân đó mà nuôi lòng khẳng-khái, diễn cách thể-thao, cũng là có chút ích, chứ nói đến sự đem tích quốc-triều làm gương bia cho xã-hội, thì có đâu dám ; vậy xin các ngài tâu nhạc xem nhạc đều hiểu cho, nếu chỗ nào lời lẽ chân quê, cách điệu chưa hợp, xin các nhà chính cho một vài, chứ nghề chơi cũng lắm công-phu, ai hay hát mà ai hay nghe hát. Nay tựa.*

Hoàng-sơn tú-tài NGUYỄN THÚC-KHIÊM

Lược dẫn

Tuồng hát này có 2 tấn, 14 hồi, diễn làm 4 tối.

Tấn trên 2 đoạn, 8 hồi, diễn tích đức Chúa Nguyễn (Triệu-tổ) đi Lào, về Thanh-hóa, và công chúa Ngọc-Bảo lấy Trịnh Kiểm.

Tấn dưới 2 đoạn, 6 hồi, diễn tích đức Quốc-công (Thái-tổ) từ Thanh mở Thuận-hóa, và Ngô mi-nhân Thị-Lâm lấy Mạc Lập-Bảo Võ-Hoàn-Trung.

TẤN TRÊN

Đoạn thứ nhất (4 hồi)

HỒI THỨ I

Núi Voi-phục chúa Mạc dạy tranh quyền,
Thành rồng bay vua Lê bàn giữ nước.

Chương-trình

Con gái chúa Nguyễn là công-chúa Ngọc-Bảo ra chơi vườn hoa, khi ấy chúa Nguyễn đang làm quan nhà Lê, vì thấy chúa Mạc có ý tiếm Lê, nên ngài cáo quan về than-thở với con; khi nghe tin Mạc vào Thăng-long, ngài vào chầu vua Lê, vua Chiêu-tôn trao cho tờ chiếu, về mộ hương-binh, thì chúa Mạc đến thành, vua Lê thua trận tự-vẫn.

BÀI - TRÍ

Cảnh vườn hoa — Triều - đình — Đô-thành.

CÁC VAI TRÒ

Người giáo đầu — Ông đồ dẹp đám — Người dẫn trò — Công-chúa Ngọc-Bảo — Thi-nữ: Hồng-Tâm và Thúy-Nhị — Chúa Nguyễn — Chúa Mạc — Vua Lê Chiêu-tôn — Bá-quan — Quân lính.

Giáo đầu

Người đánh đầu ra bạch: — *Thét:* Cuộc trời đất xây nên nền Nam-Việt, *Ngâm:* Riêng một buồng *Réo:* nước biếc non xanh;

Thét hường: Dưới biển Đông sông Nhị vòng quanh, Trên non Tản rừng Ngang man mác; — *Tán:* Rứa, mà *ngâm:*

Người một giống con nhà Hồng-Lạc.
Ai chẳng là trứng nước sanh ra;
Vốn anh em con cháu một nhà,
Mầu non nước anh-hoa chung đúc lại.

Thét giồn: Ủa mà. Bốn ngàn năm từng mấy lớp phong-trào đã trải,

Vỉa nam-xuân:
Mấy lớp phong-trào đã trải,
Nước non còn riêng cõi thần-tiên;
Đức vua thấm khắp dặm nghìn,
Sử xanh muôn kiếp còn truyền bút hoa.

Tiếp nam-xuân:
Vậy nay diễn tích nước nhà,
Chưa mờ nét đá dễ lòa bóng gương (1).

Ông đồ ra dẹp đám, bạch: — *Hường:* Sanh vầng trời đất, học sách thánh hiền; trên chúc mừng thánh - chúa muôn niên, dưới ca - vỗ thái-bường trăm họ. — *Tán:* Tôi ông đồ vốn nhà nho thuở nọ, giọng văn-chương pha đủ mọi mùi; chừ rạp tuồng mở tiệc mua cười, rứa thử diễn mấy hồi ra dẹp đám, chớ. — *Thét hường:* Non xanh ngẩn-ngặt, biển bạc lầu-lầu;

Ngâm Nam-binh.
Nước non ai đúc nên bầu,
Quẫng đàng phải học bắc cầu mà noi;
Đua chen lên với cuộc đời,
Vàng đem thử lửa thép mài nên kim.

Than liên-châu: Ngán nỗi nghề đi học, sớm khuya trằn-trọc, công-danh lặn mọc, — *Thét giồn:* nghĩ càng nát, làm càng rát, mà — *Réo:* kêu nữa càng

(1) Đoạn này nói giáo đầu, kể tuồng thì không có, nhưng theo lối chèo mà làm ra, cho có đầu cuối, nên bài này nói trước có trời đất, có non sông, rồi mới có vật người, có thần thánh vua chúa ra mở dựng nhà nước, nên diễn tích nước nhà, để làm gương bia cho người nước, mới là phải lẽ.

nhọc. — *Ngâm* : Kia kìa như con — *Réo* : cuốc nó kêu hè, — *Thét* : những len cùng lóc, những chen cùng chóc, — *Réo* : réo ra réo róc, — *Ngâm* : Rứa mà ai đã — *Réo* : phá con dương hiềm-hóc cho mày hử cuốc ơi ? (1)

Than song-quan : Khi iêng đi học chữ nho, *Ngâm* : áo lương khăn lượt coi ra trò, — *Thét* : mực than thì nhọ, bút lông thì ho, — *Ngâm* : Đùng bỗng chốc ông nghè ông cống đã no no, — *Giồn* : thì sao bằng trở về nằm bò !

Đối song-quan : Khi iêng đi học chữ tây, — *Ngâm* : quần hồ áo cánh coi ra thầy, — *Thét* : ngòi sắt thì ghét, nét chì thì rây, — *Ngâm* : Đùng bỗng chốc thầy thông thầy ký thôi này này — *Giồn* : thì sao bằng trở về đi cày !

Tiếp song-quan, thét : Thôi iêng đi học làm xằm, — *Ngâm* : chết nỗi mắt không mù. — *Thét* : thôi iêng đi học ghính ghinh, — *Ngâm* : chết nỗi lưng không gù. — *Thét giồn* : Âu là iêng học mần tuồng quách, thua keo này, bày keo khác, mà người ta vẫn thường phải — *Ngâm* : tiền các bạc bù.

Ngâm tiếp nam-bình :

Ra tay gây ngãi trả thù,
Gươm đàn nhẹ ghính san hồ quen chân.
Đua chen trên cuộc hồng-trần,
Cũng bông mũ bạc cũng lần áo hoa (2).
(*Hạ*)

Người dẫn trò ra bạch : — *Hường* : Đàng dài lươn gấp khúc, núi cũ cáo quay đầu, còn bụi bay ai tỏ mặt công-hầu, trải gió giật mới biết mầu cây cỗi (3). — *Tán* : Rứa chừ, — *Thét* : nhớ từ trước nhà Lê (4) dựng cõi, hai trăm năm dòng dõi bao xa, bỗng gặp cơn gió táp mưa sa (5), cơ-đồ ấy xẩy ra tay họ Mạc (6). — *Tán tiếp* : Uờ bấy chừ đấng chúa Nguyễn là Đức Triệu-tổ, — *Thét* : rứa ngài phải chen vòng loạn lạc, gồng con vua (7) sang nước Ai-lao. cõi Sầm-châu (8) tỏ ngọn cờ đào, thu-thập kẻ tài cao tướng mạnh. — *Tán tiếp* : Bấy chừ ngài mới đem công-chúa (8) gả về họ Trịnh, rứa là Trịnh Kiềm đó.

Vỉa nam-xuân :

Công chúa gả về họ Trịnh,
Buộc chỉ hồng trao ghính non sông.

Tán : Rứa mà ngài gả con gái cho Trịnh Kiềm mà trao cho đánh giặc, — *Ngâm* : iêng-hùng gây dựng iêng-hùng, — *Hàn* : rứa thiệt là iêng-hùng tạo iêng-hùng đó, — *Ngâm* : dứt dây họ Mạc nối dòng vua Lê (10). — *Tán* : Rứa nên công-

---

(1) Đây nói việc học khó nhọc, mà đường công-danh hiểm-hóc, nếu văn-chương không có người tri-kỷ dẫu-dạt, thì dẫu kêu như cuốc kêu hè cũng không làm gì.

(2) Bài này là mượn giọng nhà nho, ông đồ ra dẹp đám, để cốt tả ý mình ra diễn tuồng, cũng là một cách nói ba-lan cho vui đám, mà nếu cách điệu khéo, thì người ai cũng lặng nghe, thì hóa ra dẹp cho im đám.

(3) Đoạn này gốc tự lời ngạn nói « anh-hùng gặp phải khúc lươn, khi gấp thì ngẩu khi vươn lại dài », lại nói « cáo chết ba năm quay đầu về núi », Tống-sử nói : « trong trần-ai ai biết thiên-tử tể-tướng » ; cổ-ngạn nói : « đến khi cả gió mới biết cây cứng mềm » ; nên bốn câu này nói hàm ý nhà Lê nhà Nguyễn khi tránh nạn, khi về nước, khi khuất khi dấy như vậy, tức là câu làm cương cho một bài, tức là câu hường.

(4) Lê là vua Lê Thái-tổ. — (5) Vua Lê Chiêu-tôn gặp nạn. — (6) Mạc là Mạc Đăng-Dung.

(7) Con vua Chiêu-tôn là ông Ninh, tục gọi là chúa Chồm, sau lên ngôi là Lê Trang-tôn. (8) Nay phủ Trấn-ninh. (9) Con gái chúa Nguyễn, sau truy-phong là Ngọc-Bảo công-chúa.

(4) Sách Âm-băng nói « thời-thế dựng anh-hùng, anh-hùng dựng thời-thế », và nói « thời-thế dựng thời-thế, anh-hùng dựng anh-hùng », như đức chúa Nguyễn dùng Trịnh Kiềm, đó là anh-hùng dựng anh-hùng.

đức ngài chừ hãy để nét bia còn đó.

Vỉa tiếp nam-xuân :

Hãy để nét bia còn đó,
Nay xin bày truyện cũ là đây.
Nước non vẫn nước non này,
Có công lấp biển có ngày nên non.

∴

Công-chúa Ngọc-Bảo ra chơi vườn hoa, bạch : — Con nhà chúa Nguyễn, tôi Ngọc-Bảo là tên ; chợt ngày xuân dạo gót hoa-viên, thoảng trận gió sực động lòng bồ-liễu. *Gọi :* A thị-nữ, đặng cùng ta dạo ngắm huê-viên, đây mơ.

Ngâm tứ-tuyệt :

Ngoạn huê-viên, ngoạn huê-viên,
Nô-nức chiều xuân nấn đợi tin ;
Chậm một g[illegible]c xuân xuân đã rộn,
N[illegible]nh xuân dìu [illegible]ng hạt sương chen.

Ngồi ca Ngọc-mĩ-nhân :

Ngành huê gió gieo đầu ngành,
Chiều xuân khéo như gợi tình,
Xui lòng ôm lòng sầu khách,
Nỗi mình vin hỏi ngành huê,
Huê đủ huê dủ chẳng nói,
Riêng lòng luống những thương xuân,
Hỏi xuân mong xuân sao mà,
Vấn-vít hoa mình vì lá-đà,
Vì xuân mặt ngọc da ngà,
Hỏi xuân mong xuân sao mà,
Vấn-vít hoa mình vì lá-đà.

Ngâm nam-xuân :

Giọt sương dìu nặng ngành hoa,
Hải-đường luống hãy lá-đà vì xuân ;
Nhắn lời ướm hỏi đông-quân,
Vườn hồng đong mấy hộc xuân là đầy ?

Thị-nữ Hồng-trâm ca hành-vân :

Chiếc trâm hồng, chiếc trâm hồng,
Giắt nụ nụ cài bông,
Mầu thanh sạch, tuyết sạch giá trong.
Vẻ xuân càng sánh được,
Ai là không tựa bóng tường đông.
Hồng má hồng má hồng phấn đẹp,
Lòng tì thiếp, ngại chân tay,
Liếc ngang mày, lượn vòng trăng uốn,
Vin ngành mây ngành mây.

Thị-nữ Thúy-Nhị ca tiếp hành-vân :

Cành thoa giắt, hạt kim-châu,
Ngọc lưu-cầu, chỉ vàng xuân vàng xuân,
Chốn vườn hồng, tựa bóng trăng thâu,
Lược đầu khăn mặt,
Còn nhiều mong tựa về sau.

Chúa Nguyễn (tự trào về, ra vườn hoa) bạch : — *Thét tán :* Ta chúa Nguyễn, vốn Lê dường cột, vì Mạc-thần trở gót tới lui, chốn vườn huê mượn thú làm vui, sẽ thử gác cuộc đời cho khuây-khỏa, nhân khi nhân-hạ phóng bộ huê-viên.

Ngâm tứ-tuyệt :

Bô huê-viên bộ huê-viên,
Man-mác ngày hồng trận gió xiên.
Trở gót lâm-tuyền vui mượn thú,
Mà lòng quân-quốc dễ bao quên.

Vào hỏi : — A Ngọc-Bảo con cũng ra ngoạn-cảnh đó ư ?

Ngọc-Bảo đứng nói : — Dạ, thưa cha, bữa nay cha tự trào về, có sự chi buồn bực, mà coi hình-thần không đặng vui vẻ làm vậy, thưa cha ?

Chúa Nguyễn ngồi nói : — Oa này con, chừ trào-đình tiếng là trào Lê, rứa mà cường-quyền về tay chúa Mạc hết thảy, vậy cha nghĩ buồn quá, nên từ quan trả chức mà về đó, a con.

Ngọc-Bảo nói : — Dạ thưa cha, người ta bảo núi có hầm thiêng, thì rau « lê » không ai dám hái đặng, rứa mà chừ cha trả chức về hưu, thảng ngộ chúa Mạc tiếm Lê thì làm thế nào, thưa cha ?

Chúa Nguyễn nói : — Ủ này con — *Thét hường :* Rứa con là phận gái, chi ngỏ việc triều-đình ; — *Tán :* Dẫu chừ cha về rứa thì về, nhưng nếu Mạc tiếm Lê chăng nữa rứa sao cha có ngồi yên đặng ; — *Thét hường :* Tấm thân giang-hồ, tấc lòng lang-miếu, — *Tán :* có bao chừ mà quên đặng a con.

Ngâm nam-bình :

Chớ nghĩ mình phương-diện quốc-gia
Bá vàng cũng quyết phong-ba cũng liều.

Ngọc-Bảo nói : — Dạ thưa cha, con coi cha tự trào về dã mệt, rứa xin cha hãy về nghỉ.

Ngâm nam-xuân :

Chớ trên vì nước dưới vì nhà,
Trẻ con đã biết đâu mà dám thưa.

(Ha)

(Bày cảnh triều-đình)

Chúa Mạc (vào Thăng-long tiếm nhà Lê) ra bạch ; — *Hường* Ngôi đất rồng bay, một nhà vương-đế ; dầu non voi phục, bảy quận anh-hào (1) — *Tán xưng danh* : Như ta nay chúa Mạc *Thét* : trải mấy năm kinh quốc ra vào,

Ngâm : lỡ núi xiêu thành một lưỡi đao (2).

Thét : trách thay vua Lê sao chẳng nghĩ (*cười*) oa hả hả.

Vỉa nam-bình

Rứa đó mà sao chẳng nghĩ,
Toan buộc chân với sợi chỉ đào ;
Luống công xe sợi chỉ đào,
Chỉ xe xe chỉ biết vào tay ai (3).

Gọi : Quân, troàn bá-quan tề-chỉnh cân-đai, đặng mỗ tới thiềng rồng toan việc nước đây mơ (4). (Ha)

Chúa Nguyễn nghe tin Mạc tiếm Lê, vô trào (5) *bạch* : *Hường* : Mía dâm nơi đền Bái, quế mọc cõi Thanh-hoa ;

Ngâm : Nước non vẫn nước non nhà,
Vì ai gây dựng nên một buổng đất cỏ rừng hoa (6),

Tán : Rứa ta nay chúa Nguyễn,

Ngâm : Nhờ ơn vua trâm hốt một nhà ;

Thét : bởi vì bước công-danh lui tới,

Ngâm : Chốn non quê nương tựa tuổi già.

Tán : Nhưng rứa mà nghĩ đến câu giang-hồ lang-miếu,

---

(1) xét kiểu đất nhà Mạc nói « *Hoàng-long chi hải, vạn đại đế vương* 黃龍至海萬代帝王 », sau thầy Tàu phúc lại nói đó là *hoàng sà chi hải trị lục thập tải.* 黃蛇至海治六十載 », rồi quả như thế. Vả chúa Mạc là người làng Cổ-loa huyện ngô-hương tỉnh Kiến-an. trước thuộc về tỉnh Hải-dương đó có núi Voi-phục là tổ-sơn đất ấy nên câu ngạn nói : « Hải-động thất quận hào-kiệt ». Đây là chúa Mạc nói thế là có ý cậy được đất tốt người giỏi có chí toan làm vua.

(2) Chúa Mạc trước lấy sức khỏe, đỗ trạng vũ-khoa đô-lực-sĩ nhà Lê, rồi làm quan đến chỉ huy-sứ. Nên đó nói khỏe mạnh giỏi như vậy.

(3) Câu ngạn nói « xe chỉ buộc chân voi chân ngựa », là nói lấy phép luật giàng buộc lòng người. Đây mượn tả chúa Mạc nói trách vua Lê không biết người, toan lấy quan-tước buộc mình vào phép luật, nhưng mình vốn là người việt đăng phá chõi, không phải quan tước áo xiêm gò buộc được, cho vào trong lung-lạc cả, chẳng qua vua Lê xe chỉ lại buộc tay mà thôi. Xét đoạn này tả giọng lưỡi chúa Mạc rất khó, vì nói không mạn - mẽ, vì nhu-nhược, không phải giọng gian-hùng, mà nếu trách vua Lê quá lời thì ngạo-ngược không phải thể tôi con, nên đây tả chúa Mạc chỉ nói khỏe mạnh giỏi, và trách vua Lê chỉ trách không biết dùng người, và không bó buộc được mình mà thôi, thế mới rõ là giọng gian-hùng, và đối với vua Lê, không ngạo, không thất thể.

(4) Đây tả chúa Mạc gọi truyền trăm quan về Thăng-long để rõ lúc bấy giờ chúa Mạc đã tiếm nghi-vệ thiên-tử.

(5) Bấy giờ chúa Nguyễn ngài đã làm quan cáo lão về hưu rồi, nhưng nghe thấy tin Mạc ngài lại khởi thân vào chầu vua Lê, là có ý như đức Khổng-tử đã cáo lão nghe thấy Tề Giản-tử giết vua nước Tề, mà ngài tắm gội vào chầu vua nước Lỗ xin đi đánh đứa có tội

(6) Xét nhà Nguyễn vốn người làng Gia-miêu, tỉnh Thanh-hóa sau làng đó là qui-hương gọi là Bái-đô, Bái-đền. Mía Bái-đền rất ngon, quế Thanh-hóa rất qui, đều là vật có tiếng. Nên đây tả Chúa Nguyễn nói đất thiêng vật tốt, chắc là có người hay. Vả nước non đó cũng cốt có nhà vua gây dựng ra.

Ngâm : Thì già nay chưa dễ mà già (1). *Thét tán* : uở chừ bỗng nghe tin họ Mạc, ở ra lòng vong-quân bội-chủ, lấn lát cõi sơn-hà, ta nay đạo thần-tử, cơm vua áo chúa, sá kể chi trời cao biển rộng, nước thẳm non xa.

Ngâm nam-bình :

Chen vai gánh vác sơn-hà,
Chi nề sương tuyết xông-pha ngại-ngùng.

Gọi : quân, dặng cho mỗ vô trào bái mệnh, a,

Ngâm bắc-tầu-mã :

Xa xa đàng mắc ngạnh,
Con ngựa hồ sức mạnh đường bao ;
Chếch-chếch nguyệt cài đao,
Thanh kiếm bạc tay trao từ đó.
(*Hạ*)

Vua Lê Chiêu-tôn (nghe tin Mạc ban trào) ra bạch : — *Hường* : Non mây rồng ấp bóng, biển nước cá chìa vây ; nhớ từ ngày đắp nấm trồng cây, sá nỡ để lẽ bìm đồ gốc (2). *Tán* : Trẫm vua Lê vốn dòng thần-hậu, nước non nhà dẫm dấu sou tươi. *Thét hường* : Rừng Ngang, núi Tản, sông Nhị, biển khơi,

Ngâm : Trào-đình riêng một góc trời,

Thét hường : thiềng sững mây xanh ngất, non dãi bóng vàng phơi,

Ngâm : Cơ-đồ gây dựng mấy mươi đời,

Thét : Rứa mà sá ghê cho họ Mạc chớ ai, chớ ai mà muốn những,

Ngâm : Đặng ngay một bước bước lên trời.

Thét : Sá không nghĩ, *hường* rút dây rừng động, xiêu thiềng đất lở,

Ngâm : Dễ mà chơi.

Gọi : Quân, troàn bá-quan vô trào, dặng cho trẫm phán đây mơ (3). (*Quân dạ dạ.— Bá-quan ra cùng ngồi*).

Chúa Nguyễn vào qui tâu : — Dạ dám tâu tôi chúa Nguyễn vô trào.

Vua Lê ngồi nói : — Đặng ai như chúa Nguyễn, *Thét* : ăn quả phải nhớ người trồng cây. Trào Lê ta từ khi gây dựng nước non này, kể xiết bao công-trình vun đắp, mới đặng có ngày nay, sá ghê cho họ Mạc, *Thét hường* : Chỉ toan sự béo cò đục nước, không quản chi tìm cá leo cây (4). *Tán* : Rứa như trẫm quyết một phen này, *thét hường* : Non rung, núi đổ, cát lở, bụi bay (5). *ngâm* : Ngẫm mà xem cơ tạo vẫn xoay, *giồn* : Đất có gấu gấu lại mọc. *Ngâm* : Khuyên ai đừng phụ nước non này.

Ngâm nam-thương :

Nước non vẫn nước non này,
Đào cây vướng rễ rút dây bên động rừng.(6)

---

(1) Chúa Nguyễn vốn là quan nhà Lê đã mấy đời, vì thấy chúa Mạc lộng lẫy, toan bức vua dời kinh-đô về nơi quê Nghi-dương, nên ngài cáo lão về. Vả sách *Tống-sử* ông Phạm Trọng-Yêm có nói rằng : « quân-tử ở chốn lang-miếu, thì lòng lo dân, lui về giang-hồ, thì lòng mến vua », nay tả chúa Nguyễn nói đến câu đó, thì dẫu cáo già về, nhưng lòng vẫn chưa già, cũng như ông Hoang-Trung ở đời Thục-Hán nói rằng : « Ta dẫu già nhưng con gươm ta chưa già là khẳng-khái lắm.

(2) Đoạn này câu thứ nhất vua Lê tự nói mình, câu thứ nhì trỏ chúa Mạc, hai câu dưới mượn loài cây cỏ để nói trá chữ « lê ».

(3) Đoạn này tả vua Lê nói cơ-nghiệp nhà Lê, gây dựng khó nhọc, nay chúa Mạc muốn một bước đã lên trời ngay, thì cái sự đó khó quá, vả chúa Mạc không nghĩ, chứ rút dây thì động rừng, xiêu thành thì lở đất, đó là quan-hệ lắm, nếu nhà vua không yên, thì bầy tôi chưa dễ mà yên được.

4) Câu ngạn nói : « đục nước béo cò » là nói kẻ sinh việc quấy rối để kiếm ăn mồi. Sách *Mạnh-tử* nói : « leo cây tìm cá » là nói kẻ không biết lẽ làm càn. Đây tả vua Lê đối chúa Nguyễn nói họ Mạc chỉ quen đục trời quấy nước cho ích mình, mà hết sức gắng công làm vô-lý như vậy.

5) Đây là tả vua Lê nói hùng-phẫn như vậy.

6) Đây tả vua Lê dặn dò chúa Nguyễn lấy nghĩa ăn quả nhớ kẻ trồng cây, và nói cơ-nghiệp nhà Lê như hoa cỏ mầm hạt rồi có lẽ lại mọc, cho họ Mạc dù mạnh, chưa chắc đã đào cây dứt rễ được nào.

Chúa Nguyễn quì tâu : — Cúi đầu tâu bệ ngọc, ngửa mặt dộng ngai vàng; dù ai lay lá ngọc cành vàng, nhưng tôi vẫn giữ lòng son dạ sắt.

(Tâu xong trở dậy đứng tham trào).

Vua Lê ngồi nói : — Đặng a chúa Nguyễn, trẫm vẫn biết chúa-công là một người huân-cựu, trải bấy lâu thoái lão giang-hồ, vẫn một lòng mến chúa mộ vua, rứa là trẫm ban cho chỉ-du, đặng gắng sức khuông-phò nguy-chúa, kíp lui về chiêu mộ hương-binh, nếu Mạc nay phạm tới đô-thành, đặng để trẫm điều-binh xuất tướng, nghe.

Chúa Nguyễn đứng ra nói : — Vâng lời chỉ-dụ.

Vía nam-tầu-mã

Dạ dám vâng lời chỉ-dụ,
Kíp lui về chiêu-mộ hương-binh;
Trải bao non-nước gập-ghềnh,
Ngựa hồ thẳng ruổi tới mình quê hương.
tiếp : Tay trao một lưỡi gươm vàng,
Lá tờ ngự-chiếu mấy hàng chữ son.

(Hạ)

Tiểu-tốt báo : — Cấp-báo, cấp-báo ! đại-nguy ! đại-nguy ! trước thành nam quân kéo đen sì, sau cửa bắc cờ bay đỏ khé !

Chúa Mạc đến ngoài thành, *ngâm bắc-tầu-mã* :

Cấp-cấp hành-hành,
Lệnh-hành tiểu-tiểu.
Trước ngoài sông Nhị hàng quân kéo,
Sau nẻo non Nùng vó ngựa giong.

Vua Lê ra đối trận nói khiêu chiến : — Hỡi ai như chúa Mạc ngươi dù có như chông như mác, cũng là người xanh bạc, âu chừ trẫm cùng ngươi sống thác,

Vía :

Chừ trẫm cùng ngươi sống thác,
Đành tiếng thơm ghi tạc với non sông (1).

Chúa Mạc đứng đối-trận nói khiêu-chiến : — Thôi nói chi vua Lê, trải bấy lâu dù ngựa dù xe, đây cũng không quản hề, bởi vì ai gây sự phân chia,

Vía :

Vì ai gây sự phân chia,
Càng rộng lối đi về trong đất nước (2).

Chúa Mạc đứng nói đoản-mã. — Liếc mũi dao đồng, tung núi đồ lung-tung đá lở,

Vua Lê đứng nói đoản-mã ; — Trao con kiếm bạc cắt chồi oan-lác-đác hoa rơi (3).

Vua Lê thua trận nói : — Thôi thôi đành là thác, rứa ta đây có kinh-ngạc chi mà.

Ngâm nam-thương :

Hai vai gánh vác sơn-hà,
Dù khi gió tập mưa sa cũng đành.

---

(1) Đây tả vua Lê nói chúa Mạc dẫu mạnh, cũng là người bạc-hãnh, ta đành liều chết một trận cũng còn tiếng thơm với non sông, cũng như *Tả-truyện* nói trận đánh ở Càu-thời, dù thua cũng sướng, là vì nghĩa trả thù.

(2) Đây tả chúa Mạc nói mình trước chiều chuộng vua Lê, để cho được xe ngựa tử-tế, nhưng bởi vua Lê có lòng toan mưu bỏ mình mà chia lòng tây riêng, thì nay mình càng tung-hoành, không sợ gì, là ý nói bỏ vua Lê đi, thì càng thưa ao tốt cá. — Lại xem đoạn này hai bên đứng bày trận, cũng như *Tam-quốc-chí* nói hai trận song bày, hai tướng ra cửa Viện-môn khiêu-chiến một lúc, rồi mới đánh nhau.

(3) Hai câu đoản-mã này hai bên đánh giáp trận một hai keo, như *Tam-quốc-chí* nói một hai hợp rồi dừng nói câu đoản-mã, bên chúa Mạc biết cơ là được, nên hoành dao cậy mình ; bên vua Lê biết cơ là thua, toan cầm gươm tự-tận, đó là cách đoản-mã, cũng như Tây-sương-khúc-trụ-mã-thinh, là những câu vắn-tắt đôn-dã như thế.

Mặc ai nghiêng nước nghiêng thành,
Dọc ngang núi Tản tung-hoành sông Thao (1).

Nói rồi tự-vẫn

Chúa Mạc thắng-trận nói ; — Thôi thôi vừa gắng sức, như ta đây dù nô-nức mà chi. *ngâm nam-bình* :

Một tay rộng mở kinh - kỳ,
Từ đây lối lại đường đi mặc dầu ;
Đua chơi kìa quán nọ lầu,
Phi-tần Trà-Ninh công-hầu Cổ-trai (2).

(*Hạ*)

HỒI THỨ II

Tới rừng Lào tướng Trịnh tìm bà hậu.
Qua ải Lào chúa Nguyễn gồng con vua.

Chương-trình

Khi vua Lê mất, bà Lê-hậu đem Hoàng-tử Ninh vào rừng tị-nạn, chúa Nguyễn cùng ông Trịnh Duy-Sản đi tìm, mãi mới gặp, rồi cùng đem Hoàng-tử sang Lào. Cảnh này có thảm xót khái-khảng hơn. Ấn Sơn-hậu chỗ Khương Đình-Tá Đồng Thiên-Lã đem thứ-phi tị-nạn.

BÀI TRÍ :

Cảnh rừng núi và đường đi.

CÁC VAI TRÒ

Bà Lê-hậu — Hoàng-tử — Tiều-phủ
Chúa Nguyễn — Trịnh Duy-Sản.

. . .

Bà Lê-hậu ôm Hoàng-tử Ninh tránh nạn ra bạch : — *Than* : ới thương ơi! *Hường* : mây lồng cung quế, gió lạnh buồng tiêu. *Tán* : tôi vốn Lê hoàng-hậu, gặp phải khi loạn Mạc, *Ngâm* : bỗng xui nên chân sóng mặt bèo (3). *thét* : ới Tiên-quân ơi! *Lâm-khốc ngâm nam-thương* :

Chớ dù đâu giải kết đến điều,
Thì đem vàng đá mà liều với thân (4).

Thét : ới Tiên-quân ơi! *Tiếp nam-thương* :

Tiếc thay trong giá trắng ngần,
Đến phong-trần cũng phong-trần như ai (5)

Thét đại-lâm-khốc: ới trời đất ơi! rứa như tôi nay, *hường* : chín khúc sóng giồn, đôi hàng châu rủ, một lòng mến chúa, hai tay dìu con (6), *gọi* : ới Hoàng-tử ơi! con ra đây cho mẹ ẵm con đi, kẻo cha con đã mắc nạn rồi, ôi con!

Ngâm tiếp nam-thương :

Chớ con tìm mẹ mẹ tìm con,
Cỏ hoa mãn-mác nước non lạnh-lùng (7).

(*Đi quanh vào.*)

(*Hạ*)

Tiều-phu ra bạch : — *Hường* : Trăm vầng non tía, nửa dẫy rừng hồng, *tán* : như tôi nay tiều-phủ, *thét* : trải mấy lần sương sa tuyết ủ, non nước một vùng, buồn vì nỗi loạn-lạc, *hường* : cõi rừng lau-lác, ngụ-chí tang-bồng, *thét* : rứa như ta nay, *ngâm nam-xuân* :

Thảnh-thơi non tía rừng hồng,
Hai vai gánh vác một gồng quan-san.
Tiếp : Trải bao gió núi trăng ngàn,
Tựa vầng vách đá buông màn đỉnh mây.

Tan : Rứa như mình tối đâu là nhà, ngã đâu là giường, dù loạn-lạc vẫn bằng chân như vại có hề chi.

---

(1) Đây vua Lê nói tự-tận, đành non sông phó mặc họ Mạc.

(2) Đây chúa Mạc nói kheo được nước, dù triều-thần nhà Lê có xôn-xao cũng không làm gì, từ đây tha-hồ phóng-túng. Vả chúa Mạc là người làng Cổ-trai lấy phi-tần người làng Trà-phương, chỗ ở có núi Trà-sơn, kiểu đất có đủ trâm kính nga-mi, vậy kiểu địa-lý nói rằng : « *Cổ-trai đế-vương, Trà-phương phi-tần* ». Đây là tả chúa Mạc nói từ đó chơi-bời sang-trọng như thế.

(3) Đời cổ nói trên mặt trăng có cây quế, nhân bảo cung trăng là cung quế. và buồng bà hậu-phi thuở trước thường trát bằng hạt tiêu, để lấy hơi ấm, gọi là buồng tiêu. Đây tả bà Lê-hậu nói mây lồng gió lạnh, là có ý mất ngôi tị-nạn rồi xưng-hiệu. mà nói lai-lịch như thế.

(4) Đó tả bà Lê-hậu lấy vàng đá thề tiết-liệt mình.

(5) Đó tả bà Lê-hậu than băng sương gặp cơn gió bụi.

(6) Đó tả bà Lê-hậu đỗng-khốc kêu trời đất và tỏ hết tình-cảnh mà khóc vua Lê.

(7) Đây tả bà Lê-hậu khóc vua Lê rồi gọi Hoàng-tử ẵm đi tị-nạn vào rừng.

Bà Lê-hậu ẵm con ra hỏi : ơi chú tiều-phu ơi, chớ đây có phải lối lên rừng Lào không, a chú ?

Tiều-phu nói : — Chớ Mẹ con nhà mụ đi mô, mà hỏi lối lên rừng Lào, hay cũng muốn lận vào kiếm củi ? Như ta dây bạn cùng cây cỗi, chẳng quen đàng len lỏi mó tê, thôi mẹ con nhà mụ đi đi cho rồi (1).

(*Hạ*)

Bà Lê-hậu ngồi ôm con khóc : — *Thét* : Ới như con ơi ! *Ngâm nam-thương* : Chớ chung quanh những nước non người, *hàn* : rứa như thân mẹ nay da mồi tóc bạc, *Ngâm* : Ngành Lê trắng điểm một vài bông hoa. *Thét* : Ới Tiên-quân ơi ! *Ngâm tiếp* : Chớ bằng nay bốn bề không nhà, *Hàn* : rứa như mẹ con tôi, *Ngâm* : Hoa trôi man-mác biết là về đâu (2) !

(*Đi quanh vào.*)

(*Hạ*)

Chúa Nguyễn ra (khóc vua Lê, rồi đi tìm bà Lê-hậu với Hoàng-tử) ra bạch : — *Hường* : Chợt nghe tin báo, khúc dạ bồn-chồn, *Thét* : Ới trời ơi là trời ! *Réo* : Thôi ! *Ngâm nam-thương* : Nghiệp Lê đồ núi rung non, *Hàn* : Chừ biết mần răng cho đặng ! *Ngâm đại-lâm-khốc* : Vua cha rấp khúc tôi con đau lòng ! *Thét* : Ới trời ơi là trời ! rứa như tôi chúa Nguyễn, *Ngâm* : Thờ vua cha hai chữ hiếu-trung, *Hàn* : phận tôi con đi làm vậy. *Ngâm* : Chớ dẫu ngoài lang-miếu cũng trong giang-hồ (3). *Thét* : Sá ghê cho họ Mạc *Ngâm* : Dám đương đầu trái nước bội vua ! *Thét* : rứa như nó, *Ngâm* : Dù hết trúc non Nam, dễ hồ ghi không hết tội (4).

Gọi : Quân, đặng cho mỗ lên đàng thẳng ruổi :

Vía nam-tẩu-mã :

Đặng mỗ lên đàng thẳng ruổi,
Sẽ thăm dò con nối nhà vua,
Xa xa ruổi gót ngựa hồ,
Gập-ghềnh bãi Bắc quanh-co ngàn Đoài.
Tiếp : Mông-mênh cả nước chim trời,
Người một nơi hỏi một nơi ngại-ngùng (5)

(*Đi quanh vào*)

Bà Lê-hậu ôm con ra đi đường rừng khóc : — *Thét* : Ới Tiên-quân ơi !

Ngâm nam-thương :

Rừng phong thu đã nhuốm mầu.

Hàn : Chớ như mẹ con tôi tới ni, rừng sâu núi thẳm, *Ngâm* :

Trông vời cố-quốc biết đâu là nhà !

Thét : Ới Tiên-quân ơi ! *Ngâm* :

Chớ xưa sao phong gấm rủ là,

Hàn : mà chừ xẩy ra bước làm vậy.

Ngâm :

Chớ lòng ai biết cho ta hỡi lòng (6).

(*Quanh vào*)

Trịnh Duy-Sản ra (trách Mạc rồi đi tìm bà Lê-hậu với Hoàng-tử) bạch : — *Hường* : Sực nghe tin nói, xiết nỗi kinh hoàng. *Thét* : Sá ghê cho họ Mạc là một đứa nghịch-cường hung-hãn (7) *Tán* : rứa như tôi nay dòng họ Trịnh, biểu danh Duy-Sản, mấy mươi năm dực-noãn vua Lê, nay bất-kỳ gặp buổi loạn-ly, không biết bà Hoàng-hậu đem Hoàng-tử đi đàng tê chăng chớ ?

Gặp tiều-phủ hỏi :

---

(1) Đây là tả người tiều-phu nói ý ẩn-dật, không chịu ra len-lỏi luồn lọt gì với đời, nên không quen lối đi.

(2) Đó là tả bà Lê-hậu hỏi tiều-phu không trỏ lối rồi vỗ con khóc vua Lê mà đi.

(3) Đây tả chúa Nguyễn ra khóc vua Lê, và nói giang-hồ lang-miếu cùng đạo tôi con để tỏ ý ngài đã cáo-lão về, nhưng thấy nghĩa phải làm.

(4) Đây tả chúa Nguyễn trách họ Mạc tội không xiết chép.

(5) Đây tả chúa Nguyễn đi tìm chưa gặp.

(6) Đây tả bà Lê-hậu than bước gian-nan, không ai tỏ cho mình.

(7) Đây tả ông Trịnh Duy-Sản nói nghe tin vua Lê, rồi kể tội họ Mạc như thế, nhưng nói khác giọng chúa Nguyễn trên ấy, lại là một cách biến-văn.

Bở ngươi tiều-phủ, ngươi có thấy người đàn bà nào ẵm một đứa con nít sớm qua đây không?

Tiều-phủ nói : — Dạ bẩm ngài, tôi sớm đi kiếm củi, có thấy một người đàn bà, ẵm một người con nít, đi lên mãi quãng rừng xa xa trên tê.

Trịnh Duy-Sản nói : Ờ nghe như tiều-phủ nói muốn phải, âu là ta ruổi ngựa hồ thẳng tới ngàn tê.

Ngâm nam-tầu-mã :

Ngựa hồ thẳng tới ngàn tê.

Mây che cửa động trăng kề đỉnh non (1).

(*Quanh vào*)

Bà Lê-hậu lại ra ôm con đi đàng rừng khóc ; — *thét* : Ới Tiên-quân ơi!

Ngâm nam-thương :

Nhớ đất bằng nổi sóng đùng đùng,

hàn : chớ như mẹ con tôi trông ngang trông ngửa.

Ngâm :

Cát vàng còn nọ bụi hồng dặm kia.

hàn : ới con ơi con!

Ngâm :

Chớ thương con lòng nặng chề chề,

hàn : rứa nay như thân mẹ,

Ngâm :

Mầu hoa lê hãy đầm-đìa giọt mưa (2).

(*Quanh vào*)

Chúa Nguyễn ra gặp Trịnh Duy-Sản hỏi thăm bà Lê-hậu với Hoàng-tử: —Oa ông Trịnh Duy-Sản! à mà ông Trịnh Duy-Sản, chớ ông có biết bà Hoàng-hậu đem hoàng-tử đi đàng mô chăng chớ (3)?

Ông Trịnh Duy-Sản hỏi ướm chúa Nguyễn : — Dạ bẩm ngài hỏi Hoàng-hậu với Hoàng-tử có việc chi (4)?

Chúa Nguyễn dìu Duy-Sản ngồi nói chuyện : — Oa, ông Trịnh Duy-Sản, này chúa Mạc nó làm điều hung-hãn, rứa như anh em mình phải ra tay dực-noãn chừ-hoàng.

Ngâm :

Chớ trong một lưỡi gươm vàng,

thét : Sá nỡ để đứa gian cường bội nghịch. — *Tán* : ờ, rứa may gặp ông đây, — *Thét* : xin hãy ngồi vã cỏ, tôi nói cho thiên thanh địa bạch, — *Ngâm* :

Chớ con gươm này, — *Giơ gươm thét* : quét sạch lũ yêu ma. — *Hỏi gạn* : rứa hỏi ông cóbiết Hoàng-hậu đem Hoàng-tử đi đàng mô chăng chớ (5)?

Trịnh Duy-Sản nói xin chúa Nguyễn thề ước làm anh em, sẽ đưa đi tìm Hoàng-hậu với Hoàng-tử : — Dạ dám bẩm ngài, — *Thét* : ngài còn ghét những loài hung-hãn, huống như em dễ thấy nòi bội bạn mà tha, — *Tán* : rứa em cũng đi tìm hoàng-hậu và hoàng-tử từ bữa hôm qua, vừa mới nghe tên tiều-phủ nó nói, có một người đàn bà, ẵm một người con nít, đi lên mãi quãng rừng xa xa trên tê, — *Hưởng* : vậy em rắp lên

---

(1) Đây tả Trịnh Duy-Sản hỏi thăm tiều-phủ rồi ruổi ngựa lên rừng Lào, thì trời đã xế hôm, trăng thượng-huyền đã lửng-lơ trên đầu núi.

(2) Đây tả Lê-hậu than bước loạn lạc thương con mà tủi khóc.

(3) Đây tả chúa Nguyễn gặp Trịnh Duy-Sản nửa ngờ nửa mừng, chỉ cốt mau hỏi được tin Hoàng-hậu với Hoàng-tử, nên câu hỏi ngờ ngờ mừng mừng có ý rối-rít như vậy.

(4) Đây tả Trịnh Duy-Sản vốn đã nghe tin Mạc rồi, nhưng giả làm bớ-lờ chưa biết để hỏi xem ý chúa Nguyễn thế nào. Thế mới ra bực lão-thành kín đáo.

(5) Đây tả chúa Nguyễn nghe Trịnh Duy-Sản nói như chưa biết tin Mạc, rồi rút gươm của vua Lê trao cho mình trước mà bảo Duy-Sản rồi cũng dìu ngồi vã cỏ nói chuyện, mà tuốt gươm chém đất bạch lòng trung, và chỉ cần hỏi tin bà Hoàng-hậu với Hoàng-tử làm cốt, đó lại là một bậc lão-thành trung-thực nóng nẩy lắm.

tê, bỗng gặp ngài tới đó, — *Thét* : hai ta một lòng phù chúa, xin với ngài kết ngãi anh em, đặng em sẽ đưa tìm hoàng-quyến (1).

Chúa Nguyễn nói thề với Trịnh Duy-Sản rồi cùng vào rừng Lào : — Oa, ông Trịnh Duy-Sản, đã một lòng chi quản công lao, — *tuốt gươm trỏ trời chém đất, thét* : Âu thì ta tuốt con gươm vạch đất mà chỉ thệ với trời cao, anh em mình đến tới rừng Lào, xem có thiệt chừ hoàng chăng chớ (2).

Hai ông cùng đứng dậy vào rừng Lào. Ngâm bắc tầu mã :

Xách con lương-mã,
Ruổi mau tiền lộ,
Bồi hồi thu sắc mộ.
Lạc lạc lữ hoài cô,
Trên đỉnh đèo vầng đá lô chô,
Ngoài cửa động gương thu lấp-lánh (3).

Chúa Nguyễn đi đường rừng ngâm tứ-tuyệt liên-chi :

Bóng ác chênh chênh xế đỉnh đèo,
Đầu rừng lấp-lánh mảnh trăng treo ;
Con gươm chếch chếch vòng trăng uốn,
Xa ruổi đường rừng mấy khúc oeo (4).

Trịnh Duy-Sản ngâm tiếp :

Xa ruổi đường rừng mấy khúc oeo,
Ngựa hồ mệt mỏi bước leo trèo ;
Xa xa dẫy núi dừng trông lại,
Gió cuốn đầu rừng ngựa thét kêu (5).

Chúa Nguyễn ngâm tiếp :

Gió cuốn đầu rừng ngựa thét kêu,
Mến ngành liệng tổ chiếc chim tiêu ;
Ngựa Hồ chim Việt tình lai-láng,
Man-mác ngàn hoa trận gió reo (6).

Trịnh Duy-Sản ngâm tiếp :

Man-mác ngàn hoa trận gió reo.
Vượt ngàn chim ngậm đá vầng gieo ;
Gẳng công lấp biển xưa nào quản,
Kìa bọn chim rừng bé tẻo-teo (7).

Chúa Nguyễn ngâm tiếp :

Kìa bọn chim rừng bé tẻo teo,
Tránh cung rẫy đã dạn cây queo ;
Chim khôn ai dễ đành dây buộc.
Gọi bạn tìm đàn chốn trẻo-leo. (8)

Trịnh Duy-Sản ngâm tiếp :

Gọi bạn tìm đàn chốn trẻo-leo,
Chờ xem đáy biển nước trong veo.
Cỏ non cỏ nước cỏ đầy đấy.
Ruổi ngựa nghe chim suốt buổi chiều (9)

(*Cùng đi quanh vào.*)

---

(1) Đây tả ông Duy-Sản cùng chúa Nguyễn ngồi nói chuyện, thấy ngài mười phần trung-phẫn, bạch ngãi đồng-tâm, bấy giờ mới nói nghe tin tiểu-phủ, nhưng hãy xin kết làm anh em, mới sẽ đưa tìm hoàng-quyến, lời nói nửa lộ nửa kín, thực là bực lão-thành cẩu thận không gặp người nói tri-kỷ ngay.

(2) Đây tả chúa Nguyễn đã tuốt gươm thề với Duy-Sản làm anh em, bèn giục Duy-Sản cùng lên rừng Lào xem có thực Hoàng-hậu với Hoàng-tử ở đó không, vì trăm tai nghe không bằng một mắt trông thấy, đó lại là bực lão-thành chu chí lắm.

(3) Đây tả hai ông ruổi ngựa đi đường rừng, bấy giờ trời đã chiều, chỉ thấy những vùng non đá sững, cửa động trăng cài, cảnh chiều hôm lanh-lùng như thế.

(4) Đây tả chúa Nguyễn nói buổi chiều bóng gác trăng treo, mà mình vẫn con gươm yên ngựa giong ruổi chốn đường rừng như vậy.

(5) Đây tả Trịnh Duy Sản nói đường rừng quanh quất, ngựa thét gió chiều, có ý cảm động lắm.

(6) Đây tả cảnh chiều, ngựa thét gió, chim liệng cành, ngàn hoa man mác, thực cảm động lắm. Xét cổ có câu «Hồ mã tê bắc phong, Việt điểu sào-nam chi » là có ý mến phong-thổ cũ.

(7) Đây tả ông Sản trông thấy đàn chim tinh-vệ ngậm đá lấp biển mà cảm hứng.

(8) Đây tả chúa Nguyễn nói loài chim phải cung thì hay thấy cây cong là lánh, những đàn chim đó tránh cung rẫy đã quen dạn rồi, vậy thành ra loài chim khôn không ai lấy dây giàng buộc được nữa vậy nói có ý gọi bạn từ hang tối lên cây cao mà thôi, xét cổ-thư nói « *Kinh cung chi điểu, kiến khúc mộc nhi cao phi* » và nói « *hồng phi minh minh, dặc-nhân hà mộ* » và kinh *Thi* nói « *Xuất cốc, thiên kiều ; cầu kỳ hữu thành* », đều là ý đó cả.

(9) Đây tả ông Duy-Sản nói loài chim đó gọi bạn lấp biển để chờ cho biển trong, nay anh em qua đó trên non dưới biển, ruổi ngựa nghe chim tình cảm động mà không biết chiều trời đã muộn.

Bà Lê-hậu lại ôm con ra đi đường rừng khóc : — *thét* Ới tiên-quân ơi ! chớ như mẹ con tôi, — *Ngâm Nam-thương* :

Mẹ già đầu bạc con thơ,

— *hàn* : mà chừ luống bơ vơ làm vậy, *Ngâm* :

Bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia.

—*hàn* : vả như cơn bây chừ, *Ngâm* :

Bóng trăng đã xế hoa lê.

—*hàn* : rứa tưởng như thân thiếp, —*Ngâm* :

Lòng son bảy mươi tóc thề mười phương(1).

Chúa Nguyễn ra dặn bà Lê-hậu, đứng nói xin nâng đỡ Hoàng-tử. — Dám bẩm lệnh-bà, nay đang cơn hoạn-nạn, đạo tử-thần dám quản công-lao, anh em tôi tìm lệnh-bà khắp cõi rừng Lào, vậy dám xin lệnh-bà kíp chao Hoàng-tử lại cho anh em tôi nâng đỡ, đón lệnh-bà kíp lên xe ngựa, cùng hạ-thần sang cửa Lao-quan (2).

Bà Lê-hậu (toan trao Hoàng-tử cho chúa Nguyễn, nhưng ý còn e sợ) đứng nói. — *Thét* : ới chúa-công ơi ! — *than* : Nay ngành Lê lá vàng rụng cuống, quả xanh nẩy ngồng, — *thét* : may còn đây một giọt máu hồng, — *gồn* : trăm cám ơn chúa-công, sao tránh đặng cho khỏi vòng hoạn-nạn.

Vía nam-thương :

Tránh đặng khỏi vòng hoạn-nạn,
Cảm ơn ngài dẹp loạn phò nguy.
Chớ sự đâu sóng gió bất kỳ,
Tình thâm luống hãy hồ nghi nửa phần (3)

(*Tay ôm con ngập ngừng không dám đưa*).

Ông Duy-Sản đến giục bà Lê-hậu đưa Hoàng-tử cho chúa Nguyễn rồi cùng sang Lao-quan : — Dạ dám bẩm lệnh-bà, xin lệnh-bà kíp trao Hoàng-tử lại cho chúa-công. — *thét* : kẻo đây sắp sang sông trèo ải.

Vía nam-thương :

Đây sắp sang sông trèo ải,
Xin lòng trời trông lại người trung ;
Nghiệp Lê còn giọt máu hồng,
Hoa gieo nẩy hạt quả trồng nên cây (4).

Bà-Lê hậu đứng nói mà trao Hoàng-tử cho chúa Nguyễn và Duy-Sản rồi cùng sang Lao-quan : — *thét* : Ới chúa-công ơi, ới tướng-quân ơi ! — *gồn* : đây thì tôi xin trao Hoàng-tử lại cho chúa-công và tướng-quân, xin chúa-công và tướng-quân con hoạn-nạn đỡ đầu Hoàng-tử.

Vía nam thương :

Hoạn nạn đỡ đần Hoàng tử,
Huống nay còn măng sữa ngây thơ.

---

(1) Đây tả bà Lê-hậu than mẹ con đi đường rừng, tối hôm trăng xế không gặp một ai, chỉ có lòng tức bực thề nguyền với non sông mà thôi.

(2) Đây tả chúa Nguyễn gặp Lê-hậu, nói hoạn-nạn và nghĩa tử-tôi ân lai-lịch, rồi kíp xin trao Hoàng-tử nâng đỡ rước bà Lê-hậu lên xe ngựa sang Lao-quan, xem ý lời nói khẩn thiết, thật là bậc trung thần kiền-quiền.

(3) Đây tả bà Lê-hậu nghe lời chúa nguyễn nói tay ôm Hoàng-tử mà khóc, toan trao cho ngài, nhưng ý còn kinh-ngại, vậy nói nhà Lê chỉ còn một Hoàng-tử là một giọt máu hồng, xin trăm nghìn phần nhờ ngài a-bộ cho, sao mà tránh được khỏi hoạn-nạn, ý lời nói còn kinh ngại lắm, là bởi lúc bấy giờ bụng đàn-bà ai cũng phải kinh ngại, nên đời Tam-quốc bà Cam phu-nhân vợ ông Lưu-Bị chạy Tào-Tháo cũng trao con cho Triệu-Tử-Long rồi mà chết, là vì không biết có tránh được khỏi nạn không, nên ai cũng kinh ngại và hồ-nghi.

(4) Đây tả ông Duy-Sản thấy bà Lê-hậu toan trao hoàng-tử cho chúa Nguyễn mà có ý còn kinh-ngại, nên giục bà Lê-hậu kíp trao ngay kẻo sắp sang sông trèo ải hiểm trở khó nhọc, người đàn bà không thể ôm con đi được. Vả lại khẩn trời giúp đỡ, rồi nghiệp Lê hoa quả lại mọc, không nên kinh-ngại gì cả.

Phận bồ ruột héo như dưa.
Quan san ngàn dặm mây mưa mấy trùng (1).

(*Trao Hoàng tử cho chúa Nguyễn*).

Chúa Nguyễn gồng Hoàng-tử sang Lao-quan:— *Thét* : Tay cầm chỉ-dụ sang sông, — *Ngâm*: Vai tôi gồng — *réo* : chúa trèo qua non Hạc (2). — *thét gọi* ; bớ chị em. — *Ngâm* :

Chầm-chậm đợi iêng cùng. — *réo* : kẻo lạc đường đi, — *tán* : ta đi đến đây trên thì rừng dưới thì biển. — *Ngâm nam-bình* :

Bước đi một bước một ngừng,
Qua miền biển bắc tới rừng non tê.

— *Gọi* : Quân, — *tiếp* :

Ba quân quyết một lời thề,
Ngọn cờ trỏ nẻo bánh xe tiện đường.

—*Hàn* : Rứa như ta nay, —*tiếp nam bình* :

Ra tay quét sạch hung cường
Mác đồng chỉ núi gươm vàng iêng mài non (3).

Lê-hậu cùng đi ngâm tiếp nam thương :

Chớ những là lạ nước lạ non,

— *hàn* : như rứa tôi chỉ thương Hoàng-tử còn bé mà phải đi làm vày, — *Ngâm*:

Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây.

— *tán* : rứu mà chừ đã hôm rồi, — *Ngâm tiếp* :

Chớ chiều thu trăng trạnh vẻ mây.

— *hàn*: mà đi mãi chưa đến chi không nóng ruột, — *Ngâm* :

Chín bồi vấn vít như vầy mối tơ.

Trinh Duy-Sản thét ; — Chớ đây đã tới hay chưa ? — *Ngâm* : Đây đã tới rồi mau mau chân bước tới miền Lao-quan.

Hạ

(*Còn nữa*)

NGUYỄN THÚC-KHIÊM

---

(1) Đây tả Lê-hậu đã nghe lời chúa Nguyễn và Duy-Sản giục, thế bất-đắc-dĩ, phải trao Hoàng tử cho hai ông, mà mình theo sang Lao-quan. Bởi tình-cảnh không thể không được, nên giọng nói thê- hẳm.

(2) Xét sông Mã núi Hạc ở giới-phận Ninh-bình Thanh-hóa, là một đường nước ta thông sang Lao.

(3) Đây tả lời chỉ thề của chúa Nguyễn.

TÂY-THI DIỄM-SỬ (1)

西施艷史

(Lịch-sử tiểu-thuyết)

III

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT

Tìm người đẹp trong xóm Trữ-la

Việt-vương Câu-Tiễu muốn cầu mĩ-nữ, tiến hiến Ngô-vương; lại sợ về sự đi sưu-cầu quá, thì kinh-nhiễu dân-gian, đương về lúc vô-kế khả-thi. Chợt có một người ở trong hàng bách-quan đứng lên tâu rằng tôi có một kế, có thể không nhiễu dân mà được mĩ-nữ. Việt-vương trông ra thì là quan tướng-quốc Phạm Lãi, kíp hỏi rằng tướng-quốc có diệu-kế gì, có thể không phải cần sự sưu-cầu mà được mĩ-nữ? Phạm Lãi thưa rằng: « Tôi xin được những kẻ thị-vệ thân-cận của đại-vương hơn trăm người cùng đi với tôi, và kén lấy người tài xem tướng đi lẫn ở trong, du-hành khắp trong nước; hễ gặp người nào là con gái thanh-niên, nhan-sắc xinh đẹp, vẻ kiều-diễm có thể động được người, thì tức-khắc ghi chép họ tên quê quán người ấy, đem về tiến-hiến đại-vương để đại-vương tùy ý kén lọc; cứ như thế mà đi, chẳng qua vài tháng, tức có thể đem họ tên quê quán con gái đẹp trong nước thái-phóng được hoàn-toàn, mà dân-gian lại chẳng bị kinh-nhiễu về sự sưu-cầu, há chẳng phải là diệu-kế dư? » Câu-Tiễu cả mừng, liền theo kế Phạm Lãi, sai quan nội-thị hơn trăm người theo với Phạm Lãi, đi ra dân-gian, làm cách dò-la quan-sát riêng; nhất-thiết sự-tình, đều nghe quan tướng-quốc xử-trí, không ai được ngang trái. Phạm Lãi lĩnh mệnh Việt-vương, tạ ơn lùi ra, đi dò la quan-sát ở trong nước nửa năm, quả-nhiên cầu được số nhiều con gái đẹp, phần nhiều là kẻ kiều-diễm động-nhân, có thể duyệt-mục được. Song trong tâm Phạm Lãi còn chưa mãn-ý; tất muốn được người con gái tuyệt-sắc, rồi mới thỏa lòng. Một hôm đi đến địa-phương Chư-kỵ không hề kinh-động đến địa-phương-quan, chỉ xuất-lĩnh mọi kẻ tùy-tùng, nghỉ ngơi ở chỗ nhà trạm. Phạm Lãi nghĩ bụng riêng rằng đất Chư-kỵ là nơi kinh-đô cũ nước ta, cư-dân giàu có đông đúc nhân-vật chỉnh tề, chắc có người con gái tuyệt-sắc, ngày nay đi đến đây, nên phải dụng-tâm quan-sát. Phạm Lãi ở đất Chư-kỵ ít lâu, khi thì minh-tra, khi thì ám-phóng. Ngờ đâu quan-sát mấy mươi ngày, chỉ thấy những hạng con gái tầm-thường, theo lối thành-thị, trang-điểm bề ngoài; rút lại không thấy người nào là kẻ dung-nhan tuyệt-thế, nhan-sắc khuynh-thành. Phạm Lãi khôn xiết lo buồn, trong thành đã đành không có mĩ-sắc, còn chỗ hương-thôn chưa biết thế nào; đợi ta sẽ thử đi ra ngoài nơi giao-dã, du-ngoạn một phen, may ra có phen kỳ-ngộ, cũng chưa biết đâu. Phạm Lãi ý-kiến đã định, mới không hề xuất lĩnh những kẻ tùy-tùng, chỉ một mình đi ra ngoài thành Chư-kỵ, tản bộ mà đi; tình-cờ đi đến một nơi địa-phương chỉ thấy núi non quanh-quất, muôn đợt tốt tươi, mây nước bồi-hồi, núi

(1) Xem N.-P. số 114, 115.

khe như vẽ. Phạm Lãi bước vào nơi ấy như vào chốn tiên-hương, tự-nhiên thấy tâm-chí khoáng-đãng, tinh-thần hòa-vui, mà nói rằng như chỗ son-thanh thủy-tú danh-khu thắng-cảnh này, tất sinh ra có người giai-nhân tuyệt-thế, diễm-sắc khuynh-thành; ta nếu không kỹ càng tìm hỏi quan-sát, thì có thể hư-phí mất chuyến đi này. Mới nhất-diện để bụng nghĩ-ngợi, nhất-diện đi xem phong-cảnh, chợt thấy một dải thanh-khê, nước chảy khúc-chiết, từ dia núi chảy ra, quanh co mà lượn lại. Theo giải thanh-khê mà trông ra, thì đào-lý thành rừng, tùng-bách xanh biếc, trong chỗ lán cây tươi tốt ấy, dường như phảng-phất có cánh cửa giong có rặng rào trúc. Phạm Lãi mừng nói rằng mé bên kia sườn núi lại có thôn-cư, đợi ta đi vòng qua núi, ngoạn-cảnh một phen. Mới tức-khắc noi sườn núi theo khe nước đi lên, đi ước vài trăm bước, dường có một trận gió thơm, quạt qua mặt đưa lại. Phạm Lãi thấy có cái khí thơm dường ấy, cả lấy làm kinh-dị nói rằng khí ấy tựa như khí lan mà không phải khí lan, trong ấy dường như có hương-khí mĩ-nhân, quyết không phải là hương-khí hoa-thảo. Đương lúc hồ-nghi, chợt nghe có tiếng nước động lên, dường như có người ở bên khe rửa giặt cái vật gì đó. Phạm Lãi kíp kíp nghé xem, mới biết rằng là một người con gái ở bên khe dương giặt sa; cái trận hương-khí vừa rồi, chính là ở đấy khỏi ra, bị luồng gió mát thoảng qua đưa lại. Phạm Lãi đứng ngắm ở đàng xa xa biết được người con gái ấy có chiều yểu-điệu thanh-tú, liền dảo bước đi lên toàn-chú tinh-thần xem kỹ. Trong khi xem xét, khiến cho Phạm Lãi mặt ngây miệng ngốc, trong tâm lấy làm kinh-dị mà nghĩ riêng rằng không ngờ cõi trần mà có người tiên, kia vẻ trầm-ngư lạc-nhạn, nọ mầu bế-nguyệt tu-hoa, sợ rằng những bậc Nga-Hoàng với Nữ-Anh, không có thể chuyên được tiếng đẹp ở ngày xưa vậy; ta không nên phóng quá mà làm mất cơ-hội tốt này. Mới lại gần vái chào hỏi rằng: Tiểu-nương-tử ở về nơi nao, tên gì, họ gì, đất này là đất gì? Người con gái ấy thấy Phạm Lãi hỏi mình, ngừng mắt trông lên một cái, rồi dem cuốn sa đương giặt ở trong tay từ từ ném xuống, đứng lên buông vuốt quần áo ở trên mình chỉnh-đốn qua, lùi lại vài bước mà đáp lễ thưa rằng đất này là cõi huyện Chư-kỵ, thuộc về nước Việt quản-trị, núi này gọi là núi Trữ-la, thôn này cũng gọi là thôn Trữ-la; thiếp tôi họ Thi tên gọi Di-Quang ở về Tây-thôn dưới núi Trữ-la, dân-cư chỗ Tây-thôn đều là họ Thi, vì thế lại gọi thiếp là Tây-Thi; [illegible] nhân cư-xử về chỗ hoang-vu tịch-lậu, gia-cảnh thanh-bần, thường ở lên khe Nhược-gia này hàng ngày làm việc giặt sa; chưa biết đại-quan quí-tính đại-danh là gì, vì sao lại chỗ hương-thôn hoang-tịch này, hỏi han đến thiếp, có sự-cố gì? xin dạy rõ cho. Phạm-Lãi nói rằng chẳng dám nói giấu, kẻ hạ-quan này là tướng-quốc nước Việt Phạm Lãi đây. Tây-Thi nghe xong thất-kinh nói rằng: « Nguyên là quan tướng-quốc xa giá lại đây, tiện-thiếp này không biết, thất-lễ hồi-tị, xin tha tội cho. Duy lâu nay vẫn nghe tướng-quốc dem lòng trung-ái thờ vua, từng theo vua ta sang Ngô không ngại tân-khổ; sinh-mệnh vua ta và xã-tắc nước Việt, đều nhờ sức quan tướng-quốc cả; nguy mà lại yên, mất mà lại còn. Hiện nay vua ta tuy đã về nước, nhưng thù lớn chưa báo, giặc mạnh hãy còn, tướng-quốc chính nên ở chốn triều-đình phụ-tá vua ta, để trùng-hưng lấy nước Việt, mới là chính-lý, vì sao lại đến đất Chư kỵ này, du-sơn ngoạn-thủy, làm hư-phí mất quang-âm trong thời-khắc thế du? Ngày nay chưa phải là ngày nước Việt đã yên, kẻ thù

đã diệt, quan tướng-quốc nguyện-vọng đã thỏa, trách-nhiệm đã xong, có thể ưu-du cho trọn ngày trọn tháng đó du! Tiện-thiếp này làm thân con gái, ở chốn sơn-thôn, tính lại ngu-muội, tâm lấy làm ngờ, dám xin hỏi quan tướng-quốc?» Tây-Thi cật-vấn Phạm Lãi mấy lời, khi ấy cúi đầu khép vạt áo đứng ở ven khe, đợi lời Phạm Lãi đáp lại. Chửa biết Phạm Lãi nói năng thế nào, sẽ xem chương dưới phân-giải.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI

Đính lời ước ở bên khe

Phạm Lãi nghe Tây-Thi nói, biết rằng trong chốn ngôn-ngữ có ý trách mắng, bất-giác ám-kinh mà ám-tưởng rằng: « Ả tiểu-nữ kia là kẻ sinh-trưởng chốn hương-thôn, mà nghe ả kia ngôn-ngữ lại có kiến-thức lớn-lao, và mang lòng trung-nghĩa. Nếu được người con gái ấy đem tiến sang Ngô-quốc, thì không những nhan-sắc mĩ-lệ, đủ khuynh-động được Phù-Sai, mà lại kiến-thức dường ấy, miệng lưỡi lanh-lợi, biết nói điều phải, cũng đủ thêm cho nước Việt một cánh tay. Chẳng biết ả kia có chịu xả-thân báo-quốc đi sang Ngô hay không. Ta sẽ đem ngôn-ngữ dả-động ả kia, xem ý ả kia thế nào. » Ám-tưởng xong, mới ngỏ lời nói rằng kẻ hạ-quan phen này lại đây, không phải là sự nhàn-du, chính là vì quốc-gia đại-sự mà lại đây. Tây-Thi nói rằng: « Tướng-quốc đã vì quốc-gia đại-sự, sao chẳng ở trong chính-phủ làm việc yếu-cần, vì sao lại đến chốn hương-thôn cùng-tịch này, mà lại chỉ đi một mình, không có xa-mã bộc-tụng gì cả, rút lại là vì cớ sao? » Phạm Lãi nói rằng: « Vua nước Việt ta muốn báo cái thù bại-quân ở Cối-kê rửa cái nhục làm tù ở thạch-thất, nằm trên đống củi, nếm nước mật đắng, lao-thân khổ-tứ đã mười năm nay, muốn thực-hành sự báo-cừu. Nhưng vì giặc Ngô chính là đương lúc cường-thịnh, kẻ mưu thần nước Ngô là Ngũ Tử-Tư còn chửa trừ đi được; binh-cường tướng-mạnh của nước Ngô hoàn-toàn còn cả; nhỏ mọn nước Việt ta muốn cùng nước Ngô kháng-cự, vạn-vạn khó phần đắc-chí. Nhân có nghĩ rằng nhà Thương mà dấy lên được, là vì có ông Y-Doãn ở nhà Hạ; nhà Chu mà dấy lên được, là vì có ông Lã Vọng ở nhà Ân; lấy nước nhỏ địch với nước lớn, lấy kẻ yếu chống với kẻ cường, phi có người nội-gián, không thành công được. Cho nên sai kẻ hạ-quan này đi tứ-xứ tìm hỏi những kẻ tài-năng kỳ-dị, xuất-chúng siêu-quần, khiến đi sang nước Ngô, để làm cái mật-kế nội-gián, kẻ hạ-quan này tự khi phụng-mệnh đến giờ, bôn-tẩu ở trong nước, lịch-duyệt chỗ sơn-nham, đi đến đâu sưu-cầu đến đấy, dụng tâm phòng-sát, đã nửa năm rồi. Trong mười hôm nay, đi đến địa-phương Chư-kỳ, cho nên đến đây làm sự nhàn-du, để giải-phóng qua mọi điều uất-tích ở trong dạ, và nhân phòng-sát kẻ hiền-năng. » Tây-Thi nói rằng: « Nguyên là tướng-quốc vì nước đi cầu hiền, chẳng sợ khó-nhọc trong chốn phong-trần, cần-lao như vậy đáng kính đáng phục, nhưng không biết tướng-quốc trong nửa năm ấy đã từng vật-sắc được bao nhiêu người giai-sĩ, tiến-cử được bao nhiêu kẻ hiền-tài?» Phạm Lãi nói rằng: «Trong nửa năm ấy, tuy gặp được mấy vị hiền-nhân, chỉ khả-dĩ đảm-đang mọi việc ở trong nước, không khả-dĩ đảm-đang việc nội-gián ở nước ngoài; cái việc nội-gián hệ-trọng ấy, hiện còn phải đang đi tìm người chửa biết ngày nào mới gặp.» Tây-Thi nói rằng: «Nước Việt ta thụ-nhục với nước Ngô, người nước ta người nào người ấy đều nghiến răng, thiếp tôi tuy là phận con gái, cũng nghĩ sự báo-thù, huống-chi trong bọn tu-mi nam-tử, há không có một hai người hào-kiệt, vì nước quên mình, đảm-đang được sự hệ-trọng ấy

du ; thiếp tôi xem ra, không phải là không có người, chỉ tại tướng-quốc tìm xét chưa đến nơi đấy thôi. » Phạm Lãi nói rằng: « kẻ hạ quan này ngày nay được gặp tiểu-nương-tử, ý muốn đem cái gánh vác hệ-trọng đi sang nước ngoài làm kẻ nội-gián ấy, đặt ở trên vai tiểu-nương-tử ; tiểu-nương-tử nếu nghĩ đến quốc-thù, mà khái-nhiên đảm-đang lấy việc ấy, thế là cái phúc nước Việt ta. » Tây-Thi ngạc-nhiên nói rằng : « Lời tướng-quốc là ý thế nào? tiện-thiếp này là một kẻ yếu-ớt chốn thôn-quê, sao có thể đảm-đang được trọng-nhiệm, tướng-quốc sao nên đem ngôn-ngữ cợt bởn. » Phạm Lãi nói rằng : « bảo thật cho tiểu-nương-tử biết, hạ-quan này phụng-mệnh Việt-vương, không phải là đi phóng-cầu người hiền-sĩ, chính là đi phóng-cầu người mĩ-nữ tuyệt-sắc. » Tây-Thi nghe nói, dung-nhan biến cải, chính-sắc mà bảo Phạm Lãi rằng ; « Tướng-quốc nói vậy là sai ! Việt-vương mới thoát khỏi trong vòng tù lỗ, được về nước cũ, chính nên siêng-năng việc nước, cố cầu chấn-hưng để làm cái kế báo cừu tuyết-sỉ. Nay sai tướng-quốc đi phóng-cầu mĩ-sắc, thế thì muốn toan mưu sự khoái-lạc, không để ý về việc dân việc nước đấy du ! Việt-vương quả có tâm ấy, tướng-quốc nên hết sức can ngăn ; sao lại tuân-phụng mệnh-lệnh, vì vua đi đến đâu phóng-cầu mĩ-nữ đến đấy du ! Tiện-thiếp này trước kia vẫn cho tướng-quốc là kẻ bề-tôi trung nước Việt, cứ sự này xem ra thì tướng-quốc thực là kẻ bề-tôi siểm-nịnh. Tiện-thiếp lầm rồi, cùng với kẻ siểm-nịnh bàn nói làm gì. » Nói xong, vùng ra muốn đi, liền bỏ cả cuốn sa đang giặt ở bên khe không đoái nữa. Phạm Lãi vội-vàng ngăn lại nói rằng : « Tiểu-nương-tử đừng vội nổi giận, Việt-vương sai hạ-quan này đi phóng-cầu mĩ-sắc, không phải là mưu sự khoái-lạc của mình, chính là đem hiến nước Ngô, để làm kế nội-gián ; tiểu-nương-tử chớ trách lầm Việt-vương. » Tây-Thi nghe nói lại dừng chân đứng lại nói rằng: « tướng-quốc đừng nói dối người, nội-gián là việc hệ-trọng, không phải tay anh-hùng hào-kiệt không đương nổi, dùng làm gì con gái đẹp. » Phạm Lãi nói rằng : « Chỉ vì nước Ngô khí-diễm họ đương thịnh, binh tinh lương đủ, trung-thần mưu-sĩ của họ đầy khắp triều-đình. Nước ta tuy có người sĩ chí-mưu, đi làm nội-gián, khó phần đắc-lợi. Nếu cứ dùng-dằng mãi, thì chửa biết ngày nào có thể thành công. Việt-vương ta cái tâm báo-cừu kíp lắm, muốn trong mười năm, đem nước Ngô xan phẳng làm hồ ao, bấy lâu vẫn chửa có cơ-hội gì. Nay biết rằng Ngô-vương đã đem đài Cô-tô cải-tạo thành-công, làm rộng cung thất, để mưu sự vui chơi. Việt-vương ta muốn thừa-cơ-hội ấy, tuyển-trạch mĩ-nữ, đem hiến Ngô-vương, khiến cho Ngô-vương hoang-dâm về sự tửu-sắc, dợi nước Ngô dân cùng tài-kiệt, rồi nước Việt ta mới có thể thừa-cơ cử-sự. Duy trong đám mĩ-nhân đem hiến Ngô, tất phải có một hai người dung-mạo xuất-sắc, lấy được cái lòng sủng-ái của Ngô-vương sẽ khiến được Ngô-vương mê-hoặc tâm-chí, điều ác gì cũng dám làm. Rồi sau lại tiến những lời gièm để giết kẻ trung-thần họ, dẫn họ vào đường dâm-loạn, để hư-hao tài-sản họ, khêu họ về sự dụng binh để kết oán với các nước láng diềng, để họ những sự giong chơi, để hư không đô-thành họ. Nước Việt ta mới có thể thừa-cơ mà vào nước họ để báo đại-cừu. Hiện nay mĩ-nữ tuy đã tuyển được khá nhiều, chỉ ít có người mĩ-nhân nào là trung-nghĩa can-đởm tướng-mạo vô song, để đảm-đang cái trọng-nhiệm làm kẻ nội-gián ở nước Ngô. Hạ-quan này kể bấy nhiêu lời, chỉ vì sự ấy, chửa biết tiểu-nương-tử có chịu xả-thân báo-quốc đấy không ? Tây-Thi không đợi nói hết, tức-khắc khảng-

khái tác-sắc nói rằng: «Thiếp này tuy là phận nữ-nhi, cũng biết ít nhiều đại-nghĩa ; tự khi nghe nước Việt ta phải nước Ngô đánh vỡ, Việt-vương ta phải đi sang nước khác làm kẻ thần-thiếp cho người, đã lấy làm phẫn-hận vô-cùng, nay quốc-gia dùng thiếp để báo-cừu, thiếp xin gắng sức để thành-sự : tướng-quốc nếu quả còn cầu mĩ-nữ, thì thiếp có người bạn gái thân-thiết trong hàng chị em, tên là Trịnh Đán, dung-mạo cũng phảng-phất như thiếp, cũng có thể cùng đi được, để giúp thêm lấy một cánh tay. » Phạm Lãi cả mừng, chắp tay ngỏ lời cảm-tạ nói rằng nhờ tiểu-nương-tử khảng-khái nhận lời, vả lại tiến-cử bạn gái, vì nước ra công ra sức, không những hạ-quan này cảm khích vô-cùng, tưởng cả nước Việt ta trên tự Việt-vương dưới đến bách-tính, cũng không ai là chẳng cảm-khích tiểu-nương-tử, cứ một lời nói ngày hôm nay là chuẩn định, ngày mai sẽ đem xe ngựa lại đây nghênh-tiếp. Tây-Thi nhất-nhất nhận lời, tuyệt không từ-chối chút gì nữa. Phạm Lãi mới cùng với Tây-Thi làm lễ từ-biệt, thẳng về trong thành Chư-kỵ. Tây-Thi cũng thu xếp cuốn xa đương giặt đi về nhà. Chửa biết Phạm Lãi quả nghênh-tiếp Tây-Thi đấy không, sẽ xem chương dưới phân giải.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA

Hoan-nghênh hai người tuyệt-sắc

Phạm Lãi ở dưới núi Trữ-la bên khe Nhược-gia, gặp thấy Tây Thi, ước định ngày mai, đem xe ngựa đến nghênh-tiếp. Đến sáng sớm ngày thứ hai, quả-nhiên đem hai cỗ hương-xa, đi đón Tây-Thi và Trịnh Đán hai vị mĩ-nhân. Trịnh Đán nguyên cũng ở về Tây-thôn núi Trữ-la, cùng với Tây-Thi vốn là bạn thiết chỗ láng-diềng, hai người đều ở kề sông, hàng ngày cùng nhau giặt sa ở đầu khe Nhược-gia ; má hồng mặt nguyệt, đôi bên cùng ánh chiếu nhau, chẳng khác nào hai đóa tịnh-đế liên-hoa. Ngày nay thì một đôi tuyệt-sắc mĩ-nhân ấy, đều bị Phạm Lãi đón đi. Phạm Lãi về đến Cối-kê, đem những người mĩ-nữ phóng-cầu ngày trước, ước được hơn hai nghìn người, nhất-tề kê rõ họ tên, và tuổi bao nhiêu, dung-mạo thế nào, đem trình Việt-vương Câu-Tiễn ; Câu-Tiễn sai người đi khảo-sát lại, lấy được hơn ba mươi người. Câu-Tiễn lại thân-hành để mắt xem xét, chọn lấy hai người đẹp nhất trong đám mĩ-nhân, thì chính là Tây-Thi với Trịnh Đán, bắt họa-công truyền lấy hình-mạo, rồi sai Phạm Lãi đem vàng giao cho hai nhà, mỗi nhà trăm lạng, làm đồ sính-lễ. Còn mĩ-nhân khác, phàm người trúng-tuyển, cũng đều cho vàng, người không trúng-tuyển, thì nhất-nhất tống cho về nhà. Rồi đem Tây-Thi với Trịnh Đán trang-sức một bề, cho mặc cái áo la-cấu, cho cỡi cái xe trùng-vi, khiến ở một nơi biệt-quán. Trong khi tống hai vị mĩ-nhân đi ra nơi biệt-quán, thì bách-tính trong nước ngưỡng mộ cái danh mĩ-nhân, ai nấy đều muốn biết mặt, tranh nhau lại xem, ủng-tắc cả đường cái, xe mĩ-nhân không thể đi lên được. Phạm Lãi truyền-lịnh nói rằng : «Đợi khi mĩ-nhân đã đến biệt-quán, các người nếu muốn xem, chỉ nên mỗi người nộp kim-tiền một đồng, khi ấy mặc sức xem không lo ủng-tắc. » Bách-tính nghe có lời ấy, liền mở ra một lối nhường cho xe đi, xe mĩ-nhân mới đi lên được. Khi đến trong quán, quả-nhiên đặt một cái hòm để thu tiền ; trong khoảng phút chốc kim-tiền đầy hòm. Mới bảo hai người mĩ-nhân lên chỗ lầu cao, tựa vào cái câu lơn mà đứng, để bách-tính xem, bách-tính từ dưới đất trông lên khác nào như hai người tiên-nữ đứng ở trên chốn hư-không, bách-tính đua nhau bàn khen, tiếng vang trời đất. Hai vị mĩ-nhân ở nơi biệt-quán ba

ngày, được kim tiền vô-số, đem xe cả vào trong kho, để chi-dụng về việc nước. Sau ba ngày, Việt-vương thân-hành tiễn hai vị mĩ nhân ở nơi Thổ-thành; sai người giáo-sư lão-luyện về nghề ca-vũ, dạy hai vị mĩ-nhân, tập luyện lâu đến ba năm, nghề ca-vũ mới được tận-thiện. Rồi sau cho đội mũ châu-mạo, ngồi xe bảo-sạ, đi qua chỗ nào, thì chỗ ấy gió thơm sực nức cả gần xa. Lại dùng sáu người mĩ-tì là lũ Toàn-Ba với Di-Quang làm kẻ thị-nữ. Sai tướng-quốc là Phạm Lãi đi sang nước Ngô tiến-hiến. Phạm Lãi khi đi sang đến nước Ngô, chợt gặp Ngô-vương Phù-Sai đi thân-chinh nước Tề, đại-hoạch toàn-thắng, mới đem quân về. Phạm Lãi vào yết-kiến, hai lạy khấu đầu tâu rằng kẻ tiện-thần ở đông-hải là Câu-Tiễn, cảm ơn đại-vương được về trị nước, không có thể thân-hành đem cả vợ con sang đại-quốc, phụng-sự bên tả hữu được, khắp tìm trong nước, được hai người múa khéo hát hay, sai kẻ bồi-thần này đem hiến vào chỗ vương-cung, để sung mọi việc sái-tảo. Phù-Sai trông thấy, cho là tiên ở trên trời sa xuống, hồn-phách say-mê. Khi ấy tướng-quốc nước Ngô là Ngũ Tử-Tư ở bên cạnh, tiến lời can rằng: « Tôi có nghe rằng ngũ-âm khiến người tai điếc, ngũ-sắc khiến người mắt mờ. Cho nên vua Kiệt vì gái Muội-Hỉ mà diệt, vua Trụ vì gái Đát-kỷ mà vong, U-vương vì gái Bao-Tự mà chết, Hiến-công vì gái Ly-Cơ mà loạn; tự xưa đến nay, những kẻ tàng-thân vong quốc, phần nhiều là do cái vạ mĩ-nữ. Nay Việt-vương đem tiến những đồ mĩ-nữ ấy, ấy là muốn cho đại-vương say-mê trễ-biếng, tự mình lại làm bại-vong lấy mình, xin vua chớ nhận cái vật vong-quốc ấy. » Phù-Sai nói rằng: « Cái tâm hiếu-sắc, người ta sở-đồng. Câu-Tiễn được mĩ-nhân ấy, không dám dùng riêng, đem tiến quả-nhân, tức là đủ chứng ra cái lòng tận-trung với nước Ngô, tướng-quốc sao lại ngờ họ có ý gì. Huống chi vua Kiệt vua Trụ vua U vua Hiến đều là ông vua vong-quốc, há nên đem quả-nhân ví với những vua ấy. Tướng-quốc làm kẻ bề tôi, tôn-kính bề trên nên như thế nào; lại ở giữa chốn triều-đình, đương-diện làm nhục quả-nhân, cái lẽ làm kẻ bề tôi, há nên như thế. Quả-nhân nhất-thiết thu nhận mĩ-nhân nước Việt, để tướng-quốc xem quả-nhân có đến vong-quốc được hay không. » Tử-Tư nghe xong lời ấy, biết rằng Phù-Sai tâm chí đã mê-hoặc, can-ngăn cũng vô-ích, chỉ thở dài một tiếng mà lui. Phù-Sai mới thu-nhận hai kẻ mĩ-nhân nước Việt, sai Bá-Bĩ khoản-đãi Phạm Lãi, ngày mai Phạm Lãi về nước, liền lui về trong cung hưởng cái hạnh-phúc trong cuộc ôn-nhu. Chưa biết việc sau thế nào, sẽ xem chương dưới phân giải.

CHƯƠNG THỨ MƯƠI BỐN

Sửa-sang loạn Tiêu-hạ

Ngô-vương Phù-Sai nhận đồ cống-hiến nước Việt, Tây-Thi với Trịnh-Đán hai người mĩ-nữ đều là tuyệt-sắc. Phù-Sai đều sủng-ái cả. Mà Tây-Thi càng là kẻ yêu-diễm khéo chiều, cho nên độc chiếm cái chiếu ca-vũ ở trên Đài Cô-tô, chuyên cái phòng sủng-ái, khi ra vào nghi-vệ sánh với bậc hậu-phi, Trịnh Đán thì ở hậu-cung, vì Tây-Thi chuyên được Ngô-vương sủng-ái, trong tâm ghen-ghét, uất-ức chẳng vui, chưa kịp một năm, bị bệnh mà chết, Phù-Sai cũng lấy làm thương-tiếc, đem táng ở núi Hoàng-mao, lập đền để thờ. Từ đấy Ngô-vương lại càng sủng-ái Tây-Thi, chỉ sợ Tây-Thi kiều-diễm như hoa, không dạn-dễ được sương gió, cũng như Trịnh Đán trẻ tuổi chết non. Mới sai Vương Tôn-Hùng đặc-biệt kiến-trúc ra cung Quán-khuê ở trên núi Linh-nham, tạc cừ, xây hạm, đem thức châu-ngọc sức vào

dùng đồ thất-bảo chế nên, để làm cái chốn mĩ nhân du-ngoạn nghỉ ngơi. Mà Tây-Thi còn chửa xứng tâm thời thường nói ra có bệnh, khi bệnh thì thường nói rằng bệnh tâm-thống, mỗi khi bệnh khởi lên, thì tất ôm đàng trước quả tim, nhăn trán cau mày mà sẽ kêu, càng hình-dung ra được vẻ kiều-mị. Phù-Sai thấy như thế, biết rằng dầu đóa phù dung ngậm sương, đóa liên-hoa đúng nước, cũng không có vẻ diễm-lệ ấy. Sở-dĩ Tây-Thi mỗi tâm-thống khởi lên một thứ, thì Phù-Sai lại sủng-ái thêm đi một từng. Các phi-tần chỗ lân-viện, thấy Tây-Thi tâm-thống, Ngô-vương lại thêm sủng ái cho là Ngô-vương yêu về cái dáng cau mày nhăn trán, mới bắt-chước Tây-Thi, người nào người ấy đều làm ra cái trạng tâm-thống, hễ gặp khi Ngô-vương xa giá về cung, thì nhất-tề nhăn trán cau mày, để mong phần sủng-ái. Ngờ đâu Ngô-vương thấy hình-dạng bọn ấy làm ra như vậy, lại cho là xấu-sa, mỉm cười nói rằng: Tây-Thi tâm-thống nhăn trán cau mày, tự-nhiên có một giống thái-trạng khiến người khá yêu, lũ mày bắt-chước không thể sao bắt chước được; quả nhân xem ra lại thấy khó coi, thật là Tây-Thi ôm bụng cau mày, Đông-Thi bắt chước càng tỏ ra cái xấu đó mà thôi. Các phi tần nghe nói, người nào người ấy tự lấy làm hổ thẹn, ngậm-ngùi mà lui ra. Người đời sau nhân lấy tích đó để cười những kẻ học-thức chửa bằng người, mà lại muốn bắt chước người làm, gọi là Đông-Thi hiệu-tần. Tây-Thi đã được chuyên bề sủng ái ở Ngô-cung, hàng ngày khêu dẫn Ngô-vương vào cõi hoang-dâm xa xỉ. Ngô-vương nhân vì Tây-Thi thích ăn cá tươi, cá trong ngự-trù tiến lên, Tây-Thi hiềm rằng không được thật tươi, thường không cầm đũa gắp đến. Ngô-vương mới sai đắp ra cái thành, gọi là Dưỡng-ngư-thành, thành thông ra hồ Thái-hồ, khiến nước hồ với nước ở trong thành thời thời chảy đi chảy lại, để nuôi cá tươi. Tây-Thi lại thích ăn thịt vịt, thịt vịt tất ướp đồ hương-liệu, đồi gạo ở trong nướng lên, ngoài lại bôi các thức dầu béo; vịt thì nuôi đến béo lớn lạ thường mới có thể thích-khẩu. Ngô vương lại vì Tây Thi đắp ra cái thành gọi là Áp-thành, chuyên sự nuôi vịt. Tây-Thi thích ăn gà non, gà thì tất chọn con nào tốt đẹp mới dùng. Ngô-vương nhân lại chế tạo ra sở nuôi gà, gọi là Kê-pha, để cung về sự Tây-Thi dùng. Tây-Thi thích uống thứ rượu gọi là Nữ-trinh-tửu, nguyên rượu ấy sản-xuất ở đất Thiệu hưng trong nước Việt; Ngô-vương tức-khắc sai nước Việt mỗi năm phải cống-hiến rượu Nữ-trinh, để cung-cấp cho Tây-Thi dùng. Hay đâu cái rượu cống-hiến tự đường xa đem lại, lại đi đường sông, kinh qua sóng gió lay động; khi đến nước Ngô, mở bũ xem ra, thì đều đã vẩn đục, không thể làm đồ ẩm-liệu cho mĩ-nhân được. Ngô vương lại đắp ra Tửu-thành bắt-chước cái phép chế rượu Nữ-trinh, nấu ra rượu để cung-cấp Tây-Thi dùng. Thường gặp khi trời nắng, Tây-Thi khổ cảnh viêm-nhiệt, mồ hôi chảy ra khắp mình. Ngô-vương sợ Tây-Thi cảm thử, hoặc sinh ra tật bệnh, mà lại không có phép gì khả dĩ chế ra được cảnh thanh-lương. Hỏi khắp các quan không ai có lương sách gì cả. Ngô-vương biết làm thế nào. Mới xuất bảng yết lên ở trong nước rằng có người nào đem cái phép tránh nực lại dâng, thì thưởng cho nghìn lạng vàng. Vương Tôn-Hùng mới hiến kế nói rằng tôi nghe chỗ Nam-loan mé tây Động-đình, dài được hơn mười dặm, ba mặt đều là núi, chỉ một mặt mé nam như hình môn khuyết, nếu ở chỗ ấy kiến-trúc cung điện, mùa nắng ở đó, rất là thích hợp. Ngô-vương cả mừng nói rằng: «Kế nhà ngươi rất phải, nên chóng vì quả-nhân kiến-trúc cung-điện, để tiện sự tránh nực». Bá-Bĩ ở bên

cạnh nói rằng : «Chỗ Nam-loan mé tây Động-đình tuy nhiên thích hợp về ngày nực, nhưng bây giờ đã đến mùa thịnh hạ rồi, nếu muốn kiến-trúc cung-điện há một chốc mà làm thành; Vương Tôn-Hùng nói vậy sợ không thể dùng được.» Vương Tôn-Hùng kíp nói rằng : « Tự xưa đến nay, trong cuộc trọng thưởng, tất có kẻ dũng phu ; đại-vương nếu quả cho tôi được tiện-nghi hành-sự, không tiếc tiền của trong kho, tự nhiên có thể trong mười ngày kiến trúc thành cung điện, khiến đại-vương trong mùa thịnh-hạ này, có thể ở chỗ Nam-loan mé tây Động-đình, tránh cái viêm nhiệt ấy.» Phù-Sai mừng nói rằng: « Đại phu quả có tài ấy, quả-nhân tiếc gì vàng bạc ở trong kho, cứ nhờ đại-phu lấy ra chi-dụng là phải.» Vương Tôn-Hùng được lời chỉ-dụ ấy, tạ ơn lui ra, kíp kíp đốc sức công-trình, khởi phu dịch mười vạn người đến Tây động-đình kiến-tạo cung-điện. Số người ấy lại chẳng đủ, mới tâu Ngô-vương phát đình tráng toàn-quốc tận số đi làm công-dịch. Tài-liệu kiến-trúc không đủ, thì lấy những phòng-ốc hiện đã thành rồi để sung vào ; lúc trước thì hiềm rằng phòng-ốc của dân-cư thấp hẹp, tài-liệu không kham ứng-dụng chỉ lấy các đền các viện để sung vào mà thôi, sau thì lấy đến phòng ốc cao rộng của nhà giàu ở dân-gian, cuối cùng thì những phòng-ốc thấp hẹp của dân-cư cũng lấy cả đi để sung vào việc. Bách-tính đã phải theo đòi về sự công-tác, lại không có nhà ở, Vương Tôn-Hùng còn sợ rằng công-tác chậm trễ, đánh mắng roi vọt, không chút nào thương dân, làm cho bách-tính trong nước kêu khổ đầy đường, dẫm chân oán giận, sự canh-nông bỏ cả; khung cửi trong dân gian không nghe có tiếng dệt, chết chóc lưu-ly, bất tham ngu mục. Quả-nhiên đến kỳ hạn mười ngày, Vương Tôn-Hùng đã đem cung điện mới kiến tạo thành, báo cáo Phù-Sai. Phù Sai cả mừng, cả khen Vương Tôn-Hùng khéo biện sự, ban thưởng cho nhiều. Ngô-vương mới cùng với Tây-Thi cùng cỡi thuyền rồng đi đến trong cung điện tân kiến trúc ở chỗ Tây-động-đình tránh nực, thì thấy cung-điện nguy-nga, lầu gác tầng tầng lớp lớp, thật là họa-đống phi-vân châu-liêm quyển-vũ, mĩ-lệ khác thường. Phù-Sai truyền đặt tiệc rượu trong cung điện mới, để khánh lạc-thành ; Phù-Sai với Tây-Thi sánh vai mà ngồi, đôi bên bày hàng nữ-nhạc, thay đổi nhau tầng phiên lên tấu nhạc. Trong điện thấy hay hẳy có gió mát sinh ra, khí nắng toàn tiêu, so với mùa thu không khác gì cả. Phù-Sai cả cười nói rằng không ngờ trời sinh ra cái loan ấy, khiến quả-nhân này cùng với mĩ-nhân được lấy đó làm chỗ tiêu-trừ khí viêm-nhiệt trong mùa hạ, nên đặt tên chỗ ấy là Tiêu-hạ-loan. Tây-Thi cũng mười phần đắc-ý, mỉm miệng một cười, trăm vẻ đẹp xinh ra, càng khiến cho Phù-Sai tâm với thần đều say đắm. Chửa biết sau thế nào, sẽ xem chương dưới phân giải.

(*Còn nữa*)

TÙNG-VÂN

VĂN-UYỂN

DỊCH THƠ-CỔ

(Thể thất ngôn tuyệt cú)

I

蘇臺覽古

Đài Tô xem tích cổ

唐人李白

(Của Lý Bạch đời Đường)

荒苑臺楊柳新。
Đài hoang vườn cũ liễu còn tơ,
菱歌清唱不勝春。
Dìa-dặt lăng-ca giọng gió đưa ;
祇今惟有西江月。
Nay chỉ Tây-giang vầng nguyệt tỏ,
曾照吳王宮裏人。
Từng soi người ngọc điện vua Ngô.

Thơ này là thơ hoài-cổ. Lăng-ca là khúc hát Thái-lăng. Người ngọc trỏ về Tây-Thi; Vua Ngô trỏ về Ngô-vương Phù-Sai.

II

越中懷古

Qua đất Việt-trung nhớ sự cổ

唐人李白

(Của Lý Bạch đời Đường)

越王勾踐破吳歸。
Việt-vương thủa nọ đánh tan Ngô,
戰士還來盡錦衣。
Chiến-sĩ về ban áo gấm cho ;
宮女如花滿春殿。
Cung-nữ mặt hoa điện xuân chật,
祇今惟有鷓鴣飛。
Nay đà phất-phới bóng gà gô.

Thơ này cũng là thơ hoài-cổ. Việt-vương trỏ về Việt-vương Câu-Tiễn.

III

烏衣巷

Ngõ Ô-y.

唐人劉禹錫

(Của Lưu Vũ-Tích đời Đường)

朱雀橋邊野草花。
Bên kiều Chu-tước cỏ hiu-hiu,
烏衣巷口夕陽斜。
Ngoài ngõ Ô-y nhạt bóng chiều ;
舊時王謝堂前燕。
Chim yến nhà quan Vương Tạ cũ,
飛入尋常百姓家。
Lều tranh bách-tính lại bay vào

Thơ này là thơ cảm-sự. Cảm-sự nghĩa là xem cái mầu kim-tích cái số thịnh-suy ; mà cảm-thương cho nhân-sự. Ô-y hạng, đời Tấn tử-đệ họ Vương họ Tạ người nào người ấy mặc những áo đen, áo đen là áo kẻ sang đời bấy giờ, đời nhân gọi ngõ họ Vương ngõ họ Tạ là Ô-y.

IV

九月九日憶山中兄弟

Mồng chín tháng chín nhớ anh em trong núi

唐人王維

(Của Vương Duy đời Đường)

獨在異鄉爲異客。
Chiếc gối quan-hà nghiêng đất khách,
每逢佳節倍思親。
Trùng-dương tiết đến nhớ-nhung ai ;
遙知兄弟登高處。
Cành thù tưởng lúc lên cao bẻ,
遍插茱萸少一人。
Đủ mặt anh em vắng một người.

Thơ này là thơ ở đất khách nhớ người thân-thích trong họ hàng. Trùng-dương tức là ngày mồng chín tháng chín ; tục đời ấy cứ đến tết trùng-dương, thì nhà nào nhà ấy anh em rủ nhau lên chơi núi thưởng cây thù-du, rồi bẻ mấy cành về làm thuốc, cũng như tết đoan-ngọ mồng năm tháng năm đi bẻ cành ngải, vân-vân.

V

暮春即事

Mộ-xuân tức-sự

宋人周濂溪

(Của Chu Liêm-Khê đời Tống)

雙雙瓦雀行書案。

Đôi cái sẻ-sành trên án nhảy,

點點楊花入硯池。

Mấy chùm bông liễu trước nghiên rơi;

閒坐小窗讀周易。

Ngày ngày ngồi sáng xem kinh Dịch.

不知春去幾多時。

Chẳng biết xuân đi mấy độ rồi.

Thơ này là thơ tức-sự. Tức-sự nghĩa là trỏ vào việc mà nói. Đây là tả về cảnh-thú chỗ xem sách trong buổi mộ-xuân. Đôi cái sẻ sành nghĩa là đôi con chim sẻ chế bằng sành, làm ra dáng đi dáng nhảy, tức là cái giá để gác bút, là một vật thanh-nhã trong văn-phòng.

Tùng-vân

THI CA MỚI

1. Tắm mát buổi chiều

Đường cái thênh-thênh nhẹ gót hoa,
Gần nơi tắm mát thỏa lòng ta ;
Lập-lờ sông Nhị triều tuôn dẫy,
Bảng-lảng non Tây bóng xế tà ;
Cá cả giương vây theo nước chảy,
Chim ngàn vỗ cánh khuất mây xa ;
Mấy câu ướm hỏi người du-lịch,
Phong cảnh Đồ-sơn cũng thế à (1) ?

2. Nghĩ

Nghĩ quanh nghĩ quẩn nghĩ vu-vơ,
Nghĩ nỗi gần xa luống thần-thơ ;
Nghĩ cái trò đời, thôi có khác . . . ,
Nghĩ con người ấy thật không ngờ !
Nghĩ tuồng « bố láo » thêm ngao-ngán,
Nghĩ chuyện « con hươu » khéo rỡm-rờ.
Nghĩ chán-chê rồi, sau tự nghĩ,
Nghĩ chi cho lắm, bân lòng tơ !

3. Nhớ Thư-trì

Nào biết rằng ai có nhớ chi ?
Riêng ta ta chỉ nhớ Thư-trì ;
Ngựa xe rộn-rịp đường Tân-đệ (2),
Khăn áo phô bày cảnh Thuận-vi (3) ;
Hội Lạng vào ra đà mấy độ (4) ?
Chợ Đời tan họp trải bao khi (5) ?
Lộc-điền trông với làng Cầu nhỉ (6) ?
Khuất mấy ngàn dâu nọ thấy gì !

4. Bến Tân-đệ

Qua sông tàu chạy nhẹ như tên,
Phong-cảnh này ai khéo vẽ nên ?
Đò dọc vào Nam mời khách xuống,
Xe hơi đi Thái đón người lên,
Phố-phường lồ-đồ đường đôi ngả,
Hàng quán lơ-thơ chợ một bên ;
Tiện dịp dạo thăm nơi huyện-lỵ
Tấc lòng canh-cánh chửa từng quên !

5. Biệt bạn sáng sớm

Vầng dông đã thấy đỏ hoe-hoe,
Người ở nhà lan khách đặm hòe ;

---

(1) Núi Đồ-sơn ở tỉnh Kiến-an, mùa bức nhiều người đến đấy nghỉ mát.
(2) Bến Tân-đệ là nơi giáp-giới tỉnh Nam-định và Thái-bình. Huyện lỵ Thư-trì ở liền ngay đó.
(3) Ở Thư-trì có câu hát rằng : « Gái Thuận-vi khăn đào áo chuốt,..... »
(4) Ở làng Ngoại-lãng vui vẻ lắm.
(5) Ở làng Đồng-đại, mỗi năm ngày 15 tháng 7, họp một phiên.
(6) Quê hương tác-giả.

Thìa rượu ly-bôi men vẫn đậm,
Câu thơ lưu-giản nét chưa nhòe ;
Tan canh gáy rúc đàn gà-trống
Lìa tổ kêu nôn lũ Chích-chòe,
Cảm cảnh lòng đương ngao-ngán cảnh,
Còi đâu giục-giã tiếng « toe-toe ».

6. — Trời nắng đường xa

Chang-chang khi trời nắng,
Thẳm-thẳm đường đất xa ;
Rầu mặt lòng ngơ-ngẩn,
Chồn chân bước đận-đà ;
Nấu-nung lò tạo-hóa,
Cay-đắng vị quan-hà ;
Tâm-sự khôn bày tỏ,
Một mình ta biết ta !

7 — Thức đêm

Trằn-trọc lúc đêm thanh,
Tư bề cảnh vắng tanh ;
Sông Ngân vầng đã tỏ,
Đỉnh Giáp nhắp chưa thành ;
Vặc-vặc trăng soi bóng,
Hiu-hiu gió lọt mành ;
Đường kia nông-nỗi nọ,
Lặng nghĩ suốt thâu canh,

8. — Quả cau

Gửi đưa buồng trước lại buồng sau (1),
Sấp nước cho tươi để giữ màu (2) ;
Vẫn biết đỏ môi là phải có (3),
Yêu nhau nên hái để mời nhau (4).

9 — Miếng giầu

Gặp nhau câu chuyện sấp lan-la (5),
Vôi thuốc ai hay phải giở ra (6) ;
Ví nếu không ăn cầm lấy nhé (7) !
Dù cay dù mặn kể chi mà (8) !

10 — Quả mít chín

Sinh ra hình-dạng vốn sù-sì,
Một chút danh thơm mấy kẻ bì ;
Tiếng « đặc » người đời hay rỉa-móc
Ai kia « rỗng tuếch » đã hơn gì !

11 — Rơm

Khói lửa tung bay bén mọi nơi (9),
Anh-hùng gần-gặn được bao người (10) ?
Trò đời rắc-rối hay thêm chuyện,
Rậm bung ôm chi khéo nực cười (11) !

12 — Rạ

Đem voi mà giấu, giấu làm sao (12) ?
So gốc cho con liệu thế nào (13) ?
Quần áo quá chơi đem bán hết (14),
Gió đông đành chịu dấn thân vào.

Hát nói

I

Xem sách

Dục tri thiên-hạ sự ; tu độc Ngũ-châu thư.(15) Chẳng cứ gì công việc sau xưa, có trải biết mới là người kiến-thức. Hồn chữ vẩn-vơ làng hẫn-mặc, duyên văn dan-díu áng thư-hương. Kiếp phù-sinh trót đã dở-dang, hãy mượn lấy quyển vàng mà giải-trí. Này triết-lý, này văn-chương, này luân-thường, này chính-trị, cầm trên tay ngẫm nghĩ chuyện gần xa. Đường trí-khôn thêm rộng mãi ra, nỗi u-uất lòng ta đều rũ sạch. Lúc ngày vắng ta vui với sách, khi canh tàn sách bạn cùng ta. Mặc người lộng nguyệt ngâm-hoa.

---

(1) Lời phương-ngôn : « Ai về tôi gửi buồng cau, buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy.... »

(2) « Ai lên nhẩn nhủ chị hàng cau, chiều buồm sấp nước giữ mầu cho tươi ». — (3) « Có giầu mà chẳng có cau, làm sao cho đỏ môi nhau thì làm ? » — (4) « Vào vườn hái quả cau xanh, bổ ra làm sáu mười anh xơi giầu... »

(5) «Miếng giầu là đầu câu chuyện ». —(6) «Ăn giầu phải giở giầu ra, một là thuốc độc, hai là mặn vôi ».

(7) « Tiện đây đưa một miếng giầu, chẳng ăn cầm lấy cho nhau bằng lòng » — Giầu nhỉ ăn thật là say, dù mặn dù nhạt dù cay dù nồng... » Hai bài này, trích trong tập « Thọ-Sơn tạp-vịnh ».

(9) «Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén » —(10) « Anh-hùng rơm » —(11) « Ôm rơm rậm bung ».

(12) « Giấu voi đụn rạ » — (13) « So gốc rạ gả con » — (14) « Cờ bạc nó đã khinh anh, áo quần bán hết một mảnh chẳng còn ! Gió đông non chui vào đống rạ ..... »

(15) Muốn biết việc thiên-hạ, nên đọc sách năm châu.

II

Đánh tổ tôm

Truyện Kiều xem chửa chán, trà Mạn uống đương ngon (1). Vui anh em dỗ đánh « cò con », gặp canh « hãm » chịu « ăn mòn » cho « sạch nước » ! « Phỗng » không ai cấm chưa « mò » được ; « bài » mới lên xong muốn « ném » đi. « Bất-thực khàn » nghĩ cũng chẳng làm chi ! « Lưng không có » đã chắc gì « tái-kiến » ! Thôi hãy tạm xoay bài « đình-chiến », đành ngồi « suông » gẫu chuyện cho qua. Phủi miếng « cay » tưởng cạch đến già, lòng nghĩ thế, thế mà chưa nỡ bỏ. Nào những bản : « Bạch-định, thập-hồng, chi-chi, kính-cố » (2), Cuộc chơi bời đen đỏ cũng từng khi ! Mặc ai bảo : « Chẳng ra gì ! (3)

Hát đò-đưa

Lời chú lái đò

Sá chi số-kiếp bình-bồng,
Con thuyền lững-thững chở trên sông.
Nước non đâu cũng là nhà, [Nhị-hà.
Mái chèo thưa nhặt, câu ca dịp-dàng.
Khi đi dọc, khi sang ngang,
Gió to sóng cả cố sang cho đến bờ.
Đừng để ai đứng đợi ngồi chờ,
Chở cho đến bến, bấy giờ sẽ hay.
Em ơi ! Anh bảo em này :
Vững lòng cầm lái ra tay chịu sào.
Rồi đây qua lúc ba-đào,
Thuận buồm xuôi gió cùng nhau ta vui cười,
Em hãy xem trần-thế bao người,
Đa-mang lấy chữ sắc-tài làm chi !
Lỡ ra sinh chẳng gặp thì,
Lênh-đênh đã chắc hơn gì được đôi ta !

Lối kể chuyện

Lời mẹ dạy con gái lúc về làm dâu

Con ơi ! Trai dựng vợ gái gả chồng, đạo làm cha mẹ có nhử thế trong lòng mới yên.

Sợi chỉ hồng bà Nguyệt xe duyên, nay con đi xuất-giá mẹ khuyên mấy lời.

Con ơi ! Phận đàn bà như hạt mưa rơi, sa đâu ấm đấy bởi tự trời định nên. Lời bảo ban con chớ có quên, mai sau nổi tiếng dâu hiền, mẹ cũng phu công !

Con ơi ! Về nhà con, con ở với chồng, giang-sau gánh vác dốc một lòng cùng nhau. Kính yêu từ trước đến sau, dù khôn-ngoan hay vụng dại gặp sao cũng là !. . .

Con ơi ! Về nhà con, con ở với mẹ cha, phụng thờ hiếu thảo mới là vẹn đạo dâu con. Ơn sinh-thành như núi như non, dẫu rằng vật lạ của ngon chưa đủ báo đền.

Con ơi ! Về nhà con, con ở với anh em, nghĩ sao trong ấm ngoài êm đều được thuận-hòa. Giọt máu đào cha mẹ sinh ra, cùng ăn cùng ở một nhà, nên phải xót thương.

Con ơi ! Về nhà con, con ở với họ đương, sao cho trên kính dưới nhường, tử-tế hẳn-hoi. Lúc nói năng, chào hỏi lựa lời, mà đường đi lối lại cũng tùy người thân-sơ !

Con ơi ! Rõ-ràng kẽ tóc chân tơ, dặn dò từ lúc bây giờ mới bước chân đi. Buồn mà chi ! ngần-ngại nữa mà chi ! Ngoài ra còn sót câu gì, con liệu đấy thôi !

Con ơi ! Con nhớ lấy lời.

(1) Lời người ta nói : « Làm trai nên đánh tổ tôm, uống chè mạn-hảo, xem nôm Thúy-kiều ».

(2) Những tiếng đầu lưỡi của quan viên tổ-tôm;

(3) — Chuông em nó chẳng ra gì, tổ-tôm xóc-đĩa nó thì chơi hoang

Lối hát vặt

1. Công cha đức mẹ

Ngày nào mới lọt lòng ra,
Mẹ cha yêu giấn như hoa trên cành.
Ngày nay tuổi đã trưởng-thành,
Ở sao cho xứng chút tình làm con !
Công-đức ấy như non như bể,
Dẫu đền bồi chưa kể là bao ;
Hỡi ôi bể rộng non cao,
Công cha đức mẹ kiếp nào trả xong !

2. Nông-phụ từ

Tay bưng bát nước chè tươi,
Mời chàng uống cạn cho nguôi nỗi lòng.
Chàng ơi ! chớ có ngại-ngùng,
Chân bùn tay lấm ra công cày bừa.
Việc trồng cấy nắng mưa đừng ngại,
Người tìm về ta phải tìm đi,
Làm ăn cho được kịp thì,
Cấy trưa cấy muộn ra gì, chàng ơi !

3. Cuộc đời thay đổi

Đêm trăng khi tỏ, khi mờ,
Ngày trời khi nắng khi mưa là thường.
Đổi thay ai biết mà lường ?
Nhắn người trong cuộc, soi gương dưới đời.

Thọ-Sơn ĐOÀN NHỮ-NAM

Trác-chi thi văn tập (1)

琢之詩文集

1 — Bơi thuyền chơi Đông-hồ

Mặt nước hòn non nổi,
Đáy hồ mảnh nguyệt trôi ;
Chiếc thuyền thong-thả dạo,
Tiếng hát động chân trời.

2 — Bụi trúc sau mưa

Bên đường có bụi trúc,
Mới tắm trận mưa dào ;
Quân-tử nghiêng mình xuống,
Đi qua ta cúi đầu.

3 — Chơi hoa

Vườn xuân hoa đã nở,
Dạo bước thử tìm hoa;
Sắc đẹp hương thơm đủ,
Hoa cười hoa cợt ta,

4 — Hoa hồng

Trước rèm thoang-thoảng gió,
Tha-thướt đóa hoa hồng ;
Khéo khéo xinh-xinh lắm,
Càng trông lại muốn trông.

5 — Hoa hồng buổi sáng

Sáng sớm đóa hoa hồng,
Cánh thắm đượm mầu sương ;
Giọt lệ hồng-nhan đó,
Buồn cho cuộc tang-thương,

6 — Hoa rụng

Ban mai còn tươi-tốt,
Chiều xế đã tơi bời,
Sớm muộn lẽ có khác,
Người ta cũng thế thôi !

1 — Đông-hồ cảnh sớm

Phất-phơ bờ cỏ sắc xuân rờn,
Nước chảy trời trôi liễu đứt chân ;
Cá lộn ngang cành chim liệng sóng,
Xuôi dòng vài bốn chiếc thuyền con.

2 — Đề ảnh tự cười mình

Cũng phết nhà nho cũng áo khăn,
Tha-hương xem phải khách làng văn ;
Làng văn thiệt giả lòng mình biết,
Bộ cánh ngoài trông chẳng chắc bằng !

3 — Đêm đông nhớ bạn

Trận gió thê-lương thổi lọt song,
Phòng văn hơi giá lạnh như đồng ;
Phương trời ai đó, người tri-kỷ,
Chăn chiếu đêm nay có lạnh-lùng ?

---

(1) Trác-chi 琢之 là tên tự tác-giả.

4 — Thấy gió bấc cảm

Gió bấc nay đà tiễn gió thu,
Mà sao chưa thổi hết cơn sầu !
Người sầu nào phải sầu vì gió,
Sầu bởi vì trông cuộc bể dâu !

5 — Trông trăng nhớ bạn

Năm ngoái đêm nay cũng tháng này,
Cùng ai ta ngắm bóng trăng đây ?
Bóng trăng vẻ đẹp còn như trước,
Vẻ đẹp người yêu có đổi thay !

6— Để bình cắm hoa lài và hoa hồng

Trắng ngà trong ngọc dạng hoa lài,
Thắm-thắm hoa hồng kịp sánh vai ;
Nhìn ngắm hoa thương hương-sắc ấy,
Đẹp thơm chẳng giữ được ngày mai.

7—Đề sách tiểu-thuyết « Nho-Phong »

của ông Nguyễn Tường-Tam

Thi-thư nền cũ nếp « Nho-phong »,
Đau-đớn cho ai kiếp má-hồng ;
Sóng gió chẳng sờn lòng tiết-liệt,
Trời Nam gương để chị em trông.

1 — Thanh-minh có mưa phùn

Trận mưa như rửa bóng thiều-quang,
Để tiết Thanh-minh cảnh đoạn-trường ;
Trời đất khéo treo tranh ám-đạm,
Non sông như ngậm vẻ thê-lương ;
Sè-sè nấm đất người kim cổ,
Phất-phới tro tàn cuộc hải-tang ;
Nào khách trăm năm câu chuyện cũ ?
Rầu-rầu ngọn cỏ nửa xanh vàng !

2— Lên chơi núi Đại Tô-châu

làng Thuận - yên

Một bước đăng-lâm thú đủ ngần,
Nài chi khi mỏi gối chồn chân ;
Cỏ hoa êm lặng không màu tục,
Cây đá thiên-nhiên khác vẻ trần ;
Lác-đác dưới chân non nước nhỏ,
Chập-chờn trước mặt khói mây gần ;
Càng lên càng thấy trời cao rộng,
Giấc-mộng phù-sinh bỗng tỉnh dần.

3.—Chơi Tô-châu

Bảng-lảng ngàn Tô bóng xế chiều,
Anh em năm bảy cảnh lần theo ;
Lòng sông sóng gợn trời xa thẳm,
Mặt biển buồm bay gió thổi vèo ;
Trong vắt nước ngâm lồng bóng trúc,
Chênh-vênh cầu bắc gác lưng đèo ;
Ai về nhắn hỏi người tang-hải ?
Trần-thế ngày vui được bấy nhiêu ?

4.— Mừng tân-hôn

Nguyệt-lão cầm chân, buộc chỉ hồng,
Mừng trai nên vợ, gái nên chồng,
Trăng rằm hoa nhị tình đằm-thắm ;
Phận cải duyên kim nghĩa mặn nồng.
Một cửa thờ-hương gồm phúc lộc ;
Trăm năm tơ tóc hẹn non sông,
Giang-san một cuộc cùng chung gánh,
« Thuận vợ thuận chồng tát biển đông »,

5.—Kính tiễn Nguyễn đại nhân trí-sĩ

Biển hoạn mênh-mang khéo bất-bình !
Làm chi cho nhọc đám công-danh !
Giang-hồ bầu bạn hợp tan mặt,
Tòng cúc anh em say tỉnh tình ;
Tiên quận há không trăng gió sẵn ;
Tân-an còn có nước non dành ;
Gió đông đã dãi qua màu chạp,
Vườn cũ thăm xuân xuân vừa xinh.

Cảnh trăng trên Đông-hồ

(*Chuyết-cổ*)

東湖一片月

Đông hồ nhứt phiến nguyệt,
Đã chơi trăng cho phải biết tình trăng,

湖之淨對月之恆

Hồ chi tĩnh đối nguyệt chi hằng,
Hồ có nguyệt lại càng tăng cảnh sắc,

月照平湖詩滿幅

Nguyệt chiếu bình hồ thi mãn bức ;

湖涵明月酒盈樽

Hồ hàm-minh nguyệt tửu doanh tôn.
Hồ chưa vơi, nguyệt hãy còn non,

Nguyệt chẳng khuyết hồ vẫn còn với nguyệt.
Lửng-thửng dạo thuyền lan một chiếc,
Góp gió trăng thề-thuyết với non sông,
Nước kia đề chữ « tương-phùng »,
Trăng kia tỏ mặt hào-hùng này chăng ?
Xinh thay kìa nước nọ trăng!

Hà-tiên ĐÔNG-HỒ

—

HÁT NÓI

Kính tặng

Huỳnh Thoại-Bằng 黃瑞鵬 tiên-sinh (1)

Mưỡu :

Rằng ơn giáo-hóa dồi-dào,
Tấm lòng báo-đáp biết sao cho vừa.
« Bảo-tồn Nho-học nền xưa » (2)
Hoa chào Đàn-Hạnh, hương đưa Phương-thành 芳城.

Nói :

人生於三事之如一

Nhân sinh ư tam, sự chi như nhất.
Đạo thờ cha chi khác đạo thờ thầy ;
Đức cù-lao sinh-dưỡng ân dày,
Có giáo-dục sẽ nên người trí-thức.
« Non Thạch (石洞) dựng cao nêu đạo-đức ;
« Hồ Đông (東湖) khơi rộng mạch từ-chương » (3),
Nếp Nho-phong, nền Hán-học Đông-phương,
Đạo luân-lý đã treo gương tỏ rõ,
Ba xuân sáng, dễ đền bồi tấc cỏ,
Lượng trên xin cũng đủ lòng thương.
« Cảm vì chút nghĩ cũ-càng . . . »

Tân cựu nam nữ học-sinh kính bái,

---

(1) Ngoài hai-mươi năm. Tiên-sinh vừa là ông thầy dạy võ lòng, vừa là ông giáo dạy khoa luân-lý, ở trường Hà-tiên, (Hà-tiên cổ-danh là phương-thành 芳城).

(2-3)– Trích ở đôi câu đối khắc vào một tấm bảng đồng của các học-trò tặng tiên-sinh. Ngu-ên-văn câu đối « Bảo-tồn Nho-học nền xưa, non Thạch dựng cao nêu đạo-đức. Giáo-dục Quốc-văn lối mới Hồ Đông khơi rộng mạch từ-chương ».

Bài ký chơi Bàn-thành và đền Hiển-trung

槃城並顯忠祠遊記

Tôi từ khi được dời về tỉnh Bình-định là nơi quê hương này, vẫn biết là một chỗ nhiều danh-lam cổ-tích nên cứ ước-ao làm sao cho tai được nghe, chân được bước đến những nơi dấu xưa tích cũ của ông cha ngày trước, tưởng-tượng làm sao cho mắt được nhìn, tay được vẽ ra những chỗ cảnh đẹp sắc xinh của non nước đất nhà, lòng đã đinh-ninh, thường vẫn hẹn hò, nay nhân đầu năm bính-dần, thiều-quang chín chục vừa mới năm mươi, là ngày lễ bái hưu-hạ, ký-giả cùng mấy ông bạn là ông đốc và các ông giáo trường Phù-cát, rủ nhau đi chơi thăm thành Đồ-bàn và đền Chiêu-trung. Trước khi thuật chuyện đi thăm Bàn-thành và đền Hiển-trung, thì tưởng phải nên thuật qua cái lịch-sử của thành và đền ấy, mới có ý-vị có hứng-thú, mà càng xem thì lại mới càng có cảm-tình.

Thành Đồ-bàn là một cái đô-thành cũ của nước Chiêm, nước Chiêm là một nước có từ khi sau cuộc phân-tranh của nhà Đường nước Tàu, bắt đầu hồi chánh-thống của nước Việt-Nam ta, thành cũng có từ lúc thành Hoa-lư, thành Đại-la của triều Đinh triều Lý nước ta, tính ra đều hơn mấy nghìn năm có lẻ, khi hưng khi suy, lúc thành lúc bại, nào những nhân-vật Chiêm giỏi như Bồng-Nga đánh đuổi Qúi-Ly, dẹp bắt Mật-ôn, như Phạm-Văn và Dương-Mại, xin lập-giới ở Hoành-sơn, đi cầu lãnh ở Giao-châu, lại nữ-liệt Chiêm như

nàng Mị-Ê khi bị bắt khẳng-khái nói rằng : Nước mất chồng chết chẳng biết đến ai nữa, rồi nhảy xuống sông Hoàng-giang mà tử-tiết. Nước này thành này, đánh được nhà Trần, bị nhà Lê phá đi, rồi Tây-sơn dựng lại, đến quốc-triều ta năm kỷ-vị đức Gia-long đánh lấy được thành mới đổi đặt tên là thành Bình-định, mệnh ông Hậu-quân Võ Tánh và ông Lễ-bộ Ngô Tùng-Châu trấn giữ thành ấy, quân Tây-sơn nào đắp lũy đóng đồn cả bốn phía, nào mộ lính chiêu tài đến mấy mươi muôn, lắm lúc vây hãm, ghe phen đánh phá, mà hai ông ấy vẫn một lòng gìn-giữ, không chút đơn-sai, qua năm canh-thân hai ông làm tờ mật-biểu nói : Tây-sơn đương vây đánh thành Bình-định, vua nên nhân thế đánh lấy cựu-kinh. Lúc đó có vợ người Phan Văn-Hán tên là Nguyễn Thị-Giả khẳng-khái xin đem biểu đi, giữa đường bị giặc bắt được, tra khảo gì cũng không nói, nhảy xuống nước mà chết. Sau lại sai người cai-đội đem biểu ấy đến dâng cho vua. Năm Tân-dậu thành bị vây đã ba năm, lương-thực hết cả, vua Gia-long nghe vậy nói với các tướng rằng : Thà mất thành không nên mất người lương-tướng ; vua sai người mang thơ lặn nước đem vào bảo ông Võ Tánh bỏ thành kiếm đường trốn ra họp với quân nhà vua. Ông Tánh trả lời xin chịu chết giữ thành, khuyên vua nên nhân đánh lấy thành Phú-xuân (tức là thành Huế bây giờ). Rồi ông Tánh sai quân lính kiếm cây củi chất dưới lầu Bát-giác, nói với ông Ngô Tùng-Châu rằng : Lương thực hết, thế cùng rồi, thành phải mất, tướng-sĩ phải bị thương, ông là kẻ văn-thần nên chờ mạng vua. Ông Ngô Tùng-Châu đáp rằng : Thành còn thì đều còn, thành mất cũng đều mất, tướng-quân biết vì nước mà chết nạn, Châu này lại không biết làm tôi chết trung hay sao. Bèn về dinh uống thuốc độc mà chết. Ông Tánh coi liệm chôn xong, mặc đồ triều-phục vào trông về phía bắc lạy, rồi lên lầu Bát-giác lấy lửa tự đốt, lúc đó có một người đầy tớ tên là Nguyễn Tấn-Huyên cũng nhảy theo vào lửa mà chết. Sau khi vua Gia-long đã nhất-thống đại-định rồi, làm lễ tế hai ông ấy và tướng-sĩ, trong bài văn tế có những câu như là : « Sửa đai mãng chầu về bắc-khuyết, ngọn hỏa-quang nung mát tấm trung-can. Chỉ nước non thề với cô-thành, chén tân-khổ nhắp ngon mùi chánh-khí. » Thật là vẽ rõ cái cảnh-tượng, tả đúng cái tâm-sự khi chết của hai ông, vẻ-vang thay ! cái chết của hai ông. Rồi vua Gia-long sắc lấy chỗ lầu Bát-giác ấy xây mộ ông Võ Tánh, ban cấp phẩm-vật cho bà con người cai-cơ Nguyễn Tấn-Huyên, và lập đền tại trước chỗ lầu Bát-giác ấy để thờ hai ông Võ Tánh và Ngô Tùng-Châu, tức là đền Hiển-trung hay Chiêu-trung.

Đối với thành này miền ấy chúng tôi vẫn đã có mối cảm-tưởng sâu xa, nên cuộc đi chơi này lại càng sốt-sắng, sớm ngày 2 tháng 4 năm 1926, ông Đốc và các ông giáo ấy đều họp tại nhà tôi, người có xe nhà, kẻ mướn xe thuê, nào ngựa cỡi, nào xe đẹp, cùng nhau lũ lượt một đoàn ra đi, khi ấy vừng đông vừa dạng bóng ác vàng, ngọn cỏ còn nhuốm mùi sương bạc, chúng tôi lần lần xuống thấp lên cao, qua cầu vượt bãi, gần một giờ đồng-hồ trải qua một đoạn đường quan từ huyện-lỵ Phù-cát đến chỗ quán Đốc chừng hơn 9 *kilomètres*. Chỗ quán Đốc có con đường rẽ về phía tây, đường này quanh co bụi bờ, ngựa trèo thì dễ, xe đi hơi khó, đi được hơn một *kilomètre*, qua một tần núi đất, hỏi ra ấy là cửa tả-môn của Bàn-thành đó, chúng tôi nhìn xem chỉ thấy có đường đi vào, thế là biết dạng cái cửa thành xưa, chứ chẳng còn dấu-tích gì nữa, vì xét ra

sách chép năm Gia-long thứ mười hai, người ta đào lấy hết đá gạch thành này đem xây tỉnh-thành Bình-định bây giờ. Đi qua tầng ấy lại đến một hòn núi đất cao hơn, hỏi dân xứ này gọi là núi Mã-tiên, trên đỉnh núi này có một tòa cổ-tháp của Chiêm, tháp cao hơn mười thước tây, xây toàn bằng gạch, hình tháp vuông, chỉ phía trước mặt có cái cửa lớn, còn ba bề bít cả, xung quanh tháp có trổ những hình dài như câu đối, vuông như tấm ngói, nhọn như nóc nhà, những hoa lá cũ-kỹ và những chữ của Chiêm, trên đầu tháp hình hời nhọn nhọn, hai bên đầu tháp có trổ những hình như cái nóc nhà nhỏ nhỏ, tiếng tây gọi là (*lucarne*), trên những nóc nhà nhỏ ấy, lại có trổ lắm hình như rìa cờ, như lông chim, đứng xa trông thấy như những cái cánh chim, nên tục gọi tháp ấy là tháp Cánh-tiên, cách kiến-trúc tháp này tuy thì sơ-sài mà xinh xắn, ngó thì đơn-giản mà công-phu, thật rõ là một nền mĩ-thuật văn-hóa của đời cổ-sơ. Chao ôi! Một nước có đã hơn mấy nghìn năm, có lịch-sử, có văn-hóa, có mĩ-thuật như vậy, mà ngày nay phải bị tuyệt-diệt như thế kia! Thật là; Cuộc đời trông thấy mà đau - đớn lòng! Đứng trên núi Mã-tiên có thể nhìn gần khắp cả bốn phía thành, hình thành tuy hơi vuông mà khuất-khúc, lúc ẩn lúc hiện, thật là hiểm-trở, thành chỉ còn dấu đất dưới chân mà cao cũng đã hơn mười thước tây, thành rộng hơn mười mẫu tây (*hectare*) thành cách tỉnh-thành Bình-định bây giờ chừng 4 *kilomètres*. Chúng tôi leo trèo theo quanh khắp dấu chân thành, thấy thành còn dạng năm cửa, phía trước hai cửa, bên tả một cửa, tức sách chép là Tân-khai-môn, bên hữu và sau hai cửa, tức là Vệ-môn cùng cựu-nam-môn. Trước mặt thành có dãy núi Long-cốt, bên tả vực Bao-liệt, bên hữu núi Phong-sơn, sau lưng có nguồn Thạch-tân, trông xa ra nữa thì phía nam là núi Dương-an cao ngất nghìn trùng, dài hơn trăm dặm, có đèo Cù-mông chập chồng ngoắt-nghéo, phía bắc có núi Bồ-chính, núi Thạch-bàn, to lớn lạ thường, phía tây dãy núi Trụ-lãnh cao thấp nghìn ngọn núi xanh, phía đông là cửa bể Thi-nại (tức là cửa Giã hay Qui-nhơn ngày nay) nhấp-nhô một vùng bể trắng, đứng mà xem đi ngắm lại cho kỹ, thật là một nơi dụng-võ hiểm-cứ vô-cùng, một cái thành vàng vững chắc đáo-để, nên cũng có nhờ thế mà thành bị vây ba năm mà giữ gìn chắc được. Nhân dạo xem khắp thành rồi, thấy cảnh sinh tình, tôi bèn ngâm một bài rằng:

Cùng nhau dạo khắp cảnh Bàn-thành,
Thấy cảnh càng sinh mối cảm-tình;
Cảm cuộc bể dâu đau-đớn nhỉ,
Cảm hồi chiến-đấu nghĩ càng kinh!
Được Trần Lê được là ai chủ?
Thua Nguyễn Nguyễn thua biết mấy [bình!
Thua được được thua quyền Tạo-hóa,
Muôn đời khôn lấp dấu uy-linh.

Tôi ngâm xong lại lấy bút ra vẽ một bức cảnh có đoạn thành và tháp Cánh-tiên ấy, vẽ xong cùng nhau leo xuống thành để đi vào đền Hiển-trung. Xuống thành rồi thấy trong thành nhan-nhản những đám đậu đám mè, đám ngô đám mía, trong thành phía đông-nam nhân-dân ở cũng khá nhiều, chúng tôi bèn rủ nhau đi tìm kiếm lấy một vài ông cụ già trong làng ấy, để hỏi thăm may có biết thêm được chuyện xưa tích cũ gì nữa chăng.

Nhân thế chúng tôi lại được xem cái che ép mía làm đường của ta, là một cái bộ máy của ông cha ta sáng-tạo ra đã mấy mươi đời rồi; nhưng xem ra cũng chưa thấy có cái gì đã cải-cách cho tiện-lợi khéo đẹp hơn. Như thế thì ai lại bảo là người nước ta không có tính sáng - khí? hiểm vì xưa nay

cứ chôn chặt nhau vào cái hầm hư-danh, mà không chú-ý gì đến thực-nghiệp, nên công-nghệ thương-trường không hề phát-hưng lên được đó mà thôi !

Chúng tôi đi tìm khắp trong vùng người ở đó, mà chẳng có ông nào là tuổi tác và cũng chẳng ai biết điều gì hơn cả, chỉ nói mập-mờ mường-tượng thế thôi. Họ bảo chúng tôi rằng : Uổng quá, ước gì các ông vào chơi hồi năm kia, thì có một cụ già hơn trăm tuổi, biết được nhiều điều xưa chuyện cũ và rõ được đầu đuôi hồi hai ông Võ Tánh, Ngô Tùng-Châu giữ thành và khi tuẫn-tiết. Nghe qua mà cũng đáng tiếc thật. Ôi ! một nơi như thế này, sao người ở đây lại không ai biết được cái lịch-sử cái thanh - danh cho đích-xác, xét ra cho kỹ cũng vì người mình ít có cái tính hiếu-cổ và cũng vì ít học nữa ! thật đáng buồn thay !

Hỏi không được gì, chúng tôi mới xăm-xăm đi vào đền để cung-chiêm. Đền ở giữa thành, ngoài có một lớp thành cao độ chừng vài thước tây, vuông vức rộng chừng một mẫu tây, có ba cửa : tiền và tả hữu, đều làm ở chính giữa lớp thành ấy, phía trước đền ngoài lớp thành ấy cách chừng năm chục thước tây có hai con voi bằng đá, mỗi con to bằng con voi con thật, con bên hữu thì lối điêu-khắc của ta, còn con bên tả thì cách điêu-khắc của Chàm, cả hai con đều có dấu mòn và sức xể, thật rõ là một vật rất xưa. Trước sân đền hai bên có hai cái nhà nhỏ nhỏ, hình như thờ các hàng sĩ-tốt thì phải, và có những vầng cổ-thụ cao mấy trăm thước, lá-lẩy rườm-rà, da vỏ sù - sì đóng rêu mốc thếch, gió đưa những nhành lá cây ấy, làm cho trong trí chúng tôi tưởng-tượng như giọng quân của vua Lê dương reo đuổi người Chiêm, ngọn cờ của chúa Nguyễn đượng giong dẹp giặc Tây-sơn. Sau lưng đền cách chừng hơn mười thước tây là mộ của ông Võ Tánh, ấy là chỗ cái lầu Bát-giác ngọn lửa thiêu người nghĩa-khí ngày nọ.

Chúng tôi vào ngồi nghỉ nơi nhà người giữ từ một hồi lâu, rồi mới bảo người ấy đem lên mở cửa đền cho vào chiêm-bái, đền làm lối cổ, tuy không hoa-hòe lắm mà chắc-chắn, người giữ từ mở cửa rồi chúng tôi bước vào, thấy gian chính giữa trên có bức biển đề ba chữ « Hiển-trung từ 顯忠祠 » bên hữu bức biển có mấy chữ Gia-long kiến-tạo, bên tả mấy chữ Tự-đức trùng-tu, màu sơn lối chạm tuy đã cũ mà nét vàng vẫn đương sáng chói. Án chánh giữa trong có một cái khám sơn son thếp vàng để trên cái bệ vôi, trong khám ấy tôn-t[illegible] hai cái bài - vị của ông Võ ông Ngô, hai gian gần đó cũng đều có hai cái khám hơi lớn hơn, thờ các hàng tướng-sĩ, hai gian ngoài nữa thì có hai dãy bài - vị để trên hai dãy bệ vôi dài, trở mặt qua với nhau, là thờ các hàng quân lính, những đồ thờ cũng đều là vật thường quá, lại thêm bụi bám bẩn-thỉu, không có cái gì là quí-trọng cả. Lại có một điều chúng tôi lấy làm lạ lắm, là một cái đền thờ những vị trung-thần nghĩa-sĩ như thế này, mà sao không hề có một câu đối hay bức hoành gì, gọi là của người đời sau xưng-tụng cái công-đức, biểu-dương cái chí-khí của người đời trước cả ! Ôi ! nếu hai ngài này mà có cái thế-lực hay phò-trì huyền-diệu như những cậu quận cô nường kia, thì cái đền thờ này nào là lễ-vật hương hoa, nào áo xiêm trướng liễn đồng bóng tưng - bừng, lạy vang rộn-rịp, nào có phải vắng-vẻ lãnh-đạm chỉ hai cái bài-vị với cái đền chống vồng như thế này đâu ! Ôi ! nếu hai ngài là kẻ trung-thần nghĩa-sĩ của một nước văn-minh Âu-Mĩ, thì cái đền thờ này nào là tượng đồng bia đá, nào tranh vẽ hình chụp, khi kẻ đời sau có qua chơi

thăm cũng được cung-chiêm cái dung-dạng, cái khí-phách của các ngài, nào có phải chỉ trông thấy mấy cái bệ vôi và mấy bát nhang tàn như thế này đâu! Chúng tôi vòng tay đứng cung-chiêm một hồi rồi bước đến trước án làm lễ bái ba cái gạt nước mắt mà lui ra. Tôi nhân cảm-cảnh xúc-tình có ngâm một bài thơ rằng :

Đoái thấy Chiêu-trung luống chạnh lòng,
Chạnh lòng càng nhớ kẻ song-trung!
Ngăn thành đắp lũy là ai đó?
Vì nước ngay vua có phải ông?
Thuốc đắng ngọt mồm người nghĩa-khí,
Lửa nồng mát dạ kẻ anh-hùng;
Nào ai Nam-Việt nên nhìn đấy,
Tiếng để muôn đời với núi sông!

Ngâm xong lại lấy bút ra vẽ qua cái cảnh đền thờ, rồi mới cùng nhau ra thăm mộ ông Võ. Trước mộ có hai con kỳ-lân hay là nghê bằng đá to bằng con bò lớn cách điêu-khắc rất cổ, rõ là một vật xưa của Chiêm. Xung-quanh mộ có lớp nền cao gần thước tây, trên nền có thành cao hơn thước tây, vuông-vức rộng chừng một trăm thước vuông (*mètre carré*) đi xung-quanh ngoài lớp thành ấy thấy đường còn cái dấu chân nền lầu Bát-giác khi xưa. Bước lên nền thấy giữa có ngôi mộ xây hình như con qui nằm, to bằng nửa cái rương sập, những trên mộ lại trổ hình nửa cái hoa sen búp, thật là một kiểu cổ-sơ. Phía bên hữu dưới chân mộ lại có một ngôi mộ nhỏ, xây vuông bằng chiếc chiếu, cao chừng hơn một tấc tây, ấy là cái mộ của người nghĩa-bộc cai-cơ Nguyễn Tấn-Huyên đó. Chúng tôi đứng đó tần-ngần trót một giờ lâu, trong tâm-trí thấy hình như ngọn lửa vô-tình kia đương bừng-bừng đốt cháy ông Võ đâu đó, rồi xụt-xùi bước đến trước mộ làm lễ bái ba cái mà lui ra.

Ra trước mộ sắp nhau chụp một bức ảnh để làm vật kỷ-niệm, chụp xong thì xem ra chim én đã bay về tổ, bóng chiều đà xế non tây, chúng tôi gọi người giữ từ đến cho mấy giác bạc, rồi cùng nhau lũ-lượt thơ-thẩn ra về.

Về đến nhà đồng-hồ đã hơn sáu giờ chiều, cơm nước xong rồi, song trong trí tôi vẫn cứ bồi-hồi nghĩ-ngợi, nhớ thành lúc nọ, cảm người lúc kia, đêm xuân trằn-trọc, giấc điệp bâng-khuâng, ngồi dậy chống tay với ngọn đèn mờ xanh đỏ cho đến suốt đêm dài, bèn lấy giấy bút ra chép bài này gọi là tỏ chút tình cảm-tưởng đối với thành với miếu ấy và là một vật kỷ-niệm trong cuộc đi chơi thăm này.

TRẦN QUANG-HOÀNG

(*Phù-cát Bình-định*)

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới. — *Các việc còn dở-dang trong tháng giêng chưa giải-quyết xong, đến tháng hai vẫn còn bàn xét và có việc vẫn chưa giải xong. Việc quan-hệ nhất là việc nước Tàu, mà việc nay thì chưa biết đến bao giờ mới quyết hẳn. Lại còn việc Giám-quốc* COOLIDGE *nước Mĩ bàn với Liệt-cường nên họp một hội-nghị nữa để định việc tài-giảm hải-quân thuộc về các chiến-hạm hạng nhì ; lời bàn của Giám-quốc Mĩ nói là để bảo-thủ cho cuộc hòa-bình, kể cái ý thì hay lắm, nhưng xem ra các nước Âu-châu không lấy làm hoan-nghênh, cho rằng nước Mĩ xưa nay vẫn tuyên-bố không can-thiệp đến việc Âu-châu, thế mà nay bàn giảm-binh, mai bàn giảm-binh, tựa-hồ như nói một đàng làm một nẻo, cách đó không đủ làm cho thiên-hạ tin. Ngoài việc đó còn có vấn-đề* Tanger *và việc xung-đột nước Anh với nước Nga. Ấy trong khoảng tháng hai chỉ có mấy việc đó là quan-hệ nhất.*

Nói về việc nước Tàu. — *Xét về việc nước Tàu có hai phương-diện khác nhau ; Một là phương-diện Liệt-cường, hai là phương-diện chính nước Tàu. Trước hẵng xét về phương-diện thứ nhất, theo lời các báo Tây, rồi xét đến phương-diện thứ nhì theo các tin-tức điện-báo hàng ngày, nhưng phải lý-hội cho có đầu đuôi, nhiều khi cũng khó lắm. Tin-tức về việc Tàu thì vẫn nhiều lắm, nhưng tùy sở điện-báo của mỗi nước có khi cùng thuật một việc mà khác nhau. Về phương-diện Liệt-cường thì việc xảy ra ở Hán-khẩu về cuối năm ngoái và đầu năm nay, nước Anh đã công-nhiên là thất-bại. Sau mới miễn-cưỡng để cố rửa mặt lại, nhưng nghe chừng cũng khó, đại-biểu Anh* O MALLEY *và quan ngoại-giao Tàu Trần Hữu-Nhân, hai người thương-thuyết với nhau kéo dài đến mấy tháng, khi thời tuyệt-giao, khi lại tục-giao, các báo thế-giới lấy làm chuyện buồn cười. Mãi sau mới kết-quả, hai bên ký giấy điều-đình, về phần nước Anh thì thực ra cũng không được lợi gì. Giấy điều-đình đó tựa-hồ như qui-cữu cho chính-phủ Quảng-đông về những sự bạo-động xảy ra tại tô-giới Anh ở Hán-khẩu, và định các khoản phải đền-bồi thế nào, nhưng lại thừa-nhận cho nước Tàu có quyền cai-trị trong tô-giới, hiện nay còn dự một phần to, sau này sẽ giữ cả toàn-quyền thống-trị ở trong tô-giới. Nước Anh lại hứa rằng sẽ không phái binh-thuyền sang Thượng-hải nữa, lời hứa ấy sau này cũng thành chuyện khó nghĩ cho Anh, vì Anh quyết không thể giữ được. Hồi nước Anh hứa với Tàu như thế thì hằng ngày cũng vẫn đem thêm binh-thuyền sang Á-đông, vẫn biết là có thể nói rằng binh-lực ấy cốt dùng để giữ cho Hương-cảng chứ không chủ đem lên Thượng-hải, nhưng Thượng-hải với Hương-cảng cách xa nhau là bao, và khi Anh thấy có nguy-hiểm đến quyền-lợi mình ở Thượng-hải, thời lời hứa nào ngăn được người Anh không đem quân ở Hương-cảng lên. Về mặt bắc-phương thì chính-phủ Bắc-kinh mới hạ-lệnh bãi chức viên tổng-giám-đốc Quan-thuế cục là người Anh tên là* SIR FRANCIS AGLEN. *Việc đó không những nước Anh mà đến cả liệt-cường cũng lấy làm lạ. Hải-quan-cục xưa nay vẫn do người Anh quản-*

lý, và ông AGLEN làm chức đó kể đã mấy chục năm nay rồi. Mới đây chỉ vì chính-phủ Bắc-kinh truyền cho ông phải trích một khoản trong quan-thuế, ông cho là trái lệ thường không tuân lệnh, nên bị bãi chức như thế. Song cái nguyên-do cách xử-trí của chính-phủ Bắc-kinh như thế là thế nào ? Hoặc-giả nói một là đó là cái triệu-chứng chính-phủ Bắc-kinh có ác-cảm với nước Anh, hai là đó là một cách của chính-phủ Bắc-kinh tỏ ra rằng cũng biết thi-hành cái chính-sách bài-ngoại và cũng biết mưu sự độc-lập cho nước Tàu chẳng kém gì chính-phủ Nam-phương, làm thế để lấy lòng với quốc-dân đương theo về cái phong-trào công-kích người ngoại-quốc, và cho rõ rằng mình không có âm-mưu kết-liên với ngoại-quốc, như đảng phản-đối thường thống-trách như vậy. Xem đó về phương-diện bắc-phương cũng như về phương-diện nam-phương, nước Anh đều thất-bại cả. Anh vốn có quyền-lợi buôn bán ở Tàu to lắm, chuyến này thiệt-hại nhiều. Song thiệt cho nước Anh mà không phải là không thiệt-hại cho nước Tàu nữa, và các nhà buôn Tàu thường không được trường vốn bằng nhà buôn Anh, không có thể vững-vàng mà đợi thời-cơ được, nên có lẽ lại tổn-hại hơn. — Đối với cái tình-trạng đó, các nhà ngoại-giao của Liệt-cường cũng phân-vân bối-rối, không có một phương-sách nhất-trí để đối-phó lại. Vả lại Liệt-cường ngoài mặt thân mà trong lòng thường vẫn ghen-ghét nhau không có đồng-tâm hiệp-lực, mà có khi lại cản-trở lẫn nhau, muốn thừa-cơ để lợi-dụng. Thành ra nước nọ nghi nước kia, nước nào cũng để phó mặc cơ-hội, chứ không có định-sách gì cả.

Nay xét đến việc Tàu theo các điện-tín hàng ngày và các tin-tức trong báo tàu.

Tháng mới qua đây Nam-quân đã lấy được Nam-kinh, định thiên quốc-dân chính-phủ đến đóng ở Nam-kinh mà kế-tục tiến quân Bắc-phạt. Song ở Vũ Hán lại xảy ra một việc là bọn cộng-sản lại biệt-lập ra một chính-phủ ở Vũ Hán, theo về chủ-nghĩa quá-khích để phản-đối với đảng quốc-dân, định cất binh-quyền của Tưởng Giới-Thạch mà đánh đổ Tưởng đi.

Đảng-bộ trung-ương ở Vũ Hán đều bị bọn cộng-sản kiềm-chế lao-lung. Cứ xem như lời Tưởng Giới-Thạch báo-cáo tướng-sĩ thì biết đảng quá-khích họ âm-mưu phản-động cũng kịch-liệt. Tưởng nói rằng : « Đương khi tướng-sĩ ta đánh giặc ở Chiết-giang và Giang-tô rất kịch-liệt, thì ở Vũ Hán không phát một đồng lương, không cấp một viên đạn nào cho tướng-sĩ ta, mà lại nói phao ra các nơi rằng : Ở Giang-tây còn trữ một nghìn năm trăm viên đạn. Lại như giữa lúc chúng ta đương hết sức đánh trận lấy lối tiến quân, thì bị cuộc hội-nghị ở Vũ Hán bài-xích là tiến-quân quá vội. Lại như quân-đội chúng ta đã bố-trí sẵn-sàng, sắp đánh Nam-kinh Thượng-hải, thì chúng lại ngăn-trở không cho tiến quân, muốn cho chúng ta thất-bại không sao cứu-vớt được mới thỏa. Chúng lại còn xui giục Trương Tôn-Xương làm cho tiêu-diệt đảng chúng ta đi. Than ôi ! Những sự sử-động của chúng như thế còn có tâm-can huyết-tính gì không ?

« Sau khi chúng ta đã khắc-phục được Tùng-giang, Thượng-hải, cái bọn gọi là « Trung-ương-đảng » ở Vũ Hán lại mắng nhiếc chúng ta là «đảng giặc», hiện anh em vũ-trang đồng-chí có thể cam chịu được những tiếng ấy không ? Tướng-sĩ ta đương phơi phơi gan tắm máu ở chỗ rừng gươm bể đạn, thì chúng lại mắng là « bắt cách-mệnh » mà chúng ngất-ngưởng ngồi nhà, không phát lương, không phát khí-giới, có tin-tức gì lại thóc-mách với bọn quân-phiệt, chỉ biết an-hưởng cái lạc-thú

quan cao lộc hậu, thì lại tự xưng là « cách-mệnh. » Như vậy trên thế-giới này còn có lẽ phải trái gì nữa không ? Nếu trên thế-giới còn cần đến lẽ phải trái, thì chúng ta tất phải đem những đảng cộng-sản vô lương-tâm vô liêm-sỉ ấy mà đánh đổ đi mới được. »

Lại cứ như lời Bạch Sùng-Hi nói với các báo-giới ngày 16 Avril rằng : « Đảng cộng-sản nắm giữ lấy chính-phủ quốc-dân và trung-ương đảng bộ, khêu gợi nên cái vạ chiến-tranh về giai-cấp, để làm cho li-gián mấy người lĩnh tụ cách-mệnh là : Tưởng Giới-Thạch, Uông Tinh-Vệ và Hồ Hán-Dân. Nghe đâu đảng ấy sắp sửa thí-nghiệm thi-hành cái chủ-nghĩa cộng-sản ở Lễ-lăng. Vậy hiện nay các tỉnh Giang-tô, Chiết-giang, Quảng-đông, Quảng-tây, Hồ-bắc và Phúc-kiến đều hết sức tảo-trừ bọn cộng-sản. »

Xem thế thì tình-thế Trung-hoa đương về tuần tháng Avril các việc nội-chính và ngoại-giao đều đình-hoãn cả, vì ở Nam-phương phân ra hai phái là tả-phái và hữu-phái. Tả-phái thì theo chủ-nghĩa quá-khích là về đảng cộng-sản, thì lập chính-phủ ở Vũ Hán, Trần Hữu-Nhân cũng theo về phái ấy, mà Uông Tinh-Vệ cũng bị giữ ở Vũ Hán, không biết có hẳn theo về phái ấy không ? Hữu-phái thì chủ-nghĩa ôn-hòa là về đảng quốc-dân thì lập chính-phủ ở Nam-kinh do Tưởng Giới-Thạch tổ-chức lập ra.

Tưởng mới chỉnh-đốn lập ra một cuộc chính-vụ hội-nghị đều cử người đại-lý. Ngoại-giao thì cử Ngũ Triều-Khu, tài-chính cử Cố Ứng-Phần, còn công việc trung-ương thì do Hồ Hán-Dân chủ-trì. Sau lại có tin trung-ương đảng-bộ thì cử Ngô Trĩ-Huy làm chủ-nhiệm.

Phùng Ngọc-Tường mới rồi ở Tân-an cũng tỏ ý phản-đối chủ-nghĩa cộng-sản, mà một lòng tín-ngưỡng chủ-nghĩa tam-dân.

Tưởng Giới-Thạch gần đây đã tuyên-bố tuyệt-giao với đảng cộng-sản, đã sai quân đi đánh Vũ Hán thắng được quân Trần Hữu-Nhân ở gần Cần-giang. Trần Hữu-Nhân và các đảng-viên trong bọn cộng-sản đã trốn chạy vào trong tô-giới ngoại-quốc.

Hiện nay chính-phủ Nam-kinh đã tổ-chức lại vững-vàng, đã đặt ra một bộ cảnh-binh địa-phương để trông nom về việc bảo-an, bài-trừ đảng cộng-sản. quân Tưởng đã dần đến phía bắc Phố-khẩu và Tô-châu là nơi có nhiều đường hỏa-xa gặp nhau, nếu Tưởng mà đánh được nơi ấy thì có thể phân rẽ được các binh-gia Phụng-thiên, với binh-gia của Tôn Truyền-Phương và Trương Tôn-Xương. Các tướng ở Hán-khẩu trước theo về đảng cộng-sản thì nay lại theo về Tưởng cả rồi, vì thế Tưởng mới có cơ đánh lấy lại được Hán-khẩu, mà kế-tục tiến-quân bắc-phạt.

Ở Bắc-kinh đảng cộng-sản cũng chiến-động. Cứ như danh-sách đảng cộng-sản ở Bắc-kinh tuyên-bố ra, thì Trần Độc-Tú đảng-viên bậc thứ bảy, Lý Đạt-Chiêu (giáo-sư trường đại học Bắc-kinh) là bậc thứ sáu, Đàm Đình-Sơn là bậc thứ tư. Tiền kinh-phí đi tuyên-truyền thì cứ tùy bậc mà lĩnh số nguyệt-cấp của chính-phủ Sô-viết để làm. Mới rồi có tin Lý Đạt-Chiêu đã bị bắt giam giữ, rồi sẽ đặt ra tòa án riêng để xét xử.

Phái Phụng-thiên định đặt ra chiến-sự nội-các, do Trương Tác-Lâm tóm giữ toàn-quyền về quân-chính, còn dưới đều cử những người do vũ-nhân xuất-thân đứng làm ban tổ-chức ra một chính-phủ để đối-phó với thời-cục. Còn nội-các Cố Duy-Quân thì không cần lưu lại nữa.

Đầu tháng Avril Trương có phái cảnh-binh đến khám một nhà ngân-

hàng nước Nga ở gần sứ-quán Nga, lại khám đến sở xe lửa Trung-hoa đông-bộ có bắt 30 người Nga và 30 người Tàu, và một số khí-giới thuốc đạn rất nhiều. Việc khám xét này cũng làm thắt cảm-tình với người Nga.

Còn về việc xảy ra ở Nam-kinh làm thiệt-hại cho người ngoại-quốc về tháng trước, liệt-cường trước đã thông điệp cho chính-phủ Nam-phương để bắt bồi-thường. Nhưng sau các nước đều chênh-mảng không đồng-ý với nhau, Hoa-kỳ thì bỏ lẳng ra không đề-huề với các nước nữa, Nhật-bản thì trù-trừ, còn nước Anh thì không thể lấy một mình đối-phó với nước Tàu mà yêu-cầu bồi-thường gì được.

Ở Vân-nam mới rồi có xảy ra việc cắt đứt đường xe hỏa ở chỗ kilomètre 234, và bắt các M. M. Paton, Poli và một người đốc-công An-Nam. Việc ấy nghe đâu là bởi mấy viên tướng vi bất-bình mà khởi làm phản-nghịch. Sau nhờ có nguyên-soái Hồ Nhược-Ngu ở Mông-tự đem quân đi dẹp và điều-đình cũng đã yên, đường xe hỏa đã đi lại được như cũ.

Mới rồi Đường Kế-Nghiêu cũng có sai đại-biểu đến Nam-kinh để yết-kiến Tưởng Giới-Thạch. Lại có tin Đường bị đau đã lâu, đã tạ-thế ngày 23 tháng 5 mới rồi.

Việc nước Mĩ. — Nước Mĩ trong việc Tàu cũng lúng-túng như các Liệt-cường khác. Đã từng tuyên-bố rằng chỉ cầu bảo-hộ người bản-quốc mình ở Tàu mà thôi, chứ quyết không muốn can-thiệp đến việc Tàu. Nghĩa là muốn theo cái chính-sách biệt-lập, không liên-lạc với các Liệt-cường khác. Song xét ra cái chính-sách biệt-lập ấy chẳng qua là chính-sách duy-kỷ mà thôi, việc gì đi với Liệt-cường không có lợi thì biệt-lập, chứ việc gì lợi-dụng được Liệt-cường thì không biệt-lập nữa, mà lại muốn cầu hiệp-lực với Liệt-cường. Như việc tài-giảm binh-bị hải-quân thì không thấy nước Mĩ nói biệt-lập, mà lại khẩn-khoản muốn đề-huề với Liệt-cường, mời Liệt-cường họp lại thành một hội-nghị nữa để bàn-bạc về việc đó. Nguyên hội-nghị Hoa-thịnh-đốn năm trước đã hạn định số các đại-chiến-hạm của ba nước Mĩ, Anh và Nhật theo cái tỉ-lệ 5-5-3, nghĩa là hải-quân của Mĩ và của Anh thời ngang bằng nhau, còn của Nhật sánh với Anh Mĩ thì chỉ bằng ba phần năm mà thôi; còn những hải-quân của Pháp của Ý thì đứng vào bậc dưới còn kém xa nhiều. Cứ theo cái hiệp-ước Hoa-thịnh-đốn thì bị thiệt nhất là nước Nhật. Nhưng nước Nhật bấy giờ cũng nhẫn-nhục chịu, còn Pháp và Ý thì vốn hải-quân không sánh được với ba nước kia, cũng không thiệt gì cho lắm và cũng có thể nói rằng vì chủ-nghĩa hòa-bình mà phải chịu như thế. Nhưng kỳ hội-nghị ấy chỉ định về hạng đại-thiết-hạm mà thôi, còn những chiến-hạm thông-thường như khinh-tuần-dương, chế-ngư-lôi, hay các thứ tàu ngầm, thì không có ước-định gì, mỗi nước được tự-do muốn chế bao nhiêu cũng được. Bởi thế nên các nước đã bị hạn-chế về hạng đại-thiết-hạm, bèn chú-ý cả vào hạng chiến-hạm thông-thường, là hạng tiện-lợi nhất để bảo-thủ hoặc để công-kích các bờ bể, để canh-phòng các hải-quân và cấm sự buôn-bán lậu. Thành ra hiện nay hải-quân nước Mĩ về hạng chiến-hạm thông-thường đó lại kém hải-quân Anh và Nhật. Về phần nước Pháp, thì vừa trong bản-hạt, vừa các thuộc-địa đường duyên-hải to rộng lắm, cần phải có đủ tàu chiến để mà canh phòng, lại để hộ-vệ cho sự giao-thông của mẫu-quốc với các thuộc-địa. Nước Ý cũng vậy, nguyên là một cái bán-đảo, đường duyên-hải cũng dài rộng lắm, lại như đóng kín vào trong giữa Địa-trung-hải, cần phải có hải-quân mạnh để làm cái cơ-quan mà

bành trướng ra ngoài, nếu không thì lâm-thời có thể bị vây kín ở trong Địa-trung-hải mà không ra được. Các lẽ ấy hình như nước Mĩ không để ý đến, chỉ biết rằng số tàu chiến của mình hiện nay có mấy hạng còn kém nước Anh và nước Nhật, bèn giương cái chủ-nghĩa bảo-hòa lên mà khẩn-khoản mời bốn nước Anh, Nhật, Pháp, Ý cùng nhau lại họp thành một hội-nghị nữa ở Genève để bàn về việc tài-giảm hải-quân. Nước Mĩ chủ-trương việc đó mà mong rằng thiên-hạ vui theo mình thì thật là lầm to. Người Mĩ thường trách rằng Âu-châu không hiểu nước Mĩ. Nhưng cứ xét việc này thời Mĩ có lẽ lại không hiểu Âu-châu lầm nữa. Ở Mĩ thì những vấn-đề phòng-bị bảo-an về mặt lục-địa, tuyệt-nhiên không có. Ở Âu-châu thì những vấn-đề ấy lại trọng-yếu lắm. Mĩ cho những việc phòng-bị đó là việc nhỏ-nhen, không đáng để ý đến, và cứ trách Âu-châu là không chịu thành-tâm về việc giảm-binh, song tự mình thì lại lấy cái chủ-nghĩa biệt-lập mà không chịu can-thiệp vào để giúp cho Âu châu một chút nào. Không biết rằng sẵn có cái thế-lực một đại-cường-quốc giàu có đệ-nhất trong thế-giới, nếu can-thiệp vào mà giúp cho các nước Âu-châu thoát khỏi cái tình-trạng quẫn-bách về tài-chính thì thật là có công với cuộc hòa-bình biết bao nhiêu. Nay các việc cốt-yếu của Âu-châu thì Mĩ không thèm can-thiệp đến mà việc cốt-yếu cho mình là việc hạn-chế hải-quân của các nước để không địch nổi với mình được thì lại khẩn khoản mời Âu-châu để-huề hiệp-lực với mình. Cách làm như thế thì thật là tỏ ra Giám-quốc Mĩ vụng suy quá; nhưng không có lẽ thế, hoặc-giả ngờ rằng ông Coolidge chủ-trương việc này là có cái mục-đích riêng đối với quốc-dân mình chứ không phải đối với ngoài. Vì ở Mĩ ngày nay đã sắp đến kỳ tổng-tuyển-cử, các đảng sắp ra vận-động để tranh lấy quyền-vị, Giám-quốc muốn giữ địa-vị mình nên cố tìm cách hiệu-lực để lấy công trước là với đảng mình, sau là với cả quốc-dân. Dù thế nào mặc lòng, nếu hội-nghị này có họp được thì cũng chỉ có ba nước Anh, Mĩ, Nhật mà thôi, chứ không gồm được năm nước kể cả Pháp, Ý như chương-trình đã định. Nước Anh không thể không nhận lời nước Mĩ được, vì cái tình-nghĩa giao-hiếu hai nước bắt-buộc phải liên-lạc với nhau. Nhưng nhận cũng là nhận miễn-cưỡng mà thôi, nghĩa là nhận tham-dự vào hội-nghị mà thôi, chứ chưa chắc có đồng-ý với Mĩ về cái vấn-đề tài giảm hải-quân sẽ đem ra bàn xét ở hội-nghị. Nước Nhật cũng thế, chưa tỏ ý-kiến về vấn-đề tài-giảm, chỉ nhận tham-dự hội-nghị và lại xin định kỳ-hạn xa hơn một chút. Sau lại có tin nói Nhật có trả lời cho Mĩ rằng nếu trong hội-nghị không có Pháp và Ý, thì Nhật cũng không muốn tham-dự. Còn Ý thì công-nhiên từ chối, lấy cớ rằng phải có hải-quân mạnh để bảo-hộ cho sự giao-thông với các nước ngoài. Nước Pháp thì cũng chối, mà chối một cách ôn-hòa, nói rằng phàm bàn giảm-binh là phải nói gồm cả lục-quân và hải-quân, chứ không thể phân tách ra làm hai khoản đặc-biệt, và nay vấn-đề tài-giảm lục-quân đã đệ-trình cho hội Vạn-quốc xét thì về hải-quân cũng phải nên làm như thế. Nói tóm lại thiên-hạ đối với lời bàn của Giám-quốc Mĩ đều tỏ ra lạnh-nhạt hết cả. Dẫu không phải là một sự thất-bại cho Giám-quốc Mĩ, nhưng cũng là một cái mưu hỏng. Song về phương-diện riêng nước Mĩ thì mưu ấy vị-tất đã là hỏng hẳn. Mĩ định mời hội-nghị năm nước, trong số đó thì chỉ có hai nước là quan-hệ với Mĩ, là Anh và Nhật, hai nước ấy dẫu miễn-cưỡng mà cũng là đã nhận lời rồi, còn Pháp với Ý thì đối với Mĩ có càng hay mà không cũng được. Tuy-nhiên, hội-nghị cũng khó

mà họp thành được, vì Anh Nhật dẫu có nhận lời nhưng chưa chắc có đồng-ý với Mĩ không.

Nhân nói việc nước Mĩ, cũng phải nói qua về việc xung-đột nước Mĩ với nước Nicaragua. *Xem ý ra Mĩ muốn đặt quyền bảo-hộ ở nước ấy, việc này đã đủ biết từ trước, nhưng nếu thành thật thì nước Mặc-tây-kha (Mexique) chắc sẽ kháng-nghị, và Liệt-cường Âu-châu có lẽ cũng không để tự-nhiên được. Mĩ hay công-kích các nước Âu-châu đã thi-hành cái đế-quốc chủ-nghĩa, nhưng Mĩ đối với các nước nhỏ ở chung quanh mình thi-hành cái chính-sách xâm-lược như thế thì có phải là đế-quốc chủ-nghĩa không?*

Nói về việc nước Đức. — *Ở Đức thì Nội-các mới vẫn ông* Max *làm Thủ-tướng, trong Nội-các có nhiều người về đảng quốc-gia, nhưng nghe đâu đã châm-chước khéo cho cùng nhau thuận nhận cái chính-sách chủ-hòa gọi là chính-sách* Locarno. *Vả người chủ-trương cái chính-sách ấy là ông* Stresemann *nay vẫn giữ chức ngoại-tướng cho Nội-các mới. Như vậy là cái chính-sách ngoại-giao của Đức không thay đổi. — Còn việc giảm binh-bị trong tháng giêng chưa bàn xong thì tháng hai đã giải-quyết xong. Các pháo-đài ở mặt đông nước Đức, thì Đức đã chịu giảm đi hoặc làm nhỏ lại theo như hội-đồng kiểm-sát đã định, và cam-đoan không được làm thêm nữa. Từ nay việc kiểm-sát binh-bị của Đức là thuộc thẳng quyền Hội Vạn-quốc. — Việc xung-đột nước Đức với nước Ba-lan về đường kinh-tế thì điều-đình mãi đã mấy tháng nay không xong, khi Nội-các mới ở Đức lên cầm quyền thì đình hẳn cuộc thương-thuyết, nghĩa là hai nước tuyệt-giao với nhau về đường kinh-tế, tình-trạng ấy vừa thiệt-hại cả cho hai bên, tất sớm trưa rồi cũng phải giải-quyết cho xong. Song Đức với Ba-lan xưa nay ác-cảm với nhau đã lâu, giải-quyết được việc này, rồi lại sinh-xuất ra việc khác chứ không sai.*

Nói về việc Tây - ban - nha. — *Nước Pháp và nước Tây-ban-nha hiện đương thương-thuyết với nhau ở* Paris *về việc cửa* Tanger *ở Ma-lạc-kha. Tây-ban-nha thì yêu-cầu cửa* Tanger *và miền phụ-cận để cho một viên Tổng-đốc người Ma-lạc-kha giữ quyền cai-trị, mà viên tổng-đốc thì tự nước Tây-ban-nha kén chọn lấy; Pháp thì nhất-định theo đúng như điều-ước cũ, quyết không để cho miền* Tanger *thoát ra ngoài quyền thống-trị của vua Ma-lạc-kha. Hai thuyết đó thực là trái nhau, cũng khó lòng điều-hòa cho được. Ý-giả biết thế cho nên ngoại-tướng Tây-ban-nha đã phải xin từ-chức, mà đơn từ-chức ấy thì Thủ-tướng nhận ngay. Đó là cái chứng rằng chính-phủ Tây-ban-nha cũng không cố khăng-khăng giữ cái thuyết cũ nữa. Nếu như vậy thì việc điều-đình cũng dễ, vì Pháp đã đắc-thắng về phần cốt-yếu rồi, thì những điều tiểu-tiết chắc cũng biết rộng chiều Tây-ban-nha cho mau xong việc,*

Nói về việc nước Anh. — *Như trên kia đã nói nước Anh ở bên Tàu đương gặp nhiều nỗi khó-khăn lắm. Chính-phủ đồng lòng với dư-luận đã phái quân lính sang Tàu nhiều lắm. Nhưng binh-lực ấy bất-quá cũng chỉ giữ được một nơi Hương-cảng và nơi tô-giới Thượng-hải mà thôi, chứ không khi nào giải-quyết được cái vấn-đề Liệt-cường đối với Trung-hoa. Anh nhận thấy trong các phong-trào phản-đối mình, đều có cái tay ngầm của Sô-viết cả, bèn công-nhiên gửi quốc-thư cho chính-phủ cách-mệnh Nga để kháng-nghị và yêu-cầu một cách nghiêm-khắc rằng nếu nước Nga không thôi sự vận-động phản-đối Anh đi, thì Anh sẽ quả-quyết*

tuyệt-giao hẳn. Nga trả lời lại cũng cứng-cỏi như thế. Tuy hai bên chưa đến quyết-liệt, nhưng sự xung-đột đã hiển-nhiên rồi. Nếu không thể giải-quyết được thì rồi sau tuyệt-giao ra thế nào ? sẽ tuyệt-giao về đường kinh-tế mà thôi, hay là kết-quả đến chiến-tranh với nhau ? Nếu đến thế thì Nga có thể địch nổi với Anh được không ?

Nói về việc nước Pháp. — *Ở Pháp thì đồng phật-lăng vẫn giữ giá bình-thường như mấy tháng nay, không lên không xuống. Có nhiều phái muốn yêu-cầu với thủ-tướng* POINCARÉ *nên hạ lệnh đặt hẳn một cái công-giá nhất-định, nhưng thủ-tướng không chịu, muốn đợi cho đến bao giờ tình-hình tài-chính kinh-tế được rõ-ràng chắc-chắn rồi sẽ hay. Hiện nay thì các thuế thu đều-đặn cả. Mới rồi có phát phiếu kho bạc, thiên-hạ cồ-võ mua đông lắm. Tháng trước số thợ không có việc làm ở các xưởng tăng lên nhiều, Chính-phủ đã lấy làm lo, nhưng tháng này đã thấy giảm bớt dần, vì các xưởng đã tiêm đủ công việc làm. Đó toàn là những cái triệu tốt cho việc tài-chính kinh-tế trong nước. Nhưng thừa được cơ-hội tốt đó, các chính-đảng lại muốn giở những thói cạnh-tranh cũ ra. Cuộc đồng-tâm để giúp cho Nội-các* POINCARÉ *thấy mỗi ngày một nguội lạnh đi, có đảng đã thấy bắt đầu xoay ra phản-đối chính-phủ. Nội-các* POINCARÉ *mấy tháng trước có vẻ vững-vàng như thế, nay đã thấy lo không biết có bền được không. Hiện nay trong nước đương thảo-luận về vấn-đề thay đổi cách bầu-cử, đảng thì chủ-trương cách bầu theo huyện-hạt, là lối cũ từ trước, đảng thì muốn giữ lối bầu-cử hiện-hành bây giờ gọi là lối quân-bình, nghĩa là chia số vé bầu tùy theo với các chính-đảng, lấy chính-đảng chứ không lấy địa-hạt làm bản-vị. Hiện thảo-luận còn đương kịch-liệt, chưa biết theo hẳn về bên nào.*

∴

Lược-khảo về nước Ba-lan. — Nước Ba-lan (*Pologne*) trước bị phân-liệt ra nhiều mảnh thuộc Nga, thuộc Đức, thuộc Áo, tự cuộc Âu-chiến vừa rồi mới được độc-lập, tuyên-bố từ ngày 17 tháng 5 và ngày mồng 9 tháng 11 năm 1918, nhưng đến năm 1919 ký hòa-ước *Versailles* mới thật là được vạn-quốc công-nhận. Theo hiến-pháp ngày 17 tháng 3 năm 1921 thời Ba-lan ngày nay là một nước dân-chủ

Ba-lan mới thành nước tự khi chiến-tranh đến giờ, bờ-cõi hãy còn mập-mờ chưa được nhất-định, không có những cái hiểm-trở thiên-nhiên để phân địa-giới rõ-ràng với các nước bên cạnh. Cứ diện-tích ngày nay thì được 356 000 cây-lô-mét vuông. Đại-khái đất Ba-lan là cái vùng bình-nguyên rộng có sông *Vistule* chảy qua, nhiều những đồng lầy và rừng rậm. Dân-số ước 28.000.000 người, phần nhiều là thuộc về giống Ti-lạp-phu (*race slave*). Những nơi đô-thành lớn trong nước là : *Varsovie* là kinh-đô, *Posen*, *Lodz*, *Cracovie*, *Léopol*.

Nước Ba-lan có nhiều mỏ than đá, nên gần đây công-nghệ cũng phát-đạt, nhất là nghề dệt và nghề luyện-kim, đất bình-điền giồng ngũ-cốc cũng tốt lắm.

Sau này kể qua về lịch-sử Ba-lan cho biết cuộc hưng-vong của nước ấy từ xưa đến nay thế nào.

Nước Ba-lan xưa là một vương-quốc, thành-lập từ thế-kỷ thứ chín. Họ làm vua thứ nhất là họ *Piasts* ; đời vua MIECISLA thứ nhất thời đạo Thiên-chúa truyền-bá vào trong nước. Đến năm 1382 họ *Piasts* mất nước, họ *Jagellons* lên chiếm ngôi. Đời bấy giờ nước đương thịnh, bờ-cõi mở-mang ra rộng, ra mãi khỏi hai con sông *Dwina* và *Dniéper*, Năm 1572 vua SIGISMOND nhất-danh là AUGUSTE thứ

nhất mất, thì họ *Jagellons* cũng mất nước từ đấy. Nhân các thành-thị càng ngày càng được rộng quyền tự-trị, và bọn quí-tộc lại được thêm lắm cái đặc-quyền, nên quyền nhà vua cũng mỗi ngày một suy kém đi. Vua AUGUSTE 1er chết không có con, ngôi vua từ đấy theo về chế-độ bầu-cử. Người được bầu-cử thứ nhất là HENRI DE VALOIS, sau này làm vua nước Pháp. Đời SOBIESKI về thế-kỷ thứ 17 thời Ba-lan đương toàn-thịnh. Nhân người Thổ-nhĩ-kỳ đến vây thành *Vienne*, vua Ba-lan đánh giải vây được. Nhưng ngót một trăm năm về sau thì vận nước đã thấy suy, một là vì quyền vua yếu đi, hai là vì bọn quí-phái lộng-lẫy quá, như nghị-viện quyết-nghị điều gì mà một người trong phái đó bác đi cũng phải bỏ. Có mấy họ qui-tộc lớn như họ *Czartoryski*, họ *Radziwill*, họ *Potocki*, quyền-thế lấn, tranh nhau mà giám-đốc vua. Năm 1764, nữ-hoàng CATHERINE nước Nga bắt dân Ba-lan phải tôn STANILAS PONIATOWSKI. Năm 1768 nhân có đảng quí-tộc nổi lên phản-đối nước Nga, năm 1772 Ba-lan bị qua-phân lần thứ nhất, chia ra làm ba phần thuộc Nga, thuộc Phổ và thuộc Áo. Năm 1792 trong nước có nội-loạn, Nga lại thừa-cơ can-thiệp vào lần nữa; Ba-lan bị nước Phổ phản-giản lại phải qua-phân một lần thứ nhì nữa (1793), có nhà chí-sĩ KOSCIUSZKO hết sức chống lại cũng không được. Chí-sĩ bị thua trận *Maciejowice* ngày 4 tháng 10 năm 1794 có kêu than một câu rằng: *Finis Poloniæ!*, nghĩa là xong đời nước Ba-lan!, câu ấy đã thành như một lời cách-ngôn phổ-thông trong các nước để chỉ cái cảnh vô-cùng tuyệt-vọng. Ba-lan lại bị qua-phân một lần thứ ba là lần sau cùng, cũng do ba nước Áo, Nga và Phổ chiếm-đoạt lấy, lần này thì nước Ba-lan không còn có tên trên bản-đồ thế-giới nữa. Năm 1807 ký điều-ước *Tilsit*, trích một phần đất nhỏ thuộc nước Phổ cho độc-lập, gọi là quận *Varsovie* thuộc quyền chúa-tể vua FRÉDÉRIC AUGUSTE nước *Saxe*; nhưng điều-ước năm 1815 lại sáp-nhập quận *Varsovie* vào nước Nga. Nga bấy giờ cũng muốn tỏ ra rộng-rãi, cho dân Ba-lan được hưởng một chút tự-do. Khi được tin nước Pháp nổi Cách-mệnh năm 1830, dân Ba-lan cũng hưởng-ứng mà nổi loạn lên; người Nga trị một cách khốc-liệt, thu hết cả các quyền tự-do, khuất-nhục người Ba-lan rất thậm-tệ. Năm 1863, nhân Nga thua trận Đông-phương người Ba-lan lại thừa-cơ nổi loạn. Quân Cách-mệnh lấy lưỡi liềm làm khí-giới, nên thành tên là « Quân lưỡi liềm » (*Les Faucheurs*), tuy đã hết sức can-đảm, nhưng vì số ít quá không chống lại nổi, không đầy một năm lại bị nước Nga dẹp yên. Người Ba-lan không thể ở nước được, nhiều người sang ngụ-cư ở Anh và ở Pháp.

Tuy bị khốn-nạn nhiều lần như thế, khi thì bị nước Phổ, khi thời bị nước Nga bách-hại như thế, mà cái lòng ái-quốc của người Ba-lan vẫn không nhụt, cái chí khôi-phục độc-lập càng bị tỏa-chiết lại càng như hăng-hái thêm lên. Bởi thế nên ngay tự khi nước Nga mới tham-dự vào cuộc đại-chiến vừa rồi, Nga-hoàng NICOLAS thứ 2 đã hứa cho người Ba-lan rồi sẽ được độc-lập (tháng 8 năm 1914); nhưng lời hứa đó sau không giữ. Nước Áo và nước Đức cũng muốn lấy lòng người Ba-lan công-nhận cho nước Ba-lan theo như cương-giới đã định năm 1815 được độc-lập (ngày 3 tháng 11 năm 1916). Còn các nước Đồng-minh thời mãi đến khi chính-phủ Nga-hoàng bị đổ, vua NICOLAS thứ 2 chết và bọn quá-khích đương bắt đầu hoành-hành ở nước Nga, bấy giờ mới công-nhận cho Ba-lan được độc-lập và được có đường thông-tiếp ra bể (lời tuyên-bố ở *Versailles* ngày 3 tháng 6 năm 1911). Hồi ký ước đình-chiến ngày

11 tháng 11 năm 1918, không ai đả-động đến nước Ba-lan, người Ba-lan phải tự mưu giải-thoát lấy, rồi hòa-ước *Versailles* và *Saint-Germain-en-Laye* năm 1919 mới công-nhiên khôi-phục cho Ba-lan những đất trước thuộc Đức và Áo, hợp với quận *Varsovie* cũ. Ấy nước Ba-lan ngày nay thành-lập từ đó, nhưng bờ-cõi nhỏ kém Ba-lan ngày xưa nhiều ; nhiều hạt như hạt *Dantzig* trước thuộc Ba-lan, bây giờ không thuộc nữa. Lại Hội Vạn-quốc mấy lần họp về sau (năm 1920-1921) lại còn cắt bớt đất của Ba-lan để sáp-nhập vào nước Đức và nước Triết-khắc.

Nước Ba-lan từ ngày khôi-phục đến giờ cũng đã gặp nhiều nỗi khó-khăn lắm, phần nhiều là bởi sự ác-cảm của nước Anh và sự xung-đột với các nước láng-giềng chỉ muốn thừa-cơ sâu-sé lần nữa : nào là Triết-khắc, nào là Hung-gia-lợi, nào là người *Ukraine*, nào là bọn quá-khích Nga, nối tiếp nhau mà gây chiến-tranh với nước Ba-lan mới. Bọn quá-khích đã có hồi sắp diệt được Ba-lan ; nhưng sau bị thua ở trận *Varsovie*, phải đánh đuổi ra ngoài bờ-cõi và ký hòa-ước *Riga* tháng 10 năm 1920. Từ bấy đến nay nước Ba-lan nhất-diện thời vẫn chăm sửa lại đường địa-giới về mặt *Lithuanie*, nhưng chưa xong, nhất-diện thời chỉnh-đốn việc nội-chính cho hoàn-bị.

Như trên kia đã nói, chính-thể nước Ba-lan ngày nay là chính-thể dân-chủ, rộng hơn chính-thể dân-chủ hồi xưa. Quốc-trưởng là quan Giám-quốc, chủ quyền hành-chính cùng với một tòa Nội-các có trách-nhiệm. Quyền lập-pháp thuộc hai Nghị-viện, Thứ-dân và Thượng-nghị-viện ; quyền tư-pháp thuộc các tòa án độc-lập. Nghị-viên Thượng Hạ-viện bầu-cử theo lối phổ-thông-đầu-phiếu, phàm người dân Ba-lan, bất-cứ đàn ông hay đàn bà, có đủ công-quyền và tuổi đúng 21 thời được quyền bỏ vé bầu Hạ-nghị-viện, tuổi đúng 30 được quyền bỏ vé bầu Thượng-nghị-viện.

Quân-đội được 125.000 người, chia ra làm 30 sư-đoàn. Hải-quân có hai chiếc tuần-dương-hạm, 6 chiếc phóng-ngư-lôi. Trong Bộ quốc-phòng có dùng quân-quan Pháp làm cố-vấn.

Việc học trong nước thời hiện nay đương chỉnh-đốn cho nhất-trí. Bậc tiểu-học không mất tiền và sơ-học thời cưỡng-bách. Trường sơ-học có 27.500 cái, số học-trò ước 3,200.000. Trung-học có 764 trường, số học-trò 230.000. Học chuyên-môn và học kỹ-nghệ có 586 trường. Các trường đại-học kể như sau này (nói rõ lập từ năm nào và kê số học-sinh năm 1922-1923) :

Trường Đại-học	*Varsovie*	(lập năm 1816)	8.940 học-sinh
—	*Cracovie*	(— 1364)	5.235 —
—	*Lwow*	(— 1[illegible]1)	5.646 —
—	*Poznan*	(— 1903)	3.416 —
—	*Wilno*	(— 1578)	2.202 —
—	*Lublin*	(— 1919)	1.120 —
Trường Cao-đẳng Bách-công	*Varsovie*		3.868 —
—	*Lwow*		2.560 —

Xã-hội Học-viện *Varsovie*.

Trường cao-đẳng xã-hội và kinh-tế-học ở *Lodz* (lập năm 1925).

Trường Đại-học của dân *Ukraine* ở *Cracovie*.

Trường Khoáng-học *Cracovie*,

Trường Mĩ-thuật *Cracovie*,

Trường Thú-y *Lwow*,

Sư-phạm học-viện *Varsovie*,

Pháp-quốc học - viện *Varsovie* (lập năm 1921).

Nói về báo-quán, thì năm 1920 ở Ba-lan có 810 cái báo và tạp-chí, trong số đó thời 658 cái viết bằng chữ Ba-lan. Các báo hằng ngày to nhất là những tờ sau này :

Báo *Gazeta Warszawska*, thuộc về đảng hữu ;
— *Glos Naroda* — hữu,
— *Journal de Pologne*, viết bằng chữ, Pháp,

Báo *Kurjer Polski*, thuộc về đảng cấp-tiến.
— *Kurjer Poranny* — cấp-tiến,
— *Kurjer Warszewska*, tự-do độc-lập.
— *Robotnik* — xã-hội.

Việc trong nước

Tình-hình chính-trị.— Quan Toàn-quyền VARENNE ở Pháp về, đến Sài-gòn ngày 17 tháng 5, ở vài ngày rồi liền đáp tàu lên Hà-nội, ngày 23 tới nơi. Khi đến Sài-gòn và đến Hà-nội, nhân quan Đốc-lý hai tỉnh ấy có đọc tờ chúc mừng, quan Toàn-quyền trả lời vắn tắt mấy câu nói chính-sách ngài không thay đổi, nhưng ngài quả-quyết giữ trật-tự cho yên-ổn, không dung những kẻ nhiễu-loạn cuộc trị-an, vậy xin dân Tây dân Nam phải đồng-tâm hòa-hợp với nhau.

Quan VARENNE mới sang đã sửa đổi lại mấy tơ-tào ở Phủ Toàn-quyền. Tòa chính-trị cũ nay đặt thành ra hai sảnh : một sảnh ngoại-giao và một sảnh dân-chính, thuộc quyền ông Đổng-lý Văn-phòng giám-đốc.

Trong khi về hội-thương bên Pháp, quan Toàn-quyền chú-ý nhất về việc quân-phòng và việc học-chính ; nên bên bộ có phái sang đây một chúc đại-tướng thanh-tra quân Thuộc-địa là tướng CLAUDEL để cùng quan Toàn-quyền bàn định về các vấn-đề phòng-bị và nghe đâu sẽ bàn cả việc tổ-chức một quân-đội bản-xứ có quan võ bản-xứ cai-quản ; bộ lại phái quan nguyên-học-chánh Đông-dương GOURDON để điều-tra về việc học và nghĩ phương-pháp cải-cách.

Ở Nam-kỳ thời mới rồi có mấy ông định hợp « mê-tinh » để kháng-nghị về việc bãi và cấm tờ báo *Tân-thế-kỷ*, nhưng chính-phủ có lệnh cấm không cho họp, lại bắt giam người chủ-trương việc ấy là ông Trịnh Hưng-Ngẫu, biên-tập ở Báo *Tribune indochinoise*. Cũng thuộc về việc báo *Tân-thế-kỷ*, mấy nhà thân-thương có in truyền-đơn gửi khắp Lục-tỉnh để kháng-nghị và yêu-cầu quyền ngôn-luận tự-do, nhưng chính-phủ cũng cho đi dò bắt thu lấy hết. — Khi quan Toàn-quyền VARENNE đến Sài-gòn, ông Bùi Quang-Chiêu và mấy ông nữa muốn họp một bọn người đồng-chí cũng khá đông, để đến chào quan Toàn-quyền, cũng như năm trước ông Nguyễn Phan-Long đã làm hồi ông VARENNE mới sang lần thứ nhất. Nhưng có lệnh ông Thống-đốc Nam-kỳ định rằng các nghị-viên muốn vào chào quan Toàn-quyền thì phải chia ra từng đoàn-thể mà đi chứ không đi đông cả một lúc, thành ra cuộc tiếp-kiến của ông Bùi định tổ-chức không thành. Nghe đâu các ông có ý giận, và bữa các thân-hào Ân-Nam vào chào quan Toàn-quyền, các ông không đi.

Ở Sài-gòn mới rồi lại có lệnh đình-bản một tờ báo mới : *Pháp-Việt-nhứt gia*, vì có bài bị tòa kiểm-duyệt sóa bỏ mà báo ấy cứ in. — Ở Hà-nội tờ *Dân-báo* mới xuất-bản được vài chục số, cũng bị bế-quán.

Ở Trung-kỳ, cái phong-trào học trò bãi-khóa vừa rồi đã êm dần, và tháng mới rồi không có việc gì lạ.

Nam-Phong Tùng-Thư

Nam-Phong Tùng-Thư đã xuất-bản quyển thứ nhất đề là « *Văn-minh-luận* », khảo xét về tính-cách văn-minh đời nay.

Quyển thứ nhì : *Ba tháng ở Paris*, hiện đương in, tháng sau sẽ xuất-bản.

Phần đặc-sắc của bộ *Nam-Phong Tùng-Thư* này là cuối mỗi quyển có mấy chục trang Tự-vựng bằng quốc-ngữ, chữ Pháp, chữ nho, thích nghĩa rõ về các danh-từ mới. — Ngài nào mua từ quyển đầu, sau này họp các phần « Tự-vựng » lại, sẽ thành một quyển « Hán-Pháp-Việt tự-điển » có giá-trị.

Mỗi quyển giá 4 hào, bán ở Đông-kinh ấn-quán. Hà-nội.

Tiền cước gửi về các nơi xa : một quyển 0$16, 2 quyển 0$22, và sau cứ thêm mỗi quyển là thêm 0$06.

Bán ở hiệu Đông-kinh ấn-quán, 80 phố hàng Gai, Hanoi ; bán buôn có trừ huê-hồng.

∴

Giới - thiệu tranh quốc - sử. — *Cách giáo-dục của nước ta xưa nay còn khuyết-điểm nhiều, chính ngay về khoa quốc-sử là cần nhất phải dạy cho trẻ sơ-học, mà xưa nay chỉ dạy sơ-sài, hoặc đọc qua một vài đoạn quốc-sử, thì tài nào mà khải-phát được trí-não cho trẻ con, để cho nó hiểu biết được nòi giống rồng tiên là gây-dựng ra từ đâu, mà non sông gấm vóc là mở-mang tự bao giờ. Vậy nên muốn cho trẻ con chóng hiểu biết quốc-sử, thì dạy bằng sách, không chóng bằng dạy bằng tranh, nó lại dễ gợi thêm được lý-thú ; dạy bằng miệng không diệu bằng dạy bằng mắt, nó lại hay hiểu thấu được tinh-thần. Nay mới thấy hiệu Hoán-Văn mới xuất-bản ra một thứ tranh quốc-sử, vẽ đủ cả từ đời Hùng-vương cho chí các đời Đinh, Lý, Trần, Lê. Xem tranh Trưng-vương, Triệu-Ẩu thì ai cũng kính-phục là bậc nữ trung anh-hùng ; xem tranh Phù-đổng thiên-vương thì ai cũng nức khen là bậc thiếu-niên tài-tướng ; xem tranh Lê Thái-tổ nhảy ngựa trên núi Lam-sơn, còn hơn là xem tranh Lưu Bị chạy xe qua Tân-dã; xem tranh Trần Hưng-đạo bơi thuyền trên sông Bạch-đằng, còn hơn là xem tranh Chu Du phóng hỏa trên dòng Xích-bích. Những bức tranh quốc-sử ấy là tự ông Tạ Đình-Ninh là một nhà danh-họa, [illegible] hội-ý vẽ ra, cũng là có công giúp về việc giáo-dục cho lũ đồng-ấu. Mỗi một bức tranh lại có diễn đủ cả lịch-sử bằng chữ quốc-ngữ, để ai xem tranh mà đọc qua lịch-sử thì dễ hiểu ngay, nhất là trẻ con thì lại càng thích xem lắm, vì các bức tranh vẽ thì cũng sặc-sỡ đủ mùi, thực là vui mắt. Nhưng nếu vẽ các vua đời cổ thì cách sống-áo ăn-mặc phải mộc-mạc chất-phác, thì mới khỏi lạc mất tinh-thần, chắc rằng dần-dà sửa-sang sau này có lẽ hoàn-bị hơn. Giá mỗi bức nhỏ hai xu, bức lớn toàn cả bốn tích tám xu, bán tại hiệu Hoán-văn Hàng Bông Hà nội.*